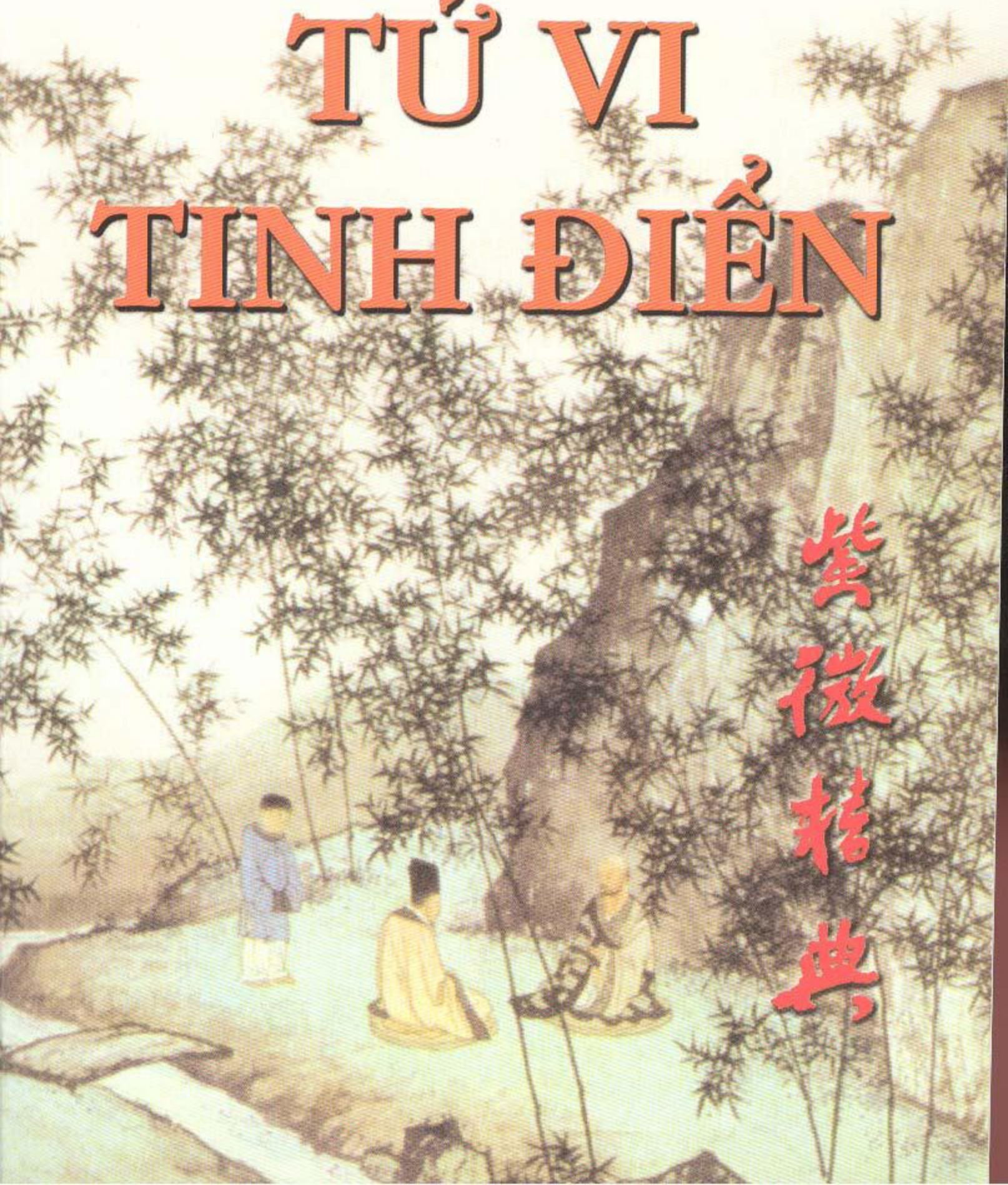


VŨ TÀI LỤC
Sưu Khảo

TỬ VI TÌNH ĐIỂN

紫微
精
典



Vũ Tài Lục
SƯU KHẢO

TỬ VI
TÍNH ĐIỂN

LUẬN VỀ CÁC SAO TRONG TỬ VI

LỜI NÓI ĐẦU

Bước sang thế kỷ 21, nói chuyện số mệnh có phải là lỗi thời không? Trí óc con người nhờ khoa tin học đã được trang bị những hiểu biết thật rộng rãi, vượt hẳn những gì con người thu thập khi còn ở trong thế kỷ 20 từ thiên nhiên đến xã hội, chính trị... Ta đang ở trong dòng sông lớn của tin học được coi như sức mạnh vạn năng làm lại sinh hoạt trên trái đất. Vậy thì hãy ngồi trước bàn máy tính để tìm hiểu, phân đầu; chuyện mệnh số nên coi như nắm xương khô của mấy chục thế kỷ trước.

Lập luận trên là sai lầm! Vì chỉ bằng quan điểm khoa học, xem mệnh tướng là hoang đường và mê tín vì đã chẳng hiểu sâu xa những kiến thức đến từ số mệnh học. Lưới tin học giăng xa khắp thế giới, cho con người đủ mọi tin tức và hiểu biết ngay tức khắc khi một sự việc xảy ra ở bất cứ nơi nào trên địa cầu. Duy có một hiểu biết mà “hệ thống internet” không thể cung cấp được là hiểu biết và nhận thức về chính bản thân mỗi người trong chúng ta.

Tại một ngôi đền ở thành Athens có khắc một câu châm ngôn của các nhà hiền triết Hy Lạp cổ thời “HÃY NHẬN THỨC BẢN THÂN MÌNH.” Châm ngôn ấy chính là cơ sở của tất cả các loại mệnh số học từ trước tới nay, ở bất cứ đâu. Tôi nhắc lại ba chữ mệnh số học để nói rằng những khoa thuộc loại này đã được kẻ là là một học vấn tồn tại, lưu truyền từ mấy ngàn năm, được phân tích, nghiên cứu kỹ lưỡng. Xã hội loài người càng tiến hóa càng phức tạp, vì tiến hóa chính là một nhu cầu để giải quyết phức tạp. Thời hồng hoang chưa có số mệnh nhưng chưa có đạo đức, chưa có văn hóa, chưa có hệ thống cơ chế; vẫn có số mệnh nhưng chưa có

số mệnh học vì con người chỉ biết vái trời mà cầu đảo, mọi sự trông vào lời giả quyết của những cúng kiến mang tính chất thuần tôn giáo, mê tín.

Thoát khỏi cuộc sống ăn lông ở lỗ, bước vào sinh hoạt văn hóa, đạo đức và cơ chế, đường đi nước bước của hành động dần dần thay thế tình trạng tuyệt đối tùy thuộc tùy thuộc ông trời và bọn thầy cúng, số mệnh con người được đem ra xem xét cặn kẽ để hình thành khoa số mệnh học. Kinh Dịch chính là một trong những bộ sách cổ của số mệnh học trong cái tinh thần “Hãy nhận thức bản thân mình”. Khi văn vương lập Bát Quái bắt nguồn từ tìm thấy ở Lạc Thư HFigure là Hồ, một công thức toán nguyên thủy viết trên những ô vuông như mai con rùa gồm chín ô (như bàn cờ tướng). Mỗi ô viết một chữ số thành ra số 15 gồm mỗi ô cộng lại, cho bất cứ hướng nào, ngang dọc chéo như sau:

4	9	4
3	5	7
8	1	6

Tổ chức xã hội với các mặt cơ chế chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa tinh vi bao nhiêu thì số mệnh học con người càng hiện rõ bấy nhiêu. Quyền cao chức trọng, luân lạc giang hồ, giai nhân mệnh bạc, bất phong trần phải phong trần – cho thanh cao mới được phần thanh cao. Vương Khải, Thạch Sùng, Bill Gates, Turner, công nương Diana... đều mang số mệnh riêng biệt.

Dịch là chuyển biến, thay đổi không ngừng. Toàn vũ trụ không lúc nào không chuyển dịch, biến đổi. Chuyển đổi là nguyên động lực đẩy quay bánh xe số mệnh và con người ở trần thế này. Tốc độ biến dịch mỗi thời kỳ một mau hơn. Con người cần nhận thức được bản thân để thích ứng hoặc trực diện đương đầu, hoặc tránh né để chờ thời mà thực hiện tốt cuộc tranh sống với hoàn cảnh thiên nhiên, hoàn cảnh xã hội.

Khả năng của lưới tin thời đại chỉ lan xa, mở rộng và chỉ xuất hiện mới đây; nhưng tấm lưới của số mệnh đã có từ khi hình thành vũ trụ, chẳng những bao la, xa rộng mà còn thâm sâu vào đời sống vạn vật. Lưới tin chỉ có thể cho ta biết những gì đang xảy ra, đã xảy ra nhưng lưới của số mệnh Nostradamus phát hiện được những gì sẽ đến sau cả trăm năm. Nếu không dùng số mệnh học để giải đáp, chúng ta sẽ không thể hiểu tại sao?

Vở kịch La Mouette của Anton Tchkoov lần đầu trình diễn là một thất bại thê thảm đến nỗi tác giả phải bỏ trốn để không bị nghe những lời mạt sát, công kích. Nhưng chỉ ba tháng sau thôi, hào quang của vở kịch chẳng những bao trùm nước Nga mà còn chiếu sang ra toàn thế giới, mà lần trình diễn thứ hai vở kịch đã không hề được gọt dũa hay thay đổi dù một chữ.

Gần hai chục năm, mạng lưới số mệnh đã bủa vây công nương Diana, từng lớp từng lớp, cuối cùng đưa tới cái chết thê thảm của bà giữa lúc mà kỹ thuật lưới tin phát triển rầm rộ. Vậy thì nói chuyện số mệnh vào lúc này khi nhân loại bước sang kỷ nguyên kỹ thuật lên cao nhất, kinh tế toàn cầu phức tạp nhất trong lịch sử lại là hợp thời.

Phương Đông không dùng hai chữ định mệnh mà dùng số mệnh. Như Tử Vi Đẩu Số, Mai Hoa Dịch Số. Mở đầu bộ Kinh Dịch là thấy ngay những con số như Thái Cực Sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi Sinh Tứ Tượng và sáu mươi bốn quẻ dịch. Ngôi vua được gọi là ngôi Cửu Ngũ, căn cứ và hệ từ qua quẻ càn” Cửu Nhũ, Phi Long Tại Thiên.” Dùng số cốt để chỉ một bài toán có thể tính ra, tìm thấy. Nếu kẻ là định mệnh thì đành chỉ bó tay chịu thôi.

Tam Quốc Chi Diễn Nghĩa kể mấy chuyện về trận Xích Bích như Gia Cát Lượng đã tính ra ngày sương mù để sản xuất những mũi tên lấy từ kho vũ khí của Tào Tháo; tính thời gian có gió đông để đánh chiến thuyền của quân Ngụy bằng hỏa công và còn rất nhiều chuyện tương tự rải rác ở các sách khác hoặc từ văn học dân gian.

Lịch sử nước ta có mấy câu kể vào loại “nhất ngôn hưng bang” ảnh hưởng lâu dài đến vận mệnh của cả nước đều bắt nguồn từ tính toán mệnh số:

-Lúc họ Trịnh toan cướp ngôi Lê sai người vào hỏi ông Trạng Trình. Ngài trầm ngâm chẳng muốn bàn thảo thẳng vào vấn đề. Các sứ giả của Trịnh lặng yên ngồi chờ thì bỗng Trạng Trình sai bảo người nhà một điều: “Hãng quét dọn sạch sẽ nơi thờ tự vào chùa thờ Phật thì được ăn oản” chỉ một câu ấy thôi rồi ngài xin phép các sứ giả vào nghỉ. Sứ giả về tâu trình lại với chủ, họ Trịnh hiểu ý, không đoạt ngôi vua Lê nữa mà chỉ xưng là chúa nhưng quyền hành đã nắm hết trong tay. Câu vào chùa thờ Phật thì được ăn oản đã khiến cho nước hết loạn, dân được yên. Nếu Tranh đoạt ngôi Lê thì cái thù của dòng họ còn kéo dài và giết chóc chưa chấm dứt.

-Một lần khác khi Nguyễn Hoàng bị chúa Trịnh chèn ép bèn sai gia nhân đến thỉnh ý Trạng Trình. Ngài bảo: “Hoành Sơn nhất đại vạn đại dung thân (Dãy núi Hoành Sơn có thể dung thân vạn đời.)” Nguyễn Hoàng hiểu ý xin với chúa Trịnh cho mình đi trấn thủ phía Nam, một nơi mà chúa Trịnh coi là tử địa cho Nguyễn Hoàng. Thế nhưng Nguyễn Hoàng từ đây đã mở mang bờ cõi cho nước ta, trải dài tới đến Cà Mau.

Trạng Trình, một nhà số mệnh học uyên thâm, cụ đã tính và nhìn thấy rõ chẳng những tương lai của một người, một dòng họ mà còn tương lai của một dân tộc. “Vào chùa thờ Phật thì được ăn oản” là câu nói tạo nên một thời an dân. “Hoàng Sơn nhất đại vạn đại dung thân” là câu nói hưng bang, mở mang bờ cõi.

Các lời tiên tri của Nostradamus thiết tưởng tất cả mọi tin tức của ngành tin học cho dù có lúc nó phát triển cao độ nhất chắc chắn cũng vẫn chẳng theo kịp. Họ Trịnh, họ Nguyễn đã được Trạng Trình chỉ bảo mà nhận thức ra chính mình đối với tình thế trước mặt. Nhận thức ấy đã ảnh hưởng rất lớn cho đất nước đương thời và những thế hệ mai sau. Alexandra không chết tại trận tiền đẫm máu và đầy thây

người, nhưng đã lia đời bởi một căn bệnh không lấy gì làm độc hại. Cesar đã gục ngã ngay ngưỡng cửa thương viện bởi những lưỡi dao của người bạn ma ông rất tin cậy, quý trọng Brutus. Napoleon tạ thế trong trại giam khi bị lưu đầy ra đảo Saint Heleneb bởi chứng đau bao tử (cũng có giả thuyết nói ông bị đầu độc.) Napoleon từng nói: “Giữa cái ngổ nghếch lồ bịch và cái vĩ đại huy hoàng chỉ cách nhau gang tấc.”

Những vĩ nhân lịch sử kể trên, họ từng đi rất xa để chinh phục thế giới rộng lớn và rồi họ đã gặp những cái chết như lời ghi trên một bản viết tìm thấy dưới hầm tòa thánh thế kỷ 15 “ Va où tu veux, meurs où tu dois (người muốn đi tới nơi nào tùy ý, nhưng cuối cùng người sẽ phải chết ở chỗ đã định sẵn.)” Sự trớ trêu và điều trớ trêu chính là một bộ mặt ẩn dấu của số mệnh.

-Sau khi họp với các tướng lãnh thảo luận về chiến dịch tấn công Nga Xô Viết, Hitler lên máy bay trở về đại bản doanh tại tư dinh ông ở Rastenburg, bay gần đến nơi thì máy bay ngộ nạn. Một số tùy tùng chết riêng ông thì hôn mê nửa năm. Cuộc chiến với Nga ngay lúc khởi sự đã gặp trục trặc, ảnh hưởng đến cả tương lai lịch sử thời ấy. Thiếu Hitler, các tướng không đồng ý chặt chẽ được với nhau, các tướng cũng không phục thống chế Goering mà Hitler có ý định chọn làm người kế vị. Bởi thế chiến dịch Barbarossa đã không thành công trước mùa đông để rồi thất bại.

-Ông Buachau người Thái Lan được cả thế giới coi là ông vua rắn. Nhưng ông lại đã chết vì rắn cắn sau khi hưởng danh hiệu vua chưa đầy 3 năm. Lý do ông chết chỉ tại người thân thuộc không đưa ông tới nhà thương ngay vì họ nghĩ ông là vua rắn, làm sao chết bởi rắn cắn được.

Sách Truyền thế ngôn có câu:

Thời cùng thế kiến chi nhân, đương nguyên kỳ thực tâm

Công thành danh lập chí sĩ, đương quan kỳ mạt lộ.

(Người ở vào cái thế cùng kiệt mà không đánh mất nhiệt tâm phấn đấu.

Người đang lúc công thành danh toại hãy nhìn ra lúc
mạt lộ của mình .)

Câu này đáng để ta suy ngẫm về cái triết lý của mệnh
số.

Ba Khái quốc công thần đời Hán: Tiêu Hà, Hàn
Tín, Trương Lương

Tiêu Hà bị ngục hình chết trong tù

Hàn Tín bị chu di

Trương Lương thoát chạy lên núi tu tiên

Sở dĩ Trương Lương sắp xếp ăn toàn tình cảnh mạt lộ
của mình chính là nhờ ông giỏi khoa toán mệnh.

LỜI DẪN:

Luận đoán một lá số phải căn cứ vào các sao đã an qua lề lối được ấn định bởi ngày giờ năm tháng sinh. Ta thấy hơn một trăm sao từ chính tinh đến phụ tinh như Tử Vi, Thiên Phủ, Kinh Dương, Đà La, Văn Xương Văn khúc, Cô Thần Quả Tú...

Như vậy có phải khoa Tử Vi liên hệ đến thiên văn không? Nhất là lại nhắc tới các hệ nam đẩu với bắc đẩu tinh.

Khoa Tử Vi không dính dáng gì đến Thiên Văn. Những sao ấy chỉ là những hư tinh dùng làm ký hiệu cho sự lập thành lá số, cũng như trong khoa kham dự (địa lý) dùng Phá Luân, Liêm Trinh, Cự Môn để chỉ hình thù của một thế trái đất. Nhiều người vẽ rắn thêm chân cho rằng tinh hệ của tử vi đẩu số còn liên quan cả đến từ trường...

Cuốn sách này chỉ diễn dịch cho rõ rằng cổ nghĩa đã ghi ở các bài phú câu phú của cổ nhân mà thôi. Tỉ dụ khi nói về Hòa Tinh Linh Tinh, người xưa bảo "Hòa Minh Linh Âm" thì thế nào là minh, thế nào là âm cho rõ trắng đen để người đọc dễ dàng nắm được then chốt. Ở đây cũng tìm hiểu thêm lý do tại sao Không Kiếp lại khởi từ cung Hợi mà tính đi, tại sao Khúc Xương lại từ Tuất Thìn, tại sao Tứ Hóa lại bắt đầu từ Hóa Lộc đến Quyền đến Khoa và sau cùng là Kị.

Số với lý phải gắng liền

Số thiếu lý thì số khó đứng vững.

Ngoài ra là ít nhiều tìm tòi về những sao có ghi trong sách vở bên Trung Quốc mà không hề được nhắc tới khi khoa Tử Vi truyền qua nước ta như: Âm sát, Quan sát, Tuế dịch, Phan án, Túc Thần, Thiên sát, Chi bối, Nguyệt sát, Vọng thần...

CÁC CẤP SAO

Chư tinh có hai hệ: Bắc đẩu và Nam đẩu

Tử Vi dẫn đầu Bắc đẩu hệ

Thiên Phủ dẫn đầu Nam đẩu hệ.

Rồi đến các sao cấp hai như Xương Khúc, Tứ Hóa, Kinh Đà, Linh Hỏa, Tuần Triệt không vong, bộ tam minh Đào Hồng Hi...

Sao cấp ba là hệ Lộc Tồn, Trảng Sinh, Thái Tuế.

Sao cấp bốn như Riêu Hình, Kiếp Sát, Long Phượng, Thai Tọa...

Sao tính theo năm, theo tháng, theo ngày và theo giờ.

Sao tính theo năm còn chia ra Can với Chi, như Lộc Tồn theo Can, Linh Hỏa theo Chi.

Thời cổ lập luận lấy năm làm gốc rễ, tháng là mầm mống, ngày là hoa, giờ là quả; cho nên năm được coi làm thần dẫn đạo. Đến đời Từ Tử Bình mới bác bỏ luận cứ trên vì năm làm thần dẫn đạo tính số không được chính xác, phải lấy ngày làm thần dẫn đạo mới đúng. Từ đấy đến nay không được thay đổi nữa.

Khoa Tử Vi cũng lấy ngày làm chủ như Từ Bình. Lập cục rồi tìm Tử Vi theo ngày. Cội nguồn của số lý là Đạo gia không phải Nho gia vì Nho gia không đặc nặng lẽ chí huyền chí vi. Âm Dương Ngũ Hành gần với Đạo gia hơn Nho gia. Khi Khổng Khâu giảng kinh dịch, ông bẻ công vào khuynh hướng chính trị và nhân luận vốn là tư tưởng căn bản của Nho. Dịch vào lý số lại đi theo con đường khác hẳn. Nhưng không phải Nho gia không ảnh hưởng vào lý số. Mười hai cung trên lá số gồm Mệnh, Bào, Tử, Tài, Tật, Thiên, Nô, Quan, Điền, Nô, Phúc, Phụ chính là tổ chức của Nho gia. Ý nghĩa nhân luận của Nho gia được dùng làm cơ sở thực tế để luận về số mạng. Nho gia có lục nghệ: Lễ, Nhạc, Sạ, Ngự,

Thư, Số để phân định văn với vũ khí các sao của khoa Tử Vi cũng chia ra văn và vũ. Sự suy đoán một lá số Tử Vi xuất hiện khá nhiều sắc thái Nho.

LUẬN VỀ SAO TỬ VI:

Tử Vi thuộc âm thổ, chủ tinh của hệ Bắc đẩu. Về hiện tượng Tử Vi, đứng bậc chí tôn còn gọi là đế tòa (như vị vua). Khi luận về Tử Vi, điểm tối trọng yếu là phải thấy được những sao phò tá cho chủ tinh này. Như cổ ca viết:

Tử Vi nguyên thuộc thổ
Quan lộc cung chủ tinh
Hữu tướng vi hữu dụng
Võ tướng vi cô quân.
(Sao Tử Vi vốn thuộc thổ
Chủ quan tước quyền vị
Có bề tôi thì mới hữu dụng
Như vua mà không triều đình.)

Những sao tá tinh đứng ở đâu? Ở hai bên hoặc theo tam hợp chiếu gọi là giáp hay hiệp, hoặc đứng cùng. Tỉ dụ Tử Vi đứng giữa hai cung bên có Tả Phụ Hữu Bật Xương Khúc. Hoặc Tử Vi cùng Tả Hữu đứng chung một cung, hoặc tam hợp xung chiếu là Tả Hữu.

Tử Vi thiếu Tả Hữu là cô quân. Vua phải có quần thần mới thành quyền lực, mới uy nghi. Quần thần là những sao nào? Tả Phụ, Hữu Bật, Thiên Khôi, Thiên Việt, Văn Xương, Văn Khúc, Hóa Lộc, Hóa Khoa, Thiên Mã.

Nếu không có quần thần lại còn gặp nhiều hung tinh tức là đế ngộ hung đồ (vua gặp kẻ cướp) hoặc “quân tử tại dã tiểu nhân tại vị” (vua bị đám gian thần tiểu quân uy hiếp). Đế tinh trở nên vô dụng còn gặp nguy hại nữa.

Hung đồ tiểu nhân là những sao nào? Kinh Dương, Đà La, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Địa Không, Địa Kiếp, Tham Lang, Tuần Triệt. Đừng quên rằng những sao kể trên chỉ là hung đồ tiểu nhân đối với Tử Vi thôi. Ở một số trường hợp khác, chúng lại thành cực tốt.

Sách Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có câu: Quần thần khánh hội, phú quý song toàn (vua tôi hợp hội, giàu sang).

Cách này là cách Tử Vi gặp đầy đủ sao phò trợ. Như Tả Hữu làm tướng súy; Thiên Tướng Xương Khúc làm phụ tá; Khôi Việt làm quan truyền lệnh; Thiên Phủ làm tướng súy; Thiên Phủ làm quan coi kho, binh lương; Lộc Mã làm quan giữ sổ bộ phong chức tước.

Trong “Chư tinh văn đáp”, Trần Hi Di tiên sinh viết: “Tử Vi là đế hoa, ở mọi cung đều có khả năng giáng phúc tiêu tai, hóa giải những hung ác của các sao khác; khả dĩ chế ngự hỏa tinh, có năng lực biến thất sát thành quyền, hợp cùng với Thiên Tướng, Thiên Phủ đều thành sang quý, nếu không thế lực thì cũng giàu có, dù gặp Tứ Sát phá vẫn xem là trung cục hoặc bình thường chứ không đến mức thấp kém, hạ tiện.

Sang đến “Cổ Ca” lại thấy một câu khác: “Tụ hội với Kinh Dương Hòa Linh biến thành loại ăn trộm, ăn cắp vặt”. Thế là thế nào? Hai câu mâu thuẫn nhau? Thật ra không mâu thuẫn. Tử Vi phải đi cùng với sao tốt khác đã, rồi gặp Tứ Sát mới là trung cục. Còn như gặp toàn sát tinh không tất nhiên thấp kém, hạ tiện.

Trường hợp Tử Vi đứng một mình tại Ngọ cung và Tí cung (đứng Ngọ đẹp hơn) tất có Thiên Phủ Thiên Tướng chiếu lên hội hợp, sách gọi bằng cách Cục Ưởng Ly Minh (Cục là tên gọi khác của Tử Vi, Ly là cung Ngọ). Các Cục Ưởng Minh dù không đến nổi ra cái thân phận cô quân.

Chỉ xem thế cung mà thấy nhiều đào hoa tinh thì dễ bị vợ lừa. Vào số nữ thì khác, thường chỉ là chồng kém mình trên địa vị học vấn hoặc tiền bạc. Phủ, Tướng trong cách “Cục Ưởng Ly Minh” đã góp phần nào cho sự cân bằng lực lượng chồng với hung sát tinh.

Căn cứ vào câu phú: “Tử Vi cư Tí Ngọ, Khoa Quyền Lộc chiếu tới vi kỳ”, Tử Vi Tí Ngọ gặp thêm Khoa Quyền Lộc thì cán cân lực lượng ngã về Tử Vi, ác thế lực cũng phải nhường bước.

Tử Vi thủ Mệnh an ở Ngọ
Không Sát tinh chức có tam công.

Tử Vi Thiên Tướng đồng cung (Thìn - Tuất) đương

nhiên Thiên Phủ chiếu hội, nhưng cách cục này không hay bằng Tí Ngọ Tử Vi hội chiếu Phủ Tướng (Phủ Tướng triều viên). Tử Tướng Thìn hay Tuất hãm vào Thiên La Địa Vọng khó khăn hơn, nhất là vào số nữ không tránh khỏi vất vả.

Tử Vi Phá Quân, Tử Vi Thiên Tướng thủ Mệnh nữ, việc trăm năm không suông sẻ, lận đận chồng con. Tử Vi Phá Quân đóng Mệnh bị Liêm Tham Tị hoặc Hợi xung chiếu. Tử Vi Thiên Tướng đóng Mệnh, Phụ cung, Tham Lang hội Liêm Trinh ở Dần hoặc Thân. Liêm Tham là hai sao mang tính chất sắc tình rắc rối, bởi vậy nên vấn đề gia thất không êm.

Bây giờ bàn riêng về Tử Vi Phá Quân. Tử Vi Phá Quân đi cặp chi thấy ở hai cung Mùi và Sửu. Phá Quân là sao xung phong hãm trận, đi với Tử Vi được tính như vị tướng dũng mãnh. Tử Vi ra hiệu lệnh, Phá Quân thi hành.

Muốn không chế Phá Quân, Tử Vi cũng cần một trí lực cao. Do đó Tử Phá đóng Mệnh bất luận nam hay nữ đều là con người quyết đoán, chí phấn đấu sôi nổi, can trường li lợm, phiêu lưu, không thủ cựu, có đời sống hiếu động nhiều màu sắc.

Số trai Tử Phá dễ đi vào chính giới hay quân giới nếu gặp cơ duyên. Được Hóa Quyền Tả Hữu Kinh Dương là thành công. Tuy nhiên cuộc sống bôn ba thăng trầm. Tử Phá ra kinh doanh cũng đắc lực nhưng không bền vì nguyên tắc tiền bạc cần phải an định mới tụ để phá triển lớn.

Tử Phá nữ mệnh, người đàn bà tháo vát, ngang ngạnh bướng bỉnh, dám làm dám chịu, riêng về tình ái rất tùy tiện, tính dục mạnh. Sách mới có câu:

Tử Phá Tham Lang vi chí dâm

Kìa nữ mệnh xem tướng cách cuộc

Tử Phá Tham hội ước đa dâm.

Tử Phá và Tử Vi Tham Lang (tức cách Đào Hoa phạm chủ). Nam mạng Tử Phá mà tuổi Sửu, Mùi, Thìn Tuất vào quân giới chính trị hay hơn các tuổi khác (Qua kinh nghiệm thôi. Sách vở không nêu lý do tại sao).

Tử Phá nữ mệnh đối với hiện đại tốt hơn thời xưa vì

hiện đại người đàn bà được trọng qua sự nghiệp hơn là qua hôn nhân theo quan niệm tự do phóng khoáng là hạnh phúc.

Về cách Tử Vi Tham Lang đóng Mão và Dậu, cách này cổ thư gọi bằng Đào Hoa phạm chủ. Tử Vi là chủ, Tham Lang là Đào Hoa. Tham Lang ví như Đất Kỵ, Tử Vi ví như Trụ Vương. Tham Lang như Tây Thi, Tử Vi như Phù Sai.

Tử Tham nữ mạng đa tình hiếu dâm. Tử Vi nam mạng dễ rơi vào lụy tình, bẫy tình, đại gái, mê gái. Sách có câu: Tử Tham Mão Dậu gặp Kiếp Không Kinh Đà Linh Hòa thường đi vào đường tu hành. Tu hành nên hiếu theo nghĩa nghĩa khác nhau. Lão kỹ đầu thiên về già đi tu, hương nhang thờ cúng cũng kể làm thoát tục. Nhiều chồng rút cuộc năm không cũng kể là tăng. Cả đời toàn gặp thất bại, lấy cho lắm vợ cuối cùng ngồi tro thân cụ, đây là kết quả của Tử Tham tứ sát Kiếp Không trong Mệnh cung của lá số.

Tử Tham Tứ Sát tâm thần sinh ra chán nản thường trực. Không cứ phải cạo tóc đầu hay khoát áo nhà tu mới là thoát nhục, mới là tăng lữ.

Cách Tử Tham nếu chỉ gặp Hòa hay Linh tinh tránh được Hình Đà Không Kiếp thì tốt hơn. Trong khi cách Tử Vi Phá Quân gặp Linh Hòa lại không tốt mà gặp Kinh Đà lại hay như câu Phú: Tử Phá thủ Mệnh Ngọ Dương Đà, tiện khư kinh thương (hội Dương Đà vào kinh thương hoành phát).

Cổ nhân còn đưa ra câu phú sau đây: Tử Vi ngộ Phá Quân ư Thìn Tuất Sửu Mùi tứ mộ cung, vi thần bất trung, vi tử bất hiếu (Tử Vi gặp Phá Quân ở bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi làm bề tôi trung, làm con bất hiếu).

Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn hay Tuất đều gặp Phá Quân ở Tuất hay Thìn. Còn Tử Vi Sửu Mùi đương nhiên đứng bên Phá Quân.

Tử Phá Sửu Mùi vào quân giới, chính giới đạt ước nguyện, hai giới này sự phản phúc bất trung chẳng khác gì chất dẫn hỏa chỉ chờ có lửa liền bốc cháy, bởi vậy không nên dùng người mang số Tử Phá làm tâm phúc.

Tử Vi Thiên Tướng gặp Phá Quân ở cung xung chiếu

cũng thế. Chỉ khác nhau ở điểm Tử Phá thì tự mình tạo phản, còn Tử Tướng thì nghe theo người làm phản. Một đảng do tham vọng, một đảng gió chiều nào ngả chiều ấy.

Còn vấn đề làm con bất hiếu? Bản chất con người Tử Phá không bao giờ chịu ước thúc trời buộc, làm việc chỉ hoàn toàn tự ý, vì lợi hay vì vợ dụ mà bất hiếu do cái lòng ích kỷ và ba phải.

Số nữ Tử Phá thủ mệnh bậc làm cha mẹ phiền lòng hơn Tử Tướng. Số nam ngược lại Tử Phá bướng, phiêu lưu, gây tai tiếng, gây sáo trộn, phá rối kỷ cương nhưng một ngày nào đó thành công.

Nam mạng Tử Vi Thiên Tướng, phụ mẫu cung Thiên Lương hãm tại Tị hoặc Hợi. Thê cung Tham Lang bất hiếu nặng hơn như mê vợ mà quên công ơn sinh thành (Thê hội chiếu Đào Hoa) hoặc bỏ quê hương gia đình lưu lạc; hoặc phụ mẫu sớm xa trần thế, muốn ân trả nghĩa đền không được.

Tử vi Thiên Tướng không thành công bằng Tử Phá. Sách ghi câu: Tử Vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, phú quý hư danh. Hư danh là không thực, hảo huyền.

Nói đến Tử Vi, Thiên Phủ đồng cung. Cách này hiện lên chỉ ở hai cung Dần và Thân.

Phủ ghi mấy câu:

Tử Vi Nam Hợi Nữ Dần cung, Nhâm Giáp sinh thân phú quý đồng

Tử Vi Thiên Phủ toàn y phụ bất chi công

Tử Phủ đồng cung chung thân phúc hậu

Tử Phủ, Nhật Nguyệt cư vương địa, đoán định công hầu khí.

Câu thứ nhất Tử Vi Nam Hợi không có Thiên Phủ đồng cung, đó là cách Tử Vi Thất Sát với cung xung chiếu là Thiên Phủ. Chỉ có Dần cung mới đứng cùng Thiên Phủ thôi.

Vậy thì số gái Tử Phủ mà tuổi Nhâm Giáp giàu sang là bởi tại tuổi Giáp Lộc tồn đóng Dần, hội với Hóa Lộc đứng bên Liêm Trinh và Hóa Khoa đứng với Vũ Khúc. Hội đủ Khoa Quyền Công Lộc: Tuổi Nhâm Quyền Khoa ngay tại

mệnh, và Lộc tồn nhị hợp từ Hợi Câu hai con như gắm thêm hoa, đã khoa Quyền Lộc còn cả Tả Hữu càng đẹp, đã sang trọng giàu có còn quyền thế.

Câu ba ý chỉ dù không phải tuổi giáp Nhâm cũng có đời sống bình ổn vững vàng.

Câu bốn nói điều Tử Phủ đồng cung tại Thân tốt hơn tại Dần, vì Thân thì Thái Dương Thái Âm đắc địa trợ giúp cho vận trình, trong khi ở Dần, Thái Dương Thái Âm vào thế hãm (chỉ riêng cho tuổi Giáp).

Có một luận cứ đáng ghi nhận nói: Tử Phủ đồng cung hội tụ cả hai chủ tinh Bắc và Nam đầu, như vậy thái quá nên dễ cô đơn. Trường hợp Mệnh Phụ mẫu, Phụ chịu ảnh hưởng Cô Thần Quả Tú càng nặng dễ ly hôn, góa bụa, hoặc sớm khuyết cha mẹ.

Chuyển qua cách Tử Vi Thất Sát. Cách này chỉ hiện lên ở hai cung Ty và Hợi. Trần Đoàn tiên sinh viết: Tử Vi năng hóa Thất Sát vi quyền. Tử Vi đứng bên Thất Sát thế vị oai nghiêm, hùng tâm vạn tượng, như vị hoàng đế xuất chinh có bày tướng giỏi.

Tử Vi Thất Sát khả năng hành động cũng như khả năng suy tưởng kế hoạch đều giỏi, tham vọng cao, vào bất cứ lãnh vực nào học vấn, kinh doanh, chính trị, quân sự, kỹ nghệ đều được. Thành tựu lớn hay nhỏ, cao hay thấp còn tùy thuộc các phụ tinh. Nếu nhiều phụ tinh tốt thì chức trọng quyền lớn, địa vị chức nghiệp khá kính.

Tử Vi Thất Sát có Hóa Quyền thế lực càng lớn. Phú nói: Tử Vi Thất Sát Hóa Quyền phản tác tinh tường (Tử Sát mà gặp Hóa Quyền lại thành hay đẹp). Tại sao dùng hai chữ phản tác? Bởi tại Tử Vi không Thất Sát mà chỉ Hóa Quyền tự mình không điều khiển được Quyền sẽ đưa đến hung hiểm.

Tử Vi hợp với Lộc Khoa Khôi Việt Tả Hữu hơn đứng riêng với Hóa Quyền. Tử Vi Thất Sát thủ Mệnh gặp Tuần Triệt uy thế bị giảm nhiều, thành công với hư vị, không có thực quyền. Như Phú nói: Tử Vi Thất Sát gia không vong, hư danh thụ ẩm.

Tử Vi Thất Sát vào số Nữ thường được chồng nể vì do tài điền khiến gánh vác. Nhưng Tử Sát nam mạng thì vợ quán xuyên.

Vai trò Thiên Phủ từ cung xung chiếu của cách Tử Vi Thất Sát chỉ là phụ họa vào cái tốt đã sẵn thôi. Về hình thái và tính nết của Tử Vi có những điểm sau: Tử Vi người đầy đặn, mặt vuông vắn hoặc tròn. Tử Vi có một sở đoản trên tính tình, ưa nghe lời phiến đông, khoán nịnh, đôi lúc kiên căng, và dễ phụ hội với kẻ quyền thế, hay biến tâm, bản chất tương đối trung hậu nhưng khí lượng hẹp hòi, thiếu anh hùng bản sắc. Có khuynh hướng năm thế bầy thiếp.

Trong Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có đoạn viết:

Tử Vi viên hội cát tinh lâm

Nhị hạn phùng chi phúc lộc hưng

Thương nhân đắc ngộ đa tài phú

Quan quý phùng chi chức vị thăng.

Tử Vi nhập hạn bản vi tường

Chỉ khứng tam phương Sát Phá Lang

Dân thứ phùng chi đa bất lợi

Quan viên lạc hãm hữu kinh thương.

Nghĩa là: “Vận hạn gặp sao Tử Vi, thương nhân phát tài, làm quan thăng chức. Tử Vi là sao đem may mắn đến. Nhưng nếu gặp thêm với Thất Sát, Phá Luân Tham Lang thì lại không tốt. Kẻ dân giả bất lợi, người chức vị khó khăn.

Sát, Phá, Tham đây là Tử Sát, Tử Phá và Tử Tham ở cung vận hạn. Không hẳn gặp những sao ấy sẽ bất lợi với khó khăn. Vì Tử Sát, Tử Phá thường gây ra biến động. Thời xưa con người sợ biến động. Nhưng thời nay biến động là cần thiết.

Thấy Tử Sát, Tử Phá ở vận trình hoặc tiểu hoặc đại vận mà hay tốt lên thì mừng chứ sao lại lo ngại. Những câu cổ ca trên không lấy gì là đúng cho hiện đại.

Về sao Tử Vi còn thấy những câu phú khác không ghi trong toàn thư mà của những nhà tướng số đời sau ghi lại qua

kinh nghiệm.

*Đế tọa ly cung tam Kỳ Hình Ân Khôi Xương Hồng Bát, mỹ mạo tài hung, hạn hữu Cự Sát Đà Linh, Chu Du cam hạn mệnh vong.

(Tử Vi đóng Ngọ hội hợp với Khoa Quyền Lộc, Hình, Tứ, Ân, Khôi, Xương, là người tài giỏi, tướng mạo khôi ngô, nếu gặp vận hạn có Cự, Sát, Đà, Linh (Cự Môn, Đà La, Linh Tinh hoặc Thất Sát, Đà La, Linh Tinh) thì giống như Chu Du đời tam quốc nuốt hận mà chết).

*Đế lạc nhàn cung, gia Khúc Xương đa ngôn giáo hoạt.

(Tử Vi đóng Tí, Mão, Dậu hội tụ với Xương Khúc thì giáo hoạt và ưa nói quá sự thực.)

Trong khi Đẩu Số Toàn Thư có câu: “Tử Vi Quyền Lộc ngộ Dương Đà tuy hoạch cát nhi vô đạo” nghĩa là Tử Vi có Quyền Lộc nên danh có của nhưng nếu gặp thêm Dương Đà nữa thì tâm chất bất nhân vô đạo.

- Tử Vi mạc phùng Kiếp Không Hồng Đào nhập Mệnh giảm thọ. (Tử Vi mà gặp Kiếp Không, Hồng Đào tại Mệnh tất không thọ).

-Tử Phủ đồng cung, Tuần Không xâm nhập, đế vô quyền nan giải hung tinh hạn ngộ. (Tử Vi Thiên Phủ tại Mệnh, bị Tuần Không, vua thành vô quyền khó giải cứu cho vận gặp hung tinh).

- Dần mộc, Phủ Vị hội tam Kỳ, Kinh Bát cư lai, Mệnh xuất võ do văn quyền hành cứ phục chúng nhân, mạc phùng Không Kiếp hư vô. (Dần cung, Tử Vi Thiên Phủ có khoa, thêm Kinh Dương Hữu Bát có văn tài nhưng lại theo nghiệp võ, thành công người đời kiêu ngạo, nhưng nếu bị Không Kiếp lại thành sôi hồng bỏng không).

- Tử Phá mộ cung vô ưu họa ách, vận lai Phụ Bát, nguyên vọng đắc như cầu, Thân kiêm Hồng Lộc Hóa Khoa khánh hội long vân. (Tử Vi Phá Quân ở Sửu Mùi Thìn Tuất không lo những tai họa lật vật, tới vận gặp Tả Hữu thì mưu sự thành tựu, nếu cung thân lại được Hóa Khoa, Hóa Lộc

Hồng Loan cảnh thêm hay).

- Đế tọa Thiên La Thân cư Triệt xứ, Giáp Kỷ nhân chung niên nan toại chí đa trái thê nhi. (Tử Vi đóng Thìn, cung Thân bị sao Triệt án ngữ, tuổi Giáp tuổi Kỷ suốt đời không toại chí, còn khổ vì vợ vì con).

- Tử Sát Tồn cung, đề huề bảo kiếm, Hòa Tuyệt nhập xâm đa sát. Hạng hội Hồng Khoa Ân Mã dị lập chiến công. (Tử Vi Thất Sát ở cung Tỵ gặp Hòa Tinh và sao Tuyệt thành người đa sát nếu có Hồng Loan, Hóa Khoa, Quốc Ân Thiên Mã hội tụ làm võ tướng dễ lập công to).

Tử Phủ Vũ Tướng Tả Hữu Long Phượng Khoa Quyền Lộc Ân, quân thần khánh hội chi cách gia Kinh Kiếp Loạn thể nan thành đại sự. (Cách quân thần khánh hội Tử Phủ Vũ Tướng Long Phượng Tả Hữu Khoa Quyền Lộc Ân nếu bị Kinh Dương Địa Kiếp gặp thời loạn bất thành đại sự).

Tử Tham Tả Hữu hội trung

Có người con gái trốn chồng theo trai.

(Ở cách này Tả Hữu biến chất, tuy nhiên Tử Tham Tả Hữu còn phải thêm cả Tang Hổ nữa thì mới liều như thế).

Tử Tham Khôi Việt phương Đoàn

Long thần kỳ đảo ai ai cúng dường.

(Tử Tham đóng ở Dậu cung gặp Khôi Việt dễ đi vào nghề thầy chùa thầy cúng).

LUẬN VỀ SAO THIÊN CƠ:

Mục “chư tinh vấn đáp”, Thiên Cơ được gọi là sao giỏi tính toán mưu lược, quyền biến cơ mưu. Hóa khí của sao Thiên Cơ là “thiện”; thâm ý cổ nhân muốn tính chất kế mưu quyền biến đặt trên chính đạo hơn tà đạo.

Hi Di Trần Đoàn tiên sinh viết: Thiên Cơ giao hội với Thiên Lương Xương Khúc, văn thì thanh hiển. Vũ trung lương “nhưng cũng viết tiếp...” nếu rơi vào đất hãm bị tứ sát xung phá là hạ cách.

Đa số chủ tinh đều có “hóa” khí - tí dụ Phá Quân Hóa khí là “Hao” – Thiên Tướng hóa khí là “Ăn”. Đi thuận chiều hóa khí mới đắc dụng.

Thiên Cơ thuộc âm mộc, mộc của hoa cỏ mềm mại dễ uốn và lay động. Tư tưởng mẫn tiệp, ưa nghĩ ngợi nghi ngờ, phản ứng mau lẹ, nóng nảy.

Kết hợp những điểm trên, Thiên Cơ lúc hành động dễ mắc vào tình trạng quá nóng vội, dù kế hoạch thấu đáo mà tự mình làm không thành. Thiên Cơ vì hiếu động nên cuộc sống ba động luôn.

Thiên Cơ là sao Nam Đẩu, Thiên Cơ thủ Mệnh thông minh sáng suốt, hiếu học, hiếu động, tâm địa từ thiện, vì quá hiếu học, cái gì cũng học, nên học rộng mà không tinh.

Thiên Cơ đa tài đa nghệ, làm mưu sĩ được, làm con người hành động không hay. Vào nghiên cứu tốt, ở vị thế chỉ huy bình thường.

Thiên Cơ nhậy cảm, sức đối kháng không lì lợm nên không hợp với Hòa Linh, Kinh Đà, Không Kiếp và sợ nhất Hóa Kị. Gặp Hóa Kị, Thiên Cơ dễ biến ra không tưởng, ảo tưởng khó bắt kịp thực tế.

Thiên Cơ tinh đứng một mình chỉ ở Tí, Ngọ, Tỵ, Hợi Mùi, Sửu; đi cặp với Thái Âm tại Dần Thân; đứng đôi với Cự Môn ở Mão Dậu; đồng cung với Thiên Lương ở Thìn Tuất.

Trước hết nói về Thiên Cơ Cự Môn đồng cung tức là

cách Cơ Cự đồng lâm. Cách này có những nét đặc thù, không thể không chú ý. Cổ ca viết: “Vớ cự môn đứng chung, khả dĩ vào vũ chức nơi biên ải, cần phải thêm quyền phùng sát để lập công danh”. Như thế cổ ca muốn nói rằng Cơ Cự được Hóa Quyền, mà gặp tứ sát không phải ở bản tam cung mà ở tam hợp chiếu, chủ quý hiển về võ chức.

Qua kinh nghiệm thì cách cuộc trên mang nhiều biến hóa, nếu Thiên Cơ Hóa Lộc lại không thành võ nghiệp, chỉ mưu sinh dư dã phong lưu. Cự Cơ Hóa Lộc mà gặp Hỏa Linh, kể luôn cả chuyện mưu sinh cũng thăng trầm vô độ, hoặc danh lợi hư ảo. Bởi vậy cách Thiên Cơ Cự Môn cần Hóa Quyền hơn Hóa Lộc. Trường hợp bị Kóa Kị kể như hỏng.

Thiên Cơ bên cạnh Thiên Lương, cổ nhân gọi bằng cách “Cơ Lương gia hội”.

Cơ Lương Xương Khúc văn thanh hiển, vũ trung lương

Cơ Lương giao hội thiện đàm binh

Thiên Cơ cánh phùng Thiên Lương tất hữu cao nghệ tùy thân.

Thiên Cơ Thiên Lương đồng tại Thìn Tuất thủ Mệnh, gia cát diệu, phú quý từ tường nhược ngộ Kinh Đà, Không Kiếp thiên nghi tăng đạo.

Cách Cơ Lương nhiều biến thái như thế đấy, có thể viết lý thuyết ra binh lược, có thể đạt một nghề nghiệp ở mức cao, có thể phú quý, có thể thành người tu hành.

Cổ ca viết: “Thiên Cơ đứng cùng Thiên Lương, có khuynh hướng đạo với tăng, nữ mệnh gặp phải, tính dâm bôn”. Ý cổ nhân muốn bảo rằng nữ mạng không nên có Cơ Lương. Cổ nhân hơi quá đáng khi dùng hai chữ dâm bôn. Cơ Lương bất quá chỉ là con người khéo đến mức sảo khi thủ mệnh Nữ. Không phải cứ Cơ Lương là dâm dật. Hợp tác với người nữ Cơ Lương hãy cẩn thận. Cơ Lương chỉ thật sự dâm dật nếu gặp Kinh Đà Hóa Kị mà thôi.

Kinh Đà Hóa Kị phá xung

Lại là dâm dật tư thông âm thầm.

Gặp Kinh Đà Hóa Kị trai tăng đạo, nữ dâm bôn, khác nhau ở điểm này.

Về mấy chữ “thiên nghi tăng đạo” còn phải hiểu thêm một ý khác là vô duyên với những người xa bố mẹ anh em trên không gian, cũng như trên tình cảm. Tăng đạo cũng xem là một người thông hiểu về tôn giáo triết học hoặc thuật âm dương số tướng. Đừng nghĩ hai chữ tăng đạo qua hình ảnh mặc áo nâu sồng quét lá đa trong chùa.

Cách phổ biến của Thiên Cơ có: Cơ Nguyệt Đồng Lương. Sách nói: Cơ Nguyệt Đồng Lương tác lại nhân (Mệnh hội tụ đủ bộ sao Thiên Cơ, Thiên Lương, Thiên Đồng, Thái Âm thì làm lại người phụ giúp cơ quan chỉ huy). Chuyển vào hiện đại ngữ thì là công chức, rồi đoán cách ấy hiện hiện thành con người đi làm ba cọc ba đồng thăng thăng lĩnh lương. Không phải vậy, chữ “lại” cho bộ sao Cơ Nguyệt Đồng Lương còn mang cái nghĩa thâm thúy sâu sắc hơn.

“Lại nhân” thời xưa là loại người ưa lộng quyền trong phạm vi quyền lực của hần, tây phương coi bọn lại nhân như một thế lực thứ lại. Lại nhân giỏi cơ biến, có mưu lược, ăn nói mồm mép, tham tiền khéo dụng quyền thuật. Nếu chỉ coi như vị công chức thì cái nghĩa đó hiện lành quá e không lột được thâm ý Cơ Nguyệt Đồng Lương.

Cơ Nguyệt Đồng Lương chỉ giỏi phục vụ, mượn quyền mượn thế, không bao giờ làm được kẻ khai sáng, tiên phong. Số Cơ Nguyệt Đồng Lương khả dĩ dùng làm thủ túc rất tốt.

Cơ Nguyệt Đồng Lương chính là cách mà Thiên Cơ đứng chung với Thái Âm tại Dần hay Thân. Cổ ca viết: “Thiên Cơ Thái Âm đồng cư Dần Thân, nan miễn bạt tha hương”. (Thiên Cơ Thái Âm đứng chung ở hai cung Dần Thân tất có ngày lưu lãng quê người). Lưu lãng cùng tình trạng với phù động. Do vậy mệnh nữ mà Thiên Cơ Thái Âm thì tình cảm không chuyên nhất dễ biến tâm

Đồng cung Cơ gặp Thái Âm

Tấm lòng phóng đảng gian dân đáng buồn.

Có một điểm chung, người nữ Thái Âm bao giờ cũng xinh và khéo. Cơ Âm mà ở Thân tốt hơn ở Dần. Vì Thân đắc vị cho Thái Âm. Cơ Âm nếu gặp Hóa Quyền vào ngành tài chánh kinh thương thành công. Cơ Âm được Hóa Khoa học văn nghệ thuật hợp cách. Cơ Âm Hóa Lộc làm ăn khá giả nhưng thường lao tâm khổ tứ về tiền, thần kinh bấn nhầy đưa đến suy nhược vì nghĩ ngợi.

Bây giờ bàn đến những cách Thiên Cơ độc tọa Mệnh. Thiên Cơ đứng một mình tốt nhất ở hai cung Tí và Ngọ. Vì hai cung này là đất miếu của Thiên Cơ, mặt khác vì nó kết với Cự Môn từ cung xung chiếu Tí với Ngọ đất vượng của Cự Môn. Thiên Cơ tại Tí Ngọ thi triển được toàn bộ khả năng của nó. Khả năng giải quyết công việc, khả năng thuyết phục, khả năng phản ứng mau với những bất ngờ, khả năng học văn thi cử.

Vấn đề còn lại là việc của Khoa Quyền Lộc. Quyền cần thiết nhất, Khoa thứ nhì, Lộc thứ ba. Trường hợp gặp Hóa Kị, cái thế của Thiên Cơ Tí Ngọ giảm hẳn. Sở dĩ Hóa Quyền cần thiết với Thiên Cơ không phải vì bản thân Thiên Cơ mà vì sao Cự Môn xung chiếu. Cự Môn thiếu Hóa Quyền sức mạnh kém. (Sẽ nói thêm khi bàn riêng về Cự Môn). Với Hóa Kị, Cự Môn càng bị phiền hơn Thiên Cơ đóng Sửu hay Mùi kể như rơi vào hãm địa.

Nếu không được Tả Hữu, Xương Khúc hoặc Quyền Khoa Lộc trợ giúp, chỉ loanh quanh với tiểu chức. Nếu bị Hòa Linh Không Kiếp xung phá hoặc Hóa Kị ám hại sẽ không tránh khỏi tâm tư hoang loạn, tình cảm thống khổ.

Thiên Cơ Sửu Mùi nên an thân thủ phận. Sách Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư còn có câu Phú: “Thiên Cơ gia ác sát đồng cung cầu du thử thiết”. Nghĩa là Thiên Cơ cố nhiên phản ứng mau lẹ, đầu óc lại hiểu động, ở một tình thế ép buộc nào đó có thể là tay trộm cắp ranh tay nghề.

Sách đời sau đưa ra một cách gọi bằng: Mệnh cung Tị Hợi nói về sao Thiên Cơ đóng Hợi hay Tị, nếu gặp phụ tinh

hay thì sang quí mà có sát tinh biến thành con người gian tà tiểu nhân.

Sau đây cần luận thêm bản chất của Thiên Cơ tinh.

- Đa học đa năng về suy tư nhưng cũng dễ có xu hướng ảo tưởng.

- Đa biến nên khó mà theo đuổi nghề nghiệp công việc lý tưởng nào lâu dài.

- Thuộc ất mộc, mộc của cỏ hoa nên dễ xung động, thường tạo cho bề ngoài đẹp đẽ, nói năng thuyết phục được người nghe, ít có bụng chân thành cảm phục ai, thông minh mà thường dễ bị cái thông minh của chính mình làm mình nhầm.

Có một cách về Thiên Cơ không thấy ghi các sách Hán, mà lại rất phổ biến trong khoa Tử Vi tại Việt Nam là Thiên Cơ gặp Thiên Khốc Thiên Hư đưa đến bệnh lao phổi lao xương.

- Thiên Cơ cư Sửu, kinh vân: hải đặc thủy diệu cánh nại tài bồi. (Thiên Cơ ở Sửu bị lâm thế hãm sách nói nhưng nếu được nhiều sao của hành thủy thì cũng nên công vì Thiên Cơ thuộc mộc lại ở cung thấp thổ có thêm nước cây khả dĩ đâm chồi nảy lộc, nhưng Thiên Cơ ở Mùi cung tảo thổ dù gặp thủy diệu vô ích).

Cơ, Thư, Hồng cư Dần địa, nhi phùng Lộc, Ân, cận cừ trùng. (Ở Dần Thiên Cơ tất đi cùng Thái Âm, lại có Tâu thư, Hồng Loan mà gặp cả Lộc Tồn hay Hóa Lộc và Quốc Ân người nữ lấy chồng sang, chồng quyền thế. Vì Cơ Âm Hồng là người đàn bà đẹp, đa tình, khôn khéo, Tâu thư có duyên giỏi nịnh giỏi đàn ngọt hát hay, còn thêm Lộc Ân là những may mắn thì chuyện cận cừ trùng đâu khó).

Cơ Lương tư sát Tướng Quân xung, Vũ khách tăng lưu mệnh sở phùng. (Cơ Lương thin Tuất bị tứ sát lại có cả Tướng Quâ xung chiếu thì làm nghề mãi võ (múa võ dong) hoặc làm thầy tu thầy ngải).

Thìn cung Cơ Lương Giáp Nhâm dương nữ lợi tử thương phu. Ất Quí âm nam do phú thành vinh, duy thê khắc

hại. (Cung Thìn lập Mệnh Cơ Lương thủ, người nữ tuổi Giáp Nhâm sinh con nhiều nhưng ăn ở không vừa bụng chồng (không phải nhất định là sát chồng). Người nam tuổi Ất, Quý làm ăn có tiền mà thành vinh hiển nhưng lại gặp vợ lẳng loạn).

Cơ Nguyệt Cấn Khôn nhi hội Riêu Xương thi tứ dâm tang. (Mệnh Cơ Nguyệt ở Dần hay Thân mà lại thêm Xương Riêu thường suy nghĩ đến chuyện dâm. Riêng cho nữ mạng thôi).

Kỷ tuế Cơ Nguyệt Đồng Lương, hạn đáo trúc la gia lâm Phụ Bát, đăng vân nhất bộ. (Mệnh mang cách Cơ Nguyệt Đồng Lương mà người tuổi Kỷ, khi gặp vân Sát Phá Tham thì lại đột phát công danh. Ý chỉ Mệnh có Khoa gặp vân Hóa Quyền).

Ất Tân tuế, văn đoàn hỷ ngộ Hư Kinh Tuế Khách hạn lâm hoành đạt võ công. (Tuổi Ất Tân mang cách Cơ Nguyệt Đồng Lương mà gặp vân Thiên Thư, Kinh Dương, Thái Tuế, Diêu Khách bất ngờ tạo được võ công. Câu này không có căn cứ vững vàng).

Cơ hội Phục binh nơi Ngộ vị

Vận gặp thời chức vụ quân binh

Thiên Di Cơ Mã cùng ngồi

Đông tri Tây tẩu pha phối cỡi ngoài.

(Thiên Cơ gặp Thiên Mã tại Thiên Di cung, thường làm việc ở nước ngoài, nơi xa quê hương bản quán).

Thiên Cơ Khốc Hư chẳng màng

Phối kia hãy phải lo toan lấy mình.

LUẬN VỀ SAO THÁI DƯƠNG:

Thái Dương ý tượng là mặt trời. Cổ ca trong Đầu số Toàn thư viết: “Từ ái lượng khoan đại. Phúc thọ hưởng hà linh. (Lòng từ thiện, quảng đại, tuổi thọ lâu dài). Thái dương ví như mặt trời chiếu sáng cho vạn vật. Cây cỏ đất đai người vật thiếu ánh nắng không thể sống. Nhưng vạn vật lại không bao giờ phải đền đáp cái ân đó, thái dương chỉ cho đi thôi mà không nhận lại.

Thái Dương mặt hóp thân gầy

Thông minh tươm tất thảo ngay hiền hòa.

Câu phú nôm trên không nói hết được tâm lòng bao dung của Thái Dương. Hiểu rõ bản chất Thái Dương ta đem so sánh với Thái Âm thì thấy rằng “Thái Dương thường hành động để phục vụ, để trợ giúp, trong khi Thái Âm lại thường hành động vì tư lợi”. Bởi vậy cổ nhân mới bảo Thái Dương “quí nhi bất phú” mà Thái Âm là tài tinh, cái tâm Thái Âm ưa hưởng thụ, vor vét.

Thái Dương thủ Mệnh vào hành chánh, vào y khoa, vào xã hội công tác hợp, có thể đạt địa vị cao. Nhưng buôn bán kinh doanh hoặc làm việc gì cần mưu lợi, thủ đoạn rất dờ. Trong khi Thái Âm dễ vào kinh doanh, không phải Thái Âm giáo quyết nhưng Thái Âm tham hơn.

Thái Dương chủ quí nên khi đoán Thái Dương thủ Mệnh phải căn cứ trên chức vị danh vọng. Không phải bất phú là nghèo. Có địa vị tất nhiên địa vị càng cao tiền càng nhiều. Bất phú nghĩa là không tự mình làm nên giàu có thể thôi. Ở trường hợp Thái Dương đóng Tài bạch cung đắc địa lại khác.

Thái Dương cần nhất đắc địa thì ánh sáng mới quang mang. Thái Dương đóng Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ mặt trời rực rỡ buổi sáng buổi trưa. Thái Dương đóng Dậu, Tuất, Hợi ví như mặt trời buổi đêm đã mất quang huy.

Ngoài đứng đúng chỗ, Thái Dương còn đòi hỏi người

mang số Thái Dương phải sinh ban ngày mới hợp cách. Sinh ban đêm giảm đi. Sinh ban ngày dù Thái Dương hãm cũng nửa hung nửa cát. Sinh ban đêm Thái Dương hãm tuyệt đối hung.

Thái Dương cổ nhân gọi bằng “trung thiên chi chủ (chủ tinh giữa tầng trời), giống sao Tử Vi cần bách quan tề tựu. Tất nhiên không bao giờ có Thiên Tướng thiên Phủ triều cùng.

Cách đẹp là Thái Dương đóng ở Thìn hội chiếu Thái Âm Tuất, Nhật Nguyệt song huy hay tịnh minh. Thái Dương thuộc Hỏa, quang minh chính đại, thông minh sái lẹ, tài hoa. Trong ngũ hành trí tuệ của Thủy khác biệt nhau.

Trong hàng ngũ các sao, đa tài của Thái Dương khác với đa tài của Thiên Cơ

Trí tuệ của âm mộc thâm trầm

Trí tuệ của Hỏa quang minh lộ liễu

Thái Dương đa tài về mặt biểu hiện làm chính trị ra đám đông hoặc vào nghệ thuật biểu diễn như nhạc họa kịch nghệ hợp cách. Thiên Cơ đa tài với kế hoạch, trong bóng tối làm chính trị ở địa vị nghiên cứu, phân tích tình báo hoặc vào thuật số âm dương viết văn hợp cách.

Thái Dương thuộc Bính Hỏa mãnh liệt hóa khi là “quí” chứa chất phản kháng tính. Phá Quân cũng phản kháng nhưng có khuynh hướng phản nghịch. Khách nhau thế nào? Vì Thái Dương bản chất quanh minh, thấy điều trái thì chống, nhưng chống đối với nguyên tắc không quá đà đến mức phản nghịch. Trong khi Phá Quân cương mãnh làm theo ý mình muốn, dễ quá khích đi đến phản nghịch.

Thái Dương đóng cung Quan Lộc đắc địa ý niệm khai sáng mở lối cao và vững. Một ngành nào đang đà xuống dốc vào tay người Thái Dương quan lộc khả dĩ hưng thịnh trở lại. Thái Dương ở Tài Bạch dễ có tiền, và ưa phô trương tiền bạc qua ăn chơi trưng diện.

Mệnh Thái Dương có một cách đặc biệt. Ấy là Thái Dương thủ mệnh tại Hợi. Hợi cung Thái Dương là phản đối,

Thái Dương mất đi vẻ huy hoàng, tương ý là mặt trời đêm. Thái Dương tại Hợi đi vào hai tình trạng cực đoan: hay cũng vô cùng mà dở cũng vô cùng, rất thuận lợi hoặc rất khó khăn.

Thái Dương đóng Hợi nếu có trợ giúp của Xương Khúc, Tả Hữu, Khôi Việt thì tuy thất huy, nhưng vẫn được cải thiện nhiều, có một đời sống dễ dãi được. Thái Dương cư Hợi lại hay vô cùng nếu như nó gặp Thiên Mã Hóa Lộc, Lộc Tồn tức cách Lộc Mã giao tri. Cách này bỏ xứ bỏ quê mà đi rồi phấn đấu thành công phú quý.

Thái Dương tại Hợi phú gọi bằng Nhật trầm thủy đế (mặt trời chìm sâu đáy nước) có Lộc Mã giao tri lại thêm cả Bình, Hình, Tướng, Ấn thì ăn to vào thời loạn. Chư tinh vẫn đáp viết: “Thái Dương được các cát tinh khác thủ hay chiếu, rồi lại có Thái Âm đồng chiếu giàu sang đủ cả... Nếu Thân cung Thái Dương đắc địa mà gặp nhiều cát tinh khả đi làm môn hạ khách chốn công hầu, hoặc làm dân chạy cờ cho bậc công khanh”.

Thái Dương vào Mệnh với vào Thân cung rõ ràng tạo ảnh hưởng khác biệt hẳn. Một đẳng tư minh gây dựng phú quý một đẳng chỉ làm môn hạ khách ở nơi cửa quyền. Trừ trường hợp Mệnh cung tự nó có cách tốt riêng. Trường hợp Thân cư phối thì số gái lấy chồng sang, số trai được vợ giàu sang hoặc gia đình vợ thế lực nâng đỡ, nhờ vả nhà vợ mà lên to.

Thái Dương ưa Xương Khúc và sợ Hóa Kị. Có lý luận cho rằng nếu Thái Dương đắc địa gặp Hóa Kị càng tốt. Hóa Kị như đám mây ngũ sắc khiến Thái Dương thêm rực rỡ. Không phải vậy, Thái Âm gặp Hóa Kị đắc địa, Hóa Kị khả dĩ biến thành đám mây ngũ sắc, còn với Thái Dương thì không. Hóa Kị là đám mây đen, là ám tinh trong khi tính chất căn bản của Thái Dương là quang minh, quanh với ám chẳng thể hợp cùng. Nhất là Mệnh nữ Thái Dương mà cò Hóa Kị tất nhiên hôn nhân gãy vỡ, lúc nhỏ mồ côi cha hoặc xa cách, hoặc thiếu vì Thái Dương Hóa Kị như thế bất lợi hoàn toàn

với những người thân thuộc nam tính. Ngoài ra còn có thể bị xảy thai, trụy thai.

Thái Dương hãm hội Riêu Kị, Thiên Hình hoặc Kinh Đà khó tránh khỏi bệnh tật ở đôi mắt.

Kinh Đà Riêu Kị phá xung

Lại là đôi mắt chẳng mong được cùng.

Kinh Đà Riêu Kị khá kinh

Ắt rằng mắt chịu tật hình không ngoa.

Gặp Riêu Kị rồi Kinh Đà hay Hòa Linh thì cũng thế.

Thái Dương thủ Mệnh còn cách cục trọng yếu khác:

Nhật chiếu lô môn. Tức Thái Dương đóng tại Mão. Mão thuộc cung Chấn. Chấn vi lô (sấm sét). Khi đóng Mão đương nhiên Thái Dương đứng cùng Thiên Lương. Cách Nhật chiếu lô môn tuyệt đối tốt nếu hội cùng Thái Âm Hợi với Hóa Lộc, thêm Văn Xương Văn Khúc càng đẹp lắm. Nhất là đối với chuyện thi cử khóa bằng. Như phú viết "Dương Lương Xương Lộc, lô truyền đệ nhất danh" (Dương Lương Xương Lộc loa gọi người đỗ đầu).

Hiện đại cách Dương Lương Xương Lộc có thể là nhà phát minh, người làm những cuộc nghiên cứu nổi danh, một tay thể thao tầm tiếng... Cách Dương Lương Xương Lộc phải là Thái Âm đi với Hóa Lộc chiếu qua mới hợp cách. Nếu Hóa Lộc đứng ngay bên cạnh Thiên Lương thì lại kém hẳn. Tại sao? Vì quan hệ Thiên Lương với Hóa Lộc không ổn thỏa (sẽ bàn khi luận về Thiên Lương).

Về cách Thái Dương cặp với Cự Môn tức "Cự Nhật đồng lâm", hãy xếp qua phía Cự Môn. Ngoài ra còn những cách: Nhật Nguyệt đồng cung Sửu Mùi, Nhật Nguyệt chiếu bích, Nhật Nguyệt tịnh minh.

Nhật Nguyệt tịnh minh gồm có Dương tại Thìn, Âm tại Tuất hoặc Dương tại Tị, Âm tại Dậu. Cách Nhật Nguyệt tịnh minh cũng như các cách khác cần Tả Hữu, Xương Khúc, Khoa Quyền Lộc. Học đồ cao, địa vị xã hội vững. Kém hơn nếu bớt đi những phụ tinh, tuy nhiên không kể làm cách đặc biệt.

Về Nhật đồng cung Sửu Mùi. Nếu Mệnh vô chính diệu, Nhật Nguyệt Mùi hoặc Sửu chiếu đẹp hơn là thủ Mệnh. Căn cứ vào câu phú: Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu.

Phú đưa ra những câu:

Nhật Nguyệt đồng Mùi, Mệnh an Sửu hầu bá chi tài.

Nhật Nguyệt Mệnh Thân cư Sửu Mùi, tam phương vô cát phản vi hung.

Cách trên là cách Nhật Nguyệt chiếu. Cách dưới là cách Nhật Nguyệt đồng thủ Mệnh.

Mấy người bất hiển công danh

Bởi chung Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi.

“Nhật Mão, Nguyệt Hợi Mệnh Mùi cung, đa triết quế” nghĩa là Mệnh lập tại Mùi không chính tinh, Hợi Nguyệt chiếu lên, Nhật Mão chiếu qua học hành đỗ đạt cao, lấy vợ giàu sang.

Trường hợp Thái Dương đắc địa gặp Hóa Kị thế nào? Tỉ dụ Thái Dương tại Tỵ thì Cự Môn đương nhiên tại Hợi, nếu có Hóa Kị hợp với Cự Môn hãm nhiên xấu, tranh đấu cho sự thành đạt khó khăn vất vả hơn gấp bội. Thái Dương đắc địa bị Hóa Kị dễ chiêu oán, nếu đi vào ngành thầy kiện, thầy cò cạnh sát làm chức nghiệp sinh sống hợp hơn ngành khác.

Về sao Thái Dương còn có những câu phú khác đáng suy gẫm như: Nhật Nguyệt Dương Đà khắc thân (Nhật Nguyệt gặp Dương Đà phần lớn khắc người thân). Nhật Nguyệt Tất Ách, Mệnh cung Không, yêu đà mục cổ (nghĩa là Mệnh Nhật Nguyệt gặp Tuần Triệt Không vong hoặc cung Tất Ách. Nhật Nguyệt gặp Tuần Triệt thường có tật ở mắt, hoặc ở sống lưng).

Cờ ca còn ghi câu: “Thái Dương đắc địa được sao Thiên Hình cũng đắc địa dễ phát võ nghiệp”

Sao Thái Dương còn có những câu phú sau đây:

*Nhật Nguyệt phản bối hà vọng thanh quang, tổ hi ngoại triều Khôi Việt (Thái Dương Thái Âm hãm tất tối ám, nhưng nếu được Khôi Việt hội tụ vào Mệnh lại là người có khả năng thông tuệ đặc sắc).

*Nhật lạc Mùi cung, vi nhân tiền cần hậu lãn (Âm Dương đóng tại Mùi, làm việc chăm chỉ lúc đầu sau vì lười mà bỏ dở).

*Dương Âm Thìn Tuất, Nhật Nguyệt bích cung. Nhược vô minh không diệu tu cần. Song đắc giao huy nhi phùng Xương Tuế Lộc Quyền Thai Cáo Tả Hữu nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục. (Thái Dương ở Thìn, Thái Âm Tuất là cách Nhật Nguyệt đắc địa ở bích cung, bích là bức vách ý chỉ Thìn Tuất là thổ, ngược lại nếu Dương tại Tuất Nguyệt tại Thìn thì cần gặp Tuần Triệt Thiên Địa Không để đảo lộn thế hãm. Đã song huy rồi mà gặp cả Xương, Tuế, Lộc Quyền, Tả Hữu, Thai Cáo thì danh phận phần phát sớm chiều).

*Nhật Nguyệt Sứ Mùi, ái ngộ Tuần Không, Quý Ân, Xương Khúc ngoại triều tất đường quán xuất chính. (Nhật Nguyệt đóng Sứ hay Mùi mà có Tuần Không, lại được Ân Quan Thiên Quý, Văn Xương Văn Khúc có thể xuất chính làm quan về nhánh văn).

*Nhật Nguyệt Sứ Mùi, âm dương hỗn hợp, tự giảm quang huy, kị phùng Kiếp Triệt. (Nhật Nguyệt đóng Sứ hay Mùi nơi Mệnh cung, cả hai đều giảm về rục rờ rất sợ gặp Địa Kiếp và Triệt Không).

*Nhật Nguyệt Khoa Lộc Sứ cung, định thị phương bá công. (Nhật Nguyệt đồng cung tại Sứ cùng đóng với Khoa Lộc có thể vinh hiển).

*Nhật Nguyệt Mệnh Thân cư Sứ Mùi, tam phương vô cát phải vi hung. (Thái Dương Thái Âm đóng tại Sứ Mùi, tam hợp chiếu thủ, không gặp sao nào tốt là hung mệnh, chẳng nên com nên cháo gì).

*Nhật Nguyệt chiếu hư không, học nhất tri thập. (Thái Dương Thái Âm đắc địa chiếu vào Mệnh không chính tinh (hư không) học một biết mười).

*Giáp Nhật giáp Nguyệt cận đắc quý nhân. (Mệnh giáp Thái Dương, Thái Âm đắc địa, thường gần cận quý nhân).

*Nhất lạc nhàn cung, sắc thiếu xuân dung. (Mệnh có Thái Dương hãm, vẻ mặt thường buồn).

*Nhất tại Ty cung quang mỹ huy thiên, kiêm lai Lộc Mã Tràng Tôn, Phụ Bát thế sự thanh bình vi phú cách, nhược kiêm Tướng Ấn Bình Hình vô lai Tuần Triệt loạn thế công thành. (Thái Dương thủ Mệnh ở Ty, ánh sáng rực rỡ, đứng cùng Lộc Mã Tràng Sinh, hay Lộc Tôn, Tả Hữu thì thời bình giàu có; đứng cùng Tướng Quân, Quốc Ấn mà không gặp Tuần Triệt thì đời loạn thành công).

*Nhất cư Hợi địa nhật trầm ái nội, ngoại cùng tam kỳ, Tả Hữu Hồng Khôi kỳ công quốc loạn dị viên thành, hoan ngộ Phụng Long Cái Hồ bất kiến sát tinh thế thịnh phát danh tài. (Thái Dương thủ Mệnh ở Hợi, ví như mặt trời lặn xuống biển, nếu được Khoa Quyền Lộc, và Tả Phú Hữu Bát, Hồng Loan, Thiên Khôi ở đời loạn hay lập công lạ. Nếu được bộ tứ linh Long Phụng Cái Hồ mà không gặp sát tinh vào thời bình ắt nổi danh là người có tài cán).

*Dương tại Thủy, Nhật trầm thủy đế loạn thế phùng quân, mạc ngộ sát tinh tu phòng đao nghiệp. (Thái Dương đóng Hợi thủ Mệnh tức là cách Nhật trầm thủy đế, thời loạn phò giúp quân vương, nhưng bị sát tinh thì khó tránh khỏi hung tử).

*Nhất lệ trung thiên ái ngộ Hình Tang Hồ Khốc vận lâm. (Thái Dương đóng Ngọ thủ mệnh, cần gặp vận Thiên Hình, Tang Môn, Bạch Hồ, Thiên Khốc công danh toại nguyện).

*Nhất Nguyệt vô minh thi phùng Riên Kị Kiếp Kinh ư Mệnh Giải, tạt nguyên lưỡng mục. (Nhật Nguyệt hãm cung, mà gặp Thiên Riêu Hóa Kị Kinh Dương Địa Kiếp ở mệnh hay Tật ách có ngày hư mất).

*Nhật Nguyệt nhi phùng Hình Hòa, thân thiếu hạc hình. (Mệnh có Nhật Nguyệt mà gặp Thiên Hình, Hòa Tinh thì đáng gầy gò, mình hạc xương mai).

*Xét xem đến chôn thủy cung Kị tinh yểm Nhật úy đồng Kinh Dương. (Thái Dương

hãm Hợi Tí bị Hóa Kị lại gặp cả Kinh Dương là rất xấu).

*Nhật Nguyệt gặp Đà Linh chôn hãm

Hóa Kị gia mục ám thanh manh

*Thiên Tài gặp Nhật bất minh

Tính ưa lếu lảo những khinh Phạt Trời. (Thái Dương hãm thủ Mệnh gặp sao Thiên Tài tính nết ưa bang nhạo)

*Mấy người phú quý nan toàn

Bởi vàng ô thỏ đóng miền sát tinh. (Giàu sang không bền bởi tại Nhật Nguyệt đi cùng với hung sát tinh).

*Con em xa khứ xa hoàn

Bởi vì Nhật diệu chiếu miền Nô cung

LUẬN VỀ SAO VŨ KHÚC:

Trong Tử Vi đầu số có ba sao thuộc về tiền bạc (tài linh) là: Vũ Khúc, Thái Âm và Thiên Phủ cùng tác dụng nhưng tính chất lại không giống nhau.

Vũ Khúc qua hành động tìm tiền.

Thái Âm ý thức tìm tiền sắc bén.

Thiên Phủ là năng lực lý tài.

Muốn phần đầu kiếm tiền phải quả cảm quyết đoán.

“Chư tinh vấn đáp” viết: “Vũ Khúc là người tính cương, quyết đoán, lúc mừng lúc giận, khi hiền, khi tàn bạo, lúc gây phúc, lúc tạo tai ương”. Rồi viết tiếp: “Vũ Khúc quả quyết, tâm vô độc”. Nói chung hễ đã Vũ Khúc ở Mệnh không thể bao giờ là con người nhu nhược nếu vào nam mạng, không thể là con người thù mị hiền lành nếu vào nữ mạng.

Thời xưa xã hội không chấp nhận đàn bà con gái cương trực quả quyết như kinh thi có câu: “Nam tử cương cường, nữ tử nhu nhu” trừ trường hợp người đàn bà ấy phải đứng mũi chịu sao nắm quyền sinh sống của gia đình, hoặc đoạt quyền chồng. Đứng mũi chịu sao tất là quả phụ, phải ly hôn, đoạt quyền chồng thì cô đơn.

Cổ nhân đặt tên sao Vũ Khúc là quả tú (Vũ Khúc chỉ tinh vi quả tú).

Vũ Khúc vi quả tú tinh

Gái kia gặp phải cướp tranh quyền chồng.

Vũ Khúc âm kim hóa khí là “tài” còn có tên khác “tướng tinh” và thuộc bá đầu hệ. Âm kim nội liêm (ẩn vào trong) nên tịch mịch, cô đơn. Vũ Khúc tính quật cường, cố chấp. Thường tự biến thành một địch thủ không dễ chấp nhận thua cuộc hay chịu thất bại, sức đấu tranh bền bỉ dai dẳng. Người Vũ Khúc thủ Mệnh tiếng nói sắc nhọn, rõ rang. Thời xưa cầm gươm đao trước trận tiền, làm đồ tể, đục tiền đều thuộc cái nghề của Vũ Khúc cả. Cho nên cổ nhân luận sao Vũ Khúc mới nói: “Vũ Khúc miếu địa với Xương Khúc đi chung thì xuất tướng nhập tướng, vào võ nghiệp thắng lợi,

đóng hăm địa là con người nghề nghiệp khéo, giỏi”.

Ngày nay mấy chữ “sao nghệ chi nhân” khá dễ suy diễn rộng rãi hơn như làm thợ máy, thợ kim hoàn... Đắc địa không cứ phải xuất tương nhập tương mà là tau cự phách trong ngành tài chánh kim dung cũng vậy.

Thế đứng của Vũ Khúc gồm có:

Nếu ở Thìn Tuất thì đơn thủ.

Ở Tỵ Hợi cùng Phá Quân.

Ở Sửu Mùi cùng Tham Lang.

Ở Mão Dậu cùng Thất Sát.

Ở Dần Thân cùng Thiên Tướng.

Ở Tí Ngọ cùng Thiên Phủ.

Đầu hết nói cách Tham Vũ. Ở Sửu Mùi Tham Vũ đồng hành. Ở Thìn Tuất Tham Vũ thủ chiếu. Vũ Khúc ở Thìn Tuất độc tọa gặp thêm Hòa Tinh hay Linh Tinh là cách bạo phát. Cách này nên buôn bán kinh doanh. Nếu biết tiến thoái không thất thời thì không bị bạo bại.

Cách Vũ Khúc thủ Mệnh tại Thìn hay Tuất cần phụ tinh Hóa Quyền hơn Hóa Lộc, cần Linh Hóa hơn Lộc Tồn. Vũ Khúc Hóa Linh tự nó đã có thể tạo dựng bạo phát. Tại sao cần Hóa Quyền? Vũ Khúc vốn là tài tinh, gặp được Hóa Quyền thì vừa có tiền vừa có thế mới phát mạnh.

Đến như Vũ Khúc Tham Lang đóng cung Sửu Mùi cũng là cách bạo phát. Chỉ khác một điểm, không phát sớm trước tuổi 32, lúc trẻ bôn ba lận đận. Vũ Tham đồng hành bất phát thiếu niên. Cổ nhân còn gọi cách Vũ Tham đồng hành bằng bốn chữ “y cảm hoàn hương” (áo gấm về làng) nghĩa là đã từng có thời gian lưu lạc giang hồ lúc còn trẻ tuổi, sau thành công về thăm quê cũ. Vũ Tham đóng cùng, dù sinh từ gia đình phú quý cũng không được hưởng phúc lộc mẹ cha để trở nên thân phận quốc biến giao vong.

Vũ Khúc ở Tỵ hay Hợi có Phá Quân kèm bên. Cực thông tuệ bất kể trai hay gái, cái thông tuệ thâm trầm không biểu diễn nhưng quyết liệt không nhượng bộ hay lui bước. Nếu có mềm dẻo chỉ để đạt một mưu tính nào đó.

Vũ Phá đồng cung gặp Kinh Đà, Linh Hòa học nghệ cho tinh sẽ gây tiếng tăm qua nghề nghiệp. Vào kinh doanh thương mại kém hay, cũng đứng ngồi vào cái ghế văn chức suốt đời lụi đui thôi.

Vũ Phá đồng cung gặp Xương Khúc như con dao phay pha trên lãnh vực nào thấy đều đắc lực. Thêm Khoa Quyền Lộc càng tốt hơn.

Một điều cần chú ý: Vũ Khúc Phá Quân đóng ở Tài Bạch không mấy tốt vì tiền tài khó tụ bền. Căn cứ vào câu phú: “Vũ Khúc Phá Quân đồng ư Tài Bạch, tài đáo thủ nhi thành công” (Vũ Khúc Phá Quân ở Tài Bạch tiền vào tay rồi lại hết).

Vũ Khúc Văn Khúc rất hay

Hội Khoa Quyền Lộc là tay anh hùng.

Vũ Khúc hội Kinh Dương không nên gặp luôn cả sao Kiếp Sát. Vì phú có câu: Vũ Khúc Kiếp Sát hội Kinh Dương nhân tài tri đao (Vũ Khúc hội Kinh Dương lại cả sao Kiếp Sát nữa, nam mệnh dễ đi vào con đường cướp trộm). Nhân tài tri đao nghĩa là vì tiền mà cầm đao. Vũ Khúc Kiếp Sát kiêm Dương Đà Hòa tú tang mệnh nhân tài (Vũ Khúc Kiếp Sát gặp Kinh Đà, Hòa Tin có thể mất mạng vì tiền (bị cướp)).

Hòa Linh phải đồng cung với Vũ Sát mới kể. Vũ Khúc thủ Mệnh đứng bên Thiên Phủ là một cách kết cấu khác hẳn. Vũ Khúc là tài tinh. Thiên Phủ là tài tinh. Vũ Khúc phấn đấu để có tiền. Thiên Phủ vận dụng năng lực để quản thủ tiền. Nếu được các sao tốt phù trì cách này là cách làm giàu, Buôn bán kinh doanh rất hợp.

Phú Tử Vi viết: “Thiên Phủ Vũ Khúc đóng Tài Bạch, Điền Trạch lại thêm Quyền Lộc hẳn sẽ thành phú ông”. Phù trì là Quyền Lộc, Xương Khúc, Tả Hữu. Nhưng trường hợp gặp Lộc Tồn lại thành trọc phú, tham lam biến lận và keo kiệt.

Cách Vũ Khúc Thiên Phủ hội Thiên Khôi Thiên Việt thì nên học ngành tài chánh làm công chức thuế vụ, làm ngân hàng, không thể tự mình đứng ra kinh thương. Về câu phú

Vũ Khúc Thất Sát ư Mão địa, mộc yểm lô kinh chỗ vào cách Vũ Khúc Thất Sát ở Mão, mộc yểm lô kinh ý chỉ tai nạn. Ở Mão hay xảy ra bị thương nơi đầu vì tường đổ cây gãy, sét đánh. Ở Dậu hay xảy ra té ngã, xe cộ và thú vật cắn. Vũ Khúc Thất Sát Mão hau Dậu mà thấy Thiên Hình Song Hao hay Sát Kị cũng là số bị cướp trộm, kẻ luôn cả vào vận hạn.

Sách Tử Vi Đầu Số toàn thư đưa ra câu: Linh Xương Đà Vũ hạn chí đầu hà là thế nào? Theo nghĩa thì Linh Tinh, Văn Xương, Đà La gặp Vũ ở vận hạn chết sông nước hoặc tự trầm hoặc tai nạn. Nói đầu hà (đắm đầu xuống sông) thì hơi quá, bất quá chỉ là những chuyện hung hiểm trên mọi hình thức do Văn Xương Đà La gây nên.

Về cách Vũ Sát, phú nôm của Tử Vi Khoa có câu:

Vũ Quyền Thất Sát ở cùng

Thai Tọa Khôi Việt ba phương chiếu về

Ấy là phát võ uy nghi.

Luận sang cách Vũ Khúc Thiên Tướng. Thân với Dần là hai nơi Thiên Mã trú đóng. Vũ Khúc Thiên Tướng ham hoạt động ít chịu nhàn tản, nhiều sáng tạo lực rất sung sức để san bằng khó khăn. Xa quê hương bản quán dễ phát triển với đầu óc kinh doanh tài giỏi.

Vũ Tướng Lộc mã giao trì phát tài ư viễn quận

Vũ Tướng Lộc Mã an bài

Buôn xa hoạch phát mấy người dám đương.

Vũ Khúc Thiên Tướng lại thường lận đận công danh khó mà theo đuổi chức cao bổng hậu. Phải tránh không gặp Tuần Triệt thì Thiên Tướng với Thiên Mã mới không bị bẻ gãy khả năng phấn đấu.

Vũ Khúc không hợp với Hóa Kị. Hai sao này đi đôi trên tính tình khó chịu không hòa đồng được với người chung quanh. Vũ Khúc Hóa Kị vào Mệnh cung gây ra những căn bệnh kéo dài khó khỏi.

Theo quan niệm cổ nhân sao Vũ Khúc trên căn bản không tốt cho nữ mệnh thường khắc sát phu và ưa đoạt quyền

chồng. Vũ Khúc Hóa Kị lại còn Hòa Tinh nữa thì khắc sát tới mấy lần.

Còn những câu phú khác về Vũ Khúc:

*Thân cư Vũ Khúc, hắc tử trung tang. (Vũ Khúc đóng Thân trong mình có nhiều nốt ruồi. Câu này không lấy gì làm đúng lắm).

*Vũ Xương Tị Hợi đình

Lục Giáp súy biên đình. (Vũ Khúc đóng Tỵ hay Hợi mà gặp Văn Xương, người tuổi Giáp phát về nghiệp võ. Vì Vũ Khúc đóng cùng với Phá Quân ở hai cung trên, tuổi Giáp hội tụ được cả Khoa Quyền Lộc lại có nhị hợp Lộc Tồn nếu đóng Hợi).

*Vũ Tham Thìn Tuất, Mậu Canh dương nữ vô hạnh hữu tài; Kiếp Không hung kiến phùng Hà, Nhãn vận lâm, mệnh vị nan toàn. (Vũ Tham thủ Mệnh đóng hai cung Thìn Tuất, số gái tuổi Canh Mậu tài giỏi mà vô hạnh, vận trình gặp hạn Kiếp Không đi cùng với Lưu Hà Kinh Dương tính mạng nguy).

*Vũ Khúc Tham Lang Hóa Kị, kỹ nghệ chi nhân. (Vũ Tham mà gặp Hóa Kị ở Mệnh vào nghề xuất sắc như một kỹ sư giỏi, thợ khéo).

*Vũ Phá Tỵ Hợi đảng tử vô lương. (Vũ Phá đóng Tỵ Hợi ích ki và lắm thủ đoạn, không thích sống với khuôn thể nền nếp).

*Vũ Khúc lâm Cô Thần Hàn Nguyên tần tần khứ qui. (Vũ Khúc gặp Cô Thần như Hàn Nguyên xưa giỏi về đạo pháp trừ ma quỷ).

*Vũ Khúc Khôi Việt miếu vượng, tài chức chi quan. (Vũ Khúc miếu vượng gặp Thiên Khôi, Thiên Việt giỏi về công việc tài chánh).

*Sao Vũ Tướng ở đầu cung ấy

Nghề bách công ai thấy cũng dùng.

LUẬN VỀ SAO THIÊN ĐỒNG:

Thiên Đồng dương thủy hóa khí là “phúc” chủ về phúc đức thuộc nam đầu hệ. Ở đặc địa người đầy đặn vào hãm địa thấp nhỏ. Thiên Đồng gặp Đà La nơi Mệnh cung hay có tật ở mắt như lác, lé, cườm mắt. Thiên Đồng hành Thủy nên cũng ưa động, bị động chứ không chủ động, tâm thần không kiên nhẫn mà giao động, luôn luôn đổi ý. Thiên cơ động già dặn kinh lịch, Thiên Đồng động một cách non nớt ấu trĩ.

Thiên Đồng gặp Thiên Riêu tâm tình y hệt người đồng bóng ưa giận dỗi nay thế này mai thế khác. Số nữ có Thiên Đồng hiển thực mà khó chịu, dễ hờn mát. Thiên Đồng khoái hưởng thụ hơn phần đầu. Chủ về Phúc nên đóng ở cung Phúc Đức kể như tốt nhất. Phúc đức cung có sao Thiên Đồng đời sống mãi mãi sung túc với điều kiện không đi cùng Cự Môn.

Điểm đặc biệt của sao Thiên Đồng là không sợ Sát Kị, dễ có thể dựa vào Sát Kị làm kích phát lực. Sát Kị đẩy Thiên Đồng vào quyết liệt phần đầu. Đó chính là lý do cổ nhân đưa ra câu phú: Thiên Đồng Tuất Cung Hóa Kị Mệnh ngộ phản vi giai (Thiên Đồng tại Tuất hội Hóa Kị thủ Mệnh biến ra tốt).

Đồng đóng cung Tuất yên vì
Hãm cung nhưng lại được bề hiển vinh
Nhờ sao Hóa Kị thêm xinh
Ấy là ứng hợp dễ thành giàu sang.

Cách Thiên Đồng cung Tuất hội Hóa Kị cổ thư gọi bằng “Càn cung phản bối”. Không phải chỉ gặp Hóa Kị không là đủ. Hóa Kị chỉ có tác dụng gây phản ứng như kiểu thi trượt rồi đi lính mà lên tướng, nếu đỗ chắc cả ngày đi chạy trốn quân địch. Ngoài Hóa Kị còn cần Cự Môn Hóa Lộc Văn Xương thì mới đến tình trạng bĩ cực thái lai sức dồi ếp đến mức cùng bật ngược trở lại.

Song song với cách Càn cung phản bối là cách Mã đầu đới tiền (cung tên treo cổ ngựa). Mã đầu chỉ cung Ngọ, tiền là Kinh Dương sao xung sát như mũi tên Thiên Đồng đi với Thái Âm tại Ngọ gặp Kinh Dương. Chỉ những người tuổi Bính Dậu mới gặp Kinh Dương thôi.

Phú nói: “Thiên Đồng Kinh Dương cư Ngọ vị, uy chấn biên cương” nghĩa là Thiên Đồng đóng Ngọ cung gặp Kinh Dương uy thế ra tới ngoài biên ải. Đừng nhầm hễ cứ thấy Thiên Đồng hội Kinh Dương cả ở cung Tí mà gọi bằng Mã đầu đới tiền. Cung tên chẳng thể treo ở cổ chuột.

Tử Vi Đầu số viết: “Người tuổi Bính an mệnh Ty Hợi gặp Thiên Đồng, công danh tiền bạc tốt”. Đó là cách Điệp Lộc (hai sao Lộc). Hóa Lộc tại Mệnh Lộc Tồn từ cung xung chiếu Ty. Cách Điệp Lộc thì giàu có. Nếu thêm Tả Hữu Khôi Việt còn sang cả nữa.

Thiên Đồng đóng Dậu, người tuổi Bính cũng Điệp Lộc, Hóa Lộc tại Mệnh, Lộc Tồn từ cung Tài Bạch đứng cùng Cự Môn chiếu qua, Hóa Quyền đi theo Thiên Cơ chiếu lên, tiền bạc khá giả nhưng không hay bằng cách Điệp Lộc của Thiên Đồng Ty Hợi bởi lẽ cả ba sao Đồng, Cơ, Cự không đắc địa.

Còn như Thiên Đồng tại Sửu mà tuổi Bính cũng điệp Lộc Lộc Mệnh, Lộc Tồn cung Quan kém hơn. Vì Cự Đồng đồng cung gây chướng ngại trên hoàn cảnh cũng như trên tính tình. Và Lộc ở Quan chẳng bằng Lộc ở Tài Bạch.

Điệp Lộc còn vào người tuổi Đinh khi Thiên Đồng đóng Ngọ. Nên tử Vi trong mục Tinh luận mới viết: “Đồng Ngọ hãm, Đinh nhân nghi chi”. Đồng Âm Ngọ hãm địa, nhưng tuổi Đinh lại tốt vì có điệp lộc. Vậy thì Thiên Đồng cần điệp lộc.

Với tuổi Canh, cách Thiên Đồng có một điểm nghi nan trên an bài tứ Hóa. Tuổi Canh Đồng gặp Hóa Kị hay Hóa Khoa? Là Nhật Vũ Đồng Âm hay Nhật Vũ Âm Đồng? Theo trình tự của tứ Hóa? Không ai đủ uy quyền mà xác định. Bên Trung Quốc đã bàn cãi nhiều rút cục phe nào làm theo ý phe

ấy. Người trọng tài duy nhất chỉ là Trần Đoàn tiên sinh thôi, mà tiên sinh thì chưa sống lại. Tuổi Canh hễ dính dấp đến Thiên Đồng vấn đề muốn nát óc. Phải mượn tướng cách mà đoán thêm.

Toàn thư viết rằng: “Nhược tại Hợi địa, Canh sinh nhân hạ cục cách ngô Dương Đà Linh Kị xung hội, tác cô đan phá tướng mục tật”. Câu trên nghĩa là: Nếu Đồng đóng Hợi mà tuổi Canh thì xấu, lại gặp cả Dương Đà Linh Kị nữa thì cô đơn, phá tướng, có mục tật (cận thị nặng hoặc đui mù). Vịn vào câu trên mới lập luận chắc Thiên Đồng bị Hóa Kị nên mới thành hạ cục thiết nghĩ không lấy chi làm rõ lắm, vì cũng câu trên lại bảo “cánh ngô” (lại gặp cả) Hóa Kị. Sao phải dùng chữ “cánh ngô” nếu như đương nhiên Thiên Đồng đi với Hóa Kị?

Và rõ ràng hơn ở mục sắp xếp các sao thì chính Tử Vi Đẩu số toàn thư vẫn sắp Hóa Kị đứng bên Thái Âm.

Canh Nhật Vũ Đồng Âm vi thủ

Tân Cự Dương Khúc Xương chí.

Riêng tôi thấy Đồng Âm đứng. Bên Trung Quốc Tử Vi thấu phái chủ trương Âm Đồng.

Về cách “Càn cung phản bối” của Thiên Đồng tại Tuất đứng với Hóa Kị. Cách này hiện lên chỉ với hai tuổi” Tân và Đinh. Tuổi Tân Hóa Kị theo Văn Xương đóng Tuất hoặc Thìn (tùy giờ sinh Tí hay Ngọ). Tuổi Đinh, Hóa Kị theo Cự Môn đóng Thìn.

Tuổi Tân Cự Môn còn có cả Hóa Lộc nữa.

Tuổi Đinh thì Đồng đứng bên Hóa Quyền.

Khi giải thích về “Càn cung phản bối”, cổ nhân viết câu: “Thiên Đồng tại Tuất, Đinh Tân nhân ngô phản vi kỳ” là thế.

Thiên Đồng cần đi với Hóa Lộc, ở trường hợp “càn cung” nó cần Hóa Kị để làm sức kích động, sức kích động ấy chuyển tình trạng bất lợi sang tình trạng thuận lợi, chuyển hàn vi thành khá giả.

Bĩ cực thái lai, cổ nhân ngầm bảo cho hay rằng cách

Càn cung phản bối trước khi nên công phải bị đẩy vào chỗ bĩ đả. Thiên Đồng còn được nhận như bạch thủ hưng gia (tay trắng làm nên) chính là rút tia từ cách “Càn cung” vậy. Cách Càn cung phản bối cổ nhân cho rằng không hợp với nữ mạng. Đàn ông con trai phải thiên ma bách triết được, đàn bà mà như thế chẳng khác gì cô thôn nữ chắt phát dần thân vào chỗ phồn hoa.

Chỉ thấy nói Thiên Đồng tại Tuất mới có cách phản bối. Thiên Đồng tại Thìn thì không. Không thấy Đầu số toàn thư giảng tại sao? Tuy nhiên có luận cứ của người đời sau cho rằng Thìn là cung Thiên La, Tuất là cung Địa Võng. Đã Thiên thì hết khích động phản ứng, chỉ có Địa tiếp xúc với cái thực tế trước mặt mới chịu khích động mà phản ứng thôi. Luận cứ này cũng cho rằng Thiên La nên hiểu theo nghĩa Thiên nhai, Địa võng nên hiểu theo nghĩa Địa đốc (chân trời góc biển). Thiên nhai (chân trời) không tạo khích động lực như Địa đốc. Cái gì thuộc trời như đã an bài rồi, cái gì thuộc đất còn tiếp tục đấu tranh.

Vào số nữ, cổ nhân cho rằng không nên, nếu như nó đi với Thái Âm hay Thiên Lương

Đồng Âm ở Ngọ, ở Tí.

Đồng ở Tuất hội chiếu Cơ Âm ở Dần.

Đồng ở Dậu đối xung với Thái Âm tại Mão.

Đồng đóng Mão, Thái Âm tam hợp từ Hợi.

Đồng Lương cùng đóng Dần Thân.

Đồng ở Tỵ Lương Hợi, Đồng Hợi Lương Tỵ.

Đầu số toàn thư viết: “Nữ mệnh bị sát xung phá ắt hình phu khắc tử, nguyệt lương xung phá và hợp thường làm thứ thất hay lẽ mọn”. Ngoài ra cũng sách trên viết câu “tuy mỹ nhi dâm” (tuy đẹp nhưng mà dâm). Thiên Đồng cung Tí là người đàn bà nhan sắc điểm lệ:

Đồng nguyệt Tí gái hoa dung

Gặp Tang Riêu Khốc, khóc chồng có phen.

Đồng Âm ở đây nếu bị Tang Riêu Khốc thường ly phu, khắc phu thậm chí sát phu. Đồng Âm ở Ngọ đa đoan,

nhân sắc không đẹp như Đồng Âm cung Tí nhưng tính dục cực vượng thịnh. Đồng Dậu, Nguyệt Mão, Đồng Mão Nguyệt Hợi, cũng đẹp và dâm vậy. Luận đoán quan kiện đặt trên căn bản ý chí lực và tình tự. Thiên Đồng chịu ảnh hưởng của Thái Âm làm cho ý chí lực bạc nhược. Nếu bị xung phá của Hỏa Linh nữa càng bạc nhược lại thêm bị kích thích. Thiên Đồng chịu ảnh hưởng của Thiên Lương đưa ý chí vào mộng cảnh. Nếu bị Kinh Dương Đà La thì càng như sống trong mơ.

Chủ yếu khi luận đoán về Thiên Đồng là ý chí và tình tự. Ý chí với tình tự phải cân bằng khi vào nữ mạng thì cuộc đời mới yên ổn thanh thoi. Bị Thái Âm làm cho bạc nhược ý chí. Bị Thiên Lương làm cho viễn vông tình tự đều không hay. Nếu như lại chịu xung phá của Kinh Đà Linh Hỏa thêm phiền nữa.

Thiên Đồng mừng thấy Khoa Lộc đi bên

Ý chí tình tự vừa đúng, thẳng bằng.

Nếu Thiên Đồng gặp Quyền Kị Lộc, ý chí tình tự cũng mất thẳng bằng như gặp Linh Hỏa Lương Âm Kinh Đà. Cổ nhân cho rằng cơm no ấm cật quá tất nghĩ chuyện dâm dật.

Phú có câu: Nữ mệnh Thiên Đồng tức thị hiền (người nữ Thiên Đồng thủ Mệnh hiền thực). Thiên Đồng không giản đơn như thế đâu. Như cách Cự Đồng vào Nữ thì tâm trạng không lúc nào hết thống khổ.

Bản chất hiền thực tất cần an định êm ả. Không có khả năng chống chọi với phá phách phiền nhiễu. Nên Thiên Đồng ý chí phải vững vàng không bạc nhược, không quá khích. Tình tự phải chân chất, không viễn vông mơ ước hão. Bởi vậy Thiên Đồng sợ Kị, Kinh Đà, Lương Âm, Hỏa, Linh.

Các sao trong Tử Vi Khoa ẩn chứa cái lý của nhân sinh thật phong phú. Thiên Đồng Tái Âm đi vào nam mạng thì sao? Đồng với Thái Âm ở Tí Ngọ đều là con người hào hoa, đa tình. Thiên Đồng Dậu Mão dễ vương bầy tình.

Cự Đồng đóng cung Sứ Mùi nam mạng tâm thường, cuộc đời nhiều chương ngại. Cần nghiên cứu thêm qua những

câu phú sau đây nói về Thiên Đồng:

*Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bắt cát. (Thiên Đồng thù Mệnh gặp Kiếp Không thành xấu).

*Đồng Âm Ngọ, Bính Mậu tuế cư phúc tăng tài hoạch, gia hãm Long Trì tu phòng mục tật. (Đồng Âm đóng Ngọ, tuổi Bính Mậu công danh phát đạt tiền tài phần chân, ngại gặp Long Trì tật có tật ở mắt).

*Đồng Âm tại Tí, nguyệt lãng thiên môn dung nhan mỹ ái; Hồ Khốc Riên Tang xâm nhập chung thân đa lệ phối duyên. (Đồng Âm thù Mệnh tại Tí, như mặt trăng sáng nơi cửa trời, nhan sắc xinh đẹp nếu bị Bạch Hồ, Thiên Khốc, Thiên Riêu Tang Môn xâm nhập thì dang dở, khổ tình hay góa bụa).

*Phúc điệu phùng Việt điệu ư Tí cung định thị hải hà dục tú. (Đồng Âm đóng Tí thù Mệnh gặp Thiên Việt có vẻ đẹp sang trọng uy nghi).

*Phúc điệu nhi ngộ Cự Môn thê nhi lãng đấng. (Thiên Đồng Cự Môn Đồng cư thù Mệnh lận đận cuộc đời, nhưng Thiên Đồng Cự Môn đóng phối cung thì hoặc muôn chồng vợ muôn con hoặc gãy đổ duyên tình).

*Đồng Lương viên, ngộ Khôi Quyền tăng phùng Linh Kị, giao lại song Lộc doanh thương dị đạt phú cường. (Đồng Lương đóng Mệnh, gặp Thiên Khôi Hóa Quyền lại có Linh Kị và song Lộc chiếu làm thương mại dễ nên giàu).

LUÂN VỀ SAO LIÊM TRINH:

Liêm Trinh thộc Âm Hỏa kiêm Mộc, hóa khí là “tù” trong hệ Bắc Đẩu. Còn mang tên Đào Hoa thứ hai (sau Tham Lang). Nói theo Tử Vi hệ phái Việt Nam là Đào Hoa thứ ba. Vì Tử Vi Việt có hẳn một sao đào hoa mà Trung Quốc thường gọi bằng “hàm trì”, với Trung Quốc chỉ có bốn chỗ đương nhiên Đào Hoa ở đây là: Tí Ngọ, Mão Dậu mà họ gọi bằng “bại địa”.

Hình dáng Liêm Trinh gầy nhiều xương hơn thịt, mắt lộ hầu lộ. Liêm Trinh cát hung vô định. Hội hợp với nhiều sao tốt thì công danh địa vị cao, trong chính giới phát triển tốt. Gặp các hung sát tinh hay bị hoạn nạn tai ách.

Đời Hán nhà Dịch học Dục Phụng viết: “Tham Lang thiện hành, Liêm Trinh ác hạnh”. Hai sao ấy phẩm hạnh đi ngược chiều nhau. Liêm Trinh chủ về phẩm chất, sự vinh nhục trên địa vị khi lên thì tốt, khi xuống thì xấu. Liêm Trinh mang hóa khí là “Tù”.

Liêm Trinh trên cảm tình, tính tình khi thân cảm tình hòa hiệp, lúc ghét giận thì hung dữ bất thường. Chất Đào Hoa của Liêm Trinh cũng căn cứ trên tình trạng đổi thay ấy mà định. Liêm Trinh với Nữ nhân biến thái của tình cảm mau và mạnh hơn với Nam nhân.

Trường hợp Liêm Trinh đứng với Hóa Kị hoặc gặp Hóa Kị chuyện hôn nhân không tránh khỏi gây đổ. Liêm Trinh đi với Tham Lang, Thất Sát, Phá Quân nữ mạng vợ chồng lấy nhau tự nhiên không nghi lễ, hoặc lấy chồng người.

Có câu phú: Liêm Trinh thanh bạch năng tương thù (Liêm Trinh ôm chặt khối tình).

Liêm Trinh độc tọa ở Dần Thân

Liêm Trinh đứng bên Thiên Phủ ở Thìn Tuất

Đứng cùng Thiên Tướng ở Ngọ, Tí

Đứng cùng Thất Sát ở Sửu Mùi

Đứng cung Tham Lang ở Ty, Hợi.

Thanh bạch năng tương thủ có hai kết cấu:

-Liêm Trinh đứng một mình ở Dần cùng với Lộc Tồn, hoặc Lộc Tồn chiếu

-Liêm Trinh đứng một mình ở Thân với Lộc Tồn hoặc Lộc Tồn chiếu.

Nói tóm lại chỉ ở trường hợp Liêm Trinh độc tọa gặp Lộc Tồn mới thanh bạch thôi. Năng tương thủ có nghĩa là yêu mà bị xa nhau, yêu mà bị thất bại trong tình yêu nhưng vẫn giữ được mối tình ấy mãi mãi.

Tính chất của Lộc Tồn là đôn hậu, tâm địa chân thành, trân trọng, cẩn thận. Khi đã đi cùng với các sao khác thì cái điều thanh bạch năng tương thủ của Liêm Trinh Lộc Tồn bị chon không còn thuần khiết nữa. Cách này chỉ áp dụng với nữ mạng.

Nói về cách Liêm Sát. Phú viết: Liêm Trinh Mùi cung vô sát, phú quý thanh dương phanviễn danh (Liêm Trinh đóng Mùi (bên cạnh Thất Sát) không gặp hung sát tinh thì phú quý tiếng tăm). Điểm đáng chú ý không thấy nói tới Liêm đóng Sửu. Nếu chỉ đóng Mùi chưa đủ, cần phải có Tả Hữu nữa mới thực sự ăn to như câu phú trên đây.

Liêm Trinh Mùi còn được coi là cách “hùng tú triều nguyên” đời nếm trải gian tân ngoài tuổi trung niên thành công. Thân Quyền Lộc dĩ nhiên như gấm thêm hoa. Nhưng cần bản cần Tả Hữu đã. Liêm Sát vào Mùi hay Sửu bị Hóa Kị hay Linh Hóa Kiếp Không sẽ biến thành cánh “mã cách lý thi” (da ngựa bọc thây) đa số vào võ nghiệp có địa vị cao và rồi chết với nghề. Liêm Sát như thế vào nữ mạng vất vả bôn ba và chết đột ngột. Liêm Sát ở Mùi sách chỉ nói là con người làm ăn có của (tích phú chi nhân).

Đọc trong “Cốt Tủy Phú” của Đầu Số toàn thư khi luận về sao Liêm Sát có mấy cân cho ta cảm tưởng như mâu thuẫn. Những câu ấy là: Liêm Trinh Thất Sát phan vi tích phú chi nhân; Liêm Trinh Thất Sát lưu đấng thiên nhai. Rồi ở “Thái Vi Phú” lại viết câu: “Thất Sát Liêm Trinh đồng vị, lộ

thượng mai thi.

Thật ra những câu phú ấy không mâu thuẫn. Vì Liêm Sát đồng vì bao giờ cũng xuất hiện ở hai cung Mùi và Sửu. Liêm Sát ở Mùi mới là miếu địa. Liêm Sát Sửu bị vào thế hãm nhược. Vì Mùi là Mộc cục và Hỏa khố. Trong khi Sửu là Kim cục và Thủy khố. Liêm Sát tại Mùi miếu địa nên tích phú, phần đầu gian khổ thành công.

Liêm Sát Sửu nếu không hội tụ được những cát tinh mà lại bị hung sát kị vây bọc thành ra lưu đặng thiên nhai, lộ thượng mai thi. Liêm Trinh vào Sửu cung hỏa bị thủy khắc.

Chuyển qua cách Liêm Tham (Tỵ hoặc Hợi). Cách này đưa tới tình trạng hình tù hoặc khách tử tha hương. Liêm Trinh vốn là Đào Hoa tinh, Tham Lang cũng lại là đào hoa tinh. Trước hết tình trạng hình tù ở tình trường đã. Mê đắm sắc dục, bạc bài ăn chơi, mang công mắc nợ, bệnh tật triền miên.

Hình tù có mấy loại:

-Cảnh sát bỏ tù

-Nợ bỏ tù (suốt đời nợ nần)

-Bệnh bỏ tù (đau ốm hoại)

-Vợ hoặc chồng bỏ tù (cuộc duyên giao hãm)

Không cứ phải vào nhà giam mới bị gọi là tù.

Liêm Trinh không ưa Hóa Kị nhưng ở cách Liêm Tham mà được Hóa Kị lại giảm bớt hẳn chuyện hình tù. Hỏa hay Linh cũng tạo sự tốt hơn cho Liêm Tham. Liêm Tham ở Hợi hội với Kinh Dương Mão, đàn ông tù tội, đàn bà phong trần hoặc Kinh Dương Dậu hội chiếu Liêm Tham Tỵ cũng thế. Có lập luận cho rằng Liêm Tham Tỵ nặng hơn Hợi, lập luận này không vững lắm.

Tham Lang là đào hoa tinh, Liêm Trinh cũng là đào hoa tinh. Nay hai đào hoa tụ lại một chỗ ở Hợi, cổ nhân gọi bằng phiếm thủy đào hoa (hoa đào trên sóng nước) thường là con người đam mê tửu sắc, bạc bài, khác với ở Tỵ ưa mạo hiểm vướng vít vào những rắc rối luật pháp. Bởi thế Liêm Tham Tỵ dễ bị tù hơn ở Hợi. Cũng có thuyết cho rằng Tham

Lang cung Tí mới gọi bằng phiếm thủy đào hoa. Tí hay Hợi đều thuộc thủy. Nhưng ở Hợi có lý hơn vì ở Tí thì chỉ có Tham đứng độc thủ. Tham Lang tại Tí cũng đam mê sắc tình nhưng nhẹ hơn Liêm Tham Hợi. Tham Lang Tí ưa phét lác hơn thực sự hành động.

Trường hợp người tuổi Giáp gặp cách Liêm Tham Hợi lại thường phong lưu vì một Lộc ở Mệnh một Lộc theo thế nhị hợp chưa kể đến hai sao Quyền Khoa hội tụ. Tại Tí tuổi Giáp không phong lưu như Hợi (thiếu mất Lộc Tồn), công danh lận đận nhưng cũng đáng nể.

Liêm Trinh đứng ở bốn cung vương Tí Ngọ Mão Dậu thế nào? Đứng Mão Dậu với Phá Quân. Đứng Tí Ngọ với Thiên tướng. Liêm Phá là con người tinh thần mạo hiểm cao, ưa xông xáo, thông tuệ nhưng học hành thường thôi, hay làm liều, lợi mình trước đã dù có hại người. Liêm Phá có thể là tay sai đắc lực, nhưng không thể thành người bạn tâm giao với ai, có nhiều nghị lực phấn đấu.

Liêm Phá hợp với tuổi Giáp và Ất. Ất tốt hơn Giáp nếu Liêm Phá đóng Mão cung. Liêm Phá sợ gặp Hòa Tinh, nếu gặp dễ bị tai nạn hoặc ốm đau dữ dội với những bệnh hiểm nguy. Phú có câu: Liêm Phá Hòa cư hãm địa tự ải đầu hà. (Liêm Phá hội Hòa Tinh bị tai họa đến độ phải tự sát). Cái nghĩa đâm đầu xuống sông, treo cổ chỉ để nói lên tình trạng hiểm nguy chứ không nhất định phải vậy.

Liêm Hòa Không Kiếp Phá Quân

Hãm cung thất cổ nợ trần hết duyên

Liêm Phá tại Mão Dậu cung

Sát tinh cùng hội danh công khó màng

Sát tinh ý chỉ Kinh Đà Không Kiếp. Tuy nhiên đối với các tuổi Giáp Ất lại không thể ứng dụng những lời ca trên. Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có đưa ra một câu phú:

Liêm Trinh Tham Sát Phá Quân phùng

Văn Khúc Thiên Di tác cự nhưng. (nghĩa là Liêm Trinh hội Tham Lang, Thất Sát hay Phá Quân, nếu tự cung Thiên Di lại xuất hiện Văn Khúc thì...).

Mấy chữ “tác cụ nhưng” không thể giảng ra được. Chỉ khả dĩ ghép hai chữ “cụ nhưng” thành chữ tác (làm giặc) thì mới có lý thôi. Ý chỉ nếu Liêm Tham Sát Phá gặp nhau lại thêm Văn Khúc xung chiếu Mệnh thì có khuynh hướng làm loạn, làm giặc. “Cụ nhưng” cổ nhân tách chữ tác ra cho vần điệu với âm thanh “phùng” ở về trên.

Liêm phá vào nữ mạng tháo vát, nhhung tính không nhu thuận đưa đến những khó khăn cho cuộc sống duyên tình. Liêm Trinh hợp với hai sao Thiên Tướng và Thiên Phủ. Chỉ đi với hai sao này Liêm Trinh mới không tác hại.

Phú trong Tử Vi Đầu số viết: “Thiên Phủ Tuất cung vô sát tâu, Giáp Kỷ sinh nhân phú vạn kim” (Thiên Phủ đóng Tuất mà người Giáp Kỷ giàu có). Thiên Phủ ở Tuất đương nhiên phải đứng với Liêm Trinh. Tuổi Giáp Hóa Lộc tại Mệnh, Lộc Tồn cung Dần hội tụ theo thế tam hợp.

Tuổi Kỷ, Lộc Tồn chiếu từ Ngọ, Hóa Quyền chiếu từ Dần. Thiên Phủ tại Thìn với tuổi Giáp không có song Lộc với tuổi Kỷ Tử Vi hãm. Xem như vậy thấy rằng Liêm Trinh thường phải đi với Lộc mới hay. Câu phú chỉ nhắc đến Thiên Phủ, không nhắc đến Liêm Trinh, đó là một lỗi ẩn ý của cổ nhân. Sự thật là Liêm Trinh đứng vai chủ chốt.

Liêm Trinh hội Lộc tiền bạc hoạch phát, Thiên Phủ thành ông thần giữ kho. Liêm Phủ khi đã nên công thì cơ nghiệp bền, không thân trầm. Liêm Trinh đứng cùng Thiên Tướng tại Tí Ngọ, thì Ngọ hay đẹp hơn Tí cho tuổi Giáp. Giáp có song Lộc nếu ở Ngọ.

Kỷ Lộc Tồn tại Mệnh cung, cái thế gần cận mạnh hơn chiếu. Tuy nhiên cách Liêm Phủ với Liêm Tướng có một khác biệt ấy là: Liêm Phủ trong cuộc phấn đấu gặp may nhiều hơn như truyền đi gió đẩy. Trong khi Liêm Tướng dùng mồ hôi sức lực để thành công nhuu thuyền phải chèo.

Liêm Tướng Nữ mệnh, đàn bà giỏi trị gia gánh vác từ tay gây cơ dựng nghiệp và ít được nhờ chồng, tuy nhiên cuộc sống lứa đôi vẫn hạnh phúc. Liêm Tướng nếu không phải tuổi Giáp Kỷ thì vất vả hơn. Liêm Phủ nếu không phải Giáp

Kỷ chi ở mức tiểu phú quý thôi.

Về Liêm Trinh còn những điều cần biết như sau:

Phú viết: Liêm Trinh Bạch Hổ hình tượng nan đào (Liêm Trinh gặp Bạch Hổ hay bị dính vào pháp luật, tù tội hoặc bị phạt tiền). Bạch Hổ ở câ phú này chỏ vào niên Bạch hổ chứ không phải Bạch hổ đóng ngay tại Mệnh.

Riêng Quan Lộc cung mà Liêm Trinh gặp Kinh Dương thì thường bị thừa gởi, kiện tụng hoặc mất quyền chức. Liêm Phá Liêm Sát vào cung Thiên Di tất phiêu lãng quê người như phú có câu: Liêm Trinh Phá Sát hội Thiên Di tử ư ngoại đạo” phiêu lãng hoài, đương nhiên không thể chết nơi quê hương bản quán, chứ không phải tử ư ngoại đạo tức là chết đường chết chợ.

Liêm Trinh ở hãm cungt mà gặp Hóa Kị Văn Khúc biểu thị con người tham lam vô độ, chỉ ưa tiện nghi không chịu được kham khổ dễ vì tiện nghi mà phản bội. Liêm Trinh đứng cùng với các sao đào hoa như Tham Lang, Đào Hoa, đàn bà hay có bệnh máu huyết, đàn ông bệnh thận. Người đời sau đưa thêm ra một số phú đoán về Liêm Trinh:

*Liêm Trinh Phá Quân hiểm phòng vô hạn. (Số có Liêm Phá thủ Mệnh luôn luôn phải đề phòng những hiểm nguy).

*Liêm tại Cấn Khôn cung, nữ mệnh trích lệ thương phu, nhược lai cô quả không môn tiềm ần; nam nhân bất đa truant tại ách ư lương thê. (Liêm Trinh độc thủ Dần hay Thân, số gái dễ xa chồng phải nhỏ nước mắt thương nhớ, nếu lại gặp phải Cô Thần Quả Tú nữa thì xa hẳn hoặc góa chồng, sống đơn độc, số trai được vợ hiền mà vợ lại chết sớm).

*Liêm tọa Thân cung phùng Phụ Bát

Cách kiem Hóa cát phúc quang vinh. (Liêm Trinh tọa thủ ở Thân có Tả Phụ, hay Hữu Bát mà được Hóa Lộc Quyền Hóa Khoa thì giàu sang).

*Liêm Sát Sừ Mùi, Ất kỷ âm nam khí hùng trí dũng, Tuần Triệt vô sâm kiem hữu Khoa Sinh hạn đá danh tài tốc phát. (Liêm Tinh Thất Sát đồng Sừ hay Mùi không bị Tuần

Triệt anh hùng trí dũng tuổi Ất, tuổi Kỷ gặp vận hạnh có Hóa Khoa Trành Sinh thì phần phát mau chóng).

*Liêm phùng Văn Quế cánh bốn ba. (Liêm Trinh đứng bên Văn Khúc càng bốn ba).

*Trọng Do uy mãnh Liêm Trinh nhập miếu hội Tướng quân. (Liêm Trinh đứng miếu địa cùng sao Tướng Quân là người anh hùng dám đương đầu như thầy Trọng Do học trò Khổng Tử).

*Vương Lương ải ngục Liêm Trinh hãm Địa Kiếp u Hòa cung. (Liêm Trinh đóng Ty, gặp Địa Kiếp như Vương Lương ngộ nạn trong ngục thất)

*Liêm Tham Ty Hợi chớ bàn

Chàng Tiêu thừa trước tân toan ngục trường

*Công danh đợi tuổi tác cao

Giáp Liêm giáp Sát đoán nào có sai. (Mệnh cung bị Liêm Trinh, Thất Sát giáp thì về già mới nên công danh).

*Liêm Hao Tài Bạch cùng ngôi

Phá tan tổ nghiệp ra người lãng nhàn. (Liêm Trinh Phá Quân vào Tài Bạch, phá tổ nghiệp bỏ quê hương mà đi).

*Tham Liêm đồng độ đảo điên

Trai thì phiêu lãng gái duyên thâm tàng.

LUẬN VỀ SAO THIÊN PHỦ:

Thiên Phủ là chủ tinh của hệ Nam Đẩu. Tính chất của chủ tinh mang một đặc điểm trên mặt nào đó. Cũng có tài năng lãnh đạo, nhưng Tử Vi khả năng sáng mạnh mẽ, trong khi Thiên Phủ chỉ đặc lực khi cục diện đã xong xuôi. Thiên Phủ dễ bị ảnh hưởng người khác, quyết định tính thấp. Cổ nhân coi Tử Vi chủ về tước lộc và chỉ xem Thiên Phủ chủ về tiền bạc y lộc. Bởi tại người xưa quan niệm quyền chức hơn giàu có, uy thế hơn tiền bạc. Ngoài ra tính chất của nam đẩu là gìn giữ bảo thủ và tuổi thọ.

Tính chất của bắc đẩu là tranh đấu, khắc phục và dễ lâm hiểm nguy. Thiên Phủ cần là chứng tượng của sinh ra nuôi, lớn lên, cho nên Thiên Phủ mà đóng ở bào huynh thì anh em đông, Thiên Phủ đóng Mệnh thì trường thọ. Thiên Phủ thuộc dương Thổ, hóa khí là hiền năng. Thiên Phủ thủ Mệnh làm việc gì cũng cần thận chú ý, nhưng lại ưa chỉ tay nắm ngón hơn tự mình động thủ. Khiêm cung bề ngoài, nhưng tâm ý lại khác, tính tình phong lưu.

Thiên Phủ bản chất là chất chứa, cất dấu nên gọi bằng tài khố (kho tiền), bởi vậy cần Lộc thì kho mới đầy. Thiên Phủ sợ gặp sát tinh, nếu bị Kinh Đà Linh Hỏa Không Kiếp xung chiếu hay thủ, cổ nhân ví như kho không có cửa (lộ khố) tương phản với bản chất Thiên Phủ ắt không tốt đẹp. Cổ ca có câu: “Thiên Phủ hội hợp với Hòa Linh Dương Đà là con người gian trá” lắm thủ đoạn thích dùng quyền thuật.

Thiên Phủ là chủ tinh nên cũng ưa được châu hầu vì thế hợp với Hóa Khoa, điểm này thì hoàn toàn cùng chất với Tử Vi. Tử Vi có Thiên Phủ Thiên Tướng chiếu gọi bằng “Phủ Tướng triều viên” hay Thiên Phủ Tử Vi có Thiên Tướng chiếu gọi bằng “Tứ Tướng triều viên”, tất cả đều coi là trăm quan hướng châu cả.

Thiên Phủ cần an định, bởi vậy sự có mặt của Thiên Khôi Thiên Việt không quan trọng lắm, vì lẽ Khôi Việt chủ

về cơ hội, đã an định đương nhiên cơ hội không được coi làm cần thiết. Thiên Phủ cần Tả Hữu Bát và Văn Xương, Văn Khúc, hoặc đứng cùng, hoặc tam hợp chiếu, hoặc giáp mệnh.

Một khi Thiên Phủ đã có Hóa Khoa Xương Khúc Tả Hữu rồi thì dù cho không gặp Lộc hay bị vài sát tinh cũng không xem như tình trạng kho rỗng, kho không cửa. Thiên Phủ Hóa được thiên hạ tín nhiệm trên mặt tiền bạc, thêm Tả Hữu càng mạnh hơn, mặt khác cũng là con người giỏi cang đáng trách nhiệm.

Thiên Phủ đóng Thìn Tuất (cùng với Liêm Trinh) có Hóa Khoa mà thêm Khôi Việt giáp hay hội tụ qua tam hợp, gặp cơ hội thi triển tài năng xứng đáng địa vị cầm đầu. Đối với Thiên Phủ cổ nhân cho rằng Hóa Khoa tốt hơn Hóa Quyền.

Bản thân Thiên Phủ là kho đụn chủ về tài quyền, không gặp Hóa Lộc hay Lộc Tồn hẳn nhiên quyền lực Thiên Phủ phải kém đi, lại luôn luôn chịu ảnh hưởng Thất Sát từ cung đối xung mà lại có Hóa Quyền nữa thì sức xung kích quá mạnh, Thiên Phủ khó bảo vệ tính chất an định. Thiên Phủ Lộc Tồn đồng cung là kho có tài lộc chính là một triệu chứng an định vững bền. Lực lượng bảo thủ đã thắng sức xung kích của Thất Sát.

Trường hợp Thiên Phủ không đứng với Lộc nhưng có Tả Hữu và phải không bị những sát tinh khác quấy nhiễu, và đối cung Thất Sát lực lượng hùng mạnh hơn thì Thiên Phủ mới có được sự kích thích mà tự biến thành một kẻ phấn đấu không mệt mỏi mà thành công (trên mặt tiền tài thôi). Tỉ dụ Thiên Phủ đóng Tị Hợi, xung chiếu có Tử Vi Thất Sát, phía lực lượng xung kích còn có cả Hóa Quyền.

Có sự xung kích như thế Thiên Phủ mới từ bỏ hẳn bản chất an định. Nếu sức xung kích chỉ vừa phải như thiếu Quyền thì cuộc phấn đấu của Thiên Phủ thường đưa đến kết quả nửa đường bỏ cuộc.

Một trường hợp ngoại lệ cho Thiên Phủ Tị và Hợi là gặp Không Kiếp đồng cung thì lại biến ra con người thâm

trầm khó hiểu nhưng đủ thủ đoạn để chống với sức xung kích kia mà làm nên giàu có. Không Kiếp phải đứng ở Tị Hợi mới hợp cách, Không Kiếp hội tụ theo thể tam hợp đều kể là “kho rỗng”, “kho lộ”, “kho thùng”. Không Kiếp chiếu làm cho tâm ý giao quyết, nghi hoặc, không thích ứng với thực tế, cuối cùng như kẻ thất bại cô đơn.

Với nữ mệnh cũng áp dụng lối đoán như nam mệnh. Chỉ khác một điểm Thiên Phủ đắc thế thì tranh đoạt Phu quyền, gây cơ dựng nghiệp. Thiên Phủ không đắc thế mà gặp Không Kiếp thì tình duyên đứt đoạn dở dang.

Nhất là Thiên Phủ ở Mão hay Dậu. Thiên Phủ đứng một mình ở Mão Dậu, Sửu Mùi mà gặp Hỏa Linh Không Kiếp, Kinh Đà thường là con người đầu cơ thủ sảo gian ngoan.

Những câu phú về Thiên Phủ đáng chú ý:

*Nam Thiên Phủ giao long vắng đực. (Mệnh đàn ông có Thiên Phủ tọa thủ là người làm việc thận trọng suy nghĩ chín chắn).

*Thiên Phủ tối kỵ Không tinh nhĩ ngộ Thanh Long phản vi cát tường. (Thiên Phủ sợ gặp Không Kiếp, nếu được Thanh Long thì tốt lắm).

*Phủ Cư địa vãng nhược lâm Tuân Không Nhâm Đinh tuế, mẫn thế hoài bão nanphùng vận lộ. (Thiên Phủ tại Tuất mà bị Tuân Không, tuổi Đinh Nhâm cả đời hoài bão không đạt).

*Thiên Phủ kỵ ngộ Không tinh lai nhập tài cung tán hao vô độ. (Thiên Phủ không hợp với Tuân Triệt Kiếp Không án ngữ Thiên Phủ ở cung tài bạch thì tiền bạc hao tán hoài).

*Thiên Phủ lâm Tuất cung vô sát tấu, Giáp Kỷ nhân yêu kim huy thả phú. (Thiên Phủ đóng Tuất thủ Mệnh không bị sát tinh, người tuổi Giáp Kỷ dễ phát công danh và cũng dễ làm giàu).

*Thiên Phủ cư Ngọ Tuất Thiên Tướng lai triều Giáp nhân nhất phẩm chi quý. (Thiên Phủ đóng Ngọ hay Tuất có Thiên Tướng châu, người tuổi Giáp chức lớn).

*Phủ tướng lai triều chung thân Phúc Lộc. (Mệnh có Phủ Tướng châu, suốt đời có Lộc, tiền bạc dư dả, tốt nhất là ở hai cung tài bạch Quan Lộc chiếu lên, có kèm Lộc càng hay).

*Phủ Vũ Tí cung, Giáp Đinh nhân phúc vượng, danh hương; hung lại Tuần Kiếp danh sú nhân khi, ư Canh Nhâm tuế, tài phúc trường hành. (Cung Mệnh có Thiên Phủ ở Tí, người tuổi Giáp Đinh hưởng phúc nên danh nên giá nếu bị Tuần Không, Địa Kiếp thì dễ mang tiếng mang tai, riêng tuổi Canh Nhâm không đáng ngại).

*Phủ Vũ Khúc an bài cung Tí

Người Giáp Đinh cách ấy rất hay

Gặp phải Tuần Kiếp rui thay

Tiếng bia miệng xấu tháng ngày không yên

Nhưng gặp tuổi Canh Nhâm chế ngự

Phúc tài kia vẫn cứ hanh thông.

*Thiên Phủ Lộc Tồn Xương Khúc cự vạn chi tư. (Mệnh có Thiên Phủ Lộc Tồn Xương Khúc là số giàu).

*Thiên Phủ Xương Khúc Tả Hữu cao đệ ân vinh. (Mệnh Thiên Phủ cùng Tả Hữu Xương Khúc công thành danh toại).

*Thiên Phủ cư Tài bạch diệt thị đa tài, ngộ Thiên Hình tất hao tổn. (Thiên Phủ đóng tài bạch thì tiền cũng nhiều, nhưng bị Thiên Hình thành hao tổn).

*Phủ phùng Đà Tuế Tỵ cung

Cuồng ngôn loạn ngữ nói rông tháng ngày.

*Phủ phùng Không xứ tài suy

Thù chung nan bảo tư cơ lưu truyền.

*Phủ kị Không Kiếp đồng cung

Gặp Thanh Long lại biến thành vòng cát tinh. (Phủ gặp Không Kiếp đồng cung, có Thanh Long lại trở nên tốt hẳn như ở trên đã bàn).

*Dần cung Tử Phủ khá tường

Tam Hóa Kinh Bát là phương văn nhân

Ấy văn cách chuyển sang võ tướng

Năm quyền uy bốn hướng phục tòng

Nếu gặp Không Kiếp giao lâm
 Ất danh hư ảo có lầm được đâu.

LUẬN VỀ SAO THÁI ÂM:

Tử Vi Đầu Số Toàn Thư khi luận về sao Thái Âm bao giờ cũng dựa trên ba cơ sở:

a) Đứng đúng chỗ hay không? Miếu địa hay Hãm địa?

b) Sinh ban ngày hay sinh ban đêm?

c) Sinh vào thượng tuần hay hạ tuần trong tháng?

Thái Âm đóng Hợi, Tí Sửu tốt nhất, Thân Dậu, Tuất thứ nhì. Ở Dần Mão Thìn kên băng thất huy (mất vẻ sáng). Ở Tỵ, Ngọ Mùi là lạc hãm. Trong chỗ tốt nhất thì Hợi tốt hơn cả, cổ nhân đặt thành cách: “Nguyệt lãng thiên môn”.

Sinh ngày sinh đêm chia hai nhóm giờ:

1) Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi.

2) Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tí, Sửu.

Về thượng tuần hay hạ tuần thì từ 1 đến rằm là thượng tuần, từ 16 đến ba mươi là hạ tuần. Thượng tuần mặt trăng mỗi ngày mỗi tròn. Hạ tuần mặt trăng mỗi ngày mỗi khuyết. Tròn tốt, khuyết xấu. Nhưng người sinh hôm rằm thời gian trăng tròn tới điểm cực lại không đẹp bằng người sinh ngày 13 hay 14.

Về Thái Âm trong những câu luận đoán có một câu đáng chú ý: “Thái Âm tại Thân Mệnh cung chủ tùy nương cái giá” nghĩa là bỏ chồng về nhà mẹ. Điều này không thể cứ Thái Âm là áp dụng. Còn phải tùy Thái Âm có rơi vào hãm địa không đã. Nếu Thái Âm ở Tỵ, sinh vào hạ tuần mà sinh ngày thì lời luận đoán trên rất đúng về cái việc “tùy nương cái giá”, còn thêm sát tinh phụ hội càng đúng hơn, nhất là Hòa Tinh.

Cổ nhân còn viết: “Thái Âm thủ Mệnh bất lợi cho những người thân thuộc về phái nữ, vào số trai mẹ mất sớm, về cuối đời góa vợ, xa chị em gái; vào số gái cũng thế, ngoài ra còn ảnh hưởng đến bản thân nữa. Điều này cũng chỉ áp dụng qua tình trạng lạc hãm, thượng tuần, hạ tuần và sinh

ngày sinh đêm.

Thái Âm vào Thân, ảnh hưởng nghiêm trọng hơn Mệnh với trường hợp Thái Âm tại Tỵ mà gặp Thái Dương Thiên Lương Dậu, rồi bên cạnh Thái Âm còn gặp sát tinh hội tụ nữa, ảnh hưởng nặng nề hẳn.

Với thời đại hiện nay, chuyện “tùy nương cái giá” không như ngày xưa cho nên khi nói về hậu quả của sự việc ấy phải rộng rãi hơn. Nguyên tắc của Tử Vi sao thường có cặp đôi, thấy Thiên Phủ thì trước hãy xem thế đứng của Thái Dương.

Trong bản số chỉ có hai cung Thái Âm Thái Dương đứng một chỗ là Sửu hoặc Mùi. Nếu tốt cả hai cùng tốt, mà xấu thì cả hai cùng xấu. Những sao đi cặp, hễ cứ sao xung chiếu bị ảnh hưởng tốt xấu đều phản xạ qua sao bên kia.

Nhật Nguyệt ở Sửu Mùi thì ở Mùi tốt hơn ở Sửu. Tại sao? Vì Thái Dương ảnh hưởng mạnh hơn Thái Âm mà Mùi cung thì Thái Dương không thất huy như Sửu mới có sức trợ giúp Thái Âm. Cho nên Nhật Nguyệt Sửu, cuộc đời khó hiển đạt và lên xuống thất thường, nhưng Nhật Nguyệt Mùi an định hơn.

Nhật Nguyệt đồng cung mang nhiều khuyết điểm, vì cổ ca viết: Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu hội, tịnh minh nghĩa là Nhật Nguyệt đóng mệnh không bằng chiếu Mệnh hoặc đứng hai chỗ cùng sáng như Thái Âm Hợi, Thái Dương Mão, Thái Âm Tuất, Thái Dương Thìn.

Phú nói:

Nhật Nguyệt Mệnh Thân cư Sửu Mùi

Tam phương vô cát phản vi hung.

Vậy thì cách Nhật Nguyệt Sửu Mùi cần những sao tốt khác trợ lực mới đáng kể.

Thái Âm gặp Cự Môn Hóa Kị bị nhiều phiền lụy. Như trường hợp Mệnh không chính tinh Nhật đóng Thân, Nguyệt đóng Ngọ bên cạnh Nhật có Cự thêm Kị, phá mất cái tốt của hiệp. Thái Âm cũng không ưa Thiên Lương trong trường hợp đóng ở Tỵ, mà Dương Lương từ Dậu chiếu

thường đưa đến tình trạng ly tán vợ chồng. Trường hợp Mệnh Cự Môn Thái Dương mà Thái Âm cung có Đồng Âm gặp Hóa Kị duyên cũng khó bền.

Về Thái Âm cổ nhân còn tìm thấy cách “minh châu xuất hải” (hòn ngọc sáng rực ngoài biển khơi). Cách này đòi hỏi Mệnh vô chính diệu tại Mùi, Thái Âm đóng Hợi, Thái Dương đóng Mão. Sách viết: “Nhật Mão Nguyệt Hợi Mệnh Mùi cung. Minh châu xuất hải vị tam công” (Thái Dương Mão, Thái Âm Hợi, Mệnh lập Mùi là cách minh châu xuất hải chức vị cao, quyền thế). Nhưng cách “minh châu xuất hải” vẫn phải cần Tả Hữu đứng cùng Nhật Nguyệt mới toàn bích, thiếu Tả Hữu mà gặp thêm hung sát tinh thì chỉ bình thường.

Luận về Thái Dương Thái Âm còn phải chú ý đến các cách giáp Mệnh. Như Thiên Phủ thủ Mệnh ở Sửu, Nguyệt tại Dần, Nhật tại Tí, Thiên Phủ Mùi Nguyệt ở Thân, Nhật giáp từ cung Ngọ.

Rồi đến Nhật Nguyệt hiệp Mệnh như Tham Vũ ở Sửu và Mùi. Tham Vũ Sửu thì Thái Âm Tí, Thái Dương Dần. Tham Vũ Mùi thì Thái Âm Ngọ, Thái Dương Thân. Mệnh lập Sửu vẫn tốt hơn Mệnh lập Mùi. Hiệp với giáp vào cung vợ chồng không mấy tốt, nếu kèm luôn hung sát tinh dựa đến tình trạng hôn nhân có biến.

Trường hợp Thiên Phủ ở cái thế kho thủng, kho rỗng, kho lộ mà giáp hiệp càng gây khó hơn ra. Thái Âm là âm thủy, chủ về điền sản và tiền bạc.

Thái Âm thủ mệnh nữ hay nam đều có khuynh hướng về hướng thụ công việc gì cần nhẫn nại gian khổ không thể giao cho người Thái Âm. Thái Âm vào nữ mạng sinh ban đêm là người đàn bà nhan sắc, có cả Xương Khúc nữa càng mặn mà. Thái Âm trên khả năng thông tuệ nhưng lại thiếu nhẫn nại để mà học cao đến mức hiển đạt vì học vắn.

Thái Âm hãm độc tọa thủ Mệnh vào nam mạng thì nội tâm đa nghi. Vì Thái Âm chủ về điền sản nên đắc địa vào cung điền Trạch rất tốt. Thái Âm đắc địa thủ Mệnh số trai dễ

gần cận nữ phái không ồn ào mà âm thầm nhưng khi thành gia thành thất rồi, vợ nắm quyền.

Thái Âm nữ mệnh đặc địa, đa tình lãng mạng, thiện lương, nhưng thiếu chủ kiến, có tâm sự u uẩn phải bộc bạch ra mới yên, cái bản chất quý thủy (nước trong) nên bao giờ cũng thích làm dáng, ăn ngon mặc đẹp.

Thái Âm hãm thủ mệnh lại đứng cùng Văn Khúc hãm nữa chỉ thành tựu như một nghệ nhân tâm thường với cuộc sống phiêu bạt kiếm chắt đủ miếng ăn. Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư còn ghi một câu: Thái Âm cư Tí, thủy chừng quế ngạc, Bính Đinh nhân dạ sinh phú quý trung lương (Thái Âm đóng Tí, như giọt sương mai đọng trên hoa quế, người tuổi Bính Đinh sinh vào ban đêm giàu sang, tâm địa trung lương vì tuổi Bính tuổi Đinh đều có gặp Lộc Quyền, hay Lộc Tồn mà nên vậy).

Sau đây là những câu phú liên quan đến Thái Âm:

*Nguyệt diệu Thiên Lương nữ dâm bản. (Thái Âm gặp Thiên Lương đàn bà đa dâm và nghèo. Câu này chỏ vào trường hợp Thái Âm tại Mão hay Ty hội chiếu Thiên Lương từ Mùi hoặc Dậu, Thái Âm hãm mới kể).

*Nữ mệnh dung nhan mỹ tú, ái ngộ Nguyệt Lương. (Người đàn bà có nhan sắc là bởi Thái Âm, Thiên Lương, về nhan sắc thì Thái Âm hãm hay đặc địa như nhau, duy Thái Âm đặc địa dung nhan phúc hậu hơn).

*Nữ mệnh kị Nguyệt ngộ Đà. (Đàn bà rất kị Thái Âm gặp Đà La. Tại sao? Vì ưa loạn dâm. Thái Âm vốn dĩ đa tình lại có Đà La là tượng trưng sinh thực khí của đàn bà tức kể như nữ tính quá phần mạnh mà loạn).

*Nguyệt tại Hợi cung minh châu xuất hải tu cần Quyền Kỵ Khúc Xương hạn đảo. (Nguyệt ở Hợi là cách minh châu xuất hải, để phân phát còn cần gặp vận Khúc Xương Quyền Kỵ).

*Âm Dương lạc hãm tu cần không diệu tối kị sát tinh. (Âm Dương đứng không đúng chỗ, cần gặp Tuần Triệt Địa Không, ngại bị sát tinh hãm hại).

*Thái Âm Dương Đà tất chủ nhân ly tài tán. (Sao Thái Âm gặp Kinh Dương Đà La thì nhân ly tài tán. Đây là nói về Thái Âm hãm thôi).

*Âm Tang Hồng, Nhân, Kỵ, Riêu, tân liên hàm tiểu hạn phùng Xương Vũ dâm tứ xuân tình liên xuất phát. (Thái Âm có Hồng Loan, Kinh Dương, Riêu Kỵ người đàn bà đẹp như đoá sen mới nở, nhưng gặp hạn Văn Xương Vũ Khúc tất sa ngã vì tình).

*Thanh kỳ Ngọc Thỏ tuy lạc hãm nhi bất bản. (Mệnh có sao Thái Âm dù không đắc địa, không bao giờ túng quẫn).

*Âm Dương lạc hãm gia Hình Kỵ Phu Thê ly biệt. (Cung Phối Nhật hay Nguyệt hãm mà thêm Hình Kỵ vợ chồng không sống đời với nhau).

*Nguyệt phùng Đà Kị Hồ Tang, thân mẫu thân trái nan toàn thọ mệnh. (Thái Âm gặp Đà La Hóa Kị, Tang Hồ thì mất mẹ sớm).

*Thái Âm đồng Văn Khúc ư Thê cung thiêm cung triết quế. (Thê cung có Thái Âm đứng cùng Văn Khúc như lên cung trăng bề cảnh quế, lấy vợ đẹp và giàu sang. Nếu là Phu cung thì không được như vậy, tuy vẫn gọi là tốt).

*Duyên lành phò mã ngôi cao

Thái Âm đắc địa đóng vào Thê cung.

*Vợ giàu của cải vô ngần

Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã đồng.

*Âm Dương Tuần Triệt tại Tiên

Mẹ cha định đã chơi tiên chưa nào.

(Phải Âm Dương đắc địa mới kể).

*Âm Dương hội chiếu Mệnh Quan

Quyền cao chức trọng mới đàng hanh thông.

*Nguyệt miếu vương trùng phùng Xương Khúc

Việt Khôi Hóa Quyền Lộc Đào Hồng

Thiên Hi Tả Hữu song song

Giàu sang hồ dễ ai hòng giám tranh.

*Thái Âm lạc hãm phải lo

Kỵ lâm thường thấy tay vò dấm chiêu.

*Nguyệt gặp Long Trì ở cùng
Tuy xấu nhưng cũng được phần âm thân.

*Thiên Cơ với Nguyệt cùng ngồi
Ở cung hãm địa ấy người dâm bôn.

(Cơ và Thái Âm ở Dần, đẹp nhưng lãng mạn).

Về hai sao Thái Dương và Thái Âm còn có một luận đoán đáng kể mà không thấy ở các sách Tử Vi chính thống, như sau:

Nam mạng Thái Âm thủ Mệnh trên cử chi thái độ hao hao như nữ tử, trái lại nữ mạng Thái Dương thủ thì tính quyết liệt, động tĩnh nhiều nét nam tử.

Nam mạng Thái Dương thường xung động Thái Âm ở cung đối chiếu thường có khuynh hướng tà dâm, đối lại nữ mạng Thái Âm thủ xung động Thái Dương thường là thủy tính dương hoa (lãng, lãng mạn), nhiều ít sẽ còn phải tùy thuộc cung phúc đức. Nam mạng Thái Âm thủ ưa thân cận với nữ phái, ngược lại nữ mạng Thái Dương thủ thích giao du với nam phái.

LUẬN VỀ SAO THAM LANG:

Tham Lang là sao dương mộc đới thủy, thuộc hệ bắc đẩu. Chủ về họa phúc và hóa khí là đào hoa. Đẩu số toàn thư gọi Tham Lang là “bắc đẩu giải ách chi thần”.

Khi đến phần bình giải thì Tham Lang lại thành khuôn mặt của con người từ sắc phiêu đảng. Con người như thế làm sao có thể là giải ách chi thần được? Đời sau tìm tòi mới hay rằng giải ách chi thần đây có nghĩa là khả năng đa diện tài hoa khả dĩ làm êm thấm mọi chuyện, nói khác đi là có tài thu xếp, điều giải, ngoại giao.

Ngoài ra Tham Lang nếu gặp được những cát tinh khác là số trường thọ, lại ưa học tu luyện thần tiên thì đây cũng kể là mặt khác của giải ách chi thần. Nếu Tham Lang hội với Hòa Linh Tinh đóng ở Thìn Tuất Sửu Mùi hoặc đứng cùng Kinh Dương ở Ngọ thì lại chủ về quyền thế, tựa vào quyền thế mà phú quý, khi đã quyền thế tất giải quyết được nhiều sự việc đáng kể như một giải ách chi thần vậy.

Tham Lang đắc địa nơi mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Ở vương địa Tí Ngọ Mão Dậu không hay bằng mộ địa. Có giải thuyết khác cho rằng Tham Lang vốn hóa khí đào hoa, mà Tí Ngọ Mão Dậu lại là đất của Đào Hoa thì quá mức mà thành không hay. Tham Đào như vậy dễ dâm loạn. Giáo quyết trên hơi quá hỏa.

Tính chất của Tham Lang thật ra có thiên hướng về vật dục, nếu vào vương địa khuynh hướng ấy nặng thêm, luôn cả về mặt tình dục. Nhưng lời đoán bảo rằng Tử Tham gặp Đào Hoa trai thì trộm đạo gái làm kỹ nữ không đúng, hãy chỉ coi như con người nặng về tình dục, vật dục thôi.

Cổ ca viết: “Tử Tham đồng cung tu Tả Hữu Xương Khúc hiệp chế” (Tử Tham đóng cùng cần có Tả Hữu và Xương Khúc hiệp để chế bớt đi). Hiệp là tam hợp chứ không phải giáp.

Tham Lang mộc nhưng cần thủy, dương mộc trôi trên

sông nước là hình ảnh phiêu đảng, xông xáo hiếu động nhưng thiếu nhẫn nại. Lúc trẻ cân còn non chưa đủ sức, lớn lên cây già mới thành giường cột, cho nên tuổi thiếu niên thường lãng đãng hào hoa hăm hở vui sống. Lúc đứng tuổi nhiều kinh lịch tâm ý biến đổi hẳn sức phấn đấu cũng bền bỉ mạnh mẽ. Do đó Tham Lang ít than công trong tuổi niên thiếu.

Hình Thái của người Tham Lang thủ Mệnh đặc địa vì là dương mộc nên cao lớn đầy đà. Tuy nhiên hành động lạnh lẽ không chậm rãi như Thiên đồng hay Tử Phủ. Tham Lang độc tọa ở Tí Ngọ Dần Thân và Tuất Thìn. Tham Lang đứng với Vũ Khúc ở Sửu, Mùi.

.. đứng với Liêm Trinh ở Tị và Hợi

...đứng với Tử Vi ở Mão và Dậu.

Đầu hết nói về cách Tham Lang đứng với Vũ Khúc ở Sửu và Mùi. Tham Vũ Sửu Mùi là một cách tốt nói nhiều trong Tử Vi khoa. Mệnh Tham Vũ thi tam hợp hội tụ Tử Vi Thất Sát và Liêm Trinh Phá Quân, một tinh hệ với tính chất biến hóa phức tạp, vì có đa số hung tinh nên sức biến hóa càng mãnh liệt.

Tham Vũ thủ Mệnh còn có Nhật Nguyệt giáp Mệnh, nếu được cả Tả Hữu Xương Khúc nữa thì cách Tham Vũ đồng hành kể như toàn bích đề mà công danh phú quý. Tham Vũ đi với Linh Hòa cũng hay, nhưng là con người thiếu đức hạnh so với đứng cùng Tả Hữu Xương Khúc. Tham Vũ Linh Hòa ích kỷ gian tham. Với Hòa Linh còn bốn ba bước trái trong tuổi niên thiếu nhiều hơn, qua cái nghĩa cổ nhân bảo: "Tham Vũ đồng hành bất phát thiếu niên nhân".

Tham Lang là đào hoa, tính chất đào hoa ấy có thể phát triển thành sảo nghệ như câu phú ghi: "Tham Vũ tứ sinh tứ mộ cung, Phá Quân Kị Sát bách công thông". (Tham Vũ đóng ở các cung tứ sinh hay tứ mộ mà gặp Phá Quân Kị Sát là tay làm đủ thứ nghề).

Tỉ dụ Tham Vũ Sửu Mùi gặp Kinh Dương Đà La Không Tả Hữu Xương Khúc hoặc Tham Lang độc thủ ở Thìn Tuất mà không được Tả Hữu Xương Khúc mà gặp Sát Kị thì

rất tháo vát trong chuyện mưu sinh. Đổng Dần Thân hay Tý Hợi không hội cát tinh mà thất Sát Kị thì cũng dùng sảo nghệ kiếm tiền. Nói tóm lại Tam Vũ hay Tham Liêm đồng cung hoặc gặp nhau, đều thuộc loại sảo nghệ.

Vấn đề nghệ nào thì còn tùy thuộc kết cấu với các sao khác. Với Xương Khúc là người thiết kế giỏi. Với Hòa Linh và sao Thiên Trù mở hàng ăn thành công. Với Đà La tinh thông máy móc. Ngoài ra khả dĩ qua quy xét mà tìm thấy những biến hóa phức tạp khác.

Ở Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có cả quyết viết những câu: “Tham Nguyệt đồng Sát hội Cơ Lương, tham tái vô yểm tác kinh thương” (Tham Lang cùng Thái Âm hội sát tinh gặp Thiên Cơ Thiên Lương thì tham tiền luôn luôn tính chuyên bán buôn). “Cơ Lương Tham Nguyệt đồng sát hội, đa bán kinh thương vô miên thụ (Những sao Cơ Lương Tham, Nguyệt gặp sát tinh, suốt ngày đêm tần tảo không muốn nghỉ ngơi).

Những câu trên có thể vì tam sao thất bản ra chăng? Trên nguyên tắc các sao ấy chẳng bằng cách gì gặp nhau. Đề từ của Trần Đoàn là Ngô Cảnh Loan có chú giải những câu tương tự trong bộ sách “Đẩu Số Tử Vi tinh quyết”, tiếc rằng tôi chưa được đọc nó để tìm hiểu.

Một cách cuộc đáng suy gẫm: Tham Lang Mệnh rất kị Thân đóng nơi Thất Sát hay Phá Quân. Như vậy là con người sốc nổi phiêu bất thăng trầm khó dừng lại mà an định.

Cổ nhân viết: Mệnh Tham Lang, Thân Thất Sát con trai cử chỉ điểm dàng, con gái phong thái lẳng lơ, dù có cát tinh cũng khó long giáng phúc, gặp hung tinh càng tăng vẻ gian không chân thực, sống hư hoa, giao thiệp người đáng tốt lại chơi xấu, người xấu lại đối tử tế, bởi vậy mới nói Thất Sát thủ Thân chung thị yếu, Tham Lang nhập Mệnh tất vi sượng (Trai mà Thân Thất Sát không thọ, gái mà Mệnh Tham Lang tất dĩ thỏa).

Nếu như Thân là Phá Quân thì trai thích bạc bài du đàng, gái bỏ theo trai. Chi gặp Tuần hay Triệt thì Tham Lang

mới đoán chính mà thôi. Câu trên đây của cổ nhân xét ra có phần quá đáng, không chính xác khi đoán về người Tham Lang Mệnh, mà Thất Sát hay Phá Quân thủ Thân.

Những cách cuộc ấy chỉ có thể bảo rằng con người quá ham muốn vật dục, tình dục lại ưa thay đổi và không có nghị lực để chịu đựng gian khổ mà làm nên việc không nhất thiết là kẻ lường gạt hay đi điếm.

Tuy nhiên lại có một điều đáng chú ý: Tham Lang hội sát tinh không nên gặp Văn Khúc, nếu Tham Lang thủ Thân mà Thất Sát thủ Mệnh lại cả Văn Khúc thì cuộc đời thường gặp tai họa bất ngờ. Chẳng chi Văn Khúc ngay cả Văn Xương cũng thế.

Tham Lang Xương Khúc thường là đa hư thiếu thực nói nhiều làm ít. Tham Lang cũng không hợp với Kinh Dương Đà La. Gặp Kinh Đà ở Tí hoặc hoặc Hợi cung thì thường ra con người phong đăng lưu lạc trong tình trường. Gặp Kinh ở Ngọ cung cổ nhân gọi bằng “Mã đầu đới tiễn”, gặp Đà La ở Dần cung cổ nhân gọi bằng “Phong lưu thái trượng”. Ở Tí cung và Hợi cung gọi bằng “Phiếm thủy đào hoa”.

Những cách kể trên dễ rơi vào họa sắc tình. Họa sắc tình gồm có: a) tù tội, đổ máu, mất cơ mất nghiệp vì tình, hay bệnh tật. b) lấy phải vợ quá dữ như kẻ bị cầm tù mà vợ là giám ngục.

Cùng những cách trên đây mà được thêm các cát tinh phù trợ thì lại chỉ là con người hoa phong tuyết nguyệt, thi từ cầm kỳ, chứ không đến nỗi tang thân, bại sản vì tình.

Tham Lang đứng cùng Hóa Quyền gặp Hòa Linh là tốt nhất, chủ quyền quý. Tham Lang Hóa Lộc được thêm Hòa Linh thì dễ làm nên giàu có, hoành phát. Nói tóm lại sao Tham Lang sự biến hóa giữ tốt với xấu rất rõ ràng và mãnh liệt.

Tham Lang đi cùng Không Kiếp hay đam mê bạc bỏi. Tham Lang đi cùng Hồng Đào đàn bà đam mê vui thú sắc thịt. Tham Lang không sợ Tuần Triệt, Tuần Triệt khả dĩ chế

giảm bớt vật dục vượng thịnh của Tham Lang.

Cần đọc thêm những câu phú về Tham Lang sau đây:

*Tham Lang độc cư đa hư thiếu thực. (Tham Lang đứng một mình ưa nói viển vông thiếu thực tế, cũng hay khoác lác nữa. Đứng một mình mà không gặp cát tinh như Hòa Linh Koa Quyền Lộc mới kể).

*Nữ mệnh Tham Lang đa tật đồ (Người nữ có sao Tham Lang thủ Mệnh rất hay ghen, ghen đến năm tròn tháng chảy. Bởi sao Tham đóng ở tầy Mệnh cung).

*Tham Lang cư Mão Dậu, ngộ Hòa tác công khanh. (Tham Lang đứng với Tử Vi ở hai cung Mão Dậu, gặp Hòa Tinh khả dĩ làm lớn, có quyền thế. Khi có Hòa Tinh thì Tham Lang biến thành chủ tinh lấn át hẳn Tử Vi).

*Tham Lang gia cát tọa Tràng sinh thọ khảo vĩnh như Bành Tổ. (Tham Lang đóng Dần Thân Tị Hợi hội với cát tinh sống rất thọ)

*Tham Lang Thân cung vi hạ cách. (Chỉ hạ cách nếu bị Hóa Kị đi kèm).

*Tham Lang Tị Hợi gia sát bất vi đồ hộ diệt tạo hình. (Tham Lang gặp Sát mà đóng Tị Hợi nếu không làm đồ tể thì cũng dễ vương tội tù).

*Tham Lang kị ngộ sát tinh, ưu xâm Không Kiếp, văn niên phúc, thọ nan lương toàn. (Tham Lang gặp Sát tinh hoặc Không Kiếp, thì luống tuổi nếu khá giả tất không thọ, nghèo khổ mới sống lâu).

*Tham Lang Hợi Tí hạnh phùng Quyền vượng biến hư thành thực ư Giáp Kỷ tuế phú, danh viên mãn. (Tham Lang đóng ở Hợi hay Tí mà được Quyền Lộc biến hư thành thực với người tuổi Giáp Kỷ khả dĩ nên danh phận cơ nghiệp).

*Tham cư Đoài Chân thoát tục vi tăng Kiếp Kị lai xâm trần hoàn đa trái. (Mệnh Tử Tham Mão Dậu gặp Hồng Loan Thiên Không thì đi tu, nhưng hễ đã thấy Hóa Kị, Địa Kiếp xuất hiện thì tu không trọn nghiệp mà phá giới).

*Tham Đào tại nhàn cung, nữ mệnh độc phụ chi nhân

ngộ Triệt Tuần thi tâm tình thư thái. (Tham Lang đóng nhân cung (như Hợi Tí hoặc Thân) thường là người đàn bà tâm tính độc hay tư tình, nhưng nếu đã có Tuần Triệt án ngữ thì đỡ hẳn).

*Tham Sát Ngọ Dần kiêm ngộ Hổ, Tang lôi, thú nan đề. (Tham Lang Thất Sát ở Dần hãy Ngọ thù Mệnh gặp Bạch Hổ Tang Môn phải đề phòng tai nạn sét đánh, hoặc thú vật cắn).

*Tham tọa thủy cung, giáp biến tứ sát bản khổ. (Tham Lang ở Tí Hợi lại giáp Kinh Đà Không Kiếp thì nghèo khổ).

*Tham Kị trùng Riêu thủy tai nan miễn. (Tham hãm địa gặp Hóa Kị Thiên Riêu thì dễ bị tai nạn về sông nước).

*Tham Lang Vũ Khúc thù Thân vô cát Mệnh phản bất tường. (Cung thân có Tham Vũ mà cung Mệnh xấu thì danh phận ngắn ngủi, dễ gặp hiểm nguy).

*Tý Ngọ Tham Đào át Kỷ âm nam lập nghiệp do thê, kiêm năng sát diệu hành sự do thê. (Mệnh ở Tí Ngọ có Tham Lang Đào Hoa, người tuổi Ất Kỷ nhờ vợ mà nên cơ nghiệp nếu lại thấy cả sát tinh nữa thì quyền hành đều ở trong tay vợ).

*Dần Thân nhi hội Tham Liêm ngộ Văn Xương nhập lao Quán Trọng. (Tham Lang ở Dần hay Thân thì cung đối chiếu là Liêm Trinh lại thấy cả Văn Xương dễ bị dính vòng lao lý).

*Tham Đào Giải ách nhi ngộ Linh Riêu lãnh hoàn chi bệnh. (Đàn ông Tham Đào đóng giải ách gặp Linh Tinh Thiên Riêu bị lãnh tinh, hiếm con).

*Tham Lang Bạch Hổ trùng sinh

Tuất Thìn số ấy lánh mình sơn lâm.

(Mệnh có Tham Lang đi cùng Bạch Hổ, người tuổi Thìn Tuất đừng nên ham thú săn bắn, sẽ bị thú vật cắn).

*Quan cung Tham Vũ cùng xâm

Đường mây thừa ấy hải lâm bốn trì.

(Cung Quan Lộc Tham Vũ cùng đóng, ra lam quan

lận đận lao đao).

*Tham Riêu hãm địa cùng xâm
Gia trung thất vận gian lâm trạch tài.

(Tham Lang Thiên Riêu ở hãm địa đóng cung Tài Bạch Điền Trạch thường bị mất trộm hoặc hốt nhiên mà sụp đổ cơ nghiệp).

*Tham Lang miếu vượng chi cung
Thân hình to lớn là going lược thao.

(Tham Lang đắc địa khổ người to lớn, tháo vát lanh lẹ).

*Dần thân Tham gặp Tràng sinh
Không sao ác sát thọ vinh ấy mà.

(Tham Lang ở Dần hay Thân là cung của Tràng sinh tuổi thọ thường cao, nếu không bị ác sát tinh).

*Tham Đào số nữ thường dâm loạn
Ở hãm cung hãy đoán cho tường
Tí Ngọ Mão Dậu mấy phương
Nếu gặp Tuần Triệt lại phùng đoan trinh.

*Tham Vũ đóng đất Võng La (Thìn Tuất)
Gặp loài Tang Điemột nhà lại hung.

*Mệnh chính diệu cung Phu Tham đóng
Ấy là người phúc trọng chính thê
Mệnh vô chính diệu đáng chê

Cung Phu Tham đóng giữ bề tiểu tinh.

LUẬN VỀ SAO CỰ MÔN:

Cự Môn thuộc âm thủy trong hệ Bắc Đẩu chủ về thị phi và hóa khí là Âm. Hai chữ Âm điệu đã gây cho người đọc hiểu lầm không ít. Cự Môn tự nó không có ánh sáng thì đương nhiên không trở thành tối ám như Nhật Nguyệt hãm.

Cự Môn sở dĩ thành ám vì khả năng cản ngăn che khuất của nó. Vậy thì tính chất căn bản của Cự Môn là một vật gây chướng ngại. Đã gây chướng ngại tại sao nó đứng với Thái Dương ở cùng Dần lại thành tốt? Trong vũ trụ duy chỉ có vầng Thái Dương không vật gì có thể che khuất bởi vậy Thái Dương đắc địa không sợ Cự Môn.

Cự Môn đứng bên cạnh Thái Dương biến thành một vật gây phản chiếu cho Thái Dương, đồng thời Thái Dương đã chuyển Cự Môn từ ám thành minh. Ảnh hưởng cản ngăn che khuất của Cự Môn gây khó khăn nhiều nhất là quan hệ giao tế.

Đầu số Toàn Thư viết: “Tính chất Cự Môn ngoài mặt thì thể mà trong lòng thì khác, đối với những người thân ít hợp, giao du với người mới thì trước yêu sau ghét”. Mấy chữ “Cô độc chi số, khắc bạc chi thần” là nói về giao tế.

Cự Môn là sao của thị phi vậy thì Cự Môn “thị” hay “phi”? Vốn là âm điệu như màu đen chìm dưới đáy biển khómà biết rõ thị hay phi.

Trong lối sắp xếp bốn sao Hóa cổ nhân đã đặt để sao Cự Môn không bao giờ đứng cùng Hóa Khoa, nó chỉ đứng bên Hóa Lộc, Hóa Quyền và Hóa Kị thôi. Cự Môn đi cùng Hóa Kị lực lượng chướng ngại tăng cao hẳn, bởi vậy Mệnh mà gặp Cự Kị dễ rơi vào khẩu thiệt thị phi, tình cảm khôn khó, hoặc cò bót kiện tụng, ngoài ra còn dễ lên bàn giải phẫu.

Cự Môn đứng cùng Hóa Lộc thì lời ăn tiếng nói hoạt bát, tranh biện hay, khả dĩ nói ra tiền vào nghề thầy kiện, vào ngành truyền thông hợp cách. Nhưng bản tính thì không thực, nói cười thân mật mà thiếu tình cảm chân thành.

Cự Môn đứng với Hóa Quyền sách bảo rằng đó là hung mà ra triệu chứng tốt (hung vì cát triệu). Nhờ chướng ngại tạo ra phần đấu mà nên công nên nghiệp, do chướng ngại mà thành công. Tỉ dụ xã hội biến động bị đẩy vào bước vào đường cùng, từ cùng sinh biến mà hóa thông. Càng vượt nhiều khó khăn càng thành công lớn. Những người làm chính trị, những người có số hoạnh phát thường thấy Mệnh Cự Môn Hóa Quyền. Cự Môn không cần Hóa Khoa nhưng gặp Hóa Khoa Cự Môn sẽ tan biến đi tính chất thị phi cố hữu của Cự Môn.

Cự Môn đứng một mình ở các cung Tí, Ngọ, Thìn Tuất và Tỵ Hợi. Cự Môn đứng cùng Thiên Cơ ở Mão và Dậu. Đứng cùng Thiên Đồng ở Mùi, Sửu. Đứng cùng Thái Dương ở Dần Thân.

Trước nói về Cự Môn Thiên Cơ. Thiên Cơ vốn đã động. Cự Môn lại đa biến. Hai sao này thủ Mệnh cuộc đời biến động nhiều và có tài soay sở, tuy nhiên chỉ thành công nếu như giữ được sự an định, nếu cứ mất sức biến động thì càng lún sâu vào những khó khăn. Cự Cơ trên nguyên tắc là cách làm giàu, với điều kiện phải có Hóa Quyền, Hóa Lộc hoặc song Hao (Đại tiểu Hao), đã Lộc thì không nên Hao.

Cự Môn Thái Dương ở Dần tốt hơn ở Thân. Vì Dần cung Thái Dương quang huy còn mạnh trong khi ở Thân Thái Dương đã về chiều sức không đủ. Câu phú “Cự Nhật Dần Thân quan phong hầu bá” không hẳn là vậy.

Cự Môn Thiên Đồng gây phiền nhất cả trên tình cảm lẫn danh phận. Cự Đồng thủ Mệnh số trai khó lập công danh cơ nghiệp, số gái lận đận duyên tình.

Nói về Cự Môn đóng hai cung Tí và Ngọ mà ta thường gọi bằng cách “thạch trung ẩn ngọc” (ngọc còn ẩn trong đá). Cự Môn Tí Ngọ nếu được nếu được Khoa Quyền Lộc thủ chiếu là hợp cách ẩn ngọc, tuy không quyền uy lớn nhưng ắt giàu sang. Cự Môn ở Tí tốt hơn Ngọ. Vì lẽ đóng ở Tí, mới được Thái Dương Thìn đắc địa. Đóng Ngọ thì Thái Dương ở Tuất đã mất nhiều quang huy. Cự Môn Tí hay Ngọ

thì Hóa Lộc tạo nhiều sức mạnh hơn Lộc Tồn.

Các sao của Tử Vi Khoa bao giờ cũng mang hai bộ mặt cát và hung. Cự Môn Hóa Kị bị coi làm hung thần, nhưng lúc biểu hiện cũng vẫn có hai mặt tốt xấu. Hãy đọc câu phú sau: “Cự Môn Thìn cung Hóa Kị, Tân nhân Mệnh ngộ phản vi kỳ” (nghĩa là Cự Môn thủ Mệnh tại cung Thìn có Hóa Kị người tuổi Tân lại biến ra kỳ cách).

Cự Môn Hóa Kị đi cặp rất xấu, nhưng ở trường hợp này lại chuyển thành tốt. Vì nó được cả bốn Hóa, Hóa Quyền đứng bên Thái Dương chiếu lên, Hóa Khoa đứng Tuất với Văn Khúc chiếu qua, và Hóa Lộc đứng cùng Cự Môn. Thành ra kỳ cách “Tứ Hóa toàn phùng”.

Cách này thường gây sôi nổi thị phi nhưng cuối cùng lập thành sự nghiệp to lớn. Cự Môn Hóa Kị ở cách này là con người đi ngược thời thượng không a dua mà đặt định một lẽ lối riêng biệt tiến bộ. Nó đi vào mọi lãnh vực chính trị, quân sự, văn học, âm nhạc đến hội họa, y học...

Nếu như Cự Môn ở Thìn không Hóa Kị Hóa Khoa chỉ có Quyền với Lộc thôi thì công danh lại thường do người đề bạt mà nên phú quý thiếu sức công phá của Hóa Kị nên không thành ra người sáng tạo sự nghiệp.

Sao Cự Môn rất hợp với những người tuổi Tân. Vì tuổi Tân sự an bài tứ hóa theo thứ tự Cự Nhật Khúc Xương, đương nhiên hễ Cự Môn thủ Mệnh mà tuổi Tân thì đã chắc chắn có Lộc Quyền. Ngay cả đến cách Cự Đồng vào Mệnh là xấu nhưng với tuổi Tân cái xấu giảm hẳn đi. Bởi vậy mới có câu phú rằng: “Cự Môn Thìn Tuất hãm địa Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh” (Cự Môn ở hai cung Thìn Tuất là đả hãm nhưng nếu tuổi Tân thì lại vinh hiển).

Cự Môn đóng ở Thìn là cung Thiên La (lưới trời) hoặc cung Tuất là cung Địa Võng (lưới đất) kể như hãm. Thế hãm này chỉ phá ra được nếu Cự Môn có Địa Không, Địa Kiếp đi bên hoặc đứng với Kinh Dương hay Linh Tinh. Cuộc đời trải nhiều bôn ba thăng trầm vượt lên mà thành công. Nhắc lại đã Kinh thì thôi Linh, đã có Linh thì đừng nên Kinh

thêm nữa.

Cự Môn có liên hệ nhiều với Thái Dương. Sách Đầu Số Toàn Thư viết: “Cự Nhật Dần lập Mệnh Thân tiên khu danh nhi thực lộc, Cự Nhật Thân lập Mệnh Dần trì danh thực lộc” nghĩa là Mệnh lập tại Thân Cự Nhật Dần xung chiếu hoặc Mệnh lập tại Dần Cự Nhật từ Thân xung chiếu cả hai đều danh vị đi trước Lộc tới sau.

Hai cách trên đều có tiền qua chức vị, chức lớn tiền nhiều, chức nhỏ quyền ít không thể do kinh thương mà làm giàu. Rồi một câu khác: “Cự tại Hợi cung, Nhật mệnh Ty thực lộc trì danh, Cự tại Ty Nhật Mệnh Hợi phản vi bất giai” nghĩa là Cự đóng Hợi Thái Dương thủ Mệnh Ty có tiền rồi có danh, nếu như Cự đóng Ty Thái Dương thủ Mệnh tại Hợi thì xấu khó màng đến danh lộc. Cự Hợi xung chiếu Mệnh khả dĩ kinh thương làm giàu, lớn nhỏ còn tùy các phụ tinh khác.

Còn một cách khác về liên hệ giữa Cự Môn với Thái Dương: “Cự Tuất, Nhật Ngọ Mệnh viên diệc vi kỳ”. An Mệnh cung Dần, Cự Môn đóng Tuất, Thái Dương từ Ngọ chiếu xuống, không bị Tuần Triệt làm ngăn trở Thái Dương. Cách này công danh tài lộc dễ dàng.

Cự Môn vào Mệnh thường là người ăn nói, ly luận vững vàng, mà cũng dễ va miệng nên như nó đứng cùng các sao xấu. Văn Khúc cũng có khả năng ăn nói, nhưng Văn Khúc biết lựa chiều nên ra tiền và làm đẹp lòng người. Còn Cự Môn nói để lập luận, phân tích, đả kích mà tạo quyền uy. Nếu có Hóa Quyền thì đạt ý muốn, nếu bị các hung sát phá, kết quả gây thù chuốc oán phiền não.

Tái ăn kỏi của Văn Khúc mang ý hướng đào hoa, thuyết phục. Tài ăn nói của Cự Môn đầy quyền lực, có khuynh hướng áp đặt. Cự Môn đứng với Thiên Đồng ăn nói thường gàn gàn khó nghe.

Cự Môn tuyệt đối không hợp với Linh Tinh Hỏa Tinh. Cự Môn ngại thấy Kinh Dương Đà La. Có những câu cổ quyết ghi trong Đầu Số Toàn Thư: “Cự Hỏa Linh Tinh phùng

ác hạn tử u ngoại đạo” (Mệnh Cự Hỏa Linh Tinh hay hạn gặp Cự Hỏa Linh Tinh rất hung nguy).

Cự Môn Dương Đà u Thân Mệnh, tật bệnh doanh hoàng. (Cự Môn gặp Dương Đà ở Thân hay Mệnh bệnh tật triển miên).

Những cách trên nếu như gặp Hóa Khoa, hay bộ tam minh (Đào Hồng Hi) có thể hóa giải, thêm cả Hi thần càng tốt). Ngoài ra Cự Môn còn một cách nữa qua câu quyết: Cự Lương Thân Mệnh, bại luân loạn tục (Cự Môn v à Thiên Lương một ở Thân, một ở Mệnh, thường có khuynh hướng loạn luân).

Cách này chỉ xuất hiện khi nào Cự Môn đóng Mệnh cung mà Thân lại ở Phúc Đức thôi. Trường hợp Thiên Lương Mệnh thì Cự Môn bắt buộc phải đóng Thê cung, không ăn nhập gì đến câu quyết trên.

Qua kinh nghiệm thì chuyện bại luân loạn tục chỉ xảy ra nếu như Mệnh hay Phúc đức có thêm những sao Đào Hoa, Thiên Riêu, Mộc Dục, Không Kiếp. Những câu phú khác về sao Cự Môn cần biết:

*Cự Nhật Dần Thân thiên môn nhật lãng, kị ngộ Lộc Tồn ái giao Quyền Phượng. (Cự Nhật thủ Mệnh cung Dần không nên gặp Lộc Tồn mà cần gặp Hóa Quyền Phượng. Các câu này mâu thuẫn với câu phú: “Cự Môn Dần Thân, tới chi Giáp Canh sinh” nghĩa là Cự Môn đóng Dần hay Thân rất tốt cho tuổi Canh và Giáp, hai tuổi này Lộc Tồn ở ngay Thân hay Dần. (Trên nguyên tắc thì Cự Môn cần Hóa Lộc, Hóa Quyền hơn Lộc Tồn). Một điểm sai khác trong câu này: Cự Môn tại Dần không hề gọi là nhật lãng “Thiên Môn”.

*Cự Nhật mệnh viên, hạn dáo S1t Hình Kiếp Kị tu phòng tâm phế, kiêm Thiên Mã hãm tật tứ chi, duy hạnh song Hao khả giải. (Cự Nhật ở Mệnh, vận hạn đến Sát Hình Kiếp Kị phải lo bệnh nơi tim phổi, nếu thấy cả Thiên Mã Tuần Triệt thì đề phòng thương tích tay chân).

*Cự Cơ Dậu thượng hóa cát giả, túng hữu tài quan đã bất chung. (Cự Cơ thủ Mệnh tại Dậu, nếu giàu sang lớn thì

không bền hay không thọ).

*Tây Nương Tử áp đảo Ngũ tiền do hữu cự Cơ song Hao Quyền Ấn Đào Hồng phu cung. (Nàng Tây Thi làm mau làm gió dưới triều đại Ngô vương bởi vì phu cung có Cự Cơ song Hao, Quyền Ấn Đào Hồng. Cách này tất Mệnh cung Thiên Lương thủ, đàn bà bạt nhưng Phu cung tuyệt bậc giàu sang. Cũng là cách làm dĩ nên bà).

*Mão Dậu Cự Cơ Tân nữ ích tử vượng phu bất kiến Triệt Tuần đa tài thao lược. (Mệnh Cơ Cự thủ ở Mão Dậu, người nữ tuổi Tân vượng phu ích tử, nếu không bị Tuần Triệt; là người đàn bà đảm đang quán xuyến).

*Cự Cơ nhị ngũ Lộc Tồn ngữ bất chính ngôn. (Mệnh Cự Cơ đồng cung với Lộc Tồn thì hay ăn nói hồ đồ thiếu thận trọng).

*Cự Cơ chính hướng hạnh ngộ song Gao uy quyền quán thế. (Cự Cơ thủ Mệnh gặp song Hao giàu sang hơn người).

*Tân nhân tối ái Cự Môn nhược lâm tứ Mộ phùng Tả Hữu cứu Mệnh chi tinh. (Người tuổi Tân hợp với sao Cự Môn, nếu vào đất tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi mà gặp Tả Hữu tránh được nhiều hung hiểm trong đời).

*A Man xuất thế do hữu Cự Kị Khốc Hình Thìn Tuất. (Táo Tháo lừng lẫy do bởi Mệnh có Cự Kị Khốc Hình ở Thìn Tuất).

*Cự, Đồng nhi phùng La Võng, ngũ Khoa Tinh thoại thuyết Lịch Sinh. (Cự hay Đồng thủ Mệnh ở Thìn Tuất, có Hoa Khoa thì làm du thuyết như Lịch Sinh đời xưa).

*Cự Môn Tị Hợi kị ngũ Lộc Tồn nhi phùng Quyền Lộc kiếm sạ Đầu Ngu. (Cự Môn an Mệnh ở Ty hay Hợi không nên gặp Lộc Tồn. Lộc Hóa Quyền thì ví như cầm kiếm mà chém. Sao Đầu sao Ngu).

*Cự Môn phùng Đà Kị tối hung. (Cự Môn đóng Mệnh gặp Đà Kị rất xấu).

*Cự phùng Tồn tứ cát xứ tang hung, ưu nhập tử cung vô nhị tống lão. (Cự Môn đứng bên Lộc Tồn tuy tốt nhưng có

hung hêm ẩn bên trong, nếu hai sao này vào tử tức tới già không con cái nối dõi).

*Cự Môn Thê thiếp đa bất mãn hoài. (Cự Môn đóng Thê luôn luôn bất mãn với duyên tình, không yên với một vợ).

*Cự Môn bất mãn trong long

Ba lần kết tóc mới xong mới sầu.

(Số nữ Cự Môn tại Phu, phải mấy đời chồng).

*Giải sứ mặc ngộ Cự Đồng kiêm phùng Tang Hổ Đà Riêu hữu sinh nan dưỡng. (Cung Tật Ách thấy Cự Đồng mà đi với Tang Hổ Đà Riêu thì sinh mà không nuôi được).

*Cự phùng Dương miếu tốt thay

Thăng quan tiến chức vận lành mừng vui.

(Vận đến Thái Dương đắc địa hội Cự Môn làm quan thăng chức).

*Kình Đà Linh Hỏa cùng ngôi

Với sao Cự tú một đời tai ương.

*Hợi Tị Cự Lộc Quyền rất quý

Gặp Lộc Tồn biến thể ra hư.

*Cự gặp Hổ Tuế Phù hội viện

Áy là nghề thầy kiện quan tòa.

*Cự Tí Ngọ gặp Khoa Quyền Lộc

Áy là người đa học đa năng.

*Cự Nhật đồng thủ Dân Thân

Một đời chức tước cháu con sang giàu.

*Gặp Quyền Vượng càng thêm vinh hiển

Gặp Lộc Tồn lại kém lắm thay.

LUẬN VỀ SAO THIÊN TƯỚNG:

Thiên Tướng thuộc Nhâm thủy, Nam đầu tinh, hóa khí là Ân, người xưa quan niệm như một vị quan trông coi về ấn tín trong khi Thiên Cơ được coi làm mưu thần. Thiên Tướng và Thiên Cơ đều mang chung một khuyết điểm là thiếu khả năng lãnh đạo, nhưng lại khá hay giỏi về mặt phò tá. Trên căn bản Thiên Tướng khác Thiên Cơ ở chỗ: Thiên Tướng tài về hành chánh còn Thiên Cơ tài về tham mưu.

Thiên Tướng đắc thời làm to hay ở địa vị phó hay thứ. Tính tình Thiên Tướng ần trọng, ăn nói cẩn thận, làm việc chậm và kỹ, đối với người có thủy có chung, chịu đựng, gánh vác, thông minh và ưa giúp đỡ. Thiên Tướng ở địa vị lãnh tụ thường thất bại.

Thiên Tướng đứng cùng sao xấu biến ra xấu, đứng cùng sao tốt biến ra tốt. Luận về sao Thiên Tướng luôn luôn phải kết hợp với những sao khác, không thể tách riêng biệt ra để mà nói lên nhân cách của sao này. Tỉ dụ Tướng đi với Hóa Lộc hoặc Hóa Lộc xung chiếu là người rất quyến rũ đối với đàn bà con gái.

Tướng đi với Hoa Cái Đào Hoa đàn bà đẹp và lẳng. Tướng đi với Hồng Loan thì đẹp mà đoan chính lấy chồng sang. Tướng đứng cùng Liêm Trinh gặp Phụ Bát là thầy thuốc giỏi. Tướng đi với Khoa Hình Quyền cung Ngọ lấy lòng về nghiệp võ.

Thiên Tướng giữ ấn tín dĩ nhiên chủ về quyền lực, quyền lực lớn nhỏ tùy thuộc các sao phụ tá nhiều hay ít. Quyền lực về mặt nào còn phải xem nó kết hợp với sao nào. Xin nhắc lại, quyền lực của Thiên Tướng chỉ là thứ quyền lực tương đương chứ không phải quyền lực lãnh đạo.

*Cùng với Tử Vi tại Thìn Tuất.

*Với Liêm Trinh ở Ngọ Tí.

*Với Vũ Khúc ở Dần Thân.

*Một mình ở Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi, Mão, Dậu.

Về Tử Vi Thiên Tướng, xin xem đoạn luận sao Tử Vi. Về Thiên Tướng Liêm Trinh xin xem đoạn luận sao Liêm Trinh. Về sao Thiên Tướng Vũ Khúc xin xem đoạn luận sao Vũ Khúc. Còn Thiên Tướng độc tọa Sửu Mùi. Đóng Sửu hay Mùi thì cung Phối cũng là Liêm Tham hoặc Tỵ hoặc Hợi. Đóng Sửu gặp Tử Vi Phá Quân xung chiếu từ Mùi, đóng Mùi gặp Tử Phá xung chiếu từ Sửu.

Thiên Tướng trên bản chất là con người phấn đấu, cái sức xung ph1 của Tử Phá kể là mạnh, khiến chí tiến thủ của Thiên Tướng tăng cao. Nếu như được sự phù trợ của Tả Hữu Quyền Lộc mới thành công, được sự phò trợ của Xương Khúc thành ra tài hoa vào lãnh vực văn nghệ hợp cách. Thiên Tướng Sửu Mùi không Tả Hữu, không Quyền Lộc, không Xương Khúc ắt là vất vả.

Thiên Tướng Sửu Mùi đường vợ con phiền não. Số Nữ tự lo lấy thân không có phận được nhờ chồng. Thiên Tướng ở Tị với Hợi đứng một mình, cung xung chiếu là Vũ Khúc Phá Quân, nếu gặp các phụ tinh đẹp để thì tay trắng dựng nên cơ đồ.

Thiên Tướng khi ở Tị Hợi tất Thê cung là Tử Tham Mão hay Dậu, nếu lấy vợ hay chồng hơn tuổi thì vợ mới đảm đang quán xuyến, chồng mới lo toan. Trường hợp vợ hay chồng trẻ hơn thì nuôi chồng hay khổ vì vợ. Nhất là Tử Tham ấy lại cặp với Đào Hoa, Mộc Đức, Thiên Riêu, Thiên Hình.

Thiên Tướng Tị Hợi làm việc giỏi, quản thủ tiền bạc vững chắc, ham hưởng thụ, không phải con người có lý tưởng. Có câu phú: "Tỵ Hợi Tướng Binh Ấn nhập ư Bính Nhâm nhân, quyền hành chấn động, vận hữu Lộc Quyền hao diệu tài sản vượng tăng". (Nghĩa là: Thiên Tướng thủ Mệnh tại Tỵ Hợi mà người tuổi Bính Nhâm có Phục Binh Quốc Ấn thì có quyền hành gặp vận Quyền Lộc, song Hao, hay Phá Quân đắc địa tất hoạch phát tiền tài). Qua câu phú trên cho thấy Thiên Tướng còn hợp với Quốc Ấn Phục Binh và Tướng Quân nữa.

Thiên Tướng độc thủ Mão hay Dậu. Tại Mão gặp

Liên Phá từ cung xung chiếu, Mão không phải đất miếu mà là đất hãm. Thiên Tướng Mão chí phần đầu bên bị, nhưng thiếu tự tin, quá lo xa thành ra bảo thủ cầu an nên không tiến bộ, thường ít dám đương đầu với khó khăn, thắng hoặc khi gặp hiểm nguy không phải là tay quyền biến.

Thiên Tướng Dậu cũng thế, nếu như các vận đi tốt đẹp còn khả thủ, ngược bằng vận trình xấu rất phiền, cuộc đời vướng víu như kẻ mắc vào lưới. Thiên Tướng Mão Dậu thì Thê cung Tham Vũ ở Sửu hay Mùi. Cung này có nhiều phụ tinh tốt thì vợ tháo vác đảm lược, nếu như Thê cũng lại có cả Hòa Tinh Linh Tinh hoặc Hóa Quyền thì bà vợ nắm quyền hành tuyệt đối. Thê cung hội hợp luôn cả những dam tinh hay Đào hoa tinh thì chính công là Võ đại Lang vậy (Trong Thủy Hử truyện Võ đại Lang bị vợ là Phan Kim Liên quanh năm suốt tháng đi với trai).

Người đời sau qua kinh nghiệm đưa ra một cách cục kẻ là hấp dẫn và đúng về Thiên Tướng đóng Mão cung như sau: “Tướng lâm chân địa, Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương, diện hoa vũ bá vận phùng Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do dâm mẫn kiếp” (nghĩa là: Mệnh an tại Mão có Thiên Tướng thủ hội Đào Hồng Tả Hữu Hóa Quyền Văn Xương mặt đẹp như ngọc, võ nghệ hơn người gặp vận Phá Đà Kinh Kiếp như Lã Bố vì mê Điều Thuyền mà phá hồng đời mình).

Thiên Tướng rất hiểm nguy, nếu gặp Triệt án ngữ Mệnh cung.

Thiên Tướng Tuân Triệt trước miên.

Khi lâm trận địa đầu liền phân thân.

Thiên Tướng ngộ Triệt dễ là số bất đắc kỳ tử, tuy nhiên phải phối hợp thêm với các hung sát tinh khác mới rõ rệt. Thiên Tướng hoàn toàn không chịu Hòa Tinh, Linh Tinh. Bị Hòa Linh người thủ Mệnh Thiên Tướng dễ đứng đầu với tai nạn gây thương tích.

Luận về Thiên Tướng, sách Đầu Số Toàn Thư đưa ra hai câu đáng chú ý:

a) “Thiên Tướng, Tham Liêm Vũ Phá Dương Đà sát

tầu, sào nghệ an thân”. (Thiên Tướng gặp Tham Lang, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân và các sát tinh Kinh Đà tàu hội, thì giỏi tay nghề, tạo dựng cuộc đời an định).

b) “Phùng Phủ khán Tướng” (Có Thiên Phủ phải tìm Thiên Tướng, không thấy nói “Phùng Tướng khán Phủ”)

Câu a) đã xong vì quá rõ ràng. Dưới đây chỉ bàn về câu b) thôi. Gặp Phủ phải tìm Thiên Tướng ý chỉ rằng nếu Thiên Tướng hay đẹp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự xấu tốt của Thiên Phủ. Thiên Phủ thật ra không cần các sao đi theo thế tam hợp bằng sao Thiên Tướng như đã nói ngay từ đầu. Vậy thì ta cũng có thể nói: “Phùng Tướng khán Phủ”.

Phủ bao giờ cũng đi với Tướng, đương nhiên theo cung cách an sao thì hẳn đã có Tướng phải có Phủ đứng theo thế triều cung, hoặc tam hợp mà gặp nhau để ảnh hưởng lẫn nhau.

Nếu Thiên Tướng được hội hợp Thiên Phủ đứng với Hóa thì Thiên Tướng đắc lực hơn. Nhược bằng Thiên Phủ đã không có Lộc đứng bên mà lại đi cùng các sát tinh thì Thiên Tướng cũng vì thế mà kém hẳn. Tại sao? Vì Thiên Phủ đứng với sát tinh có nghĩa là kho rỗng, kho lộ tất nhiên phải gây phiền cho Thiên Tướng.

Về sao Thiên Tướng sách Tử Vi Đầu Số còn đưa ra hai cách cuộc khác là: “Hình Kỵ hiệp Ân” và “Tài Âm hiệp Ân”. Như đã biết, Thiên Tướng hóa khí là Ân, và sao Thiên Lương là Âm. Thiên Tướng đứng đầu, cung trước mặt phải là Thiên Lương, cung sau phải là Cự Môn.

Nếu như Cự Môn đi kèm Hóa Lộc thì mới là “Tài Âm hiệp Ân” chủ về phú quý. Trường hợp Thiên Tướng đóng Mão hay Dậu, Hóa Lộc đứng cùng Thiên Lương ở đằng trước thì không hể kể như Tài Âm hiệp.

Nếu Cự Môn đi kèm Hóa Kỵ thì lại biến ra Hình Kỵ hiệp Ân cuộc đời sẽ phiền toái lận đận. Tại sao Thiên Lương biến thành Hình? Đầu số Toàn Thư ghi rằng: “Thiên Lương là hình hiển chi tinh”. Cứ thấy Kỵ đằng sau lập tức Thiên Lương chuyển ra Hình.

Trường hợp Thiên Tướng đằng trước Kinh Dương, đằng sau Đà La cũng kể là Hình Kị hiệp Ấn, vì hóa khí của Kinh Dương là Hình, hóa khí Đà La là Kị.

Trường hợp Thiên Tướng với Vũ Khúc có Hóa Kị, hoặc đứng với Liêm Trinh có Hóa Kị, đằng trước Kinh phía sau Đà thì lại thêm ra một cách cục khác gọi bằng “Kinh Đà hiệp Kị” cách cuộc này còn ác liệt nữa, dễ vướng vào quan tụng, tai nạn, thăng trầm dữ dội. Kinh Đà hiệp Kị chỉ thủ phận không nên đua chen mới yên.

Bản sang câu: “Thiên Tướng chi tinh Nữ mệnh triền, tất đương tử qui cập phu hiền” (Thiên Tướng vào số Nữ chồng hiền, con thành đạt), cách này cần hội tụ Khoa Quyền Lộc thì mới được phu hiền từ quý. Bởi vậy Liêm Tướng thủ Mệnh ở Tí mà người nữ tuổi Kỷ, hoặc Liêm Tướng tại Ngọ mà tuổi Giáp mới thật là hợp cách.

Câu phú: “Nữ mệnh Thiên Tướng Hữu Bát phúc lai lâm” ý chỉ sao phò tá Hữu Bát rất tốt với số Nữ Thiên Tướng thủ Mệnh nhưng hai sao ấy phải ở cùng một cung nếu chiếu theo tam hợp thì giảm đi. Tuy nhiên có một điểm xấu cho cách này là: Chồng thường có thiếp hầu, do đó ở vào hiện đại cách Thiên Tướng Hữu Bát không còn thể gọi là phúc lai lâm nữa. Ngày xưa ông chồng có thiếp hầu là chuyện thường, bây giờ là chuyện rắc rối.

Nữ mệnh Thiên Tướng không nên có Văn Xương Văn khúc, vì gặp Xương Khúc người đàn bà thông tuệ mà thân phận mỏng, không thọ, dễ làm thiếp. “Thiên Tướng Xương Khúc nữ đa thị thiếp” “Nữ mệnh Thiên Tướng thủ mệnh, ngộ Xương Khúc xung phá, thiên phòng thị thiếp chi lưu”.

Xin xem thảo thêm những câu phú về sao Thiên Tướng:

*Thiên Tướng tời hi cư Thê vị. (Nam mạng có Thiên Tướng đồng Thê cung tất gặp người vợ đảm lược quán xuyến).

*Tương ngộ Cái đào Khúc Mộc thuần tước dâm

phong, hạn ngộ Cơ Riêu vô phu nan tự giải cố miên. (Số Nữ Thiên Tướng gặp Hoa Cái Đào Hoa Mộc Dục Văn Khúc thì nhan sắc xinh đẹp nhưng thâm đẳng, vận gặp Thiên Cơ Thiên Riêu đem nằm thao thức tơ tương chuyên gái trai như con chim chìa vôi đến ngày động đực).

*Tướng Liêm tại Ngọ, Khoa Hình Quyền cùng, Hàn Tín đạt cao võ thượng chi công. (Mệnh lập Ngọ Liêm Tướng thủ hội Khoa Hình Quyền như Hàn Tín xưa đẳng đàn bái tướng lập võ công oanh liệt).

*Tý Ngọ Tướng Liêm phùng Phụ Bất thái y đắc thế. (Mệnh đóng Tị hay Ngọ Liêm Tướng thủ được Tả Hữu thì làm thầy thuốc giỏi).

*Thiên Tướng Tử Vi Thân phùng Phá, kiêm ngộ Vượng Tuần đa mưu yếm trá. (Thiên Tướng Tử Vi thủ Mệnh thân, Phá Quân mà gặp Tuần Không, Đế Vương là con người lắm mưu lắm thủ đoạn và gian hùng).

*Thiên Tướng Tử Vi Tuất Thìn khởi năng đạt công danh chí chí. (Thìn Tuất an Mệnh Tử Vi Thiên Tướng thủ, không gặp thêm cát tinh thì khó nên danh phận với đời).

*Ấn mang liệt vị phong hầu
Sao lành Tướng Cáo hội vào Mệnh cung.
(Cung Mệnh có Thiên Tướng Phong Cáo thì công danh địa vị cao).

*Thiên Tướng Không Kiếp cư quan
Công danh chẳng được tân toan nhiều bề.
(Thiên Tướng gặp Không Kiếp ở Quan Lộc công danh chịu lắm khó khăn cay đắng thăng trầm gian nan).

*Thiên Tướng ngộ Lộc xung trung tọa
Cửa mạn đào có gã tài nhân.
(Mệnh Thiên Tướng gặp Hóa Lộc chiếu hay Hóa Lộc đứng cùng thì dễ quyến rũ đàn bà con gái, cũng thường là số đa thê).

*Tướng miếu hoặc hãm gặp ngay
Tuần Triệt án ngữ thân nay khó toàn
Hoặc bị sung đạn đao gươm

Hoặc lâm tai nạn thương đồ mà.

*Cung Quan Tướng đông xem qua

Hễ bị Tuần Triệt khó mà rạng danh.

*Tướng Hồng số gái yên vui

Chồng sang kết nguyên phúc thôi dồi dào

Nếu gặp Khúc Cái Mộc Đào

Vẫn là phúc trọng tính âu đa tình.

LUẬN VỀ SAO THIÊN LƯƠNG:

Thiên Lương sao trong hệ Nam đầu, chủ về thọ, lộc hóa khí là Âm, thuộc dương thổ. (Xin nhắc sao Tham Lang trong hệ Bắc đầu chủ về tai ách tử vong). Mệnh cung hay Tật ách cung mà thấy sao Thiên Lương thì gặp hung chuyển ra cát tiểu tai giải ách. Trong khi sao Tham Lang vào Mệnh hay Tật ách bị thêm các sát kị hình hao tinh khi gặp lưu kị lưu hình rất nguy hiểm về tai nạn có thể đưa đến chết chóc.

Thiên Lương sao của tiêu tai giải ách, thì đương nhiên phải gặp tai ách thì mới cần triệt tiêu. Bởi thế người có Thiên Lương thủ Mệnh thường gặp lắm tai họa mà thoát khỏi hiểm nguy (của bệnh tật, của tù tội, của hoạn nạn). Cổ nhân bảo nguy mà không nguy là vậy.

Thiên Lương tính tình ôn hòa, khéo sắp xếp khu xử, ít dám phiêu lưu xông xáo, xung phong. Người Thiên Lương thủ Mệnh trong một xã hội đầy biến động không bao giờ làm cách mạng. Thiên Lương trên phương diện phục vụ không hăng hái như Thiên Tướng, trên quyền vị không có khí thế mạnh bằng Thái Dương. Thiên Lương có khuynh hướng đón đợi thời cơ, ăn cỗ sẵn.

Thiên Lương ở hãm địa Hợi Tị thì cuộc đời phiêu bồng vô định không lý tưởng cũng không có mục đích để theo đuổi. Thiên Lương đứng một mình ở các cung Tí, Ngọ, Tỵ, Hợi và Sửu, Mùi. Thiên Lương đứng cùng Thiên Đồng ở Dần Thân. Đứng cùng Thiên Cơ ở Thìn Tuất. Đứng cùng Thái Dương ở Mão Dậu.

Thiên Lương Tị Hợi thủ Mệnh không cần gặp hình kị sát tinh cũng vẫn là một cuộc đời lắm tai lắm nạn, đến mức độ chín chết một sống, cuối cùng ra thoát như tên tử tội sắp tới ngày ra pháp trường mà được ân xá. Thiên Lương Tị Hợi lắm gian truân mà không thành tựu. Nghèo thì thọ, hề gặp cơ may mà giàu sang khó tránh khỏi yếu mệnh. Như cổ nhân bảo: “Phi bản tắc yếu”. Vận hạn đến Tị Hợi Thiên Lương bấy

nổi ba chìm.

Thiên Lương ở Mùi Sửu nếu gặp cát tinh thì bình ổn, có chức nghiệp vững vàng và phục vụ đắc lực hợp với tuổi Ất Nhâm, thêm Văn Xương càng hay. Khoa Tử Vi Việt không thấy nói tới sao Âm Sát nhưng ở Đại Hàn Nhật Bản và Trang Quốc thì có cách Thiên Lương Âm Sát. Thủ Mệnh mà Thiên Lương gặp Âm Sát biến ra con người có âm nhĩn dễ nhìn thấy ma quỷ hoặc có muội lực kỳ bí, tuy nhiên cũng vì vậy mà thần kinh dần dần suy nhược. Âm sát là sao tính theo tháng cách an như sau: Tháng giêng tại Dần, tháng hai ở Tí, tháng ba ở Tuất, tháng tư ở Thân, tháng năm ở Ngọ, tháng sáu ở Thìn, tháng bảy ở Dần, tháng tám ở Tí, tháng chín ở Tuất, tháng mười ở Thân, tháng mười một ở Ngọ, tháng mười hai ở Thìn. Tháng đây là thánh sinh của người mang số.

Muội lực kỳ bí càng mạnh nếu có cả Linh Tinh đi kèm. Nhưng nếu lại đi cùng hao tinh, không tinh thì ngã sang thần bí tôn giáo. Những nhà sư thuộc mật tông phái giới về khoa huyền bí phần lớn có Âm Sát đi với Thiên Lương hay Thiên Cơ.

Thiên Lương đơn thủ Tí Ngọ, thì Tí tốt hơn Ngọ. Bởi lẽ Thiên Lương Tí sao Thái Dương đắc địa tại Ngọ gây ảnh hưởng tốt thêm cho Thiên Lương, còn Thiên Lương Ngọ Thái Dương Tí không đắc địa. Nhưng trường hợp Thiên Lương đóng Ngọ mà đứng bên sao Văn Khúc thì lại chuyển thành tốt hẳn, có Văn Khúc Thiên Lương không cần sự trợ lực của Thái Dương nữa.

Sách Đầu Số Tử Vi Toàn Thư viết: “Thiên Lương Văn Khúc cư miếu vượng, vị chí đài cương” (Thiên Lương Văn Khúc đứng cùng ở đất miếu vượng là người có chức vị). Câu phú trên chỏ vào Thiên Lương tại Ngọ với Văn Khúc vậy.

Sang đến cách Thiên Cơ Thiên Lương (đã bàn qua ở mục luận về Thiên Cơ). Ngoài câu phú: “Cơ Lương hội hợp thiện đàm binh”, trong “Chư Tinh vấn đáp Trần Đoàn tiên sinh còn viết: “Thiên Lương gặp Thiên Cơ và hao diệu tăng

đạo thanh nhàn”. Hao diệu là Phá Quân? Đương nhiên Cơ Lương không thể gặp Phá Quân Hao diệu là Đại và Tiểu hao? Hai sao này không có luận cứ nào chứng minh có thể biến Cơ Lương thành tăng đạo.

Vậy thì hao diệu chỉ khả dĩ là một lời nói của cổ nhân bảo rằng Mệnh Cơ Lương là con người tài hoa học rộng biết nhiều mà thiếu quyết tâm hành động cho nên chỉ đánh trận trên giấy được thôi làm hao phí khả năng vì chỉ muốn thanh nhàn ản dật.

Bây giờ bàn sang cách Thiên Lương đồng cung với Thái Dương ở Mão và Dậu. Nếu ở Mão thì phải được Hóa Lộc và Văn Xương tức cách Dương Lương Xương Lộc đã nói ở sao Thái Dương. Thiếu Xương Lộc tốt đẹp mất đi một nửa. Ở đây chỉ bàn về cách Thiên Lương bên Thái Dương tại Dậu thôi.

Sách Đầu Số Toàn Thư viết câu phú: “Lương tú Thái Âm khước tác phiêu bồng chi khách” (nghĩa là: Thiên Lương gặp Thái Âm là người sống nổi trôi). Là nói Lương tại Dậu đứng cùng Thái Dương hội chiếu với Thái Âm tại Ty.

Số trai lận đận trên danh phận, dù khá thông minh làm việc đắc lực. Số gái lang bang trên tình cảm dễ lỡ duyên. Giả tí như có Văn Xương Hóa Lộc cũng không thể gọi là Dương Lương Xương Lộc. Tuy hay tốt hơn nhưng vẫn kể là hạ cách. Trừ trường hợp có sao Hòa Tinh đứng bên. Hòa Tinh vào Thái Dương hãm loạn thế đặc chí.

Câu phú: “Lương tú Âm Linh nghĩ tác đồng lương chi khách” (Thiên Lương gặp Thái Âm thêm Linh Tinh là người có thể ở địa vị giường cột chỏ vào tình trạng Thiên Lương đóng Tí).

Thiên Lương luôn luôn bị một điểm phiền là Cự Môn đóng vào Phu Thê cung, tại Ngọ Cự Môn Thìn, tại Tí Cự Môn Tuất, tại Mão Dậu Cự Đồng Sửu Mùi khiến cuộc sống lứa đôi khó thoát mái, không đồng sàng dị mộng thì cũng chia tay, không chia tay thì cũng hai vợ, hai chồng. Nam hay Mữ đều như vậy, nhưng số Nữ Cự Đồng vào Phu nặng hơn.

Cự Đồng cùng đóng cung Phu. Một sấu góa bụa hai sấu lỡ duyên.

Thiên Lương vốn là sao của tuổi thọ, nếu Mệnh cung lại có cả sao Thiên Thọ, tính chất thọ khảo của Thiên Lương càng tăng thêm. Nếu Thiên Lương đứng trong cung Phu Thê cùng với Thiên Thọ thì gái thường lấy chồng già (từ hơn mười tuổi), trai lấy vợ già (từ ba bốn tuổi).

Nếu Thiên Lương đứng với Thiên Thọ ở tử tức, phải luống tuổi mới sinh con. Nếu Thiên Lương cùng Thiên Thọ ở cung Phụ Mẫu, cha mẹ sống thọ. Trên đây chỉ là một cách cục thôi, không nhất thiết cứ phải Thiên Lương Thiên Thọ mới vợ già chồng trẻ hay chồng già vợ trẻ...

Thiên Lương là thọ tinh, đóng Mệnh cung được tuổi thọ, trừ trường hợp Thiên Lương Tị Hợi mà giàu sang. Nhưng thọ không phải là sức vóc khỏe mạnh. Thiên Lương thủ Mệnh gặp nhiều sát kị tinh thì sức khỏe suy yếu, nhờ thuốc thang kéo dài sự sống. Tỉ dụ bị bệnh thổ huyết mà hút thuốc phiện, bị mất ngủ kinh niên mà dùng thuốc ngủ, thuốc an thần.

Thiên Lương qua nhận xét của các nhà số học Trung Quốc mang phong độ danh sĩ, khi nó gặp những sao Tả Phụ, Hữu Bật, Văn Khúc, Văn Xương, Thiên Khôi, Thiên Việt. Họ căn cứ vào những câu phú ghi trong Đầu Số Toàn Thư:

*Lương Đồng đối cư Tị Hợi, nam lãng đảng, nữ đa dâm.

*Lương Đẩu Nguyệt Tị, khước tác phiêu bồng chi khách.

*Thiên Lương Thiên Mã hãm, vi nhân phiêu đảng phong lưu.

Thiên Lương đóng tại Tị thủ Mệnh mà kèm bên là Hòa Tinh, Đà La thì vừa cô khắc vừa lăm tai nạn. Thiên Lương đi cùng văn tinh là người du thuyết giỏi. Thiên Lương đi với Đào Hoa vào kịch nghệ, trình diễn hợp cách. Nhưng cũng là người dễ vướng mắc lưới tình. Thiên Lương hội tụ cả Đào Hoa Xương Khúc Thiên Riêu có tài, nhưng chỉ ăn chơi

hường thụ.

Cách Thiên Lương đồng cung với Thiên Đồng tại Dân Thân thế nào? Sách viết: “Lương Đồng Cơ Nguyệt Dân Thân vị, nhất sinh lợi nghiệp thông minh” nghĩa là: Mệnh có Thiên Lương Thiên Đồng hội chiếu Thiên Cơ Thái Âm tứ các cung Tài Bạch Quan Lộc là con người phúc hậu thông minh chức nghiệp tốt phục vụ đắc lực. Đồng Lương tại Dân tốt hơn tại Thân vì Dân Thái Âm cung Tuất đẹp hơn Thân Thái Âm cung Thìn. Khả năng thông tuệ như nhau, nhưng chót lọt suông sẽ khác nhau.

Dân Thân là hai cung của Thiên Mã. Hễ đã gặp Mã thì đừng có Đào Hoa. Vì Thiên Mã càng tài giỏi, thêm Đào Hoa thường từ bỏ hạnh phúc an định sẵn có mà đi vào rắc rối nhiều sự nhất là về phương diện tình ái.

Sau hết là nói về quan hệ của Thiên Lương với những sao Lộc nhất là Hóa Lộc. Thiên Lương hóa khí là Âm, cái khả năng quản thủ, điều khiển và phân đấu cho tiền bạc rất kém. Bởi vậy không thể đứng sát cạnh Lộc. Như cách Dương Lương Xương Lộc thì Lộc phải đứng với Thái Âm chiếu qua mới toàn bích, Lộc đồng cung sẽ thành một khuyết điểm cho cách này. Lộc đứng kèm bên sẽ đưa đến tình cảnh vì tiền mà mang tai mang họa. Thiên Lương qua chức vị chức nghiệp mà hưởng phú quý nói khác đi là người khác ban thưởng bổng lộc cho hơn là tự phân đấu để dành dặt lấy. Người Thiên Lương hoàn toàn không đủ thủ đoạn mưu chước đương đầu sự chống phá chung quanh.

Những câu phú cần biết của sao Thiên Lương:

*Thiên Lương nan bảo tư tài, dị dữ nhân. (Thiên Lương không giỏi điều khiển quản thủ tiền bạc dễ vì nịnh nọt yêu thích mà đem tiền cho đi).

*Lương tại Tị tác dật du. (Thiên Lương thủ Mệnh Tỵ cung ưa chơi bời rộng dãi).

*Thiên Lương ngộ Mã nữ Mệnh tiện nhi dâm. (Mệnh Tỵ Hợi, Thiên Lương đứng cùng Thiên Mã số đàn bà dâm tiện).

*Thiên Lương gia cát tọa thiên di hoạch phát kinh thương. (Thiên Lương ít thành công về kinh thương, nhưng nếu từ cung xung chiếu Mệnh là cung Thiên Di mà thấy Thiên Lương cùng với nhiều sao tốt khác vào buôn bán kinh doanh lại hoạch phát).

*Lương Nhật Mão cung đứng mạo phương viên. (Thái Dương thủ Mệnh tại Mão thì mặt này vuông vắn sáng sủa).

*Ân tinh phùng Khôi tinh ư Hội địa, ưng chi sơn nhạc giáng thần. (Thiên Lương đứng với sao Thiên Khôi tại Hội thủ Mệnh thì vóc giáng khôi vĩ như sơn thần).

Lương phùng Hao Sát tại Tỵ cung đao nghiệp hình thương. (Thiên Lương gặp Hao Sát ở Tỵ, bị tai nạn hình thương vì gươm đao).

*Thiên Lương ngộ Hòa chiếu qua
Hại người hại của thật là tai ương.

*Cung Tị Hội Lương cùng Thiên Mã
Chí đổi thay ấy gã phiêu linh
Còn như nữ mệnh cho rành
Cách này thấy rõ dâm tình hạ lưu.

*Đồng Lương hội Dần Thân một khối
Trọn đời người tránh khỏi tai ương.

*Thiên Lương hãm địa kiến Dương Đà, thương phong bại tục chi lưu. (Thiên Lương ở đất hãm gặp Kinh Dương Đà La hay làm chuyện ầu thương phong bại tục).

*Thiên Lương hãm địa ngộ Hòa Dương phá cục, hạ tiên cô quả yếu triết. (Thiên Lương vào đất hãm gặp Hòa Tinh, Kinh Dương, sống cô đơn, không thọ và tính nét thấp hèn).

*Thiên Lương gặp Mã chẳng bàn
Có chồng còn bỏ then làng bướm hoa.

LUẬN VỀ SAO THẤT SÁT:

Thất Sát trong hệ Nam Đẩu, thuộc âm hỏa âm kim còn gọi là hỏa hoa chi kim, như sắt nung đỏ bắn ra những hoa lửa, chủ về sinh sát, tính chất của một thượng tướng. Hỏa hoa bắn tung ra ngoài, nhưng âm kim lại nội liễm cho nên tâm tính vừa âm trầm vừa dễ giận dữ.

Trong Tử Vi Khoa Thất Sát được coi là hung sát tinh. Bất luận số đẹp hay xấu, hễ đã có Thất Sát vào Mệnh hay Thân thể tất phải trải qua những chuyện hung hiểm hoặc có một thời gian bị lăm chướng ngại. Sách viết: “Nhị cung phùng chi định lịch gian tân” (Mệnh Thân có Thất Sát phải nếm trải gian nan tân khổ).

Một khi có Thất Sát phủ Mệnh, phải xem kỹ những vận hạn, nếu vận tốt đến càng sớm để thành công sớm thì hậu vận lại càng tối tăm với thất bại. Thiếu niên đặc chí ắt lúc bị thất ý ảnh hưởng đến hết đời. Nếu tuổi trẻ bốn ba chìm nổi đến trung niên mới phát đạt, thì nhờ kinh lịch đã thấu lường như thanh gươm tôi luyện kỹ rồi, sự phát đạt ấy mới hay.

Thất Sát có những thế đứng kể sau đây: Đơn thủ ở Dần Thân Tí Ngọ và Thìn Tuất. Với Liêm Trinh nơi Sửu Mùi. Với Tử Vi ở Ty Hợi. Với Vũ Khúc ở Mão Dậu.

Sách viết: “Thất Sát cư hãm địa trầm ngâm phúc bất vinh”. Hãm cung cho Thất Sát là Mão Dậu và Thìn Tuất. Nhưng đáng ngại là Mão Dậu gọi bằng cách “Sát hãm Chấn Đoài”. (Chấn là Mão, Đoài là Dậu).

Lý luận cho rằng Thất Sát không có hãm địa là sai. Vũ Khúc Thất Sát ở Mão Dậu mà đứng cùng với hung sát tinh rồi lại gặp vận có lưu hung sát tinh, tai họa không nhỏ, phần lớn do sự lăm lờ của chính mình mà ra. Vũ Khúc Thất Sát chỉ nên dựa vào nghề nghiệp mưu sinh an thân, tham vọng lăm thêm phiền. Thất Sát vốn ưa vẫy vùng, nhưng ở Dậu Mão hãm chẳng khác gì con cá trong chậu quây cựa lăm cũng thế thôi, đôi khi còn sinh nguy hiểm. Nếu như có được

Hòa Tinh Tham Lang thì sự đắc ý không bền, nay được mai mất.

Thất Sát hợp nhất với Tử Vi (đã nói ít nhiều trên phần Luận về Tử Vi). Sách viết: “Tử Vi Thất Sát hóa Sát vi quyền”.

Thất Sát đóng Dần, cung xung chiếu trên cao là Tử Vi Thiên Phủ. Thất Sát đóng Thân cung xung chiếu ở dưới có Tử Vi Thiên Phủ gọi bằng cách “Thất Sát ngưỡng đầu” hay “Thất Sát triều đầu”.

Thất Sát khi đã biến thành Quyền rồi, không nên hội tụ với Văn Xương Văn Khúc Long Trì Phượng Cách. Vì đã xung sát thì xung sát luôn, đừng luận quần văn về làm gì, nửa văn nửa vũ thành nửa mùa tất hành động mâu thuẫn và thành công kém ác liệt.

Thất Sát đã gặp Tử Vi để hóa vi Quyền rồi thì không nên thấy Hóa Quyền nữa sẽ vì thế mà quyền lực quá nặng thành ra con người cô khắc, quan hệ giao tế sinh lắm kẻ thù, càng không nên thấy Hòa Tinh quyền lực khốc liệt khiến cho kiêu căng mà lắm nguy hiểm, thân phận lưu ly, lực thân ghè lạnh, khôn ai muốn khuông phù. Dù có sự nghiệp thật đấy, nhưng đầy gian nan và lúc về già cô quạnh.

Thất Sát một khi hóa thành Quyền, lại rất cần gặp Hóa Lộc, Lộc Tồn, Tả Hữu, Khôi Việt, có Tham Lang đứng với Hóa Lộc càng tốt, còn như Tham Lang đứng với Linh Tinh thì phải trải thiên ma bách triết mới thành công.

Cổ nhân luận Thất Sát thủ Mệnh cho rằng sao này đóng ở bốn cung: Dần Thân Tí Ngọ kẻ làm thượng cách. Ở Dần với Thân là “ngưỡng đầu” với “triều đầu”. Ở Tí Ngọ thì gọi bằng: “Hùng tú Càn nguyên cách”.

Hai ông Ngô Cảnh Loan và Vương Đình Chi đưa ra luận cứ đáng chú ý rằng: “Thất Sát Ngọ mới đúng “hùng tú càn nguyên” Thất Sát ở thủy cung Tí là phá cách” vì Thất Sát vốn thuộc Hỏa Kim và nói thêm: “Liêm Trinh Thất Sát đóng Mùi cũng kẻ là “hung tú càn nguyên”. Như vậy thay vì Dần Thân Tí Ngọ nay theo hai ông là Dần Thân Ngọ Mùi.

Thất Sát tại Ngọ, cung Phúc Đức có Liêm Trinh, Liêm Trinh là âm hỏa nung nấu rèn đúc âm kim của Thất Sát. Hai ông còn cho rằng Thất Sát không nên gần văn tinh tại Mệnh hay tam hợp chiếu, nhưng lại rất cần có văn tinh ở Phúc Đức. Nhờ những văn tinh (Xương Khúc Long Phụng Hóa Khoa) đóng Phúc Đức làm che giảm ngọn lửa Liêm Trinh thì cuộc đời ít gian nan.

Trên đây là những lời bàn đáng cho ta suy gẫm thêm. Riêng tôi cũng thấy điều Thất Sát đóng Tí không bằng đóng Ngọ.

Thất Sát âm kim âm hỏa, kim bị hỏa luyện tính tình dữ dội cương cường, là con người của hành động, chủ động, làm việc tích cực. Bởi vậy Thất Sát mới được coi làm tướng tinh.

So với Thiên Cơ Thiên Lương thì Cơ Lương mang khuynh hướng tư tưởng lý thuyết trong khi Thất Sát xông pha chấp hành. Thất Sát chỉ huy lãnh đạo. Cơ Lương thừa hành. Thất Sát điều khiển, Cơ Lương vẽ kế hoạch. Bởi vậy cuộc đời Thất Sát thường có những nút chuyển biến dữ dội triệt để. Lên thật cao và xuống thật thấp tùy theo vận hay dở.

Người xưa e ngại Thất Sát vào nữ mệnh. Có những câu ca sau đây:

Nữ mệnh sầu phùng Thất Sát tinh

Bình sinh tác sự quả thông minh

Chí cao khí đại vô nam nữ

Bất miễn hình phu lịch khổ tân.

(Thật đáng buồn khi số gái có sao Thất Sát, làm việc thông minh tháo vát, tham vọng nhiều và xong xáo như con trai. Khó tránh được chuyện khắc chồng và phải bôn ba vất vả).

Thất Sát cô tinh Tham tú phùng

Hỏa Đà tấu hợp phi vi quý

Nữ mệnh đắc thủ tính bất lương

Chi hảo cô phòng vi tì thiếp.

(Thất Sát cô thần gặp Tham Lang, gặp thêm Hỏa Đà

ắt là không quý. Số nữ tính bạc bẽo liều lĩnh đưa đến khắc hại chồng làm thiếp hầu).

Thất Sát Dần Thân nữ mệnh phùng

Ác sát gia chi dâm sảo dung

Cánh phùng cát hóa chung bất mỹ

Tì thiếp thị phùng chủ nhân ông.

(Thất Sát tại Dần Thân mà số nữ có kèm sao hung nữa là người nhan sắc, tính tình khéo nhưng sảo. Dù gặp cát tinh cũng vừa chưa hẳn là đẹp, ắt phải có bạn khắc phụ).

Đời trước cổ nhân sợ người đàn bà sắc sảo, tháo vát, xông xáo, tự lập nên mới đưa ra những câu phú trên. Thời nay không thể câu nệ vào những câu phú cổ hủ ấy nữa. Nữ mệnh Thất Sát bây giờ đều là những người đàn bà thành công làm việc giỏi. Chỉ cái chuyện khắc phụ thì vẫn vậy thôi.

Có một điều khá chính xác là: Thất Sát tại mệnh nữ đi cùng Đào Hoa Hòa Tinh không ai không bạc tình. Thất Sát vào cung Phúc Đức của số nữ tình duyên không ai không lận đận nhỡ nhàng. Bởi vậy mới có câu phú: “Thất Sát đàn cư Phúc Đức nữ nhân thiết kị tiện vô nghi (Thất Sát một mình ở cung Phúc Đức số nữ lao đao vất vả dễ rơi vào tình trạng lẻ mọn).

Bàn về câu: “Thất Sát Liêm Trinh đồng vi lộ thượng mai thi” (Thất Sát đồng cung với Liêm Trinh thù mệnh lúc chết chôn bên đường). Thất Sát Liêm Trinh chi đóng cùng ở hai chỗ Sửu và Mùi. Trong khi Thất Sát Mùi cung đã được coi làm cách tốt “hùng tú càn nguyên” thì tại sao còn có câu này?

Các nhà số học Trung Quốc lập luận: “Liêm Sát đồng vị chi gặp hung nguy khi đóng tại Sửu thôi, còn Mùi cung thì không, và phải có những sát tinh như Kinh Đà Hòa, Hóa Kị thì mới đi tới chỗ lộ thượng mai thi, mà lộ thượng mai thi không hoàn toàn là cứ phải vùi thây bên đường, ý bóng của nó là cái chết bất chợt, cái chết không ở trên giường bệnh hay ở trong nhà. Hoặc là chết như một nhà chính trị bị ám sát, hoặc chết như một tên ăn cướp bị bắn giữa đường. Vấn đề là

cân đo những hung sát kị tinh nặng nhẹ mức nào?

Số Liêm Sát không bị hung sát kị tinh tất nhiên không “lộ thượng mai chi”. Một điều chắc chắn hẳn số Liêm Sát dù ở Sửu hay Mùi thì cũng không (?) bốn mươi năm đi làm thầy giáo hay nói khác đi là phải có cuộc sống của kẻ phiêu lưu, hoặc có một chút khác thường.

Nếu đem hai câu viết ở mục Trú giải Thái vi phú: “Thất Sát Liêm Trinh lưu đặng thiên nhai (Mệnh có Liêm Sát sống nơi chân trời góc biển) và Thất Sát Liêm Trinh đồng vị lộ thượng mai thi”, thì cái lý nó gần gần nhau, đã chân trời góc biển, làm sao còn chết ở quê nhà?

Ngoài ra Thất Sát Liêm Trinh mà đóng Thiên Di, (tất nhiên thủ Mệnh là Thiên Phủ Mùi hay Sửu) nếu Thiên Phủ bị Tuần Triệt hay gặp hung sát tinh cũng gặp cái chết của đồng vị Liêm Sát đã nói trên.

Sau hết là Thất Sát ở hai cung Thìn Tuất. Thìn Thiên La, Tuất địa vồng. Thất Sát sao của hành động không dễ thích ứng không dễ thuận tong như Liêm Phủ vào hai cung ấy. Vì Thiên Phủ Liêm Trinh mềm dẻo, biết theo thời thế, biết đứng vào hang lối. Do đó Thất Sát Thìn Tuất kể như hãm địa, do sức ép của Thiên La Địa Vồng, và do sức tranh thoát dữ dội của Thất Sát.

Thất Sát Thìn Tuất ý chí kiên cường, có chủ kiến và độc lập tính nhưng phải trăm cay ngàn đắng mới thành tựu nếu được cát tinh phò trợ. Còn như quá nhiều hung sát tinh vây bọc chỉ nên học một sảo nghệ mà an thân. Vì đối cung là Liêm Phủ cho nên hung tinh đáng ngại nhất cho Thất Sát Thìn Tuất là sao Hóa Kị đứng đối cung đó là giảm hẳn khả năng thích ứng thuận tong, chỉ còn bất mãn phần nộ, tất nhiên sẽ cực hơn.

Về sao Thất Sát lâm thân có hai câu phú hầu như mâu thuẫn:

-Thất Sát lâm Thân chung thị yếu.

-Thất Sát cư Thân hưởng đắc an toàn chi phúc.

Yếu hay Phúc chỉ là vấn đề hãm hay đắc địa thôi.

Ngoài ra còn phải xem thêm các hung sát kị tinh nữa mới định cho rõ được.

Thất Sát có nhiều câu phú cần nghiên cứu:

*Thất Sát cư Quan đắc vị uy áp vạn nhân. (Thất Sát đóng Quan Lộc đắc địa, uy quyền. Uy quyền gồm vị thế và oai nghiêm. Thất Sát cư Quan chỉ huy mật vụ đắc lực).

*Thất Sát phùng Thái Tuế trí dũng hữu dư. (Thất Sát đi bên Thái Tuế vừa dám làm vừa giỏi liệu công việc).

*Sát Phá hi trợ Kinh Dương. (Thất Sát Phá Quân có Kinh Dương trợ, thành công mau phát mạnh, nhưng nhiều nguy hiểm ví như người cười cợt).

*Thất Sát thủ tha tài vi kỷ vật. (Thất Sát tinh tấn lướt được đăng chân lân đăng đầu, lấy của người làm của mình).

*Thất Sát Phá Quân nghi xuất ngoại, chư ban thù nghệ bất năng tịnh. (Mệnh Thất Sát hay Phá Quân nên làm nơi xa, có nghề nhưng không giỏi tay nghề lắm. Đây là chỏ vào Thất Sát Phá Quân hãm).

*Thất Sát trùng phùng tứ sát, yêu đà bối khúc trăn trung vong. (Thất Sát hãm thêm Hỏa, Linh Không Kiếp thì dễ có tật trên người, thường gặp nguy hiểm nơi trăn mạc).

*Thất Sát Hỏa Dương bản thả tiện đồ tể chi nhân. (Thất Sát hãm thủ Mệnh gặp Kinh Dương Hỏa Tinh chi chuyên ăn người và hung bạo, cũng không nên danh phận được).

*Thất Sát thủ chiếu, tuế hạn Kinh Dương, Ngọ sinh nhân Mệnh an Mão Dậu chư hưng vong. (Thất Sát thủ hay chiếu Mão Dậu, niên vận gặp Kinh Dương, người tuổi Ngọ gặp một ngã rẽ thay đổi cuộc đời mình).

*Sát Kinh tại Ngọ, mã đầu đới tiễn, tương giao sát diệu, Bính Mậu nhân mệnh vị nan toàn. (Mệnh Thất Sát Kinh Dương ở Ngọ, gặp vận nhiều sát tinh, người tuổi Bính Mậu nguy đến tính mạng).

*Thân phùng Sát Phá Liêm Tham, hạn lâm Địa Vong Hình Khôi sát diệu Kỵ Đà xâm nhập, Thục gia trường nội, Dục Đức mệnh vong. (Cung Thân có Sát Phá Liêm Tham hội

tụ, đến vận hạn vào cung Địa Võng (Tuất) có Kỵ Đà, Thiên Hình Thiên Khôi, như ông Trương Phi bị ám toán chết ngay trong trường phủ).

*Sát cư Ly Khảm nam nhân, thê hiền đa hội; mạc ngộ Kiếp Riêu, ố phụ ái cô thân. Nữ mệnh trai oán hồng nhan nan tự chủ. (Thất Sát thủ Mệnh Ngọ số trai gặp vợ hiền, nhưng nếu có Kiếp Riêu thì lại thích sống độc thân. Còn mệnh Nữ thường oan trái rơi lệ vì tình).

*Sát phùng Hình Hổ hãm tại tử cung thai lệ chi ai. (Sát gặp Hình Hổ tử cung, đến già chưa thấy tay bông con thơ).

*Sát Phá Tham tại Nữ mệnh nhi ngộ Văn Xương ư Tân Đinh Tuất sương phụ chi nhân. (Mệnh Sát Phá Tham, gặp sao Văn Xương người Nữ tuổi Tân Đinh thì góa chồng hoặc ly phu).

*Sát Phá Tham tại phối cung đắc Quyền Lộc Khúc Xương mệnh phụ chi nhân; Quý tuế ưu phùng Cô Quả, quả phụ chi nhân. (Cung phu có Sát Phá Tham đắc địa hội Quyền Lộc lấy chồng quyền chức cao, làm mệnh phụ, nhưng tuổi Quý mà thấy thêm Cô Thần Quả Tú thì lại thành quả phụ (góa chồng)).

*Sát Riêu cư hỏa địa nữ nhân ba đào xuất hải, phùng Quyền Lộc tham bác chi nhân. (Thất Sát Thiên Riêu thủ Mệnh ở Tỵ hay Ngọ, đàn bà có cuộc sống lênh đênh, được Quyền Lộc thì sành sỏi thành công, gây cơ dựng nghiệp).

*Sát Hình tọa cùng Liêm trực vô tư. (Mệnh Thất Sát hội chiếu Thiên Hình hoặc đồng cung là người liêm khiết chính trực).

*Mệnh vô chính diệu, hạn ngộ Trúc La Đào Hồng, Suy Tuyệt, Khổng Minh nan cầu trường thọ. (Mệnh không chính tinh vận đến Trúc La; Sát Phá Tham với Đào Hoa Hồng Loan và Suy hay Tuyệt, như Khổng Minh có lập đàn cúng tế vẫn khó thọ).

*Sát Phá Liêm Tham tam kỳ gia hội lai triều, Hồng Hình Tả Hữu uy danh nhất thế chi nhân; Phùng Kị Không

Triệt chung thân tác sự nan thành. (Sát Phá Liêm Tham đắc địa hội tụ vào Mệnh cùng với Khoa Quyền Lộc Hồng Loan Thiên Hình Tả Hữu là người uy danh lừng lẫy. Nhưng hễ bị Tuần Triệt Hóa Kị thì làm việc gì cũng chẳng nên vì làm toàn chuyện bốc giờ mà không có phận).

*Thất Sát đản thủ Mệnh viên vô khả cứu trùng lâm chi hạn. (Thất Sát Thìn Tuất, vận lại gặp Thất Sát thì khó tránh tai ương, thất bại).

*Mấy người thủy ách, hỏa tai

Sát Liêm ngộ Hỏa, Riêu ngôi Kị Tham.

(Sát Liêm gặp Hỏa Tinh hay bị nạn cháy nhà. Thiên Riêu gặp Hóa Kị Tham Lang dễ vướng nạn sông nước).

*Dần Thân Sát Kị trùng gia

Thương chiêu đả mạ thật là gian truant.

(Cung Dần Thân Thất Sát đứng cùng Hóa Kị, thường bị đẩy đưa vào những chuyện gây gổ, đánh chửi nhau phiền toái).

*Sinh con điếc lác ngắn ngor

Bởi cung tử tức Sát Đà Kiếp Không.

*Sát phùng Phù Hồ hay đầu

Dã Tràng thừa ấy âu sầu ngục trung.

*Sát tinh chiếu ở cung Đoài

Vì người tham của Phật đài họa to.

(Câu này không rõ nghĩa lắm).

*Ngôi cao chức trọng công hầu

Mệnh Thân Sát Phá ở đầu Ngọ cung.

*Liêm tại Mùi đứng cùng Thất Sát

Tính cang kiên tài cán đảm đương.

Được thêm Kỷ Ất sinh nhân

Anh hùng trí dũng mười phần khá khen.

*Sát Kinh ở tại Ngọ cung

Tai ương chìm nổi luôn trong cuộc đời

Nhưng Giáp Kỷ là người cái thế

Bạc anh hùng địa vị thênh thênh.

*Kia nữ mệnh Đinh Tân hai tuổi

Sát Phá Tham lại hội Văn Xương

Ấy là góa bụa đáng thương

Nếu không cũng chịu dở dang duyên tình.

*Thất Sát phùng Dương Đà ư Tật ách tàn tật chi nhân.

(Thất Sát gặp Dương Đà ở cung Tật Ách tất có tật thương).

*Thất Sát lưu niên Bạch Hổ hình lục tai truân. (Thất Sát hãm thủ mệnh lưu niên gặp sao Bạch Hổ tất bị kiện tụng cò bót).

*Thất Sát lâm Thân Mệnh, lưu niên Hình Kỵ tai thương. (Thất Sát vào Thân Mệnh, lưu niên có Hình Kỵ gặp tai nạn thương tích).

*Sát lâm Tuyệt địa hội Dương Đà Nhan Hối yếu triết. (Sát đứng với sao Tuyệt gặp Kinh Đà không thọ).

*Thất Sát Phá Quân chuyên ý Dương Linh chi ngược. (Thất Sát Phá Quân hãm địa thủ mệnh gặp Kinh Dương Linh tình cuộc đời khó khăn chướng ngại, dễ thành dễ bại).

*Cung Tỵ ấy Sát là đẹp quá

Nếu mà Tuyệt Hóa cùng ngôi

Ấy phường tàn nhẫn đó thôi

Ấy phường khát máu tanh hôi sá gì.

*Thìn Tuất Thất Sát xem qua

Kinh Hình hội ngộ ắt là đảo điên.

LUẬN VỀ SAO PHÁ QUÂN:

Tiền nhân khi luận sao Phá Quân thường chê bai. Như trong Đầu Số Toàn Thư viết: “Phá Quân thù Mệnh là con người bạo hung giảo trá, tính gian hoạt, không hợp với ai, làm việc gì chỉ chực ăn người, không ưa điều thiện, thích hòa vào việc ác, coi lục thân như người dưng, cốt nhục vô tình vô nghĩa”.

Nói tóm lại Phá Quân không có điểm nào đáng gọi là tốt, phải. Luận như vậy thiên lệch không chính xác. Ngoài ra cũng sách trên có hai điểm lầm khi viết: “Gặp Thiên Phủ trở thành gian nguy, hội Thiên Cơ thì sinh trộm cắp”. Làm thế nào an sao mà Phá Quân gặp Thiên Phủ với Thiên Cơ được?

Lại viết “Chỉ có Thiên Lương mới giải được cái xấu, Lương Lộc mới làm vơi đi chất nồng cuồng”. Phá Quân cũng không thể đứng cùng Thiên Lương hay hội hiệp với Thiên Lương. Chỉ có thể rút tía được một điểm đúng ấy là: Phá Quân cần Lộc, Lộc Tồn hay Hóa Lộc cần cứ trên câu: “Lục Giáp lục Quý sinh nhân hợp cách, chủ phú quý”.

Lục Giáp Phá Quân Hóa Quyền. Lục Quý Phá Quân Hóa Lộc. Theo kinh nghiệm thì Lộc thuận lợi hơn Quyền. Quyền làm cho bồn ba hơn, Lộc yên ổn.

Phá Quân hội Lộc đi cùng Tham Lang (trường hợp tuổi Kỷ) hoặc gặp Hóa Lộc đứng cùng (tuổi Quý) thì không nên có Thiên Mã. Lộc với Mã vốn là một cách hay gọi bằng Lộc Mã giao tri, nhưng riêng Phá với Tham lại không hay.

Sách Đầu Số Toàn Thư đưa ra câu phú: “Phá Quân Tham Lang phùng Lộc Mã, nam đa lãng đãng, nữ đa dâm”. Tại sao vậy? Vì bản chất Phá Quân đã ưa thay đổi, thích sáo trộn, nếu còn thêm Lộc Mã thì càng nặng ý phiêu lưu chỉ biết phát triển, chỉ biết bốc trời mà không biết củng cố. Nói tóm lại chẳng khác gì chiếc xe không có thắng thì khó mà nên công trạng sự nghiệp hẳn hoi, rơi vào tình cảnh vung tay quá trán.

Nữ mệnh Phá Tham Lộc Mã ham của lạ, bỏ cái tốt sẵn có đi tìm cái mình tưởng tượng là tốt hơn. Đang gia đình yên ấm lại mơ tưởng một cuộc phiêu lưu không rõ sẽ đưa mình đến đâu. Người đàn bà này làm nhân vật tiểu thuyết thì vui mà làm vợ trong cuộc sống thực tế tất sinh phiền nhiễu dờ dang duyên tình.

Phá Quân làm bừa ít suy nghĩ chín chắn bỏ cái tốt đi vào cái xấu, manh động nếu gặp luôn cả Thiên Mã đi cùng Lộc Tồn hay Hóa Lộc.

Phá Quân có những thế đứng sau đây: Đứng với Liêm Trinh tại Mão Dậu; Với Tử Vi ở Sửu Mùi; Đứng một mình ở Thìn Tuất, Tí Ngọ, Dần Thân; Đứng với Vũ Khúc ở Tị, Hợi. Phá Quân hãm đáng ngại nhất là đóng Mão Dậu, rồi mới đến Dần Thân.

Liêm Phá tại Dậu Mệnh hay Thiên Di mà gặp Thiên Hình Hóa Kị thế nào cũng bị những thất bại, hoạn nạn đến bất ngờ. Liêm Phá Hóa Kị mà không bị Thiên Hình Hỏa Tinh có lúc bạo phát, nhưng rồi chuyển sang bạo bại. Hễ đã phát rồi thì nên đổi nghề chuyển những tiền bạc đã kiếm qua một công chuyện khác hẳn nghề nghiệp cũ thì còn bảo vệ được, nhược bằng tiếp tục ắt có ngày mất hết. Liêm Phá tại Mão cũng vậy nhưng không mau mạnh bằng Dậu. Phá Quân không hợp với Văn Xương Văn Khúc.

Sách viết: “Phá Quân dữ Văn tinh thủ mệnh nhất sinh bản sĩ” (Nếu Phá Quân thủ Mệnh cùng với Xương hoặc Khúc thì cả đời làm bản sĩ, có hay có giỏi mà không thành đạt).

Nhưng Phá Quân đóng Mão cung được Văn Xương Hóa Khoa lại biến thành một cách khác gọi là “phản cách” hốt nhiên có người đề bạt mà bốc lên khiến thiên hạ kinh ngạc, có điều rồi cũng không bền, một thời gian ngắn làm mưa làm gió thôi.

Bạo phát bạo bại không chỉ với Phá Quân Mão Dậu mà còn với cả Phá Quân Sửu Mùi khi nó đứng bên Tử Vi. Nếu nhiều sao tốt triều cùng thì Tử Phá có thể dành được chức quyền lớn, nhất là vào chính trị hay quân giới (đã nói ở

mục luận về Tử Vi).

Nhưng Tử Phá cũng chịu qui luật gần giống Liêm Phá. Nghĩa là biết công thành thân thoái thì danh mới còn, của mới bền. Ngoài ra nếu như Tử Phá hội Xương Khúc Hoá Khoa Khôi Việt cũng bỗng nhiên do người đề bạt mà thăng cao, rồi khi mất chỗ dựa xuống dốc.

Phá Quân đi với Xương Khúc dù là Tử Phá hay Liêm Phá dễ vướng hận tình. Có câu phú: “Phá Quân xung phá Văn tinh tam canh bảo vân song chi hận”. (Phá Quân xung phá Xương Khúc, đêm đêm ôm hận tình, đa tình và đam mê rồi thất bại trên tình trường mà thành hận. Bị vợ bỏ, người yêu cho rơi hoặc vợ cho mọc sừng).

Ba hung tinh Thất Sát, Tham Lang, Phá Quân có chung một tính chất là biến hóa thì Phá Quân biến hóa hơn hết, biến hóa trên gặp gỡ tế ngộ, biến hóa trên hoàn cảnh (hôn nhân, giáo dục, công tác, sự nghiệp, tài sản). Biến hóa không chỉ do hoàn cảnh mà ngay cả trong tâm ý, tư tưởng và quan niệm.

Người thủ Mệnh Phá Quân có thể lúc nhỏ không chịu học mà càng lớn tuổi cái chí lại mãnh liệt, có thể lúc nhỏ u tối mà lớn lên thông tuệ lạ thường.

Trên tình trường lúc say mê như muốn chết vì tình, lúc lạnh lung dừng dừng như băng tuyết. Bỏ nhau rồi gương vỡ lại lành, thăm thiết với nhau mà chỉ một sớm một chiều chia tay. Bữa nay bên ba chìm nổi, ngày mai đóng cửa ngời tỉnh tọa đốt đốt chẳng thờ cổ ra. Lúc này tiên của vào như nước, lúc khác tro trông như bèo trong ao cạn.

Cổ nhân đưa ra câu phú: “Phá Quân nhất diệu tính nan minh” (Phá Quân thật khó hiểu) khó hiểu chính là do những biến đổi đột ngột.

Nói riêng về tâm lý Phá Quân, đôi lúc ngoài mặt rất mực cứng rắn mà trong thâm tâm lại mềm yếu, bên ngoài bên trong hai cực đoạn đi ngược chiều. Đây cũng là lý do khác để Phá Quân khó hiểu.

“Phá Quân tính khốc bất nhân, bất an Thân Mệnh”

(Người Phá Quân ác liệt bất nhân không nên an ở thân Mệnh). Những thay đổi tạo ra tình trạng bất nhân chứ không phải sinh ra vốn bất nhân.

Phá Quân tâm thái, lý trí xung động dữ dội theo ngay và phản liên như lời Trotsky đã nhận định loại người: “Trong khi cách mạng đang ở thời kỳ đầu sôi lửa bỏng thật cần hấn, nhưng cách mạng đã thành công rồi thì nên đem hấn ra mà bắn đi”.

Phá Quân thích chuyện xung phong hăm trận, nhưng lại mau chán cái điều mình vừa định chết vì nó. Phá Quân cư Thìn Tuất, cung đối chiếu là Tử Vi Thiên Tướng cổ nhân luận rằng: “Tướng tại ngoại, quân mệnh hữu sở bất thụ” (Tướng ngoài trận có thể làm trái lệnh vua. Ví như ông tướng được vua sai đi, nhưng vì nhu cầu thực tế, do nhận định riêng khả dĩ làm ngược lại mệnh lệnh của vua).

Tại sao Tử Vi Đầu Số Toàn Thư lại viết hai câu:

- a) Cần được Tử Vi để có uy quyền (Hi Tử Vi hữu uy quyền).
- b) Gặp Tử Vi mất uy quyền (Phùng Tử Vi thất uy quyền).

Sự khác biệt trên là khác biệt giữa Tử Phá Sửu Mùi và Tử Phá một ở Thìn, một ở Tuất.

Trai bất nhân Phá Quân Thìn tuất

Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân.

Không tuân lệnh vua nếu bị quan niệm là tạo phản thì phải chịu cái tiếng bất nhân. Phá Quân Dần Thân khác với Phá Quân Thìn Tuất ở chỗ không thể bao giờ thành công, kẻ như hoàn toàn hăm địa, sách đề là bình địa. Chữ bình đây đối với Phá Quân mang ý nghĩa khá quan trọng, như con cộp vào ruộng chờ người đến bắt giết thôi.

Phá Quân Dần Thân trí tuệ không sáng suốt mà lại ưa làm ầu làm bừa. Thất bại là điều đương nhiên. Phá Quân Dần Thân bị Hỏa Linh công phá càng nhiều, Hỏa với Linh đứng cùng Phá Quân tất gặp Tham Lang hiệp, nhưng không thể gọi như thế là Tham Hỏa Tham Linh được. Trường hợp Linh

Hỏa Kinh Dương này nếu biết an thân thủ phận phục vụ người thì yên.

Phá Quân đắc địa hay hãm địa mà gặp Hỏa Tinh là xấu dễ gặp nạn, tai nạn gây thương tích hay hoạn nạn với cái lo bị bắt giữ tù tội. Đã gặp Hỏa rồi mà còn thêm Linh Tinh nữa càng đáng ngại hơn, có thể đưa đến tàn tật và hình đồ.

Về câu phú: “Phá QuânThìn Tuất nhi ngộ Tuần Khoa cải ác vi lương ư Mậu Quý nhân đa hoạch danh tài” (Phá Quân ở Thìn hay Tuất mà gặp Tuần Không, Hóa Khoa thì tính tình lại thuần hòa, người tuổi Mậu Quý công danh hiển đạt, làm ăn giàu có). Chỉ có tuổi Mậu mới có thể gặp Tuần và Khoa thôi, tuổi Quý Phá Quân gặp Hóa Lộc và Tuần, không thể thấy Khoa. Tuần với Khoa hai sao chung sức kiềm hãm bớt tính rộng rãi của Phá Quân để gạn lọc trí tuệ Phá Quân nên được việc.

Phá Quân thuộc âm thuộc âm thủy trong hệ Bắc Đẩu, hóa khí là Hao. Thủy chủ trí tuệ, nếu được đất ất thì thường thông minh, nếu rơi vào thế hãm thì làm càn và ưa nịnh hót, gặp các hung sát tinh khác tính phá hoại tăng cao. Với Tuần Khoa thì Phá Quân trở nên mưu trí thuần hòa tiến thoái có kế hoạch.

Trong Thái Vi phú viết: “Phá Quân ám diệu đồng hương thủy trong tác tụng” nghĩa là Phá Quân đứng cùng ám diệu sẽ chết vì sông nước và trên phần khác đồng bản in lâm: “Phá Quân ám Cự đồng hương thủy trung tác tụng”.

Phá Quân không thể bao giờ đứng với Cự Môn. Dù đứng theo thế hiệp. Sau này Trung Châu phái (bên Trung Quốc) đưa ra một luận cứ khá hợp lý rằng: Ám diệu là Văn Khúc với Hóa Kị vì rải rác trên các sách khác Trần Đoàn tiên sinh có nói đến Văn Khúc Hóa Kị là ám diệu.

Phía trên còn cắt câu ấy làm hai đoạn cho rõ nghĩa như sau: “Phá Quân ám diệu công hương, thủy trung, tác tụng” và cho rằng Phá Quân đứng với Văn Khúc Hóa Kị ở các cung Hợi - Tí - Sửu (ba cung Thủy - Sửu là thủy khổ) và “tác tụng”. Đây ý chỉ là tối tăm như ngôi cổ mộ chứ không

phải chết đuối. Nói tóm lại Phá Quân đứng cùng Văn Khúc Hóa Kị tại Sửu - Tí - Hợi thì cuộc đời phiêu bạt tối tăm không bao giờ gặp cơ hội thổ khí dương mi với đời, có thể là những trang hảo hán anh hùng không gặp thời.

Cách Vũ Khúc Phá Quân đóng Tị Hợi xin xem đoạn luận về sao Vũ Khúc. Những câu phú cần biết liên quan đến Phá Quân:

*Phá tại Khảm Ly tam thiếu tam công quyền đắc trọng. (Phá Quân Tí Ngọ quyền cao chức trọng).

*Phá Quân Tí Ngọ cung vô sát, quan tư thanh hiển chí tam công. (Cùng một ý nghĩa như câu trên).

*Phá tọa Khảm Ly cô thân độc ảnh, Bát Kinh tọa cùng, dự thù danh gia. (Phá Quân Tí Ngọ gặp Hữu Bát Kinh Dương làm nên, thành công, nhưng dễ cô độc thường phải lia bỏ quê hương, người thân).

*Phá Liêm hãm cư Mão Dậu, bằng Nguyệt Đức dĩ từ nhân. (Phá Quân thủ Mệnh Mão Dậu, có Nguyệt Đức thì lại thành người tốt bụng).

*Phá Quân Mão Dậu mặc ngộ Kiếp Kinh tu phòng hình ngục. (Phá Quân ở Mão Dậu nếu gặp Kinh Dương Địa Kiếp phải lo họa hình ngục).

*Phá Kinh Mão Dậu nhi phùng Khoa Bát khởi nguy Hoàng Sào. (Phá Quân Mão Dậu lại gặp Hóa Khoa Hữu Bát sẽ như Hoàng Sào làm phản loạn).

*Phá cư Mộ cương quả chi nhân, phùng thời, loạn thế ngộ Hình Lộc chấn động uy danh. (Phá Quân thủ Mệnh tại Sửu Mùi hay Thìn Tuất lúc đắc thế trong thời loạn mà gặp Thiên Hình Hóa Lộc uy quyền lớn).

*Phá Liêm ngộ Hỏa tử nghiệp vô nghi. (Mệnh Phá Liêm Hỏa tinh hay vận thấy Phá Liêm Hỏa tinh sinh nghề tử nghiệp).

*Phá Hao Dương Linh Quan Lộc vị, đắc sứ khát cầu. (Phá Quân song Hao Kinh Dương Linh Tinh vào cung Quan Lộc có lúc không có bát mà ăn, thất bại đến xuống đất đen).

*Phá Quân Hỏa Tinh bồn ba lao bác. (Thủ Mệnh Phá

Quân đứng cùng Hòa Tinh cuộc đời thường bốn ba chìm nổi).

*Tề tử kiến Kim phu giai do Phá Quân phùng Thiên Mã. (Phá Quân thủ Mệnh hội Thiên Mã tình ưa ganh ghét thù hận).

*Lã bắt Vi thương phú chi nhân, hạn phùng Phá Tướng Tử Tham Quyền Ấn Hồng Hình Phụ Bất, quyền nhiếp tân triều chi tiếm đế. (Lã bắt Vi chỉ la tay buôn bán đến vận hạn gặp Phá Quân Thiên Tướng, Tử Vi Tham Lang thêm Hóa Quyền, Quốc Ấn, Hồng Loan, Thiên Hình, Tả Phụ, Hữu Bất bỗng nhiên mà quyền khuynh thiên hạ. Hạn này chỉ có thể đến Hợi hay Tý mới gặp đủ những sao kể trên).

*Phá ngộ Kị Tang cư Nô Bộc đa chiêu oán nộ. (Phá Quân với Hóa Kị Tang Hổ ở cung Nô Bộc dễ bị người oán giận. Phá Quân hãm tại Nô Bộc cũng vậy).

*Tật cung hạnh phùng Phá Sát, nhi ngộ song Hao, Mộc Kị sang độc ung thư. (Cung tật ách có Phá Quân Thất Sát thì tốt, nhưng nếu thấy luôn cả Hóa Kị Mộc song Hao lại bị ung thư mụn độc).

*Dần Thân Phá Hòa Việt lâm ư Tân Đinh tuế, cơ sảo tài hành, hạn lưu Mã, Tuyệt sát tinh tứ chi nan bảo. (Phá Quân đóng Dần Thân gặp Thiên Việt có tay nghề giỏi, nhưng với tuổi Đinh Tân gặp vận lưu Thiên Mã, Tuyệt và các sát tinh thì có tai nạn gãy tay gãy chân).

*Dần cung Phúc tọa, tối hiềm Phá Liêm Dương Việt Linh lục bại dị sinh đức tổn tài suy. (Cung Phúc đức thấy Phá Liêm Kinh Dương, Thiên Việt, Linh Tinh thì gia đình không yên, tiền bạc mất mát).

*Phá Quân ngộ Hòa Linh Đà Nhãn

Lâm Tuất Thìn nét hắc gian phi.

(Nhãn là sao Kinh Dương)

*Phá phùng Hình Kị huynh hương

Anh em bất thuận hững đường tụng tranh.

*Phá Quân sao ấy tán tài

Cư điền bán hết lưu lai tổ truyền.

(Tệ hại nhất là Phá ở hãm địa đóng Điền Trạch)

*Tứ mộ Phá gặp Lộc Hình

Uy quyền chắc hẳn rạng danh đó mà.

Thìn Tuất Phá ngộ Tuần Khoa

Tuổi sanh Quí Mậu thật là hiển vinh.

*Phá Kinh Tả Hữu chớ ngờ

Ở cung Mão Dậu ắt là loạn quân.

*Phá Quân nữ mệnh khá xem

Đắc địa cát diệu hòa hiển hiển vang

Hãm cung ác độc lằng loàn

chỉ làm kẻ thiếp khỏi đảng sinh ly.

Phá Quân Riêu Mã hợp vào

Ấy hạng du đảng ai nào muốn thân.

LUẬN VỀ SAO VĂN XƯƠNG:

Văn Xương chủ về khoa giáp (đỗ đạt) hãm địa là ba cung Dần, Ngọ, Tuất thuộc âm kim, còn có tên là Văn Quý liên hệ đến thanh danh con người ta. Ở các cung khác thì thông minh ít hay nhiều dính líu đến “văn”.

Nếu có đủ cả Văn Xương Văn Khúc vào Mệnh cung mà sao Thiên Tài thủ mệnh tất trí tuệ vượt thiên hạ, gặp luôn Tấu Thủ Bác Sĩ rất thuận lợi trên thi cử. Nếu như Mệnh cung chỉ có Văn Xương không Văn Khúc cũng không cả Hóa Khoa thì chỉ thông minh thôi, không nhất định dễ dàng với khoa danh thi cử.

Xương Khúc hội Long Trì Phượng Các tay nghề khéo, kỹ năng giỏi. Xương Khúc tại Mệnh cung thường dễ được người khác phái mến chuộng do duyên dáng, tinh anh, tán hay. Nếu Xương Khúc đi với Thiên Đồng, Thiên Cơ Tử Vi càng gần cận nữ phái.

Văn Xương khởi từ Tuất, vì Tuất là hỏa khô, kim được hỏa luyện mà nên thép tốt khiến cho lời ăn tiếng nói lập luận sắc bén hay dùng ẩn ý. Văn Xương đóng Sửu Mùi (hai cung mộ khô) thì tài hoa với khả năng tổ chức chu đáo, phản ứng và quyền biến.

Nhưng Văn Xương cũng mang cái bệnh ảo tưởng hoặc quá lý tưởng, vì ảo tưởng, quá lý tưởng mà đôi khi tâm tình lãnh đạm trong việc đối xử giữa người với người. Văn Xương đi cùng với Hóa Kị lại chuyển ra ngôn quá kỳ thực mặc dầu trước sau vẫn là có tài cán.

Văn Xương đi cặp với Thái Dương Thiên Lương Hóa Lộc Lộc Tồn tức cách Dương Lương Xương Lộc rất lợi với việc thi cử khoa danh. Trường hợp thiếu Lộc lại gọi bằng Thái Dương Âm Phúc, Thiên Lương là Âm, còn Thiên Đồng là Phúc thì vấn đề đỗ đạt cũng dễ dàng.

Cách Dương Lương Xương Lộc chỉ ở hai cung Mão Dậu mới là chính, nếu ở Thìn Tuất không kể làm chính, chỉ là

thiên cách vì Văn Xương Tuất Thìn lạc hãm, thiên cách không bằng chính cách. Nhỡ mà gặp luôn cả Hóa Kị thì thành phá cách có tài mà không có phận, cuộc đời lưu ly vất vả, sinh bất phùng thời.

Về sao Văn Xương có một cách cục thật xấu ấy là: “Linh Xương Đà Vũ”. Sách Đầu Số Toàn Thư viết: “Linh Xương Đà Vũ hạn chí đầu hà” (Vận gặp Linh Tinh, Văn Xương, Đà La, Vũ Khúc đâm đầu xuống sông mà chết). Cách này thường hiện lên ở hai cung Thìn Tuất ý chỉ sự thất bại dữ dội, mấy chữ đâm đầu xuống sông mà chết chỉ cốt vẽ nên hình tượng đáng ngại của thất bại ấy vậy. Nếu không Đà thì bị Hóa Kị, nếu không phải Vũ Khúc mà bị Liêm Trinh cũng ảnh hưởng tai hại như nhau.

Như trên đã nói, Văn Xương khả dĩ biến thành đào hoa, bởi vậy cổ nhân mới nói nữ mạng kị gặp Xương Khúc. Văn Xương không hợp với Liêm Trinh hay Tham Lang. Cốt Tùy phú ghi “Xương Tham cư Mệnh phần cốt toái thi” (Mệnh thấy Tham Lang Văn Xương thịt nát xương tan) ý nói về tâm ý quá đam mê tình ái mà vương lụy tình. Không hiểu tại sao câu phần cốt toái thi qua Việt Nam lại biến thành “phần cốt tủy si” theo cái nghĩa mặt lang beng? Về lang beng sách chỉ ghi rằng: “Văn Xương tại vượng cung đa dị chí hãm địa đa ban ngân” nghĩa là ở vượng cung thì có nốt ruồi lạ, đóng hãm địa đa có vết loang. Không hẳn là lang beng hay bạch tạng gì cả.

Đàn bà Xương Khúc lãng mạn đa tình hiếu sắc, cổ nhân nói: Dương Phi hiếu sắc tam hợp Văn Khúc Văn Xương (Dương Quí Phi đa dâm bởi tại tam hợp vào Mệnh có Xương Khúc).

Còn một câu khác: “Văn Xương Văn Khúc hội Liêm Trinh táng mệnh yếu niên” nghĩa là Văn Xương Văn Khúc gặp Liêm Trinh không thọ. Không thọ vì mê đắm hoan trường mà khó tạo sự nghiệp rồi sức lực suy vi. Và Liêm Trinh ở câu này là Liêm Trinh Hợi Ty đứng cùng với Tham Lang chứ không phải Liêm Trinh đứng với những sao khác

hay đứng một mình. Văn Xương Văn Khúc gặp Liêm Phá không gây ảnh hưởng hoại mệnh như gặp Liêm Tham Tị Hợi.

Văn Khúc đi cung Kinh Dương, khả năng phê phán càng bên này Kinh Dương rồi bên phải vốn là đạo, tên là mệnh là Văn Khúc vì Văn Khúc thuộc thủy lại gặp thêm một sao này khác biệt thành "thủy tinh dương hoa" nơi ở với nhà, sống trong đó nước để trở thành phong cảnh.

Mệnh Tử Vi Tham Lang ở Mão mà gặp luôn Văn Khúc Hoa Kị thường là cách của con người ham có bạn mà dè dặt với địch. Vì Tham ở Sửu mệnh gặp Văn Khúc Hoa Kị có nhân cho rằng đó là cách "mặt thủy chi nữ" (có nói là chết sông nước).

Văn Khúc Hoa Kị cũng biến thành làm nhân cho Phá Quân trong câu phú: "Phá Quân gặp Văn Khúc Phá Quân trung tác nữ" để nói ở 120.

LUẬN VỀ SAO VĂN KHÚC:

Văn Khúc cũng là sao chủ về khoa danh, nhưng khác biệt với Văn Xương. Văn Xương ưa theo đường chính để xuất thân. Văn Khúc có khuynh hướng đi lộ công danh. Văn Xương giỏi “nghệ”, Văn Khúc tinh thông “thuật”. Văn Xương sáng tác, Văn Khúc nghiên cứu. Văn Xương tinh thông văn tự từ chương. Văn Khúc nói giỏi thuyết giỏi. Văn Xương làm thơ làm văn hay. Văn Khúc phê bình sắc sảo.

Văn Khúc nếu nghiên cứu thuật số hợp hơn Văn Xương. Căn cứ vào câu “Văn Khúc Thái Âm cứu lưu thuật sĩ” viết trong Đầu Số Toàn Thư. Cả Văn Xương lẫn Văn Khúc đều sợ sao Hóa Kỵ. Nhưng Văn Khúc gặp Hóa Kỵ đáng ngại hơn Văn Xương.

Sách ghi: “Văn Khúc thuộc âm thủy, chủ khoa giáp, danh thanh và là tay ăn nói biện thuyết có tài. Vì Văn Khúc thuộc thủy nên cơ trí quyền biến hơn (Thủy chủ trí) tài trí biến động lưu loát như dòng thác lũ. Bởi vậy nếu đóng ở Thìn, cái trí tuệ ấy sẽ bị câu thúc bất lợi với khả năng thi triển. An sao Văn Khúc khởi từ cung Thìn vì Thìn là thủy khô, Văn Khúc phải đi khỏi thủy khô thì mới vẫy vùng.

Văn Khúc đi cùng Kinh Dương, khả năng phê phán càng bén nhọn Kinh Dương trên bản chất vốn là đao, tên. Nữ mệnh kỵ Văn Khúc vì Văn Khúc thuộc thủy lại gặp thêm một sao thủy khác biến thành “thủy tính dương hoa” ướt át với tình, sống trong ảo tưởng dễ trở thành phong trần.

Mệnh Tử Vi Tham Lang ở Mão mà gặp luôn Văn Khúc Hóa Kỵ thường là cách của con người ham cờ bạc mà dặc dài. Với cách Vũ Tham ở Sửu Mùi, gặp Văn Khúc Hóa Kỵ cổ nhân cho rằng đó là cách “nịch thủy chi ưu” (có nỗi lo chết sông nước).

Văn Khúc Hóa Kỵ cũng biến thành ám diệu cho Phá Quân trong câu phú: “Phá Quân ám diệu cộng hương thủy trung tác tòng” đã nói ở trên.

Văn Khúc như Văn Xương mang tính chất đào hoa mà lại gặp các đào hoa tinh càng làm tăng tính chất ấy. Nếu biết đi vào nghệ nghiệp để tiếp xúc với nữ phái thì chất đào hoa sẽ tan biến vào nghệ nghiệp nhờ vậy khả dĩ thành công. Nhưng khi Văn Khúc đứng với Thiên Đồng hay Cự Môn thì thường bị khổ vì tình, số nữ phiền lắm.

Do cái tài ăn nói mà Văn Khúc gần cận người khác phái. Những sao hợp với Văn Khúc là Thiên Lương, Tử Vi, Thiên Phủ. Những sao này được Văn Khúc thì thông tuệ. Riêng Liêm Trinh đứng với Văn Khúc lại biến ra con người khẩu thiệt gian hoạt. Nữ mệnh Xương Khúc đi với Liêm Trinh dễ lưu lạc phong trần nếu gặp cả Linh Hỏa. Tại sao vậy?

Vì Xương với Khúc đều là dịch mã tinh, ưa thay đổi, di động, tính tình không an định, mừng giận vô thường. Như thế là không trung tình. Thêm Linh Hỏa, những hung sát tinh ấy chuyển tình trạng không trung tình vào phong trần.

LUẬN VỀ XƯƠNG KHÚC:

Khi có cả Xương lẫn Khúc hoặc đồng cung hoặc do tam hợp chiếu hiệp lại thành ra cách cục riêng biệt. Xương Khúc chỉ đồng cung ở Sửu Mùi rất cần được Thái Âm Thái Dương tức cách cục Âm Dương Xương Khúc. Cổ nhân có câu phú: “Âm Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa” (Nhật Nguyệt gặp Xương Khúc cao sang) con người thông minh nhiều thiện cảm và may mắn. Với điều kiện là không bị sao Hóa Kị chen vào.

Văn Khúc Hóa Kị tâm ý bi quan. Văn Khúc Hóa Kị quá nhạy cảm mà không thích ứng được với đời (người và hoàn cảnh).

Xương Khúc ở Sửu Mùi gặp Thiên Lương rất tốt, chuyển Thiên Lương thành danh lợi giỏi giang. Xương Khúc Sửu Mùi đi với Vũ Khúc Tham Lang tạo nên khả năng lãnh đạo chư cổ nhân nói: “Văn Vũ kiêm tư”.

Xương Khúc đứng cùng Tử Vi Phá Quân cho sáng tạo lực, thêm quyền biến. Xương Khúc Sửu Mùi mà gặp Cự Môn Thiên Đồng rất dở. Cự Đồng Xương Khúc hay vương tình lụy, dễ thất vọng, chí phấn đấu cùn nhạt, hiếu sắc ham chơi suy tư viễn vông.

Xương Khúc Sửu Mùi đi cùng Thiên Cơ nói hay, làm dở, đầu óc kém thực tế. Xương Khúc Sửu Mùi hội Liêm Trinh Thất Sát thì khoa trương hảo huyền. Xương Khúc hội hiệp với Thiên Tướng thông minh nhưng thiếu định kiến, vui đầu châu đầy, dễ dao động trước sự việc. Xương Khúc hội hợp với Tử Vi Phá Quân khiến cho khí chất thuần hòa. Xương Khúc gặp Thiên Phủ thì ôn hậu và sáng suốt.

Tử Vi đầu số toàn thư chương Đầu số phát vi luận viết: “Xương Khúc tại hung hương, lâm tuyền lãnh đạm” nghĩa là Xương Khúc hãm gặp Không Kiếp thì chán nản việc đời muốn ở ẩn.

Những câu phú cần tham khảo về Văn Xương Văn Khúc:

*Tam hợp Văn Khoa cùng chiếu, Giả Nghị thiếu niên đăng khoa. (Xương Khúc tam hợp chiếu hợp với Hóa Khoa

Già Nghị ngày xưa đỗ đạt sớm. Danh từ Văn khoa chỏ vào Xương Khúc và Hóa Khoa).

*Xương Khoa tinh cư hãm địa, đăng hỏa tân cần. (Xương Khúc ở thế hãm, danh phận lao đao, nên vào kinh thương hơn là theo đuổi chức vị).

*Nhị Khúc miếu viên phùng Tả Hữu, tương tương chi tài. (Văn Vũ Khúc đóng miếu địa, có tài lãnh đạo nếu có luôn cả Tả Phụ Hữu Bật).

*Nữ mệnh Xương Khúc, thông minh phú quý chỉ đa dâm. (Mệnh nữ có Xương Khúc thông minh phú quý giàu sang nhưng đa dâm.)

*Văn Xương Kinh Dương Hỏa Linh Kị, nhược bất vi sương tât yếu triết. (Văn Xương gặp Hỏa Linh Kinh Dương Hóa Kị, luân lạc hoặc khó thọ nhất là đối với nữ mạng.)

*Khôi Xương Tả Hữu tương hội hợp, phụ long phan phượng thượng cửu trùng. (Mệnh có Thiên Khôi Văn Xương Tả Hữu thường gặp quý nhân mà nên danh phận. Số nữ lấy chồng quyền thế cao sang, giàu có.)

* Văn Hao cư Dậu Mão chúng thủy triều đông. (Văn Khúc đứng với Phá Quân ở Mão Dậu lên voi xuống chó. Phá Quân thuộc thủy Văn Khúc cũng thuộc thủy nên gọi bằng chúng thủy.)

* Xương Khúc cát tinh cư Phúc Đức, vị chi ngọc tự thiên hương. (Xương Khúc cùng với cát tinh đóng Phúc Đức là cách ngọc tự thiên hương nên danh nên giá. Cách ngọc tự thiên hương chỉ ở trường hợp Mệnh đóng Hợi hoặc Tý mà có Xương Khúc tại Sửu hay Mùi đi cùng các sao tốt khác không bị hung sát tinh xung phá.)

* Xương Khúc Liêm Trinh ư Ty Hợi tạo hình, bất thiện thả hư khoa. (Xương Khúc đứng với Liêm Trinh ở Ty Hợi dễ tù tội, bản chất gian xảo hay nói một tác tới trời.)

* Xương Khúc Phá Quân lâm hồ thổ Sát Dương xung phá bốn ba. (Xương Khúc đứng với Phá Quân ở Dần Mão, bị Kinh Hỏa hay Hóa Kị suốt đời bốn ba.)

* Xương Khúc nhập Mệnh thanh tú nhã chi lang.

(Xương Khúc hội hợp hay thủ mệnh có duyên và phong nhã, đàn bà nhan sắc.)

* Văn Xương Văn Khúc vi nhân đa học đa năng.
(Văn xương Văn Khúc thủ chiếu Mệnh hiếu học và đa năng.)

* Xương Khúc Sửu Mùi Giáp nhân dương nữ kiêm phùng Hồng Lộc hiển phụ chi nhân. (Mệnh đóng Sửu Mùi có Xương Khúc tọa thủ thêm Hồng Loan Hóa Lộc đàn bà tuổi Giáp là bậc hiển phụ.)

* Xương Khúc phùng Tuế Dương thiện ác tưng sự.
(Xương Khúc thủ Mệnh hội Kinh Dương Thái Tuế giỏi lý luận có thể là nhà hùng biện hay, luật sư giỏi.)

* Văn Xương phùng Quả tú Trương đế Sư bộ bộ tâm tiên. (Mệnh có Văn Xương Quả Tú, như người họ Trương sống ẩn dật.)

* Văn Khúc hí Nguyệt ư Hội cung quốc sắc thiên hương. (Văn Khúc đứng với Thái Âm tại Hội đàn bà nhan sắc lộng lẫy.)

* Văn Khúc đồng Hóa Kị hạn phòng yếu từ chi ưu.
(Hạn thấy Văn Khúc Hóa Kị đề phòng yếu từ.)

* Văn Xương cư Ngọ, ký viết khốn, đắc thủy diệu chung thành đại khí. (Văn Xương đóng Ngọ xấu, nhưng gặp được thủy diệu (sao thuộc thủy) lại nên hay.)

* Nữ Mệnh phùng Xương Riêu nhất sinh dâm đẳng.
(Số nữ Văn Xương đứng với Thiên Riêu, dâm đẳng.)

* Xương Khúc Lộc Tồn do vi kỳ đặc. (Mệnh Xương Khúc Lộc Tồn khả dĩ kể là kỳ cách.)

* Xương Khúc Cơ Lộc thanh tú sảo. (Mệnh Xương Khúc Thiên Cơ Hóa Lộc tinh sảo nghề nghiệp nhất là những nghề có dính líu đến nghệ thuật.)

* Khúc Xương Nhật Nguyệt song Long mê Sắc Dương Phi. (Mệnh có Nhật Nguyệt Xương Khúc, Long Trì, Thanh Long thì đẹp mê hồn như Dương Quý Phi.)

* Xương Khúc giáp Quan Lộc định tác cao khoa.
(Cung Quan Lộc giáp Xương giáp Khúc thì đỗ cao.)

* Xương Khúc Liêm Trinh ư Tỵ Hội phùng Hình Bật,

thiện thả hư khoa. (Xương Khúc gặp Liêm Trinh ở Ty Hợi mà được thêm Thiên Hình Hữu Bát kể là người có tài năng nhưng không nên công nên việc.)

* Khúc Xương nữ Mệnh chẳng lành

Vườn xuân ong bướm bẻ cành bán rao.

(Chi bẻ cành bán rao nếu thấy Thiên Riêu đi cùng hóa Ky.)

* Văn Xương triều Nhật ư Ngọ vị phong trần địa bộ thể nan nhân. (Thái Dương tại Ngọ thủ Mệnh đứng cùng Văn Xương xung chiếu là con người lịch duyệt phong trần ít ai bì kịp.)

* Xương Khúc giáp Nhật nam mệnh quý nhi thả hiển. (Nam mạng Thái Dương đắc địa, có Xương Khúc giáp mệnh thì sang trọng và hiển đạt.)

* Khúc Xương là đấng thanh nhân

Thật thà đứng đắn là làng Đồng Lương.

* Khúc Xương Thương Sứ hợp bài

Phải phòng tai họa bên ngoài bên trong.

(Xương Khúc đóng ở Nô (gặp Thiên Thương) hay ở Tật Ách (gặp Thiên Sứ) hay có họa đến bất ngờ.)

* Xương Khúc Phá gặp Hình Kiếp Sát

Chôn Mả Thìn Dậu Tuất lao đao.

* Mấy người hiếu sắc hoang tình

Vì Xương Khúc đóng bên mình Riêu Y.

* Khúc Xương Mùi Sứ hợp thành

Nếu không cát diệu hữu danh vô dùng.

(Xương Khúc Mùi Sứ mà không gặp những cát tinh khác thì chỉ có tiếng mà không có miếng.)

* Thói dâm dật xướng hòa kém phúc

Ấy Văn Xương Văn Khúc ai khen

* Vũ không gặp đất miếu viên

Khác chi Xương Khúc gỏi loạn lạnh lùng.

* Phượng Long nhan sắc dịu dàng

Khúc Xương Tả Hữu ấy làng tài hoa.

* Thê cung Nguyệt, Khúc trung tàng

Ra tay bẻ quế đông sang thiềm cung

* Thê cung Xương gặp tam Không
Con nhà danh giá tổ tông kết nguyên

* Khúc Xương Thái Tuế cùng ngồi
Chưa ngoa miệng lưỡi con người đa ngôn.

(Cung Mệnh số nữ có Xương Khúc Thái Tuế chưa ngoa, nói nhiều nhưng có duyên, ở Thê cung thì bà vợ đa ngôn.)

* Vũ Tham tài phát phương ngoài
Khúc Xương Tả Hữu gặp người quý nhân.

(Câu trên nói về Xương Khúc đóng cung Thiên Di.)

* Khúc Xương Long Phượng phát văn
Vũ Tham Sát Phá thì rằng võ công.

(Câu này nói về Xương Khúc đóng Quan Lộc.)

* Tử cung mà gặp Khúc Xương
Tuồng gì con gái những phường chơi hoang.

(Cung tử tức này còn phải thêm Thiên Riêu hay Hóa Kị nữa mới như vậy.)

* Vũ Xương hoặc Khúc cùng ngồi
Sinh con xinh đẹp hơn người chẳng ngoa

* Khúc Xương Tả Hữu có dư
Thiên đồng bạch thủ cơ đồ lại nên.

(Câu trên đây nói về Xương Khúc vào cung Tài Bạch.)

* Tấu thư Xương Khúc rành rành
Vào cung Điền Trạch ắt sanh tiền tài.

* Tấu thư Xương Khúc tương phùng
Tôn thân có kẻ thần đồng hiện ra.

(Câu này nói về Xương Khúc đắc địa đóng cung Phúc Đức.)

* Khôi Khoa Xương Khúc Tấu thư
Phát đà Văn học có dư anh tài.

(Cũng ở cung Phúc Đức.)

* Văn Xương dữ Thất Sát Liêm Trinh Dương Đà
đồng cung vi trá nguyệt. (Văn Xương đứng cùng Liêm Sát

Dương Đà là con người trá ngụy.)

* Văn Khúc Cự Môn đồng cung táng chí. (Văn Khúc đứng cùng Cự Môn ở một cung hay nản chí. Có thể vì lý luận quá mức mà chùn bước trước hành động.)

* Văn Khúc đẩu cư Mệnh Thân cung, cánh phùng hung diệu vô danh thiệt biện chi đồ. (Văn Khúc đóng ở Mệnh Thân gặp sao hung chi là anh lẻo mép, chẳng làm được chuyện gì.)

* Văn Khúc Tham Lang Đồng cung, chính sự điên đảo. (Văn Khúc đứng với Tham Lang tại Mệnh ưa dùng ngụy biện phá rối kỷ cương.)

LUÂN VỀ TẢ PHỤ HỮU BẬT:

Tiền nhân khi luận mệnh bảo số trai cần Tả Phụ, số gái cần Hữu Bật. Điều này không đúng. Tả Hữu là hai sao đi cặp thường phải đủ cả hai thì mới hoàn hảo dù rằng mỗi sao có một đặc tính riêng biệt. Tả và Hữu đều an qua tháng sinh.

Tả Phụ thuộc dương thổ, hóa khí là “hỉ”. Thổ của Tả Phụ là Thìn thổ hay đông phương thổ, đất màu mỡ, sộp cho nên tính tình đôn hậu, ăn trọng, phân minh rộng rãi, nhưng cũng có mưu lược. Thìn cung là thủy khó, nên thổ lúc nào cũng nhuận thuận nên tài hoa mà không bừa bãi.

Tả Phụ ăn trọng không hợp với thương trường xông xáo. Khởi nghiệp không giỏi bằng giữ nghiệp. Tả Phụ giao thiệp dễ được lòng người bởi thái độ khoan dung, ăn nói trầm ấm. Bởi vậy Tả Phụ rất sợ bị sát tinh xung phá.

Tả Phụ đứng với Liêm Trinh là phá cách thường gặp quan tụng bất chợt, thêm Kinh Dương càng rắc rối. Tả Phụ không hợp với Cự Môn và Phá Quân, vì Cự Môn chủ thị phi còn Phá Quân chủ bạo loạn. Gặp Phá Quân Kinh Dương sẽ theo con đường phản loạn như cổ nhân nói: “Phá Kinh Tả Hữu chớ ngờ. Gặp thời biến động ắt là loạn quân.” Gặp Cự Môn thì thành nhiều sự. Gặp Kinh Dương trở nên xung động kém sáng suốt, dễ bị lợi dụng.

Hữu Bật thuộc âm thủy giữ chế lệnh chủ về thiện. Hữu Bật khởi từ cung Tuất vì Tuất ở Tây Bắc phương, vào buổi thu, thời tiết thu liễm, Hữu Bật chấp hành trách nhiệm thu liễm ấy nên mới nói giữ thế lệnh. Khi đã bảo là chế lệnh tất phải ép buộc. Tuất là hỏa khó, Hữu Bật lại thuộc thủy, thủy hỏa giao chiến không dung hòa dễ dàng. Cho nên tính tình Hữu Bật nóng nảy, kiên cường, ưa can thiệp khác với Tả Phụ vốn ăn trọng. Nhưng khi có cả Tả lẫn Hữu thì tùy theo sao chủ, Tả Hữu sẽ biến đổi bản chất để thi thố.

Trên khả năng thì Tả với Hữu giống nhau. Ở điểm này Tả Phụ lực chủ động mạnh hơn Hữu Bật. Ăn trọng tất

nhiên chủ động hơn nóng nảy. Tả Hữu là hai sao phò tá cần phải tựa vào chủ tinh để hành động.

Tiền nhân coi Tả Hữu là hai quan lộc tinh. Tả Phụ chính, Hữu Bát phó. Tả Phụ tiến thân theo đường chính. Hữu Bát theo dị lộ. Trung Châu phái bên Trung Quốc đưa ra lập luận: Tả Phụ chủ về sang quý trong khi Hữu Bát chủ về giàu có.

Đầu Số Toàn Thư viết: “Tả Hữu đồng cung, phi la y tử” (Mệnh có Tả Hữu đứng cùng áo tía lọng vàng) câu trên rõ ràng hình ảnh công danh. Vấn đề áo tía lọng vàng không phải chỉ Tả Hữu đồng cung mà thành, còn tùy thuộc đồng cung với sao chủ nào? Và có bị hung sát tinh đánh phá hay không? Các câu phú khác như: “Tả Hữu đồng cung thân vô hoạn lự.” Tả Phụ Hữu Bát chung thân phúc hậu, cùng một qui luật cũng phải xem xét như trên.

Sự phối trí của Tả Hữu đẹp nhất là vào các cung: Mệnh, Tài Bạch, Quan Lộc. Nếu các chủ tinh ưu tú thì cuộc đời hanh thông với địa vị, với phú quý. Hay nhất Tả Hữu đứng cùng hoặc hội hiệp với Tử Vi Phá Quân, nếu không bị hung sát phá thường là người sáng tạo sự nghiệp.

Trường hợp vừa Tả Hữu vừa Xương Khúc hội tụ lại càng cần có chủ tinh của Mệnh cung hợp cách mới tốt. Chủ tinh xấu thì cuộc đời thành thẳng trảm mà số nữ biến ra hồng nhan mệnh bạc.

Trường hợp Tả Hữu gặp Khôi Việt vẫn tiếp tục xem chủ tinh tại mệnh thế nào? Nếu hợp cách thì chỉ sang quý địa vị thôi, không giàu có. Ta thấy rằng Tả Hữu hội tụ với Khôi Việt tốt hơn hội hợp với Xương Khúc.

Tả Hữu hội hiệp một đứng ở Tài Bạch và một đứng ở Quan Lộc chiếu về Mệnh tốt hơn đồng cung tại Mệnh. Vì đồng cung vất vả hơn hội hiệp. Đồng cung phải tự mình. Hội hiệp thì được người giúp và hoàn cảnh đỡ nâng.

Tả Hữu từ cung Tài Bạch gặp Hóa Lộc giàu có. Tả Hữu từ cung Quan Lộc gặp Quyền Khoa sang quý. Vẫn tiếp tục theo qui luật tùy thuộc chủ tinh.

Trường hợp Mệnh không chính tinh chỉ có Tả Phụ Hữu Bát thủ mà nhìn sang Phụ mẫu cung thấy Hòa Linh qua kinh nghiệm thường là con nuôi hay con của dòng thứ thất, hoặc có cha kế mẹ kế.

Phụ thê cung mà chỉ thấy có một Tả Phụ hay một Hữu Bát thôi kể như xấu hay đưa đến cuộc duyên tay ba. “Hữu Bát hội Phụ cung, vi nhân hữu tiền tình chi phận” (Hữu Bát đóng cung hoặc mình có chồng trước hoặc chồng có vợ trước). Nếu cung Phụ Thê có Cự Môn và Cự Môn Hóa Kị tình hình duyên phận càng nghiêm trọng cho sự băng hoại hơn nữa.

Tả Hữu rất không ưa Linh Hòa. Mệnh cung hoặc Phụ cung mà thấy Tả Hữu Linh Hòa dễ làm thứ, làm lẽ mọn. Tuy nhiên vẫn còn cần tham khảo chủ tinh trước đã.

Trường hợp Tả Hữu ở Mệnh, một ở Phụ Thê cung thấy cả Sát Kị thì bất luận nam hay nữ đều vài bận kết hôn. Nếu có thêm Đào Hoa thì đưa tới ngoại tình. Có câu phú rằng: Sao Tả Hữu đồng cung, gặp gỡ Mệnh Đào Hoa trước dờ sau hay, ý nói hai bận lấy chồng. Tuy nhiên nguyên nhân tan vỡ thường là một vụ ngoại tình do chồng hay vợ.

Trường hợp Tả Hữu, một vào Mệnh cung, một vào Phúc đức cung gặp Sát Kị hôn nhân không suông sẻ do bị ép uông, hoặc vợ hay chồng đau ốm triền miên, ta vẫn thường gọi là “bạc phước” vậy. Trường hợp này tính hay dờ của chủ tinh vẫn giữ vai trò quan trọng cho luận đoán.

Với số nữ Tả Hữu không nên đứng cùng với Tham Lang, Phá Quân, Thất Sát dù ba sao này đắc địa, vì như thế tình cảm không chuyên nhất. Về câu phú: “Tả Hữu Xương Khúc ngộ Kinh Dương Đà đương sinh dị chi” (Tả Hữu Xương Khúc gặp Dương Đà có nốt ruồi lạ). Điều này qua kinh nghiệm không mấy chính xác. Đôi khi “dị chi” là cái bớt chứ chẳng phải nốt ruồi.

Những câu phú cần biết về Tả Phụ Hữu Bát:

*Hữu Bát Phùng Quả tú tất đã trường sinh. Tả Phụ Phùng Cát tinh bất vi yếu chiết. (Sao Hữu Bát hội Quả Tú ở

Mệnh thì sống thọ.)

*Phụ Bát phùng Thiên Tướng đích thị lương y.
(Thiên Tướng gặp Tả Hữu làm nghề thầy thuốc giỏi.)

*Tả Hữu đơn thủ, chiếu Mệnh ly tông thứ xuất. (Một sao Tả hay Hữu ở Mệnh hay chiếu Mệnh vô chính diệu thì là con bà thứ và phải xa rời quê quán.)

*Tả Hữu Trinh Dương tạo hình lục. (Liêm Trinh hội Tả Hữu Kinh Dương hay vương tù tội.)

*Hữu Bát Thiên Tướng phúc lai lâm. (Thiên Tướng tại Mệnh được Hữu Bát thường gặp may mắn.)

*Phụ Bát ái nhập mộ cung, nhược phùng đế tượng, văn đoàn, võ cách hoạnh phát tài danh. (Tả Hữu đóng Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Tử Vi, hay Cơ Nguyệt Đồng Lương hoặc Sát Phá Tham có cơ hoạnh phát công danh tài lộc.)

*Tả, Phụ đồng cung tôn cư vạn thừa. (Tả Phụ đứng cùng Thiên Phủ là người có chức vị cao.)

*Tả Hữu Tài Quan kiêm hiệp cung, y lộc phong doanh. (Tả Hữu hội hiệp ở Tài, Quan tiền tài sung túc.)

*Phụ Bát giáp Đế phúc lai lâm. (Tả Hữu giáp Mệnh cung có Tử Vi thì vinh hiển.)

*Phụ Bát vị Phu cung vi nhân hữu tiền tình chi phận.
(Hữu Bát đóng phu, làm vợ bé.)

*Tả Hữu tại Phu cung, vô môi tự giá. (Phu cung thấy Tả Hữu thì theo trai mà thành chồng vợ.)

*Phụ Bát Thiên Phúc đồng viên
Ngôi cao chính viện danh truyền y quan.

*Phụ Bát gặp Thái Âm nhân
Số làm bà đỡ cứu phùng sơ sinh.

*Mộ phùng Tả Hữu đồng lai
Thăng quan tiến chức miếu đài rạng danh.

*Giáp Long giáp Phượng đôi nơi
Tả Hữu Thai Tọa lâu đài thiếu niên.

*Tả Hữu đắc vị đồng sang
Ấy là được cách thanh nhân hiển vinh.

*Cự Cơ hợp Khúc Xương Tả Hữu

Ở Mão cung rạng rỡ công danh.

*Lộc Tồn ám tậ miên trường

Khúc Xương Tả Hữu tai ương phải phòng.

(Nói về Tả Hữu Khúc Xương ở cung Tật ách.)

*Vũ Tướng Tả Hữu đồng lưu

Nhất hô bách nặc ai đâu dám bì.

(Nô Bộc có Vũ Tướng Tả Hữu thì tay em đắc lực.)

LUẬN VỀ THIÊN KHÔI THIÊN VIỆT:

Thiên Khôi Thiên Việt còn có một tên gọi khác là Thiên Ất Quý Nhân. Những tên gọi này thường dùng trong khoa Tử Bình, ít nhất trong khoa Tử Vi. Cả hai chủ về khoa danh, nhưng còn nên hiểu theo một ý nghĩa khác nữa như là cơ hội để cho khỏi bị bó hẹp.

Nếu Xương Khúc chủ khoa danh rồi lại Khôi Việt cũng khoa danh thì ý nghĩa trở thành lẫn lộn. Thật ra cổ nhân có phân biệt. Xương Khúc thì thông minh tài trí, văn chương học vấn, còn Khôi Việt thì tạo đất dụng võ cho thông minh tài trí và văn chương học vấn. Thi cử Xương Khúc có lợi nhưng ra làm việc Khôi Việt mới thuận.

Có câu phú rằng:

Khoa Quyền ngộ Khôi Việt dị thành công

Xương Khúc hữu Âm Dương nhi đắc lực.

Nghĩa là Khoa Quyền được Khôi Việt dễ thành công hơn, và Xương Khúc gặp Nhật Nguyệt đắc lực hơn.

Thiên Khôi đi theo đường chánh. Thiên Việt đi với dị lộ (dị lộ không phải đường tà mà là đường khác người). Qua bảng thần thoại theo truyền thuyết Thiên Khôi cầm bút chu sa ghi tên những ai đăng khoa xuất sĩ. Bởi thế khi các sĩ tử đi thi thường làm cỗ cúng Thiên Khôi tinh. Thi đỗ rồi con đường trước mắt là xuất sĩ.

Phản Thiên Việt nếu đi cặp được với Thiên Khôi thì mới vào chánh đạo. Thiên Việt đứng một mình thường chỉ gặp những cơ hội nhỏ thôi.

Thiên Khôi thuộc dương hỏa tốt hơn với người sinh ban ngày vì Thiên Khôi là nhật quý. Thiên Khôi tạo gương mặt sáng sủa cho con người.

Thiên Việt thuộc âm hỏa tốt hơn với người sinh ban đêm có phong thái đỉnh đặc. Thiên Việt mang thêm tính chất đào hoa, gặp Thiên Riêu Đào hoa càng đa tình. Nhưng Thiên Việt gặp Hồng Loan cổ nhân gọi bằng "hồ đồ đào hoa" hay

yêu sáng, nhất là phái nữ.

Khôi Việt một đóng ở Mệnh, một đóng Thê mà Thân cư Thê, gia hội các cát tinh khác thì đỗ đạt sớm, lấy vợ đẹp xinh. Nếu không hội hợp cát tinh tất khoa danh lận đận, nhưng chuyện vợ đẹp xinh vẫn không thay đổi.

Sách có câu: “Tuy phú quý nhi bất miễn dâm dật” để nói về Khôi Việt đối với nữ mạng. Trên thực tế kinh nghiệm chỉ có gặp ác sát Không Kiếp thì mới dâm dật chứ không phải cứ Khôi Việt là dâm dật.

Khôi Việt một ở Sửu một ở Mùi, Mệnh với Thiên Di cách gọi bằng tọa quý hướng quý. Tốt hay xấu còn phải tùy thuộc chính tinh tại Mệnh cung. Nếu có các sao tốt thì bất luận trai hay gái đều giàu sang. Nhưng cách tọa hướng quý kể như một cách đào hoa vậy.

Khôi Việt còn có lưu Khôi lưu Việt theo vận hạn mỗi năm. Ti dụ người tuổi Giáp, Thiên Khôi đóng Sửu, Thiên Việt đóng Mùi, gặp lưu niên vận hạn Giáp Mậu Canh tất nhiên được thêm lưu Khôi lưu Việt, hi khánh tăng lên tùy theo cung nào có chúng. Như ở Thê Cung mà gặp năm lưu Khôi lưu Việt thì chuyện lấy vợ càng rõ ràng, nếu cung Tử tức thì chuyện có con càng chắc chắn được Khôi Việt hiệp, cũng cần có lưu Khôi lưu Việt thì lực lượng mới phát huy.

Ti dụ người tuổi Đinh, Thiên Khôi đóng Hợi, Thiên Việt đóng Dậu, Thìn, Tuất là cung Khôi Việt hiệp, vận năm Bính Khôi lưu đến Hợi. Việt lưu đến Dậu gọi bằng lưỡng trùng Khôi Việt thì cơ hội tốt đẹp đến nhiều hơn.

Khôi Việt cần đi đôi, đi đôi rồi lại cần trùng điệp mới hay. Khôi Việt hiệp Mệnh rất hợp với hai sao Tử Vi, Thiên Tướng. Người Mệnh Tử Vi Thiên Tướng vốn đã mang sẵn lắm khuyết điểm. Nhưng nếu có Khôi Việt hiệp sẽ hóa giải những khuyết điểm ấy. Khôi Việt đứng đối nhau rất hợp với Thái Âm Thái Dương.

Nhật Nguyệt tọa Mệnh cung có nhiều khuyết điểm, cuộc đời khó thuận buồm xuôi gió, gặp Khôi Việt đối nhau tất thi cử dễ dàng hơn, đồng thời gặp quý nhân đề bạt đẩy

chức phận lên cao.

Khôi Việt đóng Thân, Tí rất hợp với sao Vũ Khúc, Vũ Khúc đi cùng Hóa Lộc càng tốt nữa, ắt thành công trên mặt kinh doanh. Khôi Việt ở Dần Ngọ rất hợp với Cự Môn ở Tuất, sách gọi bằng “phản bối” cách, cách này thường gặp những kỳ ngộ về may mắn.

Khôi Việt không bao giờ đóng ở Thìn và Tuất, cổ nhân viện lẽ rằng quý nhân không đi vào đất la vống. Tính chất tế nhị của Khôi Việt không chịu đựng nổi sức ép của lưới trời lưới đất.

Một điều cần chú ý, Khôi Việt ở Sửu Mùi. Hai cung này chỉ kẻ làm vượng địa chứ không phải miếu địa cho quý nhân. Sách Đẩu Số Toàn Thư viết nếu ngoài bốn chục tuổi mà gặp hạn Khôi Việt Sửu Mùi thì gọi bằng “quý nhân nhập mộ” chẳng những không là cơ hội tốt mà biến ra những cái họa mai phục, ần dẫu.

Câu: “Khôi Việt trùng phùng kiêm sát tấu, cố tật vu ru đa” (gặp trùng điệp Khôi Việt ở đây thêm sát tinh nữa ắt sẽ bị bệnh thành tật không khỏi). Như vậy ngoài tuổi bốn chục lưu niên và đại hạn đi vào Sửu Mùi, có Khôi Việt rồi lại lưu Khôi Việt thêm Hỏa Linh Dương Đà thì bệnh tật triền miên.

Đời xưa tuổi thọ trung bình so với đời nay ngắn hơn, bởi vậy cổ nhân mới lấy bốn chục làm chuẩn. Thời đại nay tuổi thọ trung bình cao hơn nên tính từ ngoài năm mươi mới đúng.

Ngoài bốn chục gặp Khôi Việt trùng phùng đi cặp với những sao Đào Hoa thì Khôi Việt hóa thân thành đào hoa, nam hay nữ đều gặp những cuộc tình ngoại hôn, hoặc bấy giờ mới lấy chồng, lấy vợ. Khôi Việt chủ về Đào Hoa, nhưng chỉ vào Phúc Đức hay Phu Thê mới kể, còn vào Mệnh cung không phải.

Tỉ dụ Phúc Đức ở Tí, Phu Thê ở Thân, người tuổi Ất tuổi Kỷ Khôi Việt đóng Tí Thân, nếu hai cung này xuất hiện Thiên Riêu, Mộc Dục Đào Hoa, đương nhiên Khôi Việt chuyển thành đào hoa tinh.

Sau đó mới phối hợp chính diệu của các cung Phối với Phúc để mà đoán định. Giả như cung Phúc có Thiên Đồng Thái Âm thì đoán rằng do ý chí mềm yếu mà gặp đau khổ duyên tình. Nếu có Vũ Khúc Thiên Phủ thì đoán rằng có quan hệ với một người đã có gia đình.

Trường hợp chính tinh vững vàng lại có Lộc thì thành cách lấy vợ giàu. Tỉ dụ Phúc Đức là Tử Vi, Phối cung là Vũ Khúc Hóa Lộc rồi Mệnh cung lại gặp Lộc Tồn. Trường hợp Mệnh vô chính diệu, Khôi Việt đơn thủ mà gặp hung sát tinh ắt bị thương hoặc có tật.

Khôi Việt gặp Hòa Linh lắm tai ương, Khôi Việt gặp Không Kiếp trở nên vô dụng.

Những câu phú cần biết thêm về hai sao Thiên Khôi Thiên Việt:

*Khôi Việt Mệnh Thân vi trường tử. (Mệnh Thiên Khôi, Thân Thiên Việt thường là con trưởng hoặc nắm quyền trưởng.)

*Khôi Việt nhập Thân ư gia quốc tất vi nhân trưởng. (Khôi Việt đóng Thân, thường ở địa vị đàn anh.)

*Khôi Việt Mệnh Thân đa triết quế. (Có Khôi Việt ở Mệnh Thân thì đỗ đạt cao.)

*Thiên Khôi Thiên Việt cái thế văn chương. (Khôi Việt vào Mệnh học hành uyên bác.)

*Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn phù hình, sát vô xung, đa phú quý. (Mệnh phù trợ bởi Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn mà không bị sát tinh xung phá ắt giàu sang.)

*Khôi Việt đa văn ngộ Đà Kị thiên di dật sĩ. (Khôi Việt gặp Kinh Đà từ cung Thiên Di tài giỏi, nhưng ần dật.)

*Khôi Xương Tả Hữu tương hội hợp, phụ long phan phượng thượng cửu trùng. (Thiên Khôi, Văn Xương, Tả Phụ Hữu Bật hội tụ vào Mệnh, được người đề bạt mà hiển vinh.)

*Tả Hữu Khôi Việt vi phúc thọ. (Mệnh có Tả Hữu, Khôi Việt vừa có phúc vừa thọ.)

*Khôi Việt đàn thủ tử, hữu quý. (Cung tử tức Khôi Việt đơn thủ, sinh con tài giỏi.)

*Thiên Khôi Thiên Việt, phu phụ mỹ lệ. (Phối cung có Khôi Việt, hoặc vợ đẹp hoặc chồng bảnh.)

*Khôi Việt đan thủ Tài Bạch thanh cao, nhất sinh toại ý. (Cung tài bạch có Khôi Việt thì thanh cao sang trọng mà không giàu có.)

*Sao Quan Phúc cùng Khôi tinh
Đóng vào Thân Mệnh đề danh bảng rồng.
(Quan Phúc đây là Thiên Quan Thiên Phúc.)

*Việt Khôi Quyền Lộc trong ngoài
Trưởng nam trưởng nữ gái trai đồng bàn.

*Việt Khôi Long Phương Khúc Xương
Ngộ Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa.

*Việt Khôi, Lương Tướng, quý trung
Ắt là con giống cháu dòng chẳng sai.

*Khôi ngộ Kỵ trên đầu có tật
Vượng ngộ Khôi thật lắm nốt ruồi.

*Cung tử tức trong ngoài Khôi Việt
Hẳn sinh người hào kiệt khoa danh.

*Lưỡng quý phùng Tử Vi Đoài Chấn
Ắt sinh con cầu tự chẳng sai.

(Khôi Việt gặp Tử Vi ở Mão với Dậu thì có con cầu tự.)

*Việt Khôi là cách văn chương
Khôi là khôi ngô, Việt thường da đen

*Khôi Việt miếu địa trưởng huynh
Gia đình xã gọi hẳn dành ngôi trên.

*Việt, Linh Hình ngộ Cơ Lương
Hoặc là Nhật Nguyệt ắt chờ lôi kinh.
(Lôi kinh là bị sét đánh hay điện dật.)

*Ân Quý Khôi Việt Đào Hồng
Trai cận cừu trùng gái tất cung phi.

*Việt Khôi Quyền Lộc khá bàn
Trong nhà bậc trưởng ra đàn bậc trên.

*Việt Khôi Quyền Tướng đáng yêu
Lại gia Tử Phủ mọi chiều vinh quang.

(Nhưng sao nói trên hội vào Phu Thê cung.)

*Cự Kị nên tránh đồ sông

Phục Binh Hình Việt mắc vòng gươm đao

Hòa Linh Hình Việt khác nào

Không bị sét đánh, búa dao có ngày.

*Việt Khôi là cách ung dung

Việt thường nhờ bạn, Khôi thường gặp sang.

(Câu trên nói về Khôi Việt đóng cung Thiên Di.)

*Khôi Khoa Xương Khúc Tấu thư

Phát đà văn học có dư anh tài.

(Khôi Việt Xương Khúc Tấu Thư ở cung Phúc Đức.)

*Cung giải mà ngộ Khôi Hình

Số người phải mắc pháp hình đau thương.

LUẬN VỀ TAM THAI BÁT TỌA:

Tam Thai (phải đọc là Tam Đài mới đúng) thuộc dương thổ. Chủ về văn mặc (văn từ bút mực) trợ giúp cho quang huy của Thái Dương. Tam thai tính tình ánh trực vô tư. Nếu đứng bên Thái dương hoặc được Thái Dương đặc địa chiếu càng sáng sủa.

Tam Thai đứng cung nào cũng được không có đất hãm cho sao này Bát Tọa (phải đọc là Bát Tòa) thuộc âm thổ, tính tình thẳng thắn bộc trực, có phần vội vã, cũng chủ về văn mặc và trợ giúp quang huy cho Thái Âm. Bát Tọa đứng bên Thái Âm hoặc được Thái Âm đặc địa chiếu sẽ làm tăng quang huy cho Thái Âm.

Bát Tọa đứng chỗ nào cũng được không bị thất hãm. Một số Tử Vi gia Trung Quốc cho rằng Thai Tọa kỵ đứng vào Phu Thê cung sẽ gây ra tình trạng ly khác. Tử Vi Việt đối với Thai Tọa vào cung Phối chẳng những không trở ngại mà còn đẹp nữa.

Một vài sách Tử Vi Việt lại bảo Tam Thai thuộc Thủy và Bát Tọa thuộc Mộc. Nếu đọc là Đài với Tòa thì thuộc Thổ có phần chính xác. Thai Tọa với Tử Vi Việt là sự khôn ngoan sang trọng, nhà cửa cao sang. Như vậy thì rõ ràng là Đài với Tòa chứ không còn phải là Thai với Tọa nữa.

Có những câu phú về Thai Tọa như sau:

*Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai

Thiếu niên sớm dự các đài nghênh ngang.

*Tam Thai hội hợp cùng Cát diệu

Thời một phen dưỡng dục nên người.

*Mộ trung Thai Tọa văn mưu võ lược kiêm ưu. (Thai Tọa đóng Mệnh ở các cung Mộ thì văn mưu vũ lược đều hay.)

*Bát Tọa hướng Dương, thị tụng ư cung cấm. (Bát Tọa có Thái Dương là người được ra vào nơi cung cấm, quyền chức.)

*Thai Tọa Phong Cáo hiển âm thừa quang. (Mệnh hay Phúc Đức có Thai Tọa Phong Cáo thì được hưởng phúc âm của ông cha.)

*Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối. (Mệnh có Thiên Mã đứng với Tam Thai là con người bản lĩnh anh hùng.)

Tham Thai đứng cùng nào cũng được không có đất
hầm cho sao này Bát Tọa (phải đọc là Bát Tọa) thuộc âm thổ,
tính tình thẳng thắn bộc trực, có phần vội vã, cũng chỉ về văn
mặc và trợ giúp quang huy cho Thái Âm. Bát Tọa đứng hôn
Thái Âm hoặc được Thái Âm đặc địa chiếu sẽ làm tăng
quang huy cho Thái Âm.
Bát Tọa đứng chỗ nào cũng được không bị thất hãm.
Một số Tử Vi gia Trung Quốc cho rằng Thái Tọa kỵ đứng vào
Phu Thê cũng sẽ gây ra tình trạng lý khác. Tử Vi Việt đối với
Thái Tọa vào cung Phôi chẳng những không trở ngại mà còn
đẹp nữa.
Một vài sách Tử Vi Việt lại bảo Tam Thai thuộc Thủy
và Bát Tọa thuộc Mộc. Nếu đọc là Bát với Tọa thì thuộc Thổ
có phần chính xác. Thái Tọa với Tử Vi Việt là sự khôn ngoan
sang trọng, nhà cửa cao sang. Như vậy thì rõ ràng là Bát với
Tọa chu không còn phải là Thái với Tọa nữa.
Có những câu phủ về Thái Tọa như sau:
*Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai
Thiếu niên sớm dự các đài nghênh ngang.
*Tam Thai hội hợp cùng Cát diệu
Thời một phen đương dục nên người.
*Mô trùng Thái Tọa vẫn mưu vô lược kiếm ưu. (Thái
Tọa đồng Mệnh ở các cung Mộ thì vẫn mưu vô lược đến
hay)
*Bát Tọa hướng Dương thì tung v cung cầm. (Bát
Tọa có Thái Dương là người được ra vào nơi cung cầm,
quyền chức.)

LUẬN VỀ LỘC MÃ:

Lộc Mã là Lộc Tồn với Thiên Mã. Hai sao này mỗi sao có riêng một tính chất. Nhưng khi hội hợp với nhau lại tạo thành tính chất đặc thù. Bởi vậy trong khóa Đẩu Số mới có danh từ Lộc Mã.

Sao Lộc Tồn mang cái nghĩa y lộc, tượng trưng cho tài phú tiền bạc. Trong lá số hễ Lộc Tồn đứng đâu thì đều có Kinh Dương Đà La hiệp. Cổ nhân đặt như vậy với thâm ý, chỗ nào thấy tiền thì có kẻ dòm ngó.

Dương Đà còn biểu thị điều lao tâm lao lực phấn đấu cam go hoặc khẩu thiệt thị phi. Kiếm được tiền thì phải vất vả vượt những khó khăn. Sự đặt định này thật thuận lý. Vì Lộc Tồn bị Kinh Đà hiệp nên những sao đứng cùng Lộc Tồn rất hệ trọng đối với sự luận đoán.

Sách xưa viết: “Lộc Tồn Bắc Đẩu đệ tam tinh, chân nhân chi tú, chủ nhân quý tước, trường nhân thọ cơ, Đế Tướng phù chi thi quyền, Nhật Nguyệt đắc chí tăng huy, Thiên Phủ Vũ Khúc vi quyết chức, Thiên Lương Thiên Đồng cộng kỳ tường nghĩa là: Lộc Tồn với Tử Vi, Thiên Tướng đứng cùng thành quyền lực, đứng với Thái Âm Thái Dương tăng thêm vẻ huy hoàng, gặp Vũ Khúc Thiên Phủ vốn là hai saotiền bạc thì tài khí càng dồi dào. Thiên Lương Thiên Đồng nhờ Lộc Tồn nâng cao phúc âm.

Lộc Tồn trên cơ bản ý nghĩa là y lộc, cho nên cũng dùng nó để tính sang thọ số của con người, tuổi thọ cao thì mới hưởng nhiều y lộc, như trong ngôn từ ta thường nói để chỉ ai đó qua đời bằng chữ “thất lộc”. Cho nên Mệnh cung mà có Thiên Lương đi với Lộc Tồn thường sống lâu.

Tiền nhân khi bàn về Lộc Tồn có viết câu: “Nếu đan thủ ở Mệnh mà không gặp các sao tốt khác chỉ đáng xem như mọi giữ tiền (thủ tài nô) ý chỉ rằng không biết hưởng thụ keo bản bản tiện.” Tại sao?

Các sao tốt khác trong câu trên là Hóa Lộc Hóa

Quyền Hóa Khoa. Lộc Tồn bị Kinh Đà hiệp mà đan thủ tất nhiên thành cô lập. Không gặp thế lực khác phò trợ Lộc Tồn đâm ra sợ hãi mất tự tin lúc nào cũng lo ai cướp mất lấy mất mà tìm cách bo bo giữ, coi tiền hơn tính mạng.

Lộc Tồn cô lập nơi Mệnh cung trong tình trạng ấy, thà rằng đóng vào Thiên Di thoải mái hơn, Mệnh cung không còn bị áp lực của Kinh Đà nữa, y lộc không trở nên vấn đề kinh hải thì cuộc sống mới dễ chịu nhất là đối với những món tiền cố định như lương bổng, tiền lời ngân hàng, tiền cho mướn bất động sản. Lộc Tồn đóng Thiên Di lại thêm cả hoặc Lộc hoặc Khoa hoặc Quyền thì còn thành công trong những vụ buôn bán xa (ngoại quốc).

Lộc Tồn đứng với Thiên Mã cũng thế, khả dĩ tìm thấy tài lộc nơi viễn phương. Lộc hội Mã nhờ “động” mà có tiền. Chữ động đây còn có thể hiểu như làm nghề chuyên vận nữa không chỉ thu hẹp vào chữ viễn phương.

Lộc Tồn với Thiên Mã đồng cung, hoặc đối diện đều gọi là Lộc Mã giao tri. Lộc Mã giao tri nếu có thêm Văn Xương Văn Khúc thì cuộc đời làm ăn phát đạt khá mà không vất vả. Nhược bằng thấy Hỏa Tinh Linh Tinh tất khó tránh được bôn ba lao bác một nắng hai sương.

Lộc Mã giao tri do “động” mà đắc lợi. Tuy nhiên cũng còn phải coi bản chất Thiên Mã thế nào để mà định. Thiên Mã nhất định chỉ có bốn nơi Dân Thân Tỵ Hợi và cùng một chỗ của sao Trường sinh cũng luôn luôn gặp sao Tuyệt ở những nơi này.

Trường hợp Thiên Mã đứng bên cạnh Trường Sinh làm việc để đắc lợi, nhưng cứ phải “động” hoài ít có thì giờ nghỉ ngơi. Như cổ nhân bảo: Mã ngộ Trường Sinh chung thân bôn tẩu.

Trường hợp Thiên Mã đứng bên sao Tuyệt thì “động” với khí thế suy giảm để thành “bị động” hoặc chóng mệt mỏi. Thiên Mã đứng cùng Hỏa Linh cuộc đời bôn ba rồi mới thành công nếu Hỏa Linh đắc địa. Đứng với sao Đà La, Đà La ví như dây quán vương vít, mọi việc đều trì trệ, kéo dài,

“động” mà không mấy hanh thông, nhưng cứ phải “động”.

Thiên Mã đi cùng với một chính tinh nào cũng chịu ảnh hưởng của chính tinh đó. Tỉ dụ: Thiên Cơ mang sắc thái hiếu động, Thiên Mã khi đi với Thiên Cơ tính chất hiếu động càng tăng mạnh đến mức thành “phù động” ý chỉ là vội vã sốt nổi. Bất luận ở Mệnh hay Thiên Di Cơ Mã đều thành con người lăm nghề và ít khi ở yên một chỗ. Tốt hay xấu? lại còn tùy thuộc những hung cát diệu khác.

Thiên Mã đứng với Thiên Phủ, thì Thiên Phủ vốn tính chất an định. Thiên Phủ có khả năng làm cho Mã bớt “động”. Cho đến khi vận gặp lưu Thiên Mã bấy giờ Mã mới có sức chống lại sự ngăn chặn của Thiên Phủ để tạo nên một thay đổi rõ ràng quyết liệt.

Đối với các sao khác cũng theo như vậy mà suy đoán. Ngoại trừ Mệnh và Thiên Di Thiên Mã Lộc Tồn khi chân đóng ở Tài Bạch hay Điền Trạch cũng mang một ý nghĩa đặc thù. Cung Tài Bạch thấy Lộc Mã rất tốt cho chuyện “động” mà đắc tài, buôn bán phương xa.

Cung Điền Trạch có Lộc Mã, làm ăn kinh doanh về nhà đất nơi phương xa dễ thành công. Tài Bạch, Điền Trạch theo cổ nhân nếu có Thái Dương Cự Môn phùng Lộc Mã hợp nhất rất thuận lợi cho sự nghiệp buôn bán viễn phương.

Trường hợp Thê cung có Lộc Mã, mà Mệnh cung xấu thì vợ sẽ bỏ mình đi lấy người có tiền có địa vị hơn. Thê cung ấy thêm sao Triệt Tuần nữa thì chuyện xảy đến càng mau chóng sớm sủa.

Lộc Tồn thuộc âm thổ, chủ về tuổi thọ, có thể chế được tai ách cho người ta. Lộc Tồn tâm tình chân thực, phản ứng thì mau nhưng khai sáng lại chậm vì có khuynh hướng nặng về bảo thủ, khó hòa đồng. Nhờ Thiên Mã Lộc Tồn mới nhanh chóng mau mắn xông vào bất cơ hội.

Lộc Tồn gặp xung phá tất phiền nhiễu, ví như ngôi nhà cao vật liệu nặng mà bị địa chấn. Cổ nhân mới bảo: “Lộc phùng xung phá cát xứ tàng hung” nghĩa sao Lộc mà bị xung phá thì trong tình trạng tốt đẹp có ẩn hung họa ghê gớm. Lộc

Tồn Hóa Lộc gặp Không Kiếp Hòa Linh Hóa Kị là dấu hiệu của thất bại sụp đổ, bất an, chìm nổi, ưu phiền, lo âu.

Lộc Tồn Hóa Lộc đóng vào Nô Bộc cung, cổ nhân nói: “Túng hữu tài quan dã bồn trì” nghĩa là dù có tước lộc tiền bạc thì cũng chỉ là ở cái thế tay sai bộ hạ.

Thiên Mã thuộc dương hỏa, chủ về “động” chuyển dịch, xoay sở. Tính chất hiếu động, gặp tốt thành hay, gặp xấu thành dở, hợp với Lộc Tồn Hóa Lộc. Bị các hung sát tinh đi kèm thành khốn đốn, hư hoại.

Thiên Mã gặp Đà La gọi bằng triết túc mã (ngựa gầy chân thích chơi hơn làm) gặp Hòa Tinh gọi bằng chiến mã, nếu Mệnh xấu thường hung tử tha hương.

Thiên Mã rất kỵ các sao Không vong (Tuần Triệt) cả đời bồn ba. Thiên Mã đứng với Tử Vi Thất Sát ở Tị Hợi gọi bằng quyền mã. Đứng với Thiên Tướng Vũ Khúc tại Dần Thân gọi bằng “tài ấn mã”. Gặp Thái Âm ở cung Hợi gọi bằng tài mã. Gặp Thái Dương tại Tỵ gọi bằng quý mã.

- Mã ngộ Hình nhi phùng Thiên Khốc công hoàn phát võ. (Mệnh có Thiên Mã đứng với Thiên Hình lại được sao Thiên Khốc vào binh nghiệp thành công.)

- Mã ngộ Khốc như phùng Hình, Quyền Lộc Ấn tại Quan cung, võ tất thắng ban đệ nhất. (Cung Quan Lộc Thiên Mã Thiên Khốc gặp Thiên Hình, Hóa Quyền, Hóa Lộc, Quốc Ấn khả đi làm to trong binh nghiệp.)

Thiên Mã đóng vào cung Tật Ách cả cuộc đời không bao giờ được nhàn nhã thân tâm, chẳng lo cho mình cũng lo cho người, chẳng chuyện gì cũng gây ra chuyện để mà tất tưởi đôn đáo.

Những câu phú về Lộc Mã:

*Lộc Tồn thủ ư Tài Trạch tích ngọc đôi kim. (Cung Tài, cung Điền có Lộc Tồn thì của cải tích tụ.)

*Lộc Tồn Tí Ngọ vị Thiên Di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi. (Cung Thiên Di, hoặc Mệnh Thân tại Tí hay Ngọ mà có Lộc Tồn thì nhiều bổng lộc.)

*Lộc Tồn hậu trọng đa y lộc. (Mệnh Lộc Tồn, thân

hình đầy đặn, tiền bạc sung túc nhất là đối với nữ mạng.)

*Song Lộc thủ Mệnh Lã Hậu chuyên quyền. (Mệnh có song Lộc, đàn bà lấn lướt chồng như bà Lã Hậu.)

*Minh Lộc ám Lộc vị chí công khanh. (Lộc tọa Mệnh, Lộc ám cung, tí dụ Mệnh Dần có Hóa Lộc, lại thấy Hợi có Lộc Tồn tức ám lộc thì địa vị cao.)

*Song Lộc trùng phùng, chung thân phú quý. (Mệnh hội tụ hai Lộc suốt đời giàu sang.)

*Lộc Văn cùng Mệnh phú nhi thừa quý. (Lộc đi cùng Xương Khúc hội tụ vào Mệnh, có tiền và địa vị.)

*Lộc hợp uyên ương nhất thể vinh. (Thân ở Phôi cung, hội song Lộc lấy vợ giàu sang hoặc nhờ vợ mà giàu sang.)

*Lộc Mã tối hi giao tri chúng nhân sùng ái. (Lộc Mã gặp nhau ở Mệnh cung dễ tạo cảm tình với người chung quanh.)

*Lộc đào Mã đào kị Kiếp Không Thái Tuế. (Mệnh Lộc Mã xung chiếu hoặc Mệnh Mã Lộc xung chiếu mà gặp Kiếp Không Thái Tuế suốt đời bất mãn, công danh trắc trở, tiền tài nay có mai hết.)

*Lộc Tồn nhập miếu tại Hợi cung, chung thân phú túc. (Lộc Tồn cư Mệnh ở Hợi suốt đời khá giả, với điều kiện không bị xung phá.)

*Hợp Lộc, cùng Lộc định vi văn võ toàn tài. (Lộc thủ, Lộc chiếu không xung phá bởi hung sát tinh, đa tài.)

*Lộc Tồn ngộ Triệt cư huynh đệ nam trưởng bốn ba. (Cung huynh đệ Lộc Tồn bị Triệt có người anh em bốn ba xứ người, đến vận hạn này thường bị thay đổi thuyền chuyến.)

*Thiên Lộc ngộ Thái Âm ư nhân cung đệ bào huynh đệ. (Lộc Tồn gặp Thái Âm hãm ở cung Bào thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha.)

*Lộc Tồn Thiên Mã kinh nhân giáp đệ. (Mệnh Lộc Tồn Thiên Mã là người học hành đỗ đạt cao.)

*Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ, Đinh Kỷ âm nam phú đa danh thọ. (Người tuổi Đinh Kỷ gặp hai Lộc ở

Ngọ Dần đi cùng bộ Tử Phủ Vũ Tương thì giàu và thọ.)

*Thiên Mã nhập Mệnh mãn tiếp đa năng. (Mệnh Thiên Mã xoay sở làm việc giỏi.)

*Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối. (Sao Thiên Mã đứng bên Tam Thai vào bất cứ lãnh vực nào cũng giỏi hơn người.)

*Mã ngộ Không vong chung thân bôn tẩu. (Thiên Mã bị Triệt Tuần suốt đời vất vả.)

*Mã Bát Kiếp Không hưng thượng quân tử. (Thiên Mã, Hữu Bát gặp Không Kiếp làm nghề trộm đạo.)

*Lộc Mã giao trì vượng phu ích tử.

*Mã ngộ Khốc nhi phùng Hình Quyền Lộc Ấn tại Quan Lộc võ tất thăng ban đệ nhất, văn hội chuyển đạt tam công. (Cung Quan Lộc thấy Thiên Mã gặp Thiên Khốc, Thiên Hình Hóa Quyền Hóa Lộc Quốc Ấn theo nghiệp võ hay văn đều đạt địa vị cao.)

*Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc công hoàn phát võ. (Mã gặp Thiên Hình Thiên Khốc vào nghiệp võ phát công danh.)

*Thiên Mã tại Ty, thị chiến mã, hạnh ngộ Lương Khoa loạn thế xuất đầu. (Thiên Mã ở Ty cùng đứng với Thiên Lương Hóa Khoa, gặp thời loạn thành danh.)

*Chích hỏa phần Thiên Mã bất nghi viễn hành. (Thiên Mã đứng cùng Hỏa Linh đừng nên phiêu lưu đi xa.)

*Mệnh Thân đồng tọa, như tại hỏa cung hoặc lâm Hợi địa đồng cung vô chính diệu khung kiến Mã Hình Linh Kiếp như hoa khai ngộ vũ, mãn thế phi bản tắc yếu. (Mệnh vô chính diệu, Thân Mệnh đồng cung đóng Ty Hợi mà thấy Thiên Mã Linh Tinh Thiên Hình địa Kiếp ví như hoa nở bị cơn mưa lớn, không nghèo thì yếu.)

*Lộc phùng Lương miếu, bảo tư tài ích dữ tha nhân. (Lộc gặp Thiên Lương miếu địa khéo giữ của, thích cho người vay lấy lời.)

*Nữ Mệnh Thiên Mã ngộ Lương âm, tiện nhi thả dâm. (Số nữ Mệnh ở Ty Hợi sao Thiên Lương thủ mà gặp

Thiên Mã thì dâm tiện.)

*Song Lộc cư, nhi ngô Cơ Lương phú gia địch quốc.
(Mệnh song Lộc đứng cùng Cơ Lương đại phú.)

*Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia
Có người buôn một bán ba nên giàu.

*Mã Lộc ấy một phương hội ngộ
Cách phi thường phong độ anh tài.

*Long đông đông tấu tây trì
Bờ vi Thiên Mã Thiên Di hãm nhàn.

(Mệnh đóng Ty, Thiên Mã đối xung từ Hợi thường
long đông ngược xuôi.)

*Tử cung Thiên Mã phùng Không
Gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi.

*Mã Lộc ngộ Tướng mấy ai
Giàu sang đến trước đấng trai anh hùng.

*Đồng cung Tồn Mã gặp nhau
Tiền tài vinh hiển ngàn dâu thẳng đường.

*Tử Phủ gặp Mã Dân Thân
Phủ dư mã ắt thanh vân lộ đồ.

*Mã ngộ Linh Hòa miếu cung
Chiến binh mã ấy vẫy vùng nơi nơi.

*Tuần mã Khốc Khách hợp bài
Ngựa kia có nhạc anh tài lên yên.

*Mã kia sao Tuyệt một nhà
Cũng đồ Mã ấy thật là gian truân.

*Thiên Hình ngộ Mã chẳng nên
Phủ thi mã ắt tạt nguyên chân tay.

*Chiết túc Đà Mã sum vầy
Tử mã Tuần Triệt đêm ngày khám kha.

*Thiên mã nhập Mệnh ấy ai
Tài năng mãn tiệp, người người ngợi ca.

*Tràng Sinh Mã Hi đồng cung
Công danh đặc lộ vẫy vùng một phương.

*Phá Quân, Riêu Mã hợp vào
Ắt người du đấng ai nào dám thân.

(Phá Quân hãm địa tại Dần Thân đứng với Thiên Riêu, Thiên Mã.)

*Lộc cư Nô bộc bực mình

Đông Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài.

*Vũ Cơ Lộc Mã Hi Hồng

Hôn nhân vận ấy đèo bồng thất gia.

*Tài buôn bán nhiều bề giới dẫn

Mà mệnh cung Tồn hảm Thiên Di.

*Tang môn ngộ Mã đình ninh

Mỗi người mỗi xứ gia đình quạnh hiu.

(Thiên Mã vào cung Bào hội Tang Môn.)

*Triệt Tuần ngộ Mã ưu phiền

Bỏ chồng vợ trốn đến miền xa khơi.

(Mã gặp Triệt Tuần ở Thê.)

*Cư Lương Lộc Mã ấy ai

Thạch Sùng kim ốc có sai đâu là.

*Hi thần, Hoa Cái yêu vì

Lộc Mã hội hợp nhiều khi ngoại tài.

(Cung Thiên Di thấy Lộc Mã và Hi Thần Hoa Cái thường có tiền đến bất ngờ.)

*Chơi bời du thúy du san

Thiên Di đào Mã hợp làng kết giao.

*Kinh tứ Mộ, Mã triều lai

Biên cương ắt hảm ra tài võ công.

(Kinh đóng cung Quan ở Thìn Tuất Sửu Mùi có Mã chiếu.)

*Quan Lộc Tử, Mã nhất ban

Khốc Hư Tí Ngọ đồng sàng hoạnh thương

Mã Lộc Thiên hi thuận đường

Hoặc là Lộc Mã hợp phường tốt thay.

*Kinh Đà ngộ Mã đã dành

Là người xuôi ngược để dành chiến công.

(Kinh tại Quan Lộc hội chiếu Thiên Mã.)

*Hỏa Linh hợp Mã một nhà

Hoặc nghề cơ khí, hoặc là chở chuyên.

(Mấy sao trên vào cung Quan Lộc.)

THÊM NHỮNG CÂU PHÚ VỀ LỘC TỒN:

*Lộc Tồn tại viên khả hưởng tổ nghiệp. (Lộc Tồn đóng Mệnh cung có thể được hưởng sản nghiệp ông cha.)

*Minh Lộc ám Lộc cảm thượng thêm hoa. (Lộc Tồn hay Hóa Lộc ở Mệnh có Hóa Lộc hay Lộc Tồn chiếu theo thể nhị hợp như gắm thêm hoa miễn là không gặp Tuần Triệt.)

*Song Lộc ngộ Cơ Lương phú gia kham kỳ. (Thủ Mệnh Cơ Lương gặp song Lộc giàu có.)

*Lộc Mã tối hi giao tri chúng nhân sùng ái. (Lộc Mã đứng cùng dễ gây thiện cảm với người.)

*Hợp Lộc cùng Lộc khả thành võ công. (Mệnh Lộc, có Lộc từ cung Thiên Di xung chiếu có thể phát về nghiệp võ.)

LUÂN VỀ HÒA TINH VÀ LINH TINH:

Trong Tử Vi Đẩu Số, Hòa với Linh là hai sát tinh đi cặp, như Kinh Đà, Không Kiếp. Cả ba cặp sao trên gọi chung bằng “lục sát”. Đôi khi gọi bằng tứ sát, bộ bốn này không có Không Kiếp. Hòa Tinh, Linh Tinh hiện ra mang đến sự biến động, làm chuyển hẳn một hoàn cảnh khách quan.

Ảnh hưởng của Hòa Linh phải kể là nghiêm trọng. Tỉ dụ Mệnh cung vô chính diệu, Hòa hay Linh độc thủ thì quan hệ với những người sinh thành không mấy tốt đẹp, hoặc mồ côi, hoặc bố mẹ chia lìa, hoặc đi làm con nuôi, hoặc không gần gũi phải ở với ông bà nội ngoại, chú bác cô dì, hoặc như Lã Bố làm con ba họ.

Trường hợp Hòa Linh đóng ngay vào Phụ mẫu cung, nhưng chính tinh của cung này tốt, lại thấy cả Lộc Mã thì phải đoán rằng thừa nhỏ đi theo bố mẹ đến một dị vực (phương xa) tạo điều biến đổi cho cả cuộc đời về sau (tỉ dụ lần du cư tị nạn sang Mỹ).

Hòa với Linh đều chủ về biến động, thứ biến động gay gắt khó khăn chìm nổi. Hòa với Linh trên biến động lại mang riêng hai trạng thái khác biệt. Cổ nhân viết: “Hòa minh, Linh ám”. Giả như Hòa Linh mang đến tai họa, thì Hòa rõ ràng khả dĩ nhìn thấy trước mà dự liệu được, nhưng Linh thì bất ngờ và âm thầm.

Hòa như sóng dữ nổi trên mặt nước. Linh như ngọn sóng ngầm khó đề phòng. Hòa Tinh thuộc dương hỏa, sao của sát phạt chủ về các việc hung họa. Hòa Tinh thủ Mệnh tính cứng rắn cương quyết, có quyền uy nhưng rất nóng nảy không chịu an phận, không thể thỏa hiệp với hiện thực ưa phiêu lưu và bồn ba.

Linh Tinh thuộc âm hỏa cũng là sao sát phạt chủ về những việc phá hoại. Linh Tinh lạnh lợi và cơ mưu, cao vọng không chấp nhận hiện thực, tâm ý bất thường dễ phản phúc hay tạo những đột biến.

Ti dụ Hòa Linh vào Điền Trạch đều đưa đến tai họa về nhà cửa: cháy nhà, bị đoạt nhà. Nếu Hòa Tinh thì cháy nhà xảy đến bằng tai nạn vô ý. Nếu Linh Tinh thì xảy đến bằng có kẻ đốt nhà. Âm mưu đoạt nhà đều vì Linh Tinh chứ không phải do Hòa Tinh.

Hòa Linh vào cung Tật Ách thì Hòa bệnh thuộc thực và rõ rệt, Linh Tinh bệnh thuộc hư và âm trầm.

Hòa Linh đóng Mệnh tuổi trẻ đã ly hương. Ở Phụ mẫu cung, tuổi nhỏ sớm phải xa cha mẹ một thời gian. Ở huynh đệ cung anh em chia lìa. Ở Phu Thê cung vợ chồng phân tán. Để tìm hiểu căn cứ vẫn phải căn cứ vào nguyên tắc “Hòa minh Linh ám” mà đoán Hòa và Linh đều rất hợp với sao Tham Lang.

Tại sao? Vì Hòa Linh thuộc hòa, mà Tham Lang là dương mộc, mộc sinh hỏa. Tham Lang có Hòa hay Linh thêm Lộc tồn, hoặc Hóa Lộc chủ về hoạnh phát tiền bạc. Nếu thấy cả Không Kiếp chen vào thì bạo phát rồi bạo bại.

Tham Linh không hay bằng Tham Hòa. Cổ nhân nói “Tham Linh tịnh thù tướng tướng chi danh” (Tham Lang Linh Tinh đồng cung đắc địa làm tướng văn tướng võ) cho người ta cảm tưởng rằng Linh đi với Tham tốt hơn Hòa đi với Tham.

Thực ra không không phải vậy. Hòa gặp Tham là minh hòa. Linh gặp Tham là ám hòa. Hòa cần phải sáng sủa, không nên tối ám. Bởi thế khi viết vào chi tiết cổ nhân mới thêm: “Hòa tinh mà hội hợp với Tham Lang ở vượng địa chức tới tước hầu và thượng tướng, lập công lớn nếu không bị hung sát phá, tuổi trung niên thành công”.

Còn với Linh Tinh thì cổ nhân viết: “Ngộ Tham Lang tú, quan lộc diệc bất ninh nhược phùng cư vượng địa, phú quý bất khả luận”. Linh và Hòa đứng với Tham Lang đều đi tới chỗ thành đạt phú quý hơn người, nhưng riêng Linh Tinh cổ nhân phê mấy chữ “diệc bất ninh” trong khi với Hòa tinh thì không phê mấy chữ này. Bất ninh là không yên. Tham Linh thường phải ứng phó với những hoàn cảnh khó khăn hơn Hòa

minh Linh ám càng rõ rệt khi chúng hiện vào các cung tử tức, nô bộc. Cung tử tức không chính tinh Hòa tinh đơn thủ, nếu đối cung có chính diệu hay thì vẫn sinh con được, không sợ tuyệt tự. Nhưng nếu là Linh Tinh thì bà thứ sinh con chứ không phải chính thê.

Hòa tinh đóng nô bộc cung với Hình Kị thì chi bị bộ hạ oán ghét nhưng không mưu hại. Còn bị Linh Tinh thì chẳng những oán giận còn âm mưu phản bội dẫn họa tới.

Hòa Linh đi với Dương Đà lại biến ra những ý nghĩa khác. Kinh Dương Đà La đều thuộc kim. Hòa Linh thì thuộc hỏa. Kim có hỏa luyện mới nên thép tốt, vàng y. Kinh Dương là dương kim cần dương hỏa hun đúc. Cho nên Kinh Dương chỉ tốt khi gặp Hòa tinh.

Đà La là âm kim, cần âm hỏa cho nên Đà La chỉ gặp Linh Tinh mới hay. Kết quả khác nhau ở chỗ Kinh Hòa thì phát mau và rạng rỡ, còn Đà Linh thì phát chậm và âm thầm. Kinh gặp Hòa có quyền đi với chức tước. Đà gặp Linh có quyền nhưng không ở chức vị cao.

Đà Linh thường là người giỏi về công an mật vụ và không thể thành võ tướng với võ công hiển hách mọi người đều biết. Đà Linh dễ gặp nguy hiểm hơn Kinh Hòa, nhưng nguy hiểm qua mưu mô tranh chấp. Kinh Hòa thường nổi bật khi biến động đã hoàn tất.

Đà Linh thường là người âm thầm hoạt động để dựng nên biến động. Kinh đi với Linh hay Đà đi với Hòa đều trở thành vô dụng hoặc tác hại.

Có câu phú rằng: “Kinh Dương Linh Tinh vi hạ cách” (Kinh Dương đứng với Linh Tinh là hạ cách). Trong khi Kinh Dương đứng bên Hòa Tinh thì lại có câu phú khác “Dương Hòa đồng cung uy quyền xuất chúng” (Kinh Dương đứng bên Hòa Tinh thì oai quyền. Dĩ nhiên phải là Kinh Dương đắc địa.)

Hòa Linh đứng thế hiệp Mệnh nghĩa là Mệnh cung ở giữa hai phía sát bên là Hòa Linh. Cách cục này phải kể như xấu, đưa tới hung tọa bất an, cuộc đời bôn ba nếu Mệnh cung

chính tinh xấu càng nặng. Trường hợp Mệnh cung Tham Lang độc thủ nơi miếu vượng thì lại là cách hoành phát, bạo phát.

Trường hợp Hòa Linh hiệp Kinh Dương ở Mệnh thì vẫn thành công nhưng cực kỳ gian nan. Những câu phú cổ nhân về Hòa Linh còn thấy:

*Vũ Khúc Dương Đà kiêm Hòa tú, táng mệnh nhân tài. (Mệnh hoặc vận hạn có Vũ Khúc Kinh Đà Hòa Tinh, vì tiền mà tang mạng.)

*Hòa Linh thủ xung nữ dâm dục. (Hòa Linh đóng Mệnh cung hoặc xung chiếu đàn bà đa dâm.)

*Thất Sát Linh Tinh trần vong yếu triết. (Thất Sát gặp Linh Tinh số không thọ, thường hung tử.)

*Linh Tinh Phá Quân bốn ba lao bác tài tinh khuynh. (Linh Tinh Phá Quân hãm cuộc đời long đong vất vả tiền bạc phá bại.)

*Linh Hòa Dương Đà thủ Mệnh yêu đà bối khúc chi nhân. (Tại Mệnh hội tụ Kinh Đà Linh Hòa dễ bị tật như còng lưng.)

*Hòa Linh tương ngộ nhập miếu danh chấn chư bang. (Hòa Linh ở Mệnh, nơi miếu địa, công danh hiển hách.)

*Linh Tinh tọa Mệnh nhập miếu vũ chức cư đa. (Linh Xương Đà Vũ hạn ngộ đầu hà.)

*Linh Xương Đà Vũ hạn ngộ đầu hà. (Vận hạn thấy Linh Tinh hãm gặp Đà La Vũ Khúc hãm hay Văn Xương có thể chết.)

*Hòa Linh dữ Phá đương Thân, bại điền tài ư tổ nghiệp. (Hòa Linh đứng với Phá Quân ở Thân (không phải cung Thân) thường phá điền tài của tổ nghiệp.)

*Linh hòa miếu vi nhân đại dờm. (Linh Hòa thủ Mệnh miếu địa là người can trường to gan.)

*Hòa Linh Dương Đà vi tứ sát đơn phùng Cơ tú nhi hữu duyên. (Tứ Sát Hòa Linh, Dương Đà một tron bốn sát ấy gặp Thiên Cơ là người có duyên.)

*Hòa Tinh Linh Tinh chuyên tác tọa, ngộ Kiếp

Không Thiên Sứ họa trùng trùng. (Hỏa Linh ưa gây họa gặp thêm Kiếp Không ở chỗ Thiên Sứ họa còn gặp bội.)

*Linh phùng Sứ, Mã hội Dương Đà hữu tật tứ chi. (Cung Tật Ách (nơi sao Thiên Sứ đóng) lại thấy cả Dương Đà chân tay có tật.)

*Hỏa Linh hãm ư tử tức đao lão vô nhị khóc. (Hỏa Linh hãm vào cung tử tức, hiềm con hoặc lúc già xa con.)

Linh Hỏa Hình Tang tối hiềm tử tức, hạnh ngộ Nhật Nguyệt tịnh minh lão lai tật hữu. (Linh Hỏa Hình tang ở cung con, nếu như có Nhật Nguyệt song hữu thì khi về già cùng có người nối dõi.)

*Hỏa Linh nhập Mệnh miếu, kiến chư cát, lập vũ công. (Hỏa Tinh hay Linh tinh miếu địa đóng mệnh gặp thêm các cát tinh lập được võ công.)

*Hỏa Linh tương ngộ nhập miếu danh chấn chư bang. (Hỏa với Linh đồng cung ở đất miếu danh tiếng khắp nơi.)

*Hỏa Linh hãm hội Dương Đà bảo cường tai thâm. (Hỏa Linh ở đất hãm gặp Kinh Đà thì lúc nhỏ lắm bệnh tật.)

*Nữ mệnh Hỏa Tinh tâm độc, nội lang, khắc phu khắc tử. (Đàn bà Hỏa Tinh thủ mệnh giỏi tháo vát, nhưng tâm độc và dữ dằn khắc chồng khắc con.)

*Đà La Hỏa Linh đồng cung giới dịch chi tật. (Mệnh hay Tật Ách có Đà La Hỏa Linh dễ mắc chứng phong ngứa, sưng gan.)

*Hỏa Linh ngộ hãm Thiên Cơ
Hãm trong Mệnh ấy có tà chứ không.
(Hỏa Linh hãm gặp Thiên Cơ hãm, người khật khùng như bị ma làm.)

*Hỏa Linh Trì Mộc sáng soi
Lánh mình lửa cháy, nước sôi chớ gần.

*Hỏa Linh ngộ Mã oán gia
Đề phòng hỏa hoạn mới là khỏi tai.

*Linh Tinh Việt Hỏa đoàn biên
Thạch trung hương hỏa thất kiểm sinh tai.
(Linh Tinh, Hỏa Tinh Thiên Việt ở Dậu dễ bị tai họa

về nhà cửa.)

*Kiếp Không da ắt đen hoàn
Hòa Linh mặt khó sầu đắm đêm ngày.

(Mệnh Hòa Linh mặt mày ít tươi tỉnh, thường sắc
sược, giận dữ.)

*Đất tứ mộ Linh Tinh Tham Vũ
Có uy quyền chớ ngộ Kinh Dương.

*Tuất Thìn Xương Khúc Đà Linh
Sát gia Mệnh hạn gieo mình trầm vong.

*Kinh Dương Kị Hòa một bài
Hãm mà thủ Mệnh thật loài ác tinh.

*Dương Linh tọa thủ Mệnh ai
Lại gặp Bạch hổ họa tai đao hình.

*Linh phùng Sát Phá hạn hành
Văn Vương xưa cũng giam mình ngục trung.

*Phu cung Riêu Sát Kinh Dương
Hội giao Linh Hòa gái toan giết chồng.

*Cự Môn Linh Hòa tương phùng
Ba lần mỗi lá chẳng xong mỗi sầu.

(Linh Hòa đây đóng vào cung Phu Thê.)

*Linh Tinh hà tiện bao nhiêu

Phá Quân kia lại tiêu liêu tiêu vung.

(Linh Tinh ở Phu Thê cung có chồng hay vợ hà tiện.)

*Kiếp Không Linh Hòa xấu xa

Sinh con lại gặp những tà ác tinh.

(Kiếp Không Linh Hòa vào tử tức hiếm con, con bất
hiếu bất mục.)

*Bóng tà vẫn kém hào con

Bởi chung Linh Hòa Thái Âm hãm nhân.

*Hòa Linh Dương nhấn lâm vào

Có sinh con cũng liệt vào tật thương.

*Thiên Hình giữ của tốt sao

Linh Tinh hà tiện nên giàu đáng khen.

(Linh Tinh đây ở cung tài bạch.)

*Thiên Lương ngộ Hòa chớ lầm

Hại người tổn vật mấy lần họa sinh.
 Hòa Tinh ở Dần Ngọ Tuất là miếu địa.
 Hòa Tinh tại Tỵ Dậu Sửu là đắc địa.
 Hòa Tinh vào Hợi Mão Mùi là lợi địa.
 Hòa Tinh đứng Thân tí Thìn là hãm địa.
 Linh Tinh đóng Dần Ngọ Tuất, Thìn Tỵ Mùi là miếu
 địa.

Linh Tinh hãm ở Tý Hợi Dậu Sửu.

LUẬN VỀ KINH DƯƠNG ĐÀ LA:

Kinh Dương, Đà La trong khoa Tử Vi là hai sát tinh đi đôi như Linh Hỏa, cùng với Linh Hỏa thành bộ “tứ sát”. Nhưng Kinh Đà có nhiều khác biệt với Hỏa Linh. Hỏa Linh mang đến phiền nhiễu. Kinh Đà đem lại tổn thất.

Khi hội tụ đủ bộ tứ sát lại đoán khác và gặp Địa Không Địa Kiếp lại đoán khác. Kinh Dương Hóa khí là “Hình”, Đà La hóa khí là “Kỵ”. Hình từ Kinh Dương biểu hiện phá hoại lực, có thể gây ra thất bại, có thể gây ra thị phi sau khi đã thành công.

Kỵ từ Đà La biểu hiện ngăn trở trì trệ, có thể tạo nên những khó khăn bất ngờ, có thể khiến cho đường sự vào mê hồn trận. Phá hoại lực của Kinh Dương thường rõ ràng dễ nhận thấy. Ngăn trở trì trệ của Đà La thương ngầm ngầm quỳ quyết.

Kinh Dương phá hãm ví như một chân tiểu nhân. Đà La phá hãm ví như ngụy quân tử. Bởi vậy khi Kinh Dương hội Hỏa Tinh gây thành sức mạnh phản kháng như cách “mã đầu đơi tiễn” nơi cung Ngọ, vượt qua những khó khăn gian tân mà đến với thành công.

Nhưng nếu Đà La hội với Hỏa tinh lại thành ra thứ trở ngại không vượt được rồi thất bại. Hung tọa đến từ Kinh Đà xem như thế còn tùy thuộc vị trí chúng đứng và hội tụ với sao nào để mà tìm ra đầy đủ ý nghĩa.

Kinh Dương là một tình trạng phát triển thái quá. Còn mang tên gọi khác là “Dương nhẫn” đầu mũi gươm xung kích tiên phong. Kinh Dương vào Mệnh làm việc xông xáo không do dự, đã quyết thì làm, sở đoán của Kinh Dương là khó tiếp thụ ý kiến người khác, hiếu thắng, cao ngạo, ăn nói sắc nhọn dễ gây thù oán. Khuynh hướng cực đoan, tình cảm yêu với hận rõ ràng, ân với oán phân minh.

Đà La ngược lại, làm việc âm thầm, gan góc, tiến chậm nhưng không ngừng tiến, không vội vã nhưng không

phải không có phản ứng mau. Thường nuốt để bụng và cực kỳ cố chấp. Khả năng nhẫn nại cao.

Đến đây ta hãy bàn về vị trí của sao Kinh Dương. Kinh Dương bao giờ cũng đứng trước Lộc Tồn gọi bằng tiền Kinh hậu Đà. Không thể đặt ngược vị trí của nó thành tiền Đà hậu Kinh.

Như trên đã nói Dương nhĩn là một tình trạng phát triển cao độ. Giáp Lộc đóng Dần thì sự phát triển cao độ của Giáp mộc phải vào mộc cung là Mão. Bính hỏa Lộc tại Tị thì tình trạng phát triển mạnh cũng phải ở nơi cung hỏa Dương nhĩn tất phải đóng Ngọ.

Ất mộc Lộc tại Mão thì Dương nhĩn Thìn là thủy mộc khó. Đinh Kỷ Lộc ở Ngọ thì Dương nhĩn đóng Mùi hỏa khó. Tân kim Lộc tại Dậu thì Dương nhĩn đóng Tuất kim khó...

Sách Tinh Bình Hội Hải viết "Giáp Lộc đáo Dần, mao vi Dương nhĩn, Ất Lộc đáo Mão Thìn vi Dương nhĩn... Quý Lộc đáo Tí, Sửu vi Dương nhĩn..." Lộc tiền nhất vị vi "Nhĩn" nhĩn vi vạn vật chi lý giai ố cực thịnh, Lộc quá Nhĩn sinh công thành đương thoái, bất thoái tắc quá việt kỳ nhân. (Nghĩa là trước Lộc Tồn một cung là Dương nhĩn bởi lẽ cái lý của vạn vật không thuận được với tình trạng thái quá, Lộc lên cực điểm thành hoại, công thành rồi hay từ tồn lại, cứ tiếp tục quá khích tất sẽ bại.

Ở số Tử Bình không có sao Đà La, nhưng Dương nhĩn rất quan trọng. Tử vi căn cứ vào lý luận trên, không cách gì mà đổi ra tiền Đà hậu Kinh, đổi như vậy lý ngũ hành mất đất đứng.

Lấy trường hợp tuổi Bính Mậu có Đồng Âm tọa thủ tại Mệnh, Đồng Âm ấy được Kinh Dương mới hay, nếu như lại sao Đà La năm chệnh ệnh ở đây thật khôì hài. Câu phú: Thiên Đồng Thái Âm cư Ngọ vị, Bính Mậu trấn ngự biên cương. Phải tiền Kinh tuổi Bính Mậu mới có Dương nhĩn tại Ngọ được.

Kinh Dương đắc địa thủ Mệnh thân tài chắc chắn,

xương lớn nhưng không lộ cốt. Kinh Dương hãm thân tài gây guộc xương lộ da như cam sành. Kinh Dương hợp với các cung mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) vì mộ cung có khả năng thuần hóa được tính phát triển quá mức của sao này. Kinh Dương ở mộ tuy đắc địa nhưng vẫn phải có cuộc đời phiêu lưu bôn ba ly hương và xa cách người thân.

Kinh Dương đóng vào tứ bại địa (Tí Ngọ Mão Dậu) nếu không kết hợp thành một cách riêng biệt như hội hợp với Đồng Âm, tính chất hình khắc nặng hơn, đáng ngại nhất là Dậu rồi đến Mão.

Riêng với nữ mệnh có Kinh Dương dù miếu địa cũng phải xem là “mỹ trung bất túc” vì nữ mệnh đều an định êm đềm trong đời là chủ yếu. Kinh Dương gặp Nhật Nguyệt, trai khắc vợ, gái khắc chồng. Kinh Dương gặp Liêm Trinh Hỏa Tinh ắt có ám tật, hoặc tứ chi bị thương.

Sách vở Trung Quốc có mấy câu đáng để ta suy ngẫm: Thiên Tướng hãm phùng Dương Mẫn, nữ nhân thi lụy nghĩa là nam mạng Thiên Tướng đóng hãm địa gặp sao Kinh Dương thường bị đàn bà làm khổ (vì tình mà khổ). Hồng Loan Dương Nhấn vị tình đoạn trường nghĩa là số gái Hồng Loan gặp Kinh Dương dễ đi vào cảnh huống đoạn trường vì tình.

Đà La thủ Mệnh biểu hiện qua đôi mắt lớn, lồi, đắc địa ánh mắt từ tường, hãm ánh mắt mờ đục. Răng dễ bị hư, nếu vào hãm địa. Đà La đắc địa ở các cung mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) làm việc giỏi dẫn, dám làm và thành công.

Đà La hãm nơi Dân Thân Tỵ Hợi tính giảo quyết ưa phá hoại, cô đơn. Đà đắc địa tứ mộ can đảm thâm trầm, lắm mưu mô thủ đoạn.

Đà La gặp Riêu Cái Tuế ở Mệnh có tật nói ngọng, nói lắp. Đà hãm gặp Linh Hỏa Không Kiếp Kỵ Hình, đau yếu tật nguyên, dễ lâm vào cùngh khốn.

Đà La Kinh Dương hội Thất Sát thường gặp tai họa lớn. Đà gặp Thiên Hình ở vận hạn đưa đến kiện tụng, ẩu đả. Đà gặp Hỏa ở vận hạn đau ốm. Đà gặp Thiên Mã tại Mệnh

rất khôn ngoan nhưng cũng rất mưu mô.

Đà La Sừ Mùi tốt nhất, thứ đến Mùi, Thìn vương địa, Tuất bình hòa. Đà La hội với Tham Lang dễ biến thành con người ham mê chơi bời, rượu chè.

Đà La gặp Hòa Tinh hay bị thương tật, hoặc bệnh lâu không khỏi. Đà La Mệnh, Kinh Dương Thân thì hình khắc dữ dội hơn nữa.

Đà La vào Tật ách có bệnh phổi, xuất huyết ở phổi, mắt có sẹo, tê thấp, bệnh ngứa làm lột da. Kinh Đà vào cung Tật ách của số nữ, phải đề phòng bệnh bấu tử cung đưa đến giải phẫu.

Kinh với Đà kể về mặt hung họa tác hại ngang nhau. Nhưng với Kinh thì rõ rệt, mọi người có thể biết. Còn với Đà LA thì ngấm ngấm ít ai hay. Đó là điểm khác biệt giữa Kinh với Đà cũng như “Hòa minh Linh ám” vậy.

Đà La đứng bên Tham Lang khi Tham Lang ở cách “phiếm thủy đào hoa” tức Tham Lang đóng Hợi có thể đưa đến tình trạng “mê hoa luyện tửu dĩ vong nhân” chết vì trác táng do nghèo hay bệnh.

Đà La đứng với Tham Lang ở Dần cách gọi bằng “phong lưu thái trượng” lại là con người hào hoa phong nhã dễ bị lừa gạt bởi đam mê, không trác táng. Cách “phiếm thủy đào hoa” với “phong lưu thái trượng” khác nhau như vậy.

Kinh Đà có một cách nhất định gây họa hại, ấy là khi Lộc Tồn đứng với Hóa Kị, đương nhiên Kinh Đà hiệp Mệnh, cổ nhân gọi bằng cách Kinh Đà hiệp Kị. Cách này đưa đến cái họa bản bệnh giao gia (vì bệnh tật mà nghèo túng, đã nghèo túng, đã nghèo túng còn bệnh tật). Sao Lộc Tồn đứng với Hóa Kị như thế thật xấu.

Kinh Đà cũng không hợp với Thất Sát, Phá Quân, Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc. Nhưng Kinh Đà mà hiệp sao Thiên Tướng hãm thì họa hại mạnh hơn hết. Cách Tham Hòa là cách tốt, nhưng có Đà Kinh vào, hỏng đi.

Cự Môn Kinh Dương không hại lắm, hễ có thêm Hòa Tinh vào thì phiền. Nhưng Kinh đắc địa đứng với Hòa lại

hay.

Ngoài ra không phải cứ thấy Kinh Đà xuất hiện là tuyệt đối xấu, Kinh Đà hung hiểm nhưng mặt khác nó cũng tạo nên điều cát lợi mạnh mẽ không kém.

Đà La đứng với sao Thái Âm tại Mệnh, số nữ tính dục cực vượng thịnh đến mức loạn dâm bất kể Thái Âm đắc địa hay hãm địa; trường hợp hãm thì loạn kèm theo tiện, trường hợp đắc sang trọng phong lưu.

Có một thuyết cho rằng Kinh Dương tượng trưng bộ sinh thực khí của đàn ông và Đà La tượng trưng bộ sinh thực khí của đàn bà. Từ thuyết này mà Thái Âm Đà La mới loạn dâm, ý chỉ sức mạnh tình dục đã lên cực điểm. Cổ nhân không nhắc đến sự kiện Kinh Dương gặp sao nào thì sức mạnh tình dục vượng, dĩ nhiên không phải là thái Dương rồi.

Qua kinh nghiệm cho thấy Kinh Đà vào Mệnh cung thường là con người thông minh. Kinh Đà đi cùng Xương Khúc khiến cho cái chất Văn của Xương Khúc tăng lên gấp bội. Như vậy thì Kinh Đà liên quan tới sức mạnh tình dục là đúng.

Qua phân tâm học của Frued thì sức mạnh tình dục (pulsion sexuelle) đưa lên cao thành văn chương, đẩy xuống thấp thành trác táng, truy hoan. Đà La đứng cùng Thiên Hình Đào Hoa vì tình mà mang họa, cũng là bởi sự liên quan đến tình dục nói trên.

Kinh Đà còn một cách cục khác mà sách Tử Vi Đẩu Số không nói riêng ra là: Kinh Dương độc thủ và Đà La độc thủ. Mệnh không có chính tinh (mệnh vô chính diệu) có Đà Kinh tọa thủ là Kinh Đà độc thủ.

Kinh Dương độc thủ có thể ở Tí Ngọ Mão Dậu có thể ở Thìn Tuất Sửu Mùi. Kinh Dương độc thủ chỉ tốt khi nó đứng ở đứng ở Thìn Tuất Sửu Mùi. Và Sửu Mùi đẹp hơn Thìn Tuất. Còn Tí Ngọ Mão Dậu kể là xấu gây hung họa.

Kinh Dương độc thủ vào số trai hợp cách hơn số nữ. Đà La độc thủ vào số nữ hợp cách hơn số trai. Tuy nhiên số nữ mà Đà Kinh độc thủ theo quan niệm người xưa đều không

coi như một cách cục tốt đẹp. Thời bây giờ thân phận nữ đã khác đi nhiều thì Đà La độc thủ được kể như cách cục hay nhưng không xem là tốt.

Tại sao hay mà không tốt? Hay ý chỉ khả năng giỏi dẫn, thành công khi toan tính việc gì. Nhưng không tốt vì cuộc sống bôn ba thăng trầm gay go quyết liệt, thiếu an định êm đềm. Kinh Dương độc thủ với nam mạng hễ đã thành công lớn vượt thiên hạ, nhưng lúc chưa đạt vất vả gian lao cũng đủ dãi. Kinh Dương độc thủ vào binh nghiệp, kinh doanh lớn, chính trị để sáng tạo sự nghiệp.

Đà La độc thủ với nam mạng đặc địa sự thành công thường không qua chánh đạo mà hễ đã bại thì xuống tận cùng, cơ sự nghiệp mất, thanh danh cũng tiêu luôn. Trong khi Kinh Dương độc thủ có bại vẫn giữ được danh thơm.

Số nữ Đà La độc thủ đặc địa có thể thành công to, nhưng tình duyên dang dở, bất mãn và luôn luôn là con người cô đơn vì quá giáo quyết nên bị xa lánh. Đà La độc thủ chỉ tốt khi đứng cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Độc thủ Dần Thân Thân Ty Hợi kể như xấu.

Những câu phú về Kinh Dương Đà La:

*Kinh Dương cư Tí Ngọ Mão Dậu hãm địa, tác họa hung ương hình khắc thậm. (Kinh Dương đóng Tí Ngọ Mão Dậu gây ra tai họa hình khắc.)

*Kinh Dương nhập miếu gia cát, phú qui thanh dương. (Kinh Dương miếu địa gặp cát tinh, giàu sang dương danh.)

*Kinh Dương Hòa Tinh hãm vị hạ cách. (Kinh Dương đứng cùng hòa tinh ở hãm địa là hạ cách.)

*Kinh Dương thủ mệnh, Thất Sát Phá Quân xung chủ hình khắc.

*Dương Đà Hòa Linh phùng cát phát, hung tác kị. (Dương Đà Hòa Linh với cát tinh phát phát, thêm hung tinh rất xấu.)

*Kinh Dương đối thủ tại Dậu cung, tuế diệt Dương Đà Canh mệnh hung. (Kinh Dương đóng Thiên Di, gặp hạn

lưu Kinh Đà, người tuổi Canh nguy biến.)

*Dương Đà hiệp Kị vi bại cục. (Kinh Dương Đà La hiệp Hóa Kị là cách thất bại.)

*Kinh Dương trùng phùng lưu niên, Tây Thi vẫn mệnh. (Kinh Dương mệnh gặp lưu niên hạn Kinh Dương Tây Thi uổng mạng.)

*Dương cư đoài chân, lục Mậu lục Giáp phúc nan toàn. (Kinh Dương xung chiếu Mệnh tư Dậu hoặc Mão, người tuổi Mậu Giáp cuộc đời lắm tai ương.)

*Kinh Dương gặp Âm Đồng (Tí hay Ngọ) thêm Phượng Các, Giải Thần uy danh lừng lẫy.)

*Dương Đà Quan Phủ ư hãm địa loạn thuyết chi nhân. (Mệnh có Kinh Đà hãm địa đứng bên Quan Phủ ưa nói bậy, nói quá kỳ thực, nói lung tung.)

*Dương Linh tọa mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương. (Mệnh Kinh Dương Linh Tinh, vận "lưu" niên gặp Bạch Hổ, tai họa.)

*Thân nội Tuếphùng Đà Kị mạc đạo phồn hoa. (Cung Thân có Thái Tuế đi với Đà La Hóa Kị là người thô lỗ quê mùa.)

*Tật Ách kiều Đà Nhẫn phản mục tật sâu. (Cung Tật Ách bị Kinh Đà dễ đau mắt.)

*Đà La lâm phụ vi, bát tu Quả Tú diệc tăng bi. (Phu cung xuất hiện sao Đà hãm, không cần Quả Tú cũng thành chia xa.)

*Mệnh Dương Đà gia Kiếp thọ giảm. (Mệnh Kinh Đà, thêm địa Kiếp không thọ hung.)

*Kinh Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự. (Mệnh Kinh Dương, Thái Tuế, Điều Khách hội tụ cuộc đời lắm tang tóc buồn rầu.)

*Luận Mệnh tất suy tính thiện ác

Cự Phá Kinh Dương tính tất cương.

(Cự Môn Kinh Dương, Phá Quân Kinh Dương tính tình cứng rắn.)

*Dương Nhẫn bất nghi Nhật Nguyệt bệnh tật triền

miên. (Kính Dương gặp Nhật Nguyệt lâm bệnh trong người hoặc có bệnh lưu cứu không khỏi.)

*Riêu Đà Kị kế giao, họa vô đơn chí. (Mệnh hội tụ Diêu, Đà, Kị lặn đận tai ương hoại.)

*Đà Kị, Nhẫn thủ ư Phu vị
Hai chồng con chước qui ghê thay.

*Dương Hình Riêu Sát cung phu
Lại gia Linh Hòa vợ lo giết chồng.

*Dương Đà bệnh ấy phòng mòn
Tuế Đà vạ miệng xuất ngôn chiêu hiềm.

*Đà ngộ Kị chẳng lành con mắt
Kỵ phùng Dương mắt hấn thanh manh.

*Đà Không lâm thủ Điền Tài
Luận rằng số ấy sinh lai nghèo hèn.

*Dương Nhẫn phùng Tuyệt Linh chốn hãm
Công cù lao bú mớm như không.

(Cung Tử tức có Tuyệt Linh Tinh và Dương nhẫn, khó nuôi con, hoặc con cái có cũng bằng không.)

*Kính Riêu Hoa Cái Thai Đà
Vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng.

*Tứ Hung ngộ quý nơi Thân Dậu
Đến Phạt Đài cầu đảo mới xong.

(Vận đến Dậu Kính Đà Hòa Linh gặp Tử Vi, Thiên Phủ phải làm việc thiện để mà tránh tai họa.)

*Đào Hồng mặt mũi xinh tươi
Kỵ, Hình, Đà, Nhẫn là người tật thương.

*Thái Dương đóng chốn thủy cung
Gặp Kính hay Kị yếu vong hoặc mù.

(Thái Dương ở Hợi Tí Kị Kính. Theo kinh nghiệm thì chi bị tật ở mắt, mắt kéo màng, chứ không phải yếu vong với mù.)

*Hỏa Dương Tham Tướng tị cung
Hoặc là tứ mộ nổi danh tướng tài

*Sát Phá Liêm Tham lâm vào
Kính Đà Kị ấy trách nào bạo hung.

- *Ngọ cung tam Hóa hợp Kinh
Người sinh Bính Mậu biên đình nổi danh.
- *Dương Linh thủ Mệnh mấy ai
Lại gặp Bạch Hổ họa tai đao hình.
- *Kị Đà Thái Tuế hợp bài
Cảnh đời nào được mấy người thông dong.
- *Tuế Đà Cự Kị vận nghèo
Một thân xuống thác lên đèo chẳng yên.
- *Kiếp Không Hình Kị Đà Dương
Gian nan bệnh tật mọi đường khám kha.
- *Phủ Đà Tuế đóng Tỵ cung
Cuồng ngôn loạn ngữ nói rông thảng ngày
- *Hình Kinh cư Ngọ đồng gia
Sát Kiếp lại chiếu ắt là ngục trung.
- *Thìn Tuất Thất Sát xem qua
Hình Kinh hội ngộ ắt là đao diên.
- *Nguyệt hãm Đà Hổ Tuế xung
Hại thay diêm mẹ thoát vòng trần gian.
- *Dương Đà Thất Sát phải hay
Chiếu thủ Thân Mệnh thảng ngày khổ đau.
(Tâm tư không mấy vui, bi quan.)
- *Mấy người đông tâu tây trì
Phá Quân Thiên Việt hợp về Kinh Dương.
- *Thất Sát hãm thật đáng kinh
Vận niên gặp phải lưu Kinh sợ thay.
- *Kỵ Liêm Phá Vũ xấu xa
Giáp cùng Không Kiếp Kinh Đà sao nên.
- *Hóa Kị thi rớt lắm khi
Dương phùng Kiếp Sát học gì cho xong.
- *Đà Tham từ sắc la đà
Tuế Đà miệng lưỡi ắt là sai ngoa.
(Đà La Tham Lang vào Thê ăn chơi. Tuế Đà vào Thê
cung vợ chưa ngoa.)
- *Dương Đà Kỵ Nhật Nguyệt xung
Chim cưu thói ấy vợ chồng chán nhau.

(Dương Đà Kị vào cung Phôi vợ chồng khó ăn ở trọn vẹn.)

*Kính Dương mà gặp Thiên Hư
Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời.

(Kính Dương Thiên Hư ở cung tử tức.)

*Kính Đà Không Kiếp Khốc Hư
Sinh con điếc lác ngẩn ngơ thêm buồn.

*Đà Không nghèo khó tai ương
Lưỡng hao tài tán bốn phương thêm phiền.

(Đà La Thiên Không ở cung Tài Bạch.)

*Đà La độc thủ tốt sao

Phúc cung chánh diệu đệ bào tiêm hung.

(Đà La độc thủ ở cung huynh đệ không bị các hung sát tinh khác.)

*Đà La Không Kiếp án ngăn

Đẹp gì trong họ ắt rằng suy hao.

*Hỏa Linh hình khắc cô đơn

Kính Đà cha mẹ cùng con bất đồng.

(Kính Đà đóng vào cung Phụ Mẫu, mà lá Kính Đà hãm địa.)

Kính Dương Tham Lang đồng cung tại Ngọ thù mệnh uy chấn biên cương. (Kính Tham đóng Ngọ có quyền có thế.)

Kính Dương Nhật Nguyệt đồng cung nam khắc thiê nhi nữ khắc nhu. (Kính Dương đứng cùng Thái Âm Thái Dương, trai khắc vợ gái khắc chồng.)

*Kính Dương Mão Dậu thù Mệnh yếu triết hình thương. (Mệnh đóng Dậu Mão có Kính Dương thù hay bị tai nạn.)

*Kính Dương thù Mệnh, Hóa Kị Kiếp Không xung phá, ly tổ khắc thân. (Kính Dương thù Mệnh nơi đất hãm gặp Kị Hỏa Linh xung phá lự lạc cô đơn.)

*Kính Đà Linh Hòa, phùng cát phát tài, hung tác kị. (Kính Đà Linh Hòa đắc địa, gặp sao tốt thì phát, bị hung lại kém hay.)

*Kính Dương trùng phùng lưu niên hung. (Kính

Dương ở đại hạn, lưu niên gặp Kinh Dương là hung.)

*Đà La hội Nhật Nguyệt Kị tinh nam nữ đã khắc, hữu mục tật. (Đà La đứng với Hóa Kị và Nhật Nguyệt khắc vợ khắc chồng, bị tật nơi mắt.)

*Đà La hãm hội Cự Môn Thất Sát hình khắc lục thân. (Đà La đóng hãm cung gặp Cự Môn Thất Sát khó gần người thân.)

LUẬN VỀ ĐỊA KHÔNG ĐỊA KIẾP:

Không Kiếp tên gọi tắt của hai sao Địa Không Địa Kiếp. Có người cho rằng Địa làm sao Không, vậy thì Thiên Không Địa Kiếp đi một cặp. Lý luận này sai vì Thiên Không là một sao riêng biệt. Địa Không Địa Kiếp là một cặp.

Thiên Không so với Địa Không nhu hòa hơn và có tác dụng khác hẳn. Tính chất địa không theo cổ nhân viết: “Tác sự hư không, bất thành chính đạo thành bại đa đoan” (làm việc coi thường, không theo chánh đạo, thành bại theo nhau). Nói tóm lại Địa Không chẳng làm điều gì phải. Với Địa Kiếp cổ nhân viết “Tác sự sơ cuồng” (làm việc bừa bãi).

Thực tế kinh nghiệm cho thấy Không Kiếp không hẳn như những lời phê trên đây. Không Kiếp phải tùy thuộc chính tinh chúng đi cùng để mà luận đoán.

Có rất nhiều trường hợp nhờ Không Kiếp mà tốt, biến ra một cách cực kỳ lạ. Tỉ dụ: Thái Dương Thiên Lương gặp Xương Khúc Không Kiếp phải đoán là con người có tư tưởng mới lạ, táo bạo nhưng vững vàng, thành công qua ngã nghiên cứu học thuật, đem những điều tân kỳ cho tư tưởng nếp nghĩ. Vậy thì Không Kiếp đâu có xấu.

Cổ nhân ngại Không Kiếp bởi lẽ Không Kiếp ưa làm đảo lộn đột biến không hợp với xã hội bảo thủ nền nếp. Nhưng hiện tại xã hội luôn luôn chuyển dịch, bảo thủ an định có nghĩa là không phát triển thành trường, Không Kiếp hẳn nhiên khả dĩ mang đến lợi ích để thoát khỏi tình trạng thiếu tiến bộ.

Địa Không thuộc âm hỏa chủ về phiêu lưu mạo hiểm, lên thác xuống ghềnh. Tâm tính bất định, thích biến đổi, đôi lúc mơ tưởng đến mức ảo tưởng, thích khác người, không chấp nhận ý nghĩ gì được coi làm khuôn vàng thước ngọc, sẵn sàng dấn thân, chấp nhận gian khổ.

Địa Kiếp thuộc dương hỏa chủ bồn ba, lúc cát lúc hung. Tính tình ngoan cố, cô độc, hi nộ vô thường, dám làm,

dám hành động không do dự và toàn làm những việc trái khoáy không cần biết thành hay bại, thành thì vui, bại không buồn.

Không Kiếp đều khởi từ cung Hợi mà tính đi để đặt định vị trí. Địa Kiếp theo chiều thuận, Địa Không theo chiều nghịch. Hợi là giờ cuối cùng của một ngày. Tới Hợi là thời gian của ngày hôm ấy chấm dứt mọi sự, mọi vật đều thành bào ảnh, thành không hư. Kiếp Không tự chỗ không hư ấy mà dấy lên.

Hợi cung thuộc thủy. Không Kiếp thuộc hỏa. Thủy chủ trí, hỏa cùng chủ trí. Thủy Hỏa giao chiến tất cả đều hủy diệt đều thành Không, đều hết Kiếp để chuyển hoán thành một tình thế mới tuyệt đối. Nếu không xong thì Kiếp Không qui ẩn, tu hành như Chiêu Lý Phạm Thái sau khi thất bại với mưu đồ phù Lê, sau khi Trương Quỳnh Như đã chết.

Không Kiếp là hai sao của thành bại, chứ không phải chỉ có bại thôi. Câu phú: “Mệnh lý phùng Không Kiếp, bất phiêu lưu tất chủ bản khổ” sai, chỉ luận đoán mới có một chiều.

Địa Không tác sự hư không, hư không đây là thái độ chống đối phủ định ẩn chứa cái can trường muốn thay cũ đổi mới, mưu vọng này phần bại nhiều hơn phần thắng là lý đương nhiên. Thời xưa quyền lực bảo thủ cực mạnh, không ưa tư tưởng hay hành động có tính cách chống lại truyền thống, cho nên nhìn Địa Không bằng con mắt hiểm thù bảo là tác sự hư không.

Địa Kiếp tác sự sơ cuồng, hành động của con người không câu nệ tiểu thuyết, tư tưởng đi ngược với trào lưu thời thượng, dĩ nhiên quyền lực bảo thủ không mấy bằng long mà gọi bằng sơ cuồng điên điên chẳng ra đâu vào đâu.

Như vậy những hình dung từ gán cho Không Kiếp “hư không” và “sơ cuồng” ta nên hiểu theo cái nghĩa “phản truyền thống”, “phản trào lưu” của những hành động không thích ứng với xã hội đã thiết lập trật tự đâu vào đó.

Người có tư tưởng triết học, có khí chất nghệ thuật,

ngay cả những người ở trong lãnh vực khoa học nếu có được Không Kiếp mới thành công đến mức sáng tạo.

Những luận bàn về Tử Vi đời nhà Thanh đưa ra thuyết: “Kim Không tác minh, Hòa Không tác phát” nghĩa là Kim gặp Không như chuông đồng rỗng tạo âm thanh, Hòa gặp Không như lửa được dưỡng khí bốc cháy mạnh. Thuyết này không xuất hiện vào đời Minh. Có thể nó xuất phát từ thời kỳ động loạn của Minh mạt chăng?

Kim có người cho rằng là Kim tứ cục và Hòa là Hòa lục cục. Không đúng. Các nhà Tử Vi đời thanh muốn nói về những sao Kim, Hòa gặp Địa Không đó.

Như Vũ Khúc, Thất Sát thuộc Kim hội với Địa Không thường là những số mạng cuộc đời gian khổ cuối cùng thành đạt phần phát.

Như Liêm Trinh, Thái Dương, Thất Sát (Thất Sát vừa Hòa vừa Kim) gặp Địa Không do nhân nại phần đầu mà nên công.

Chỉ nói ngộ “Không” tác minh, tác phát không nói đến ngộ Kiếp, rõ ràng Địa Kiếp không cùng một tác dụng ảnh hưởng như Địa Không. Điều trên cũng chứng minh rằng cuộc đời nhiều lúc bị tóa triệt, bị đẩy vào chỗ cùng cực đến phải thay đổi lại thành hay về sau, như thi không đậu rồi đi lính mà nên tướng nên tá.

Về Địa Kiếp có những trường hợp nó rất hợp với Tham Lang Hòa Tinh. Địa Kiếp đem đến biến động đảo lộn, để Tham Linh ứng phó mà phần phát, hoặc Tham Hòa cũng thế. Đừng câu nệ hay thành kiến, cứ thấy Không Kiếp là đã mang ngay ấn tượng không tốt. Một trường hợp khá đặc biệt: Phúc Đức có Không Kiếp mà Mệnh cung Tham Hòa hay Tham Linh, vẫn kẻ làm số phát mau.

Không Kiếp đồng cung, hay Không Kiếp hội tụ vào Mệnh, hay Không Kiếp giáp mệnh ảnh hưởng ngang nhau về tốt xấu.

Câu phú Kiếp Không giáp Mệnh vi bại cục không nhất định là với số nào cũng đúng. Câu phú “Sinh lai bản tiện

Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hường” không nhất định với số nào cũng thế. Tuy nhiên Tài Bạch mà bị Kiếp Không thì thật hiếm trường hợp tốt vì tâm chất keo bần.

Địa Không Địa Kiếp có ba thế: a) Đồng cung, b) giáp, c) hiệp. Không Kiếp đồng cung chỉ thấy ở Tỵ hay Hợi, còn giáp hiệp thì ở mọi chỗ.

Có câu phú: Kiếp Không Tỵ Hợi phản vi giai luận nghĩa là Mệnh có Kiếp đóng Tỵ Hợi kể là tốt. Tốt mức nào còn tùy chúng hội hợp với những chính tinh nào? Kiếp Không thường ăn ý với hung tinh hơn cát tinh.

Qua kinh nghiệm rồi qua chứng dẫn sách vở, nhiều trường hợp hai sao Liêm Trinh Tham Lang ở Hợi hay tị mà đứng cùng Không Kiếp rất thành công khi vào lãnh vực nghệ thuật. Liêm Tham vốn là hai sao đào hoa, Tham là chính đào hoa, Liêm là phó đào hoa, trong khi Không Kiếp lại biểu tượng cho những tư tưởng khác lạ mà nên vậy. Nhưng Thiên Riêu, Đào Hoa, Mộc Dục mà đứng với Không Kiếp lại không biến hóa như trên.

Xin nhắc lại Không Kiếp tuy hơi giống nhau trên tính chất, nhưng có một điểm khác khá tinh tế ấy là: Địa Kiếp chủ về phản trào lưu, Địa Không chủ về phản truyền thống; Địa Không dễ được tiếp thụ hơn Địa Kiếp.

Riêng với nữ mệnh mà bị Không Kiếp, nếu đứng trên quan niệm Nữ chủ an định thì Không Kiếp thành phiền, vì Không Kiếp vốn gây sự điều linh do chất phản trào lưu, phản truyền thống, ít hợp với đời sống nữ.

Kiếp Không Tỵ Hợi gặp Tướng Mã và Hóa Khoa là người can trường, có mưu cơ, công danh càng tốt vào đất loạn thời loạn. Kiếp Không Dần Thân cũng tương tự nhưng không bằng Tỵ Hợi.

Kiếp Không Dần Thân gặp Tử Phủ tất làm hại Tử Phủ. Kiếp Không đứng cùng Tả Hữu ở Mệnh, tâm ý thích lừa gạt. Kiếp Không hãm gặp Hòa Linh Tuế kị dễ bị trộm cướp. Kiếp Không Hồng Đào vào số Nữ thường gian truân với duyên tình.

Kiếp Không đứng với Hóa Quyền trắc trở công danh. Tại sao đứng với Hóa Quyền lại vậy? Vì tính chất của Hóa Quyền là tích cực và ổn định. Ở đâu có Hóa Quyền thì tính tích cực và ổn định tăng cao. Tính chất Kiếp Không ngược lại làm thành sự mâu thuẫn với Hóa Quyền.

Dưới đây là những câu phú nói về Địa Không Địa Kiếp:

*Địa Kiếp độc thủ thị kỳ phi nhân. (Mệnh Địa Kiếp đứng một mình luôn luôn cho ý mình là phải. Địa Kiếp độc thủ làm tăng tính phản trào lưu đến mức quá lạm mà nên thế.)

*Dần Thân Không Kiếp nhi ngộ quý tinh thăng trầm vô độ. (Mệnh Dần Thân Không Kiếp thủ chiếu đứng cùng với cát tinh như Tử Phủ Đồng Lương Khôi Việt, Xương Khúc thường lên voi xuống chó.)

*Ty Hợi Kiếp Không nhi phùng Quyền Lộc hoành đạt tung hoành. (Kiếp Không Ty Hợi có Quyền Lộc tài giỏi ngênh ngang nhưng cũng lại rất bôn ba, mau phát mau tàn chóng.)

*Sinh sứ Kiếp Không thủ Mệnh do như bán thiên triết sí. (Kiếp Không thủ Mệnh ở Ty Hợi Dần Thân là nơi của sao Tráng sinh lên như điều gặp gió, xuống như chúi vào bùn đen.)

*Kiếp Cơ ngộ Hòa tất ngộ Hòa tai. (Mệnh Thiên Cơ Địa Kiếp gặp Hòa tinh xung chiếu hoặc đồng cung hay gặp hòa hoạn.)

*Nhan Hôi yếu tư do hữu Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh tọa thủ. (Thầy Nhan Hôi chết yếu chỉ vì Mệnh có Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh tọa thủ. Số thầy Nhan Hôi làm sao mà biết chính xác thế. Chẳng qua chỉ mượn cái chết yếu của một người tương đối tiếng tăm để đặt cách cho các sao thôi, vì vậy cũng có câu khác: “Văn Xương hãm ư Thiên thương Nhan Hôi yếu triết”.)

*Kiếp Không Phục binh phùng Dương nhần lộ thương kiếp đồ. (Mệnh Kiếp Không Phục binh Kinh Dương làm cơn đồ kẻ cướp.)

*Địa Kiếp chi đan tâm phương lẫm. (Địa Kiếp thủ mệnh với nhiều quý tinh thì long dạ sắt son, sắt son với thị kỷ phi nhân gần nhau, long dạ sắt son đôi lúc cũng vì thị kỷ mà ra.)

*Mệnh cung ngộ Kiếp Tham lãng lý hành thuyền. (Mệnh Địa Kiếp đứng cùng Tham Lang cuộc đời nổi trôi bất định. Kiếp Tham Ngộ Tí Mão Dậu không phải Tị Hợi.)

*Mệnh lý Không vong, Kiếp thủ Thân cung, chung niên tất cơ bản. (Mệnh Địa Không Thân Địa Kiếp, cuối đời cuộc sống khó khăn. Nói khác đi gọi bằng Mệnh Không Thân Kiếp.)

*Mệnh Không Thân Kiếp lai hội song Hao ư chính diệu, thiếu học đa thành mặc ngộ Phúc Âm, Hao tinh niên thọ nan cầu vượng hưởng. (Mệnh Không thân Kiếp thêm song Hao mà Mệnh không chính tinh thì học giỏi. Nhưng Mệnh Không Thân Kiếp lại tối kỵ gặp Đồng Lương. Phá Quân hãm thì khó thọ.)

*Mệnh Thân dù có lâm Không Kiếp
Gia Triệt Tuần chẳng khiếp tai nguy.

*Kiếp Không Hình Kỵ Đà Dương
Gian nan bệnh tật mọi đường lo âu.

*Tử cung Không Kiếp trùng gia
Binh phùng huyết tán, thai bào phù hoa.
(Cung tử tức có Kiếp Không khó khăn khi sanh nở.)

*Phúc cung hãm ngộ Kiếp Không
Họ hàng lẫm kẻ hành hung ở ngoài.

*Kiếp Không tan sạch ra tro
Đề phòng kéo phải lộ đồ nam kha.

(Vận hạn gặp Kiếp Không hãm phải thận trọng không
thì bao thành quả đã tạo dựng mất mát hết.)

*Phu Thê Không Kiếp trùng xung
Trải hai ba bộ mới xong cửa nhà.

*Kiếp Không ai nấy khá ngửa
Lâm vào huynh đệ đơn sơ một mình.

(Thiếu an hem hoặc xa cách anh em.)

*Đà La Địa Kiếp chiếu phương
Gặp Hỏa Linh nạn bất tường chẳng sai.

*Tử phùng Không Kiếp hiển gian
Hoặc là tứ sát trong làng gian phi.

*Không Kiếp Ty Hợi đồng sang
Công danh hoạnh phát phải tường cơ vi.

*Mấy người thu ân triệt hồi
Bởi sao Không Kiếp đứng ngồi nào yên.

*Cung Quan mừng được Đào Hồng
Thiên di tối kị Kiếp Không lâm vào.

*Kia ai tiền phú hậu bần
Bởi chung Không Kiếp chiếu tuần vận sau.

*Đất Tí Ngọ Sửu Thân hó Lộc
Hội Kiếp Không là gốc tàn suy.

*Lộc ngộ Không Kiếp đồng qui
Cũng là vô dụng hóa vi cơ hàn.

*Tuế ngộ Không Kiếp vận suy
Cứu tinh Mệnh có Tử Vi mới lành.

*Hồng Đào Không Kiếp đồng danh
Áy phương yếu tử đã dành một hai.

(Hồng với Kiếp Không khó công danh phú quý. Đào
Hoa Không Kiếp lận đận tình duyên không phải yếu tử.)

*Quyền Hao Không Kiếp chớ màng
Kẻ trên biếm loại khỏi đàng công danh.

*Địa Kiếp với hồng sanh phu vị
Cung Mệnh hay duyên ấy trăm năm

Mệnh xấu duyên đứt tơ tằm
Sinh ly sẽ định loan phòng mười năm.

*Triệt Tuần Không Kiếp giao lâm
Mối mai dang dở ba lần mới nên.

(Triệt Tuần Không Kiếp vào cung phối.)

*Thiên Di Không Kiếp khôn sao
Hồn qui dậm liễu gặp nào người thân.

*Không Kiếp Thiên Tướng gian truân
Khoa tinh niên thiếu giữ tuần dăng khoa.

(Đây là Không Kiếp đóng cung Quan Lộc cùng với Thiên Tướng.)

Qua những câu phú, qua những luận bàn của sách vở thì Không Kiếp chỉ tốt khi đóng đúng cách và hội hợp đúng cách mệnh cung, còn đóng các cung khác Tài Quan Thê Tử Phúc và hiện lên qua vận hạn, hoặc giáp hiệp thì không mấy đẹp.

Sách Tử Vi Đẩu Số toàn thư có ghi một câu ở mục

Thiên Tướng và Thiên Không rằng: "Thiên Tướng đóng Thiên Không thì là Thiên Không, nhưng trong Tử Vi kinh lại ghi mấy câu:

"Giả như nhất vị thiên Tướng
Thiên Tướng nguyên thị bất kim phương
Nữ cư Lộc Tồn nhưc phùng thế
Diệt vương bất phá, bực anh hùng."

Nghĩa là: Nếu Thiên Tướng một cung là Thiên Không. Thiên với mệnh Không nên gặp nó. Tử Vi: Thiên Phủ hay Lộc Tồn mà gặp Thiên Không thì sẽ rơi đi vào địa kiếp.

"Thiên Mệnh nhưc phùng là Không, Thiên Mệnh là sao. Từ không giả Thiên Không, Trật Không, Địa Không, Tồn Không" nghĩa là: Thiên với Mệnh không nên hội báo Không. Bốn Không với là Thiên Không, Trật Không, Thiên Không và Địa Không, nếu gặp cùng là cùng đi ra cùng có đơn khốn cùng.

Những lời phổ truyền về tử Không là lý do không đúng và mang tính cách trái với bộ lý. Các sao trong Tử Vi không đồng cạn sức sức như thế. Qua luận bàn về Không Kiếp đã chứng minh rồi. Bây giờ ta đi vào ý nghĩa điển lý của Thiên Không.

Thiên Không là "trung không một thiết" theo kinh giải của Vương Đình Chi. "Mạc không một thiết" nghĩa là không mang chuyện đời hoặc không coi chuyện đời và đi hướng khi đảo ngược lại thật thì thiết với chuyện đời để chuyển thành một đoạn như chuyện.

NHỮNG SAO CẤP BA

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

(Những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.)

Hãy xem sao cấp ba, tức là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.)

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

(Những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.)

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

*Sao là sao cấp ba?

Đó là những sao cấp ba, tức là những sao cấp ba.

LUẬN VỀ SAO THIÊN KHÔNG:

Thiên Không bị kể vào hàng tạp diệu (sao cấp ba) nhưng tác dụng của nó vào số lại mang nhiều kỳ bí. So với Địa Không cùng một tính chất Không nhưng nhu hòa và mềm dẻo, uyển chuyển, thủ đoạn hơn.

Sách Tử Vi Đẩu Số toàn thư có ghi một câu ở mục Thái Vi phú chú giải: “Không vong định yếu đắc dụng Thiên Không tối vi khẩn yếu” nghĩa là tác dụng không vong mạnh hơn hết là Thiên Không. Nhưng trong Bí kinh lại ghi mấy câu:

“Giá tiền nhất vị thị Thiên Không
Thân Mệnh nguyên thị bất khả phùng
Nhị chủ Lộc Tồn nhược phùng thủ
Diêm Vương bất phạ, hưu anh hùng.”

Nghĩa là: Trước Thái Tuế một cung là Thiên Không. Thân với mệnh không nên gặp nó. Tử Vi Thiên Phủ hay Lộc Tồn mà gặp Thiên Không thì kể như đi vào đất chết.

“Thân Mệnh nhược phùng tứ Không. Phi tăng tất đạo. Tứ không giả: Thiên Không, Triệt Không, Địa Không, Tuần Không” nghĩa là: Thân với Mệnh không nên hội bốn Không. Bốn Không gồm có Thiên Không, Triệt Không, Tuần Không và Địa Không, nếu gặp chúng thì chẳng đi tu cũng cô đơn khốn cùng.

Những lời phê trên về tứ Không là võ đoán không đúng và mang tính cách trối voi bỏ rọ. Các sao trong Tử Vi khoa không nông cạn sức nổi như thế. Qua những luận về Không Kiếp đã chứng minh rồi. Bây giờ ta đi vào ý nghĩa biến ảo của Thiên Không.

Thiên Không là “mục không nhất thiết” theo lời giải của Vương Đình Chi. “Mục không nhất thiết” nghĩa là không màng chuyện đời hoặc không coi chuyện đời ra gì nhưng khi đảo ngược lại thật tha thiết với chuyện đời để chuyển thành thủ đoạn mưu chước.

Thiên Không có lúc đại lượng vô cùng với tấm lòng mở rộng như hang núi, lại có lúc chặt chẽ chu mật đáng sợ như hai mắt của đồng tiền. Thiên Không cũng mang căn bệnh nặng là ưa thiên về ảo tưởng. Đại lượng, mưu chước hay ảo tưởng tùy thuộc khi nó đi cặp với sao nào.

Khi Thiên Không đứng cùng với Hồng Loan thì tính chất không màng chuyện đời tăng đến mức tuyệt đỉnh, muốn tìm nơi vắng vẻ mà tu ẩn, hoặc mình sống với nội tâm mình, đóng cửa đọc sách, thích sống cô quạnh hoặc cũng tự đặt mình vào tình cảnh cô quạnh ấy.

Nhưng lúc Thiên Không đứng với Đào Hoa thì khác hẳn, có nhiều suy tính kế mưu. Trường hợp Thiên Không hội hợp cả Đào lẫn Hồng thì sao? Thì cuộc đời sau khi phấn đấu hăng say rồi chán mà qui ẩn hoặc ngay cả đang khi làm việc mà tâm tư vẫn u uất quạnh hiu. Thiên Không đứng với Hồng Đào mang cả Nho lẫn Đạo ở trong người.

Thiên Không gặp Thiên Tướng đắc địa là kẻ có quyền uy trên võ nghiệp với khả năng quân sự hơn người.

Câu phú: “Thiên Không thù ư Thân Mệnh, chủ nhân tác sự hư không, bất thành chính đạo, thành bại đa đoan, bất tụ tài” nghĩa là: Sao Thiên Không đóng tại Mệnh Thân cung, con người làm việc khó hiểu, không theo chánh đạo nên thành bại nhiều lần, tiền tài không không tụ.

Căn cứ nghĩa của câu phú trên đây thấy rõ bản chất mưu lược kế sách của Thiên Không, vậy thì chất “mục không nhất thiết” phải có hai mặt chính phản không chỉ phiên diện. Gặp Thiên Tướng thành mưu lược, đứng cùng Đào Hoa thành thù đoan.

Thiên Không không ồn ào như Không Kiếp và biết tiến thoái hơn Không Kiếp ở điểm “tác sự hư không bất thành chính đạo”. Người mệnh có Thiên Không khó hiểu hơn mệnh Không Kiếp.

Có câu phú thường thấy ở bất cứ sách Tử Vi nào là: “Kiếp Không hạn lâm Sở Vương táng quốc Lục Châu vong” và “Hạng Vũ anh hùng, hạn chí Thiên Không nhi táng quốc”.

Hai câu nói về lý do Hạng Vũ thất bại vì hạn gặp Không. Câu trên nói Kiếp Không, câu dưới nói rõ Thiên Không. Vậy thì Kiếp Không có thể là Địa Không chứ không phải Thiên Không. Tuy hai câu khác nhau nhưng khả dĩ kết luận hễ vận hạn gặp Không thì Không nào cũng gây khó khăn cả.

Vài điểm cần chú ý:

a) Thiên Cơ Cự Môn thủ Mệnh hay Thiên Đồng Thiên Lương đóng mệnh gặp Hòa tinh (Cơ Cự) gặp Thiên Mã (Đồng Lương) không nên có Thiên Không. Thiên Không ở các trường hợp trên thêm chất phù động thiếu thực tế.

b) Mệnh Xương Khúc, Hoa Cái mà gặp Thiên Không thì tính chất ảo tưởng trở thành tư tưởng triết lý.

c) Tham Lang đóng Tí gặp Thiên Không số nữ tình duyên rắc rối vì thiếu chuyên nhất. Cự Môn đóng Sửu Hợi gặp Thiên Không lận đận công danh.

Sau đây là những câu phú liên quan đến Thiên Không:

*Thiên Không liệt ư Mệnh viên chung thân phong hoa ách. (Mệnh gặp Thiên Không suốt đời vướng tai ách về trai gái. Phải chăng là Thiên Không đứng cùng Hồng Loan thì vậy?)

*Mệnh Không hạn Không vô cát tẩu công danh tắng đặng. (Mệnh Không lại đến hạn Không mà thiếu hẳn các sao tốt ắt công danh lận đận.)

*Thiên Không, Hóa Kị tối kị Quan cung, nhi phùng Âm Dương phản bối công danh văn tuế tất thành. (Thiên Không Hóa Kị gây phiền khi vào cung Quan Lộc, nhưng nếu chúng gặp Nhật Nguyệt hãm thì về già lại thành công thành danh. Không Kị ở đây đã làm đảo lộn tình trạng phản bối của Thái Âm, Thái Dương.)

*Thìn Tuất Tương ngộ Thiên Không
Cát tinh gia hội uy trong quyển ngoài.

*Việt Đà tiếng nói khoan thai
Đồng Không Hư Nhẫn lắm lời thị phi.

*Mệnh vô chính diệu tam Không

Nhật Nguyệt giao chiếu dự phần công khanh.

*Sinh lại đoán hỷ khắc xung

Hễ là Địa Kiếp Thiên Không chẳng nhiều.

(Cung bào huynh thấy Địa Kiếp Thiên Không thì ít anh em.)

*Tứ Không ngộ Mã chẳng bàn

Có chồng còn bỏ theo làng bướm hoa.

(Một trong bốn sao Không xuất hiện ở cung Phối mà gặp Thiên Mã.)

LUẬN VỀ TUẦN TRIỆT:

Tuần với Triệt đều có chung một tác động gọi bằng không vong, gọi tắt là Triệt không và Tuần không. Mà nguyên tên là Triệt lộ không vong và Tuần trung không vong. Tuần và Triệt khi chân đóng đều đứng liền hai cung.

Với Triệt không thì cung dương là chính và cung âm là phụ với người tuổi dương can. Với người tuổi âm can thì cung âm là chính và cung dương là phụ. Chính thì tác động mạnh hơn, phụ tác động yếu hơn.

Bản chất Triệt không gồm có không hư và ảo tưởng giống như Thiên Địa Không. Nhưng nó còn mang đến những chương ngại đột nhiên, điểm này mới là chủ yếu; gọi bằng Triệt lộ ví như người đang đi đường mà đường bị sụt xuống hoặc có núi lở ngăn chặn Triệt mất đường đi lối về.

Triệt gây hại nhất đối với Lộc Mã, mệnh có Lộc Mã hoặc vận có Lộc Mã mà gặp Triệt thì kể như không Lộc Mã. Triệt có thêm lưu niên Triệt nữa chứ không chỉ có Triệt đóng chết trên lá số.

Thường thấy phổ biến lý luận rằng sau ba mươi tuổi thì ảnh hưởng Triệt không còn. Chẳng có gì để chứng minh điều này là đúng. Qua kinh nghiệm thì bất cứ lúc nào Triệt cũng gây hại hoặc làm cho đỡ hại trước hay sau ba mươi gì như nhau. Có thể suy ra rằng sau ba mươi tuổi tác đã chín

chấn, có phần nào kinh lịch thì sự tai hại bớt đi chăng?

Luận cứ Triệt đáo kim cung sẽ giúp cho những sao của hai cung này tốt đẹp hơn không đúng. Cung Thân (kim) mà có Lộc Mã bị Triệt vẫn bị hồng như thường.

Triệt kỵ nhất đối với sao Thiên Tướng rồi mới đến Tử Vi Thiên Phủ Thiên Đồng Thiên Lương, nói chung thì Triệt hãm hại cát tinh nhiều hơn hung tinh. Mệnh Thiên Tướng gặp Triệt dễ bị tai nạn lớn nguy hại cho tính mạng càng ở đặc địa càng nặng. Có câu ca rằng:

Thiên Tướng miếu địa gặp ngay

Triệt không án ngữ thân nay khó toàn

Hoặc vì sủng đạn đao gươm

Tứ chi đầu mặt tật thương đó mà.

Triệt chỉ đem lại lợi ích khi nó gặp Thái Âm Thái Dương hãm, như Âm ở Dần Mão Thìn Tị, Dương ở Dậu Tuất Hợi Tí; hoặc nó gặp các hung sát tinh bất lợi cho mệnh cho vận.

Sách Tử Vi Đẩu Số tinh diệu tổng đàm viết: Mệnh Thiên Đồng Thiên Lương đứng cùng Hóa Kị mà gặp Triệt không án ngữ thành ra người tuyệt đối chủ quan.

Sách Tử Vi Đẩu Số toàn thư không nói gì đến cách Mệnh vô chính diệu gặp Triệt Tuần Thiên Địa Không tức tam hoặc tứ không, nhưng tập Thần Kế định số của Lê Quý Đôn thì có đề cập đến ảnh hưởng tốt của Triệt khi vào cung Mệnh vô chính diệu qua các câu phú:

- Mệnh vô chính diệu hoan ngộ tam không hữu song Lộc phú quý khả kỳ. (Mệnh không có chính tinh rất mừng có tam Không giàu sang khi có cả song Lộc.)

- Mệnh Triệt Thân Tuần tu cần vô hữu chính tinh văn niên vạn sự hoàn thành khả đãi. (Mệnh bị Tuần Thân gặp Triệt được Mệnh không chính tinh lúc vào luống tuổi đời mọi tốt đẹp.)

Trở lại sách Tử Vi đẩu số toàn thư ta thấy lời chú ghi bên dưới câu phú về Thiên Không như sau: “Mệnh cung kim không tác phát nhị hạn gặp nên phúc, nếu thủy không sẽ lan

trần ngập lụt, mộc không ắt là gãy đổ, thổ không thì đất sụt.”

Phải chăng Triệt đáo Kim cung và Tuần cư hỏa địa căn cứ vào câu phú trên đây? Nó đòi hỏi phải mệnh vô chính diệu mới thật toàn bích? Nếu vậy thì Mệnh vô chính diệu chỉ ở cung Kim cung Hòa mới hay?

Nói sang Tuần Không, toàn danh của nó là Tuần trung không vong. Tuần cũng phân ra chính với phụ như Triệt. Tuần sức công phá của tính chất “triệt lộ” không bằng Triệt, bởi vậy Thiên Tướng sợ Triệt gây nguy hại hơn Tuần. Triệt phá hoại đột nhiên từ hoàn cảnh.

Tuần lại trể nải tự nơi mình. Cho nên mới có cái cách Thìn Tuất Phá ngộ Tuần Khoa lại nên hay. Nhờ Tuần khiến tự mình sửa lại cho ngay ngắn bản chất xông xáo bừa bãi của Phá Quân. Sự khác biệt căn bản giữa Tuần với Triệt là thế.

Nói tóm lại Tuần công phá nhẹ hơn Triệt chứ không phải Tuần kéo dài sự phá hoại còn Triệt thì sau ba chục tuổi hà hơi đi.

Về tính không tương ảo tương, Tuần Triệt kém Thiên Không ở điểm: Thiên Không khi thành tư tưởng triết lý có thể hệ tổ chức hơn Tuần Triệt. Tuần Triệt tư tưởng triết chỉ đột nhiên thôi. Bởi vậy Thiên Không gặp Xương Khúc hay hơn Xương Khúc bị Tuần Triệt.

Sao rất kỵ với Triệt khác là Thiên Mã. Thiên Mã ngộ Triệt gọi bằng Triệt túc mã ngựa gãy chân. Mã đứng với Lộc bị Triệt làm ăn thất bại. Mã đứng một mình không cùng Lộc dễ bị té ngã thương tích. (Đã bàn đến ở đoạn luận về Lộc Mã.)

Tìm hiểu thêm về Tuần Triệt qua các câu phú:

*Tam Không độc thủ phú quý nan toàn. (Mệnh vô chính diệu chỉ có tam Không mà thiếu Khoa Quyền Lộc Lộc Tồn thì giàu sang không lâu bền.)

*Tuần Triệt ngộ Thiên hình tha hương cách lý. (Mệnh có Tuần Triệt gặp sao Thiên hình thường xa quê hương bản quán.)

*Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn tư cơ phá hoại.

(Tuần Triệt không nên gặp Lộc Tồn cơ nghiệp không giữ được.)

*Tuần Triệt án ngữ trạch điền

Tư cơ cha mẹ không truyền đến cho.

*Tam không hội văn xương ư thê cung thiêm cung triết quế. (cung thê không chính tinh có Văn Xương với tam Không thì lấy vợ con nhà danh giá.)

*Triệt Tuần ngộ mã hành Thê vị

Vợ bỏ chồng đào tị tha hương.

*Cung huynh đệ Triệt Tuần xung cung

Chim đầu đàn bay bổng xa khơi.

*Tam không chiếu hội tào cát diệu

Lại dưỡng tinh có đạo con nuôi.

(Cung tử tức không chính tinh, gặp tam không và sao dưỡng.)

*Không phùng Phá Tử phối vào

Vợ chồng trắc trở ba tao mới thành.

(Cung phu thê có Tử Phá bị Tuần Triệt.)

*Triệt Tuần xung khắc chẳng sai

Thiên hư bất chính cả hai vợ chồng.

*Phúc hữu chính tinh kỵ ngộ Triệt Tuần hoặc gia sát diệu lai ngộ Kiếp Cự thủy nịch tử. (Cung phúc sao chính sợ gặp Triệt Tuần lại thêm Kiếp Cự dễ chết đuối.)

*Tam Không xung sát hạnh Triệt khả bằng; tứ chính giao phùng kỵ Tuần trực đối. (Vận hạn bị các hung sát chiếu mà cung vận hạn có Triệt sẽ đỡ, vận hạn có nhiều sao tốt chiếu mà cung vận hạn có Tuần trở thành vô ích.)

*Thân cư Thê vị, Triệt Tuần lai xâm thiếu niên ai lệ nãi thất tình; gia lâm cát tú lương duyên mãn kiếp. (Thân đóng Thê bị Tuần Triệt tuổi trẻ thất tình, có cát tinh phò trợ thì luống tuổi được duyên lành.)

*Thân cư Quan Lộc nhược kiến Triệt Tuần Kiếp Kị nam nhân phong vận vị tể, hữu phùng cát diệu vũ lộ thừa ân khả dãi quá trung tuần dĩ hậu. (Thân đóng cung Quan Lộc bị Triệt Tuần Kiếp Kị tới trẻ danh phận bốn ba, có cát tinh hội

tự ngoài tuổi năm mươi mới được hưởng ơn mưa móc.)

*Thân tại Quan cung gia sát diệu Triệt Tuần, nữ mệnh nan bảo thân danh; gia kiến Bạch Tang thân cô trích ảnh, nghi gia vãn tuế tất thành. (Thân đóng Quan Lộc gặp sát tinh và Triệt Tuần, số gái khó bảo toàn danh tiết lại thêm Bạch Hổ Tang Môn thì cô đơn phải muộn tuổi mới lấy chồng.)

*Triệt túc Đà Mã sum vầy

Từ mã Tuần Triệt đêm ngày khám kha.

(Mã bị Tuần Triệt là ngựa chết cuộc đời khám kha.)

*Mệnh vô chính diệu tam không

Nhật Nguyệt giao chiếu dự phần công khanh.

*Cái ngộ Mộc gái nào đoan chính

Mã gặp Không thì tính phiêu bồng.

(Triệt Không và Địa Kiếp)

*Tam Không ngộ Dưỡng đình ninh

Nuôi con nghĩa tử giúp mình yên vui.

*Dưỡng, Thai Triệt Vượng thâu vào

Trong anh em có dị bào chẳng không.

*Tang Môn Hư Khốc chẳng hay

Tuần Triệt viễn phối hoa may mới thành.

(Đây là những sao đóng ở cung Phu, Thê.)

LUẬN VỀ LONG TRÌ PHƯỢNG CÁC:

Trong Tử Vi khoa, hai sao Long Trì, Phượng Các đi song song như Tả Hữu Xương Khúc, Kiếp Không Quang Quý, Thai Phu...

Giống Xương Khúc về tính chất tương đồng lại có sự khác biệt. Cả Long lẫn Phượng đều chủ về tài nghệ nhưng Long Trì nặng chất "nghệ" hơn bởi vậy khi Vũ Khúc đứng với Long Trì thường là tay thợ giỏi.

Trên mặt khác Long Trì giỏi võ và Phượng Các giỏi văn. Trường hợp Long Phượng đồng cung tại Sửu Mùi thi văn vũ kiêm tư. Văn hay vũ hay nghệ còn tùy thuộc chữ tinh

mà chúng đứng cùng.

Long Trì thuộc dương thủy còn Phượng Các thuộc dương thổ. Phượng Các chủ “tài”, Long Trì chủ “nghệ”. Phượng Các một mình đứng với Thiên tài, Xương, Khúc hợp cùng Hóa Khoa rất tốt.

Long Phượng cùng đứng theo thế hiệp giáp làm thành con người thông tuệ. Long Phượng cũng đem cho nữ mạng nhan sắc phong thái diễm lệ yêu kiều và uy nghi. Long Phượng đứng với Khôi Việt Xương Khúc khiến nam mạng thành tài trí thông minh có tiếng tăm.

Long Phượng đi cùng những sao Liêm Trinh Tham Lang Đào Hoa thì chế giảm bớt tính trắng hoa. Long Phượng vào vận hạn chủ về tin vui, cưới hỏi, tài lộc, mưu sự.

Long Phượng gặp Diêu Hi càng tăng thêm điều vui. Long Phượng gặp Hoa Cái Bạch Hổ làm thành bộ “tứ linh” có nhiều may mắn thành tựu.

Long Trì hội Thai Phụ, dễ thăng chức, gặp Mã, Sinh, Vượng đẻ con. Riêng Long Trì hội Không Kiếp hay Mộc Dục thì đề phòng sông nước gây tai nạn hoặc thành ra băng huyết cho nữ mạng. Trong khi Phượng Các mà hội Không Kiếp lại thường bị người oán trách cừu hận.

Sách Tử Vi đầu số tinh diệu tổng đàm viết: “Tại tạt ách cung mà Thất Sát đứng với Long Trì thì bị chứng âm hư tai điếc, cũng cung này Thất Sát Phá Quân gặp Phượng Các thì lo bệnh nơi con mắt.”

Những câu phú về Long Trì Phượng Các:

*Nữ mệnh Long Phượng ôn lương. (Số nữ có Long Phượng tính tình ôn lương.)

*Nữ Mệnh Long Phượng dị đắc quý nhân phối. (Mệnh Nữ có Long Phượng dễ lấy chồng sang quý.)

*Phượng hàm Thư nhi phùng Nhật Nguyệt, tam kỳ lai nhập tử; sinh nam tất uy bá quyền danh, nữ tất danh đăng xương vũ. (Cung tử tức có Phượng Các đứng với Tấu thư, Nhật Nguyệt và Tam Hóa đẻ con trai nên danh phận, con gái tám tiếng trên nghệ thuật.)

*Long Phượng giáp Quan, thân cư cầm thất. (Cung Quan giáp Long Phượng là người có chức tước.)

*Mệnh Quan nhi giáp Phượng Long thân danh sủng ái. (Cung Mệnh cung Quan giáp Long Phượng thường được đời nghe danh và mến chuộng.)

*Phượng Loan Tả Hữu Mệnh viên chung thân phú quý. (Mệnh có Tả Hữu Long Phượng lúc nào cũng sang cả.)

*Phượng Long Mão Dậu ấy ái
Trước sau vinh hiển trong ngoài nổi danh.

*Long Trì Phượng Các gồm hai
Đoài Đông Phụ Bát mấy ai một chồng.

(Cung phu có Long Phượng Phụ Bát số Nữ khó lòng một đời chồng.)

*Phượng Long Mão Dậu đôi miền
Vượng thì kim bảng chiếm tên ở đầu.

*Phượng Long nhan sắc dịu dàng
Khúc Xương Tả Hữu ấy làng tài hoa.
(Đây là nói về cung Phối ngẫu.)

*Khúc Xương Long Phượng phát văn
Vũ Tham Sát Phá lại rằng võ công.

*Tứ Linh Cái Hồ Phượng Long
Công danh quyền thế lấy lừng một phen.

*Giáp Long giáp Phượng đôi nơi
Tả Hữu Thai Tọa lâu đài thiếu niên.

LUẬN VỀ ÂN QUANG THIÊN QUÍ:

Ân Quang Thiếu Quý là hai tạp diệu. Quang thuộc Mộc, Quý thuộc thủy. Quang Quý gần với Long Phượng ở điểm thông minh, đem tin mừng và giải trừ bớt cái nguy về bệnh là điểm khác với Long Phượng.

Ân Quang theo cổ nghĩa là ân huệ đặc biệt. Ngày xưa chế độ thi cử cứ ba năm một lần thi hội, ba năm một lần thi hương. Bất chợt có một khóa đặc biệt gọi bằng “ân khoa”.

Như vậy sao Ân Quang chủ về sự đỗ đạt ân sủng thuộc quý chứ không phải phú. Ân Quang cần Xương Khúc Khôi Việt đi bên mới hay. Vận gặp Thiên Khôi Ân Quang lại thêm cả Lộc Tồn Hóa Lộc thì nhờ quý nhân đề bạt mà có tiền tài.

Thiên Quý đem đến cả quý lẫn phú. Nó hợp với Văn Xương nhất, thứ nhì mới tới Văn Khúc rồi sau là Khôi Việt, tăng gia khả năng thông tuệ. Thiên Quý vào Thê cung nhờ vợ mà được chức. Thiên Quý hợp Thái Âm và sợ Thái Dương hãm. Còn Ân Quang ngược lại hợp Thái Dương và sợ Thái Âm hãm. Trường hợp cả Âm lẫn Dương hội lại cùng Quang Quý Khôi Việt thì lại chuyển thành cách rất tốt, tay trắng nên công danh phú quý.

Luận cứ cho rằng Quang Quý cũng như Long Phụng khả dĩ giải được tính trắng hoa của Đào Hoa Thiên Riêu là sai. Trái ngược hẳn, Mệnh Nữ đã có đào hoa tinh rồi còn gặp Quang Quý thì tính hư nguy phù hoa quan hệ với nhiều người đàn ông.

Chỉ có kỹ nữ mới quen thuộc các đạt quan quý nhân (tức Ân Quang Thiên Quý đó). Quang Quý gặp Thai Phụ, Phong Cáo gọi bằng cách "tứ vinh" càng hanh thông trên hoạn lộ.

Quang Quý đứng với Tả Hữu, Thanh Long, Khôi Việt, Hoa Cái Hồng Loan tại Mệnh hoặc chiếu rất tốt cho cả nam mạng lẫn nữ mạng.

Quý Ân Thanh Việt Cái Hồng

Trai cận cừ trùng gái tác cung phi.

(Cung phi là nói về địa vị sang cả chứ không phải cứ cung phi là tốt, cung phi trong cung oán ngâm khúc chỉ là một thứ nô lệ thời phong kiến.)

Quang Quý đóng hai cung Sứ Mùi thật đẹp, nếu Mệnh hay Quan mà gặp được thì công danh thi cử dễ dàng.

Quý Ân Mùi Sứ hạn cầu

Đường mây gặp bước ân sâu cừ trùng.

Quang Quý gặp Đào Hồng ở cung Điền Trạch thường

có may thừa kế di sản, ruộng vườn.

Quý Ân ngộ Đào Hồng Điền trạch
 Cô di lưu tài bạch ruộng nương.

LUẬN VỀ THAI PHỤ PHONG CÁO:

Thai Phụ Phong Cáo tác dụng vào mệnh số giống như Tả Phụ, Hữu Bật. Có Tả Hữu còn thêm Thai Phong càng đắc lực. Nhưng chỉ Thai Phong thôi mà thiếu Tả Hữu thì Thai Phong là hư sức bề ngoài có khi còn thành dương dương tự đắc và vô dụng.

Thai Phụ cũng hay khi gặp Khôi Việt, Xương Khúc Hóa Khoa trợ lực cho chuyện thi cử, cũng hợp cả với Tử Vi, Thái Dương Thiên Lương. Thai Phụ gặp các sao thuộc phú cách thì đỡ giàu bản. Thai Phụ Phong Cáo đi với các Đào Hoa tinh tạo ảnh hưởng làm dáng làm điệu.

Sách “Phi tinh đầu số” viết:

Thai Phụ thuộc dương thổ là sao đài các
 Phong cáo thuộc âm thổ là sao hư trương.

Hai sao này tuyệt đối phải tựa vào những sao khác, đứng chơ vơ là hết tồn tại.

LUẬN VỀ THIÊN QUAN THIÊN PHÚC:

Thiên Quan Thiên Phúc cộng với Thiên Tài Thiên Thọ gọi bằng “tứ thiện diệu” (bốn sao thiện). Tứ thiện diệu mang bốn tác dụng: Phúc, Lộc, Thọ và Tài hoa. Thiên Quan là sao về quý nên cần hội với Tử Vi, Thái Dương, Thiên Lương nhất Thiên Quan đứng gần các sao tiền tài, trước có tiền sau nên danh, kiểu giàu có rồi ứng cử dân biểu nghị sĩ chẳng hạn.

Thiên Quan gặp Xương Khúc Hóa Khoa học giỏi nổi tiếng. Nói tóm lại Thiên Quan đóng vai phụ giúp cho những

quí tinh đã sẵn sàng thành công.

Thiên Phúc chủ phúc cho nên đóng cung Phúc Đức tốt nhất khiến tinh thần thư thái, tâm ý hoan lạc không quan hoài đến giàu nghèo tiền bạc nhiều ít. Giàu mà đau ốm, giàu mà không vui không hạnh phúc kể như “phú ộc bản nhân” (nhà giàu người nghèo). Khi cung Phúc Đức gặp Thiên Phúc nhiều khó khăn trên tinh thần cuộc sống được giải cứu.

Thiên Phúc rất hợp với sao Thiên Đồng. Thiên Đồng bị Hóa Kị nhờ Thiên Phúc đỡ giảm nhẹ hấn phiền não. Thiên Đồng cùng Thiên Phúc cuộc đời không tai nạn họa hại.

Thiên Phúc đứng với Tham Lang Hóa Lộc lại thành con người thiên về lối sống vật chất; đứng với Liêm Trinh Hóa Lộc thì nặng với sinh hoạt tình cảm. Thiên Phúc cùng Thiên thọ đóng vào Mệnh, vào Phúc Đức hay tật ách đều tốt đẹp. Thiên Phúc tại Mệnh tinh thần thoải mái, tại phúc đức ít tai ách, tại tật ách không bị bệnh nặng hay cố tật, chết êm dềm. Mệnh có Thiên Phúc thủ từ tâm, mộ đạo.

LUẬN VỀ THIÊN THỌ THIÊN TÀI:

Thiên thọ đắc địa nơi Thìn Tuất Sửu Mùi. Nếu bốn cung trên ứng vào Mệnh hay tật ách mới hay, làm cho tuổi thọ tăng, tật bệnh giảm, ít phiền lụy vì tai nạn bệnh hoạn.

Thiên thọ gặp Thiên Lương lại ra một cách đặc biệt, tối thiểu trong đời phải bị một bận cứu tử nhất sinh mà thoát hiểm.

Thiên thọ đóng cung phối ngẫu (phu thê) thì vợ chồng tuổi chênh lệch rõ rệt, trên cả mười tuổi nếu chồng già vợ trẻ, trên bốn năm tuổi nếu vợ già chồng trẻ.

Thiên thọ đóng cung huynh đệ, anh với em cách xa tuổi, như anh tám tuổi em hai (nói về anh em liền chứ không phải cả với út.)

Thiên thọ đóng các cung khác không đáng kể. Sao Thiên tài cũng như ba thiện diệu trên cần phụ vào chính tinh

nào đó, Thiên Phúc cần Thiên Đồng, Thiên thọ cần Thiên Lương.

Còn Thiên tài thì cần sao Thiên Cơ. Thiên Cơ gặp Thiên tài thông minh tài trí tăng gấp bội, đa học đa năng. Thiên tài khả dĩ cải thiện những khuyết điểm của Thiên Cơ.

Thiên tài cũng thuận với các sao Xương Khúc Long Phượng để tăng gia kỹ năng, Thiên Tài đi với Thiên thọ đóng Mệnh thì Thiên thọ có tác dụng tạo tính cẩn thận cẩn trọng, chần tẫn.

Thiên tài gặp những chính tinh mang tính phù đảng phiêu lưu lại trở thành thông minh mà khinh bạc kiêu phong lưu tài tử coi mọi sự là trò đùa càng thông minh càng kém phúc.

Thiên Tài cần Thiên Phúc đứng bên để bớt rộng rãi. Thiên tài đóng Thìn Tuất là lạc hãm, tác dụng tài hoa không còn nữa.

LUẬN VỀ TAM THAI BÁT TỌA:

Thai Tọa theo các lý thuyết gia Trung Quốc mang một đặc điểm phải tựa vào sao khác thì mới thành lực lượng, nếu đứng một mình vô giá trị. Giá trị của Thai Tọa là làm cho địa vị tài sản sự nghiệp thêm thanh vọng và ổn định.

Thai Tọa cần Xương Khúc, Quang Quý, Long Phượng, Thai Phụ, Phong Cáo và tựa vào Tử Vi, Thiên Phủ, Thái Dương (cho người sinh ban ngày), Thái Âm (cho người sinh ban đêm).

Thai Tọa gặp lưu niên Thái Tuế tạo ra thanh thế cho năm ấy.

*Tam Thai hội hợp cùng cát diệu

Thời một phen dưỡng dục nên người

Giáp Thai Giáp Tọa danh phận tảo vinh.

(Mệnh giáp Thai Tọa thành công sớm, câu này không lấy gì làm chính xác.)

*Thai Tọa Phong Cáo hiển âm thừa quang. (Mệnh có Thai Tọa Phong Cáo thì được hưởng phúc lộc của tổ phụ.)

Ngoài ra còn hai câu phú:

a) Mộ trung Thai Tọa văn mưu vũ lược kiêm ưu. (Thai Tọa đứng thủ mệnh ở các cung mộ thì văn võ song toàn.)

b) Bát Tọa hướng Dương, thị tụng ư cung cấm. (Bát Tọa gặp Thái Dương ở Mệnh là người phục dịch nơi cung cấm.)

Hai câu này không mang một luận cứ nào vững chắc, qua kinh nghiệm thấy không đúng.

LUẬN VỀ THIÊN ĐỨC NGUYỆT ĐỨC:

Thiên Đức Nguyệt Đức và Long Đức với Phúc Đức gọi bằng bốn sao đức của Tử Vi khoa. Thiên đức rất tốt khi đóng vào cung phụ mẫu lại gặp được Thái Dương Thiên Lương miếu địa thì con dòng cháu dõi hoặc được sự chăm lo chu đáo nâng đỡ từ tổ phụ.

Thiên Đức gặp Khôi Việt là dấu báo hiệu có những cơ hội thuận lợi. Thiên Đức không có khả năng làm giảm bệnh tật hoặc những khó khăn về mặt pháp luật, vậy thì đừng coi Thiên Đức như một sao tiêu tai giải nạn.

Thiên Nguyệt đức có tác dụng chế giảm tính trăng hoa của Đào Hoa. Nguyệt đức cũng như Thiên đức, nhưng Nguyệt đức biểu tượng nữ tính, vào cung phụ mẫu ắt có mẹ hiền đức. Cung Phu Thê có Nguyệt Đức đứng cùng Xương Khúc, nhờ bên nhạc gia mà thành danh phận.

Nguyệt đức đứng với Xương Khúc ở Mệnh thì dễ được nữ phái mến chuộng, mến chuộng đây không nhất định là tình ái, có thể làm nghề nữ trang quần áo hoặc viết văn mà phái nữ ưa thích.

Thiên Nguyệt đức ngộ Đào tinh

Trai lấy vợ đẹp gái lành chồng sang.

Khi mệnh có đủ bộ tứ đức thì giảm được nhiều tai ách.

LUẬN VỀ THIÊN KHỐC THIÊN HƯ:

Thiên Khốc Thiên Hư là hai đối tinh (đôi cặp), đứng đồng cung ở Tí Ngọ còn ở các cung khác thì theo giáp, hiệp. Khốc chủ về thương tâm nhỏ nước mắt nếu ở cung lục thân: anh em, bố mẹ, con cái, vợ chồng. Khốc chủ về tổn thất khi nó đóng ở các cung Điền, Tài. Khốc chủ về tâm trạng bi quan khi nó đóng cung Phúc Đức.

Sách tử vi bên Trung Quốc luận Khốc Hư rất đơn giản gần như không có gì. Trong khi các sách Tử Vi ở Nhật ở Việt Nam thì Khốc Hư lại gây nhiều ảnh hưởng khác biệt.

Khốc Hư cũng có miếu hãm. Khốc Hư miếu ở Tí Ngọ. Hư chủ về hư hao. Hư vào Mệnh không giữ được nghiệp nhà. Hư vào Tật Ách vì bệnh tật mà nghèo. Hư vào Phụ mẫu thất lạc hoặc khuyết cha mẹ. Nói tóm lại là Hư với Khốc theo các lý thuyết gia Trung Quốc không đem lợi lộc gì hết. Không phải vậy. Khốc Hư có những tác dụng tốt của nó nên mới phân chia miếu hãm như các sao khác.

Có câu phú: Tí Ngọ Khốc Hư tinh thủ nhất thế xưng hùng nghĩa là Mệnh ở Tí hay Ngọ có Khốc Hư anh hùng nhất thế. Khốc Hư Tí Ngọ cần gặp Hóa Quyền mới khả dĩ xuất thế xưng hùng. Khốc Hư Tí Ngọ lời nói đanh thép có uy, chí phấn đấu cao, nhưng lúc trẻ thẳng thắn bôn ba. Cho nên mới thêm câu: Khốc Hư Tí Ngọ tiền bản hậu phú.

Khốc Hư ưa đứng với các hung tinh như Phá Quân, Thất Sát. Khốc Hư gặp Thiên Hình vào võ cách hợp, thêm Thiên Mã càng hay như vậy là Khốc Hư Dân Tuất hoặc Thân Thìn.

Khốc Hư gặp Lộc Tồn Hóa Lộc làm giàu mau (khác với chữ Hư theo cái nghĩa hư hao). Khốc Hư Dân Thân được sao Đà La làm chính trị gan góc và có tài.

Khốc Hư rất kỵ gặp sao Thiên Cơ đưa con người tới căn bệnh khó chữa, ở Mệnh còn nặng hơn ở Tật Ách. Khốc Hư gặp Khoa Quyền thường nổi danh trong lãnh vực mình theo đuổi. Khốc Hư vào cung tử tức khó về đường con cái.

Khốc Hư lại gặp Dưỡng thần

Sinh nhiều nuôi ít gian truân siết nào.

Dưới đây là những câu phú về hai sao Khốc Hư:

*Nữ mệnh Thiên Khốc Thiên Hư tảo bạo.

*Khốc Khách Kiếp Phù mặc ngộ Cự Kinh chung thân đa lệ. (Mệnh có Kiếp Sát Bệnh Phù Thiên Khốc Điều Khách lại gặp Cự Môn Kinh Dương hội tụ suốt đời phiền muộn vì những tang thương.)

*Khốc Hư phùng Tang Hỏa phối cung, phu cung lưỡng mục bất minh. (Trong cung phu thê có Khốc Hư gặp Tang Môn Hỏa Tinh, vợ chồng có tật nguyên nơi mắt.)

*Khốc Hư cư Tí Ngọ vì,

Quan cung ra dấy thiếng thì gần xa.

*Khốc Kinh Hình Hồ tử cung

Tới già chưa thấy tay bông con thơ.

*Khốc Hư Tang Mã chẳng lành

Hại người hại của dễ sinh lo lường.

*Khốc Hư gặp Cơ chẳng màng

Bệnh kia hãy phải lo toan lấy mình.

*Đẹp thay Tả Hữu một phường

Khốc Hư quanh mắt thường thường tròn thâm.

(Người có Khốc Hư ở Mệnh thường thấy túi mắt rất rõ.)

*Đầu gặp Tồn khá tiền tài

Khốc Hư lạc hãm miệt mài gian truân.

*Khốc Hư Tí Ngọ đồng bài

Tiền bản hậu phú chớ sai lẽ bàn.

*Phá Quân duyên nợ ít toàn

Cô Quả Tang Hồ Khốc thường tóc tang.

*Đồng Nguyệt Tí gái hoa dung

Gặp Tang Riêu Khốc khóc chồng có phen.

(Nữ Mệnh Đồng Âm tại Tí nhan sắc, nhưng bị Tang Riêu Khốc thì duyên tình dở dang.)

*Kình Dương mà gặp Thiên Hư

Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời.

(Khốc Hư với Kình Dương ở cung tử tức.)

LUẬN VỀ THIÊN HÌNH:

Thiên Hình chủ hình khắc, từ tưng, tranh đoạt. Trên mặt hình khắc, sao này không nên đóng ở các cung thuộc về lục thân (sáu người thân) như phụ mẫu, tử tức, phối ngẫu. Đối với nữ mạng Thiên Hình tại Mệnh cũng đưa đến hình khắc. Nó không hợp với những loại sao sát kị dễ gây ra tai nạn.

Kình Dương hóa khí là hình, bởi vậy không nên đứng cùng Thiên Hình nữa, khiến cho tranh chấp từ tưng khẩu thiệt gay gắt hơn. Thiên Hình cũng không hợp với những sao hao (Đại tiểu hao) tạo nên phá bại tổn kém, phá hoại.

Trên là mặt xấu của nó, và sau đây là những tính tốt đẹp của Thiên hình. Thiên Hình bản chất dũng mãnh sát phạt có uy quyền. Hình nghĩa chữ là lưỡi kiếm. Thiên Hình thuộc hỏa, đắc địa tại các cung Dần Thân, Mão Dậu.

Mệnh đóng Dần được Thiên Hình phò trợ cho một chủ tinh đắc địa nào đó, được hình dáng như con cọp ngậm kiếm (vì Dần cung là cọp) để phát về võ công. Rồi Thân và Mão Dậu cũng tạo oai hách.

Hình đi cùng với các sao Tướng Quân, Quốc Ấn, Phục Binh gọi gộp là cách Binh Hình Tướng Ấn, cách này làm ra con người uy dũng có khả năng võ nghiệp, luật pháp, chính trị.

Hình gặp Lộc Riêu học ngành giải phẫu hợp. Hình sợ Tuần Triệt vì Hình đang ở thế đắc cách mà bị Tuần Triệt khác nào như thanh gươm bị bẻ gãy. Hình đứng với Khốc Hư đắc địa càng thuận lợi hơn.

Các sách tử vi Trung Quốc nói: Ở tình trạng Liêm Tham đứng cùng mà có Thiên Hình thì tính kỷ luật của Thiên Hình có thể chế giảm bớt tính rộng rãi của Liêm Tham.

Trong khi lý luận Việt thì Liêm Tham có Hóa Kị sẽ đỡ hẳn phần xấu. Thái Dương Thiên Lương được Thiên Hình Mão Dậu vào ngành pháp luật ra tranh thương sẽ đắc lực. Thiên Hình không bị sát kị và đứng đúng chỗ biến thành phần đầu và kỷ luật

Hãy đọc những câu phú về Thiên Hình:

*Thiên Hình Thất Sát cương táo nhi cô. (Mệnh có Thất Sát tọa thủ đắc địa gặp Thiên Hình càng nóng nảy sát phạt nên ít bạn bè, khó ở với vợ con.)

*Thiên Hình Dần Thân Mão Dậu anh hùng.

*Thiên Hình thủ, hôn lại chi nhân, Kỵ Đà lâm bát nhất, khiêm hòa. (Thiên Hình đóng hãm cung đầu óc thiếu minh mẫn thêm Kỵ Đà ưa gây gổ.)

*Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ấn. (Triệu Tử Long một dũng tướng đời Hán, Mệnh có hình Quyền Tướng Ấn.)

*Hình Sát hội Long thần định giáng. (Mệnh Thất Sát Thiên Hình đắc địa, về người oai nghiêm.)

*Hình Hồ cư Dần, Hồ đới kiếm hùng tượng, phùng Đế cách Giáp Kỷ nhân vũ uy chấn động. (Hình hồ đóng Dần như cộp ngậm kiếm lại đứng với Tử phù thì người tuổi Giáp Kỷ thành công rạng rỡ võ nghiệp.)

*Hình Hỏa Kị phần Thiên Mã. (Hình Hỏa Kị gặp Thiên Mã thì đốt cháy Thiên Mã, hạn gặp phải xấu.)

*Hình Riêu phận gái long đông
Nếu chẳng hại chồng thì cũng phản phu.

*Ngô Hình gặp Quý dám đâu
Cũng là Tử Phủ một mầu chính chuyên.
(Số nữ có Quý Hình Tử Phủ đoan chính vợ chồng.)

*Hình Đào Sát đáng chê cung Phôi
Hoặc Tài Điền Tử Tức long đông.

*Thiên Hình Dương Nhãn Ngọ vì

Lại thêm Thất Sát có khi ngục tù.

*Phù Hình Không Kiếp khá chê

Kẻ thù người oán phải dè mình thay.

*Hình lâm Quan Lộc cư Đông

Quan binh chức trọng ơn cùng quân vượng.

(Thiên Hình ở Quan Lộc tại Mão.)

*Hình Riêu Tấu Vũ một đoàn

Làm nghề thợ mộc khôn ngoan ai tầy.

(Câu phú này không biết xuất xứ.)

*Hình Riêu số gái long đong

Nếu không kẻ thất lộn chồng mà thôi.

*Phu cung Riêu Sát Hình Dương

Hội giao Linh Hòa gái toan giết chồng.

(Phu cung có Riêu Sát, Hình, Dương (nhấn) hãm địa, sát phu, phản phu.)

*Cung Giải mà gặp Khôi Hình

Số người mắc phải pháp đình đau thương.

*Phục binh Thái Tuế Thiên Hình

Cùng người tranh cạnh tâm tình chẳng vui.

(Những sao trên đóng vào Thiên Di.)

*Hình Riêu Cơ Tấu Vũ cùng

Khéo nghề thuyền thợ vững đường sinh nhai.

LUẬN VỀ THIÊN RIÊU:

Thiên Riêu thuộc thủy là một trong những đào hoa tinh diệu của Tử Vi. Riêu lãng mạn dĩ thỏa hơn, nhưng khi ở đắc địa cũng hào hoa tài hoa hơn. Thiên Riêu dễ bắt với tình và thường tùy tiện, người Trung Quốc có mấy chữ để tả tính chất Thiên Riêu: “Chiêu thủ thành thân” nghĩa là “ngoác tay gọi vào để bắt tình” rất đột ngột và thật ngẫu nhiên. Bởi vậy khi Thiên Riêu đóng vào cung phối ngẫu hay đưa tới tình trạng không hẹn mà kết hợp.

Nếu Riêu gặp Xương Khúc lại càng ướm át đậm tình.

Riêu đứng với Đào Hồng thì lảng lơ bất chính. Như có câu phú:

Đào Riêu số gái ai hay
Chồng ra khỏi cửa dặt tay trai vào.

Ở hãm địa Riêu càng mê đắm tình dục, từu sắc. Riêu đắc địa ở Dần Mão Dậu Tuất Hợi. Riêu đắc địa gặp Long Phụng có hy vọng hưng vượng lợi danh.

Riêu đắc địa đứng cùng Tràng Sinh Đế vượng tài hoa, tao nhân mặc khách. Riêu gặp Lưu Hà thông minh hoạt bát làm việc lẹ làng trôi chảy.

Riêu đứng với Tả Hữu lại chuyển ra sao mối lái, vào mệnh Tài Quan thì làm ăn với người khác phải phần phát tiền tài, tạo dựng sự nghiệp. Nhưng Riêu gặp Hóa Kị Văn Khúc mà ở mệnh nam thì lại dễ khổ tình, mất tiền cho gái.

Thiên Riêu đứng với Phá Quân hãm lại có cả Thiên Mã dễ thành du đảng, hoặc tâm tính bội bạc khó chơi. Thiên Riêu đứng với Thiên Đồng ở Phu Thê cung là có cuộc tình tay ba, ngoại tình.

Trong chương Đầu Số phát vi luận của Tử Vi Đầu Số Toàn Thư viết: "Huyền uẩn (một tên gọi khác của Thiên Riêu) tam cung (cung đứng thứ ba là cung Thê) tắc tà dâm nhi đam từu" nghĩa là: sao Thiên Riêu đóng cung thứ ba thì tà dâm và mê luyến. Câu này không mấy nhắc tới Thiên Đồng.

Tuy nhiên theo kinh nghiệm thì phải có Thiên Đồng mới tà dâm ngoại tình như câu: Đồng Riêu đoán ắt ngoại tình chẳng sai. Chỉ Thiên Riêu không thôi thì bất chính cả hai.

Riêu đi cùng sao Âm Sát (sao này sẽ nói riêng vì khoa Tử Vi Việt không nhắc tới bao giờ) là con người nhiều âm mưu thủ đoạn. Riêu gặp Bạch Hổ dễ bị thú vật cắn.

Nhưng câu phú về Thiên Riêu có:

*Riêu tại Hợi vi minh mẫn. (Thiên Riêu đóng Hợi thủ mệnh con người minh mẫn.)

*Riêu Đà Kỵ đi liền ba cung mà có cung Mệnh Thân ở một trong ba cung ấy thì luôn luôn gặp họa.)

- *Hạn phùng Riêu Hi Đào Hồng
Gái trai tơ tưởng những lòng dâm phong.
- *Hạn phùng Riêu Hồ khá ngừa
Những loài ác thú tránh xa chớ gần.
- *Riêu Xương Mộc Kinh Sát ư lão hạn, loạn dân Võ
Hậu. (Về già hạn gặp Riêu Xương, Mộc Dục, Kinh Dương và
những sát tinh khác thì long vẫn còn nghĩ những chuyện dâm
đăng như bà Võ Hậu.)
- *Thiên Riêu cư tài bạch họa đồ sinh ương. (Thiên
Riêu đóng vào cung Tài ham cờ bạc mất nghiệp.)
- *Thiên Riêu, Thiên Hi đa chiêu quái dị chi tai. (Thiên
Riêu đứng với Thiên Hi hay có những rủi ro lạ lùng.)
- *Vũ Riêu, Toái, ngọng lẽ thường
Lại thêm Việt Kị ất phùng diệc cam.
(Mệnh có Vũ Khúc, Thiên Riêu, Phá Toái bị ngọng,
nói lấp.)
- *Thiên Riêu tài mệnh sinh ương
Không mê cờ bạc cũng phương rượu chè.
- *Tham Lang những thích ăn sang
Riêu Kị tửu sắc lắm đàng ngả nghiêng.
- *Phá Quân Riêu Mã hợp vào
Ất phùng du đảng ai nào dám thân.
- *Mấy người hiểu sắc hoang tình
Vị Xương Khúc đóng bên mình Riêu Y.
- *Đào Hồng Riêu Hi trong ngoài
Lại thêm Binh Tướng gái trai hoang đàng.
- *Số Riêu Hi tai bay vạ gió
Mệnh Kiếp Không lắm độ gian tân.
- *Xương Riêu đáng sợ thay là
Ấu nhi mà đã bôn ba dâm loạn.
- *Tham Liêm hãm mệnh gian tà
Hồng Đào Riêu Hi ất là dâm bôn.
- *Đào Riêu hội bên mình khá rõ
Không quý tinh Tử Phủ ngoại dâm.
- *Dương Đà diệc lác thế âu

Thiên Riêu mộng hiện lại sâu mộng tỉnh.

(Thiên Riêu vào cung Tật Ách.)

*Thiên Riêu Hóa Kị ra ngoài

Đa chiêu nhục mạ chẳng ai yêu mình.

*Hồng Riêu Cơ Tẩu Vũ Đào

Làm nghề ca xướng tiến vào nhà Quan.

(Nói những sao trên đóng cung Quan Lộc, phần nhiều là nữ mạng.)

LUẬN VỀ KIẾP SÁT:

Kiếp Sát là một tạp diệu. Theo lý luận của các nhà Tử Vi Trung Quốc thì Kiếp Sát gây ảnh hưởng mạnh nếu nó đi với sao Âm Sát.

Kiếp Sát gặp Thiên Lương Thiên Thọ trở nên vô hiệu. Kiếp Sát ảnh hưởng vào tật ách mạnh hơn cả, có Kiếp Sát ở cung này dễ bị các bệnh hiểm nghèo khó chữa.

Kiếp Sát gặp song Hao ở vận hạn khiến tiền bạc hao tán nặng. Kiếp Sát gặp Thiên Hình làm cho tranh tụng dữ dội. Kiếp Sát gặp Văn Khúc Hóa Kị hay bị lừa gạt.

Những sao Hoa Cái Giải thần, Thiên Thọ, Thiên Lương có sức hóa giải sao Kiếp Sát hơn Tả Hữu Hóa Khoa. Kiếp Sát bị Tuần Triệt hoặc các sao Không trở thành vô hiệu, sức phá hoại của nó bị hủy diệt.

Kiếp Sát thuộc Hỏa đóng ở Mệnh cung nóng tính hay làm ẩu. Kiếp Sát đi với các sao Đào Hoa vào vận hạn tăng thêm những khó khăn cho tình duyên.

LUẬN VỀ CÔ THẦN, QUẢ TÚ:

Cô Thần với Quả Tú là hai sao đi cặp (đối tinh). Hai sao trên không bao giờ xuất hiện ở Mão Dậu và Tí Ngọ, doanh trại cố định của Đào Hoa. Nhưng theo thể tam hợp nó

vẫn gây ảnh hưởng cho các sao ở Tí Ngọ Mão Dậu. Cô Thần Quả Tú đều chủ về hình khắc cô đơn, phân ly. Nó tác động mạnh đối với các cung Phụ mẫu, Phu thê, Tử tức. Nhưng khi Cô Thần vào cung Phúc đức thì cá tính mạnh mẽ thích tự lập không dựa dẫm, tùy thuộc.

Cô Thần vào Điền Trạch được kể là tốt đẹp, dễ gây dựng cửa nhà. Nhưng Quả Tú có ảnh hưởng vào cung phối ngẫu hơn Cô Thần vì có những cung vị chỉ chịu ảnh hưởng xung chiếu của một trong hai sao này. Phu thê mà có những sao mang tính phù động như Thiên Cơ, Cự Môn gặp Quả Tú vợ chồng khó ở, khó gần nhau.

Quả Tú vào Phụ mẫu, mà Mệnh thân lại thấy Thái Âm Hóa Kị ắt xảy đến tình trạng “tùy nương cái giá” nghĩa là có bổ dưỡng. Quả Tú đứng với Vũ Khúc ở cung phối ngẫu vợ chồng càng dễ hình khắc phân ly vì lý do chẳng ai chịu nhường ai, ai cũng muốn lấn quyền.

Hồng Loan đứng với Cô Quả chuyện hình khắc phân ly nặng hơn có thể sát hại.

Hồng Loan Cô Quả chẳng hay

Quả phu có kẻ tháng ngày cô đơn.

Hóa Lộc, Lộc Tồn có thể làm giảm ảnh hưởng của Quả Tú được.

LUẬN VỀ PHÁ TOÁI:

Phá Toái là sao phá ngang làm trở ngại công việc. Nhưng sao Phá Toái chỉ gây ảnh hưởng dữ khi nó gặp những sao nào mà nó toa rập được Phá gây trở ngại nhất khi nó đi cùng Cự Môn Hóa Kị làm thành những đột biến bất ngờ từ nguồn gốc ngầm ngầm, cùng một ảnh hưởng khi nó đứng với Đồng Kỵ.

Phá Toái gặp Thiên Đồng Hóa Kị ở cung Phúc đức thường bị thất tình sâu khổ. Phá Toái có Linh Tinh trợ lực càng phá hoại mạnh. Phá Toái đi vào Tài Bạch, Quan Lộc

hay gặp rắc rối nhỏ nhất làm phiền nhiễu. Phá Toái làm giảm bớt cái tốt của Khoa Quyền.

Phá Toái đứng với Kinh Đà Hóa Kị, Thiên Riêu có tật nói ngọng, nói lắp. Phá Toái gặp Hỏa Linh dễ mắc bệnh hiểm nghèo. Phá Toái gặp sao Lưu Hà trở nên tốt khi vào võ nghiệp (điều này qua kinh nghiệm không thấy đúng).

LUẬN VỀ LƯU HÀ, THIÊN TRÙ:

Lưu Hà sách Tử Vi Trung Quốc không nhắc đến. Nó đi cùng với Thiên Trù và được an theo hang can của năm sinh tỉ dụ Giáp niên kê sà tàng (tuổi Giáp Lưu Hà ở Dậu, Thiên Trù ở Ty).

Lưu Hà tính chất thâm trầm gian hiểm sát phạt. Lưu Hà cũng như phần lớn các tạp diệu khác gây độc hại khi gặp những sao đã sửa soạn đất phá hoại cho nó.

Lưu Hà đóng Mệnh Nữ cẩn thận khi sanh đẻ. Lưu Hà đứng với Cự Môn Hóa Kị dễ bị nạn sông nước. Lưu Hà chi gặp sao Thanh Long như rồng gặp nước (nói theo hình tượng) tạo sự hanh thông cho công việc.

Về sao Thiên Trù, phái Trung Châu bên Tàu dùng để luận đoán khả năng âm thực. Với chính tinh thì Phá Quân có liên quan đến ăn uống, bằng tạp tinh là Thiên Trù. Trù đây mang nghĩa nhà bếp.

Phá Quân đóng Phúc đức mà gặp Hỏa tinh Trung Châu phái bảo nên kinh doanh hàng ăn tốt, xin nhắc là chỉ vào phúc đức thôi.

Thiên Trù đóng Mệnh gặp Hỏa tinh hoặc ở tài bạch hoặc quan lộc là người có nghề nấu bếp, thích nấu bếp và nấu bếp giỏi, hãy theo ngành hàng ăn để rồi sau kinh doanh.

Thiên Trù ở Mệnh, ở phúc đức mà không Hỏa tinh thì chỉ là con người sành ăn hoặc mở quán ăn nhưng không phải là tay sành nghề bếp núc. Nếu Thiên Trù Hỏa tinh lại thêm cả Long Phượng nữa thì nghệ thuật nấu tuyệt vời.

Các nhà tử vi gia Việt luận về sao Thiên Trù cho là sao thích ăn thịt, lời giải này nông cạn và khô hời, vậy có sao nào thích ăn rau với muối mè không?

LUẬN VỀ QUỐC AN:

Quốc An thuộc thổ chủ về thi cử, công danh, quyền tước và chức vị. Sao này chỉ đi với Thiên Tướng Thiên Hình và Phục Binh làm thành bộ Binh Hình Tướng An, bộ này tạo ra uy quyền được người vì nể.

Nhưng Quốc An mà gặp Triệt kể như ấn tín bị vỡ mẻ công danh không thuận đạt Thiên Tướng hoặc tướng quân gặp Quốc An đều hay cả. Như có câu phú:

Nhật Lộc Mã tại Ty cung

Tràng sinh, Phụ Bát hợp cùng phú vinh

Bằng gặp Tướng An Binh Hình

Hễ thời loạn thế là thành công to.

LUẬN VỀ GIẢI THẦN, THIÊN KHỐ:

Có những sách nói Giải Thần phân ra Thiên giải và Địa giải. Có những sách nói Giải Thần phân ra Niên giải và Nguyệt giải. Lại có những sách không phân chia, chỉ đưa ra một sao Giải thần. Dĩ nhiên là cách an khác nhau. Không có trọng tài để biết hư thực.

Tác dụng của Giải Thần là: “Tiêu tai giải nạn”. Giải Thần mà đứng với Thiên Thọ ở cung Tật Ách tốt nhất, suốt đời không bị bệnh nặng.

Giải thần một mặt tiêu hủy tai nạn, mặt khác nó cũng tiêu hủy luôn cả điều tốt. Bởi vậy cung phối ngẫu má có giải thần thì là triệu chứng ly hôn đấy. Giải thần gặp Thiên Riêu ở đây tình hình còn phức tạp gấp bội. Đó là một luận đoán không mấy ai lưu tâm.

Sao Thiên Thiên Khố chủ về tiền bạc. Đứng cung Tài Bạch và cung Mệnh là người quản thủ tiền bạc giỏi. Sinh năm Giáp Kỷ mà có sao Thiên Khố dễ gây dựng của cải (điều này không mấy chính xác). Chỉ thấy có câu phú nông ghi rằng:

Hỏi ai Giáp Kỷ mấy người

Gặp sao Thiên Khố tiền rời bạc muôn.

NHỮNG SAO CẤP BA

Phần 2

LUẬN VỀ HỒNG LOAN THIÊN HÌ:

Hồng Loan, Thiên Hì cặp sao này tuy là tạp diệu nhưng lại rất trọng yếu trên lá số. Nhất là Mệnh Hồng Loan cung xung chiếu Thiên Di Thiên Hì.

Trên nguyên tác Hồng Loan chủ về hôn nhân và Thiên Hì chủ về sinh dục nhưng hai sao quan hệ mật thiết nên Thiên Hì cũng ảnh hưởng đến hôn nhân và Hồng Loan cũng ảnh hưởng đến sinh dục.

Hồng Loan hợp với Xương Khúc, Xương Khúc làm tăng ảnh hưởng về hi sự cho Hồng Loan. Hồng Loan lấy niên chi làm căn cứ, cái chất của niên chi chủ về hình hài, Hồng Loan Thiên Hì biểu tượng cho thân thể đã đi vào giai đoạn thành thực.

Hồng Loan khởi từ Mão tính đi. Tại sao khởi từ Mão? Vì Mão là lúc xuân tiết ấm áp nhất cho hoa cỏ nở bung, lúc này mặt trăng cũng đã trong sáng lên khác hẳn tình cảnh lạnh lẽo âm u của đông tiết. Bởi vậy Mão mới là tháng của hoa nguyệt.

Trong khi Thiên Riêu lại tính theo tháng những chu kỳ của nguyệt kinh lại khởi từ Sửu là thời điểm âm dương giao hoán. Bởi vậy Hồng Loan là chân thiện mỹ.

Mà Thiên Riêu là nhu cầu nhục thể. Hồng Loan khi vào yêu đương với tấm lòng chân thiện mỹ đó. Thiên Riêu khi vào yêu đương thường với tâm tình dâm dăng.

Do những lý lẽ trên khi Hồng Loan bị Không Kiếp cổ nhân mới gọi là cách lãng lý hành châu ví như con thuyền nhỏ đi trong sóng lớn, ví như người con gái với cái lòng yêu thiện chân của mình mà bị đối đáp bởi bọn sở khanh lưu manh, bị lường gạt. Gặp Tham Lang cũng thế.

Hồng Loan yêu thương qua nhu yếu tình dục nhất thời. Con gái Hồng Loan khó quên tình sâu. Con gái Thiên Riêu xem tình ái là trò rỗng.

Thiên Hì đi cặp với Hồng Loan, Thiên Hì chủ sinh

dục nên người Nữ Hồng Hi sau khi sanh con rồi nét quyền rũ nam phái vẫn còn đậm đà.

Hồng Đào Thiên Hi Đào Hoa là những hoa thảo sở dĩ không hợp khi vận về già. Về già thấy Hồng Đào Hi là thấy tang sự chết chóc, trong khi lúc trẻ là đám cưới, là những cuộc tình. Hoa Thảo về già hoa tàn, cỏ nát nên vậy.

Hồng Loan Thiên Hi là tin vui, nếu gặp Hóa Lộc Lộc Tồn thì tiền tài hưng vượng, gặp Hóa Khoa thì học hành thi cử dễ dàng.

Hồng Hi gặp những sát kị tinh cùng Hóa Lộc Lộc Tồn thì vì tình ái mà hao tổn tiền bạc, nặng ắt khuynh gia bại sản, cổ nhân gọi bằng "đào hoa phá tài".

Hồng Loan ở nam mạng thì sao? Vẫn căn cứ vào những ý tượng trên để luận đoán. Tỉ dụ Hồng Loan Không Kiếp mà vào nam mạng thì truân chuyên với danh phận, tiền tài. Cho nên mới có âu phú: Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không mạc đàm phú quý (Mệnh có Hồng Loan Không Kiếp thì đừng nói chuyện giàu sang).

Hồng Loan ngộ Kiếp Không đồng thù

Xá bần chi bản lũ yếu vong.

Hồng Loan gặp các văn tinh Xương Khúc thì học hành giỏi, nhất là lại thêm Thiên Khôi, vì Khôi sáng giá trên thực tế hơn Xương Khúc.

Hồng Khôi Xương Khúc phù trì

Sân rồng dâng trước, trong thì thanh cao.

Hồng Loan thủ Mệnh Nữ mà có một vài sát tinh đi kèm thường hai đời chồng, nhất là Hồng Loan đứng bên Cô Thần Quả Tú.

Hồng Loan vào số nữ là người đàn bà khéo, nhưng nếu gặp sao Tướng Quân, Phục binh thì cuộc đời lại lắm phiền nhiễu về tình duyên.

Hồng Loan may vá cửi canh

Hiềm phùng Bình Tướng ắt sinh tai nạn.

Hồng Loan đóng cung Phu Thê phải có một bận khác chồng, căn cứ vào câu phú: "Hồng Loan cư phu thê ti"

khắc", nhưng lại có những sách khác bàn rằng Hồng Loan đóng Phu Thê chi ở những cung Thìn Tuất Sửu Mùi mới khắc thôi.

Phu cung đóng ở miền tử mộ
 Gia Hồng Loan ấy số khóc chồng.

Bằng vào kinh nghiệm thì chuyện khắc vợ khắc chồng của Hồng Loan nặng với Mệnh nữ hơn Mệnh nam. Hồng Loan hội Hóa Kị thì đàn bà bỏ chồng đi lấy chồng khác.

Hồng Loan ngộ Kị Phu cung
 Tư hồng đã đứt má hồng còn vương.

Hồng Loan đóng cung Tí tại Mệnh sớm đạt công danh (cho nam mạng) theo cổ nhân viết: "Hồng Loan cư Tí, thiếu niên định chiếm khôi nguyên". Hồng Loan đứng với Địa Kiếp ở Phu cung, mệnh tốt thì trăm năm đầu bạc, mệnh xấu thì không quá bảy tám năm (Hồng Loan phùng Địa Kiếp ư Phu Quân, mệnh hảo chi bách, bất hảo chi thập).

Hồng Loan Thiên Hỉ mà gặp Đào Hoa gọi chung bằng bộ tam minh, thường ăn nói có duyên dễ gần người khác phái và khi ra đời phần đầu cũng hay gặp những may mắn. Hồng Loan Đào Hoa tuy không là đôi tình nhưng dễ gặp để làm thành một cặp mà ta vẫn gọi: Đào - Hồng.

Trong đoạn "Đẩu Số Phát Vi luận" có câu phú: "Dâm bôn đại hạnh, Hồng Loan tu phùng Tham Tú", nghĩa là Hồng Loan hội Tham Lang đàn bà rất dâm. Tham Lang gặp Đào Hoa thì dâm loạn. Phái chăng Hồng Loan gặp Tham Lang cũng dâm như thế? Chi khác Tham Đào lộ liễu mà Tham Hồng kín đáo (dâm ngầm).

LUẬN VỀ SAO ĐÀO HOA:

Các sách Tử Vi bên Trung Quốc không có nói đến một sao Đào Hoa đứng tách riêng như khi khoa này truyền qua Việt Nam. Trung Quốc gọi Tham Lang là sao mang tính

chất Đào Hoa bởi vậy khi Tham Lang đứng với Tử Vi họ cho như thế là Đào Hoa phạm chủ.

Vậy xuất xứ của sao Đào Hoa ở đâu? Khoa Tử Bình ghi rõ tên Đào Hoa tính theo niên chi là Dần Ngọ Tuất mà gặp nguyệt chi, nhật chi hay thời chi có Mão; niên chi Hợi Mão Mùi gặp các chi kia là tí; niên chi Thân Tí Thìn gặp các chi kia là Dậu, niên chi Tị Dậu Sửu gặp các chi kia là Ngọ. Theo Tử Bình thì một lá số có thể nhiều sao Đào Hoa. Tí dụ niên chi Ngọ gặp tháng Mão, ngày Mão chẳng hạn.

Đào Hoa mà khoa Tử Vi Việt vẫn dùng cũng căn cứ vào niên Chi rồi theo các cung Tí Ngọ Mão Dậu mà an, nếu niên chi Dần thì an Đào Hoa tại Mão niên chi Tị thì an Đào Hoa ở Ngọ...

Theo sách vở Trung Quốc mang cái tên "hàm trì" (tên khác của Đào Hoa) nó được tính theo vòng Tướng Tinh cũng mười hai sao như vòng Thái Tuế vòng Trường sinh và Lộc Tồn.

Theo vòng Tướng tinh thì "Hàm Trì" bao giờ cũng vào bốn cung Tí Ngọ Mão Dậu chắc cổ nhân ta đã không dùng vòng "Tướng Tinh" mà chỉ chọn ra sao Đào Hoa cùng với sao Hoa Cái.

Vòng Tướng Tinh gồm có: Tướng tinh, Phan an, Tuế dịch, Tức thần, Hoa cái, Kiếp sát, Tai sát, Thiên sát, Chi bối, Hàm trì, Nguyệt sát, Vong thần.

Chọn ra thấy dần lược hơn, những sao kia hơi thừa. Những sao này sẽ luận sau. Trở lại sao Đào Hoa. Sách Tử Vi đầu Số Tinh diệu tổng đàm viết: "Hàm trì là sao thuộc vòng Tướng tinh, tính theo hàng chi của năm, sao này cũng có lưu niên nữa, trường hợp "hàm trì" trên lá số lại gặp lưu niên hàm trì thì ảnh hưởng tăng cường.

Hàm Trì là sao của sắc tình. Nó không nên đi cùng sao Mộc Dục gây ra sự việc vì sắc tình mà hao tổn phiên lụy. Hàm Trì đi với Tham Lang thành ra cách "Phiếm thủy đào hoa" con người ăn chơi bả lá. Trong khi khoa Tử Vi Việt thì Tham Lang đóng cung Tí không gặp Đào Hoa cũng kể như

“phiếm thủy đào hoa”.

Nguyên cục hay lưu niên sao Hàm Trì không nên gặp Vũ Khúc Hóa Kị hoặc Văn Xương Hóa Kị đưa đến tình trạng người phối ngẫu bất trung.

Các sách Tử Vi Việt giảng rằng: Đào Hoa thuộc Mộc chủ về sự hoan lạc đa tình mà không nên hiện lên khi vận về già chuyển ra buồn thương. Đào Hoa lúc trẻ là đổ đạt, đám cưới, lúc già là bệnh tật chia ly và đám tang.

Đào Hoa cần Hồng Loan. Đào Hồng vào cung Quan Lộc hanh thông trên hoàn lộ hoặc trên cuộc phấn đấu gây dựng cơ nghiệp.

Đào Hồng gặp Nhật Nguyệt đa tình phong lưu. Đào Hồng gặp Không Kiếp Đà Kinh khó khăn trên duyên tình không muôn vợ muôn chồng thì cũng hai đời chồng vợ.

Đào Hồng đứng với Địa Kiếp dễ bị đám thuyền và dễ vào vòng tình lụy. Đào Hồng gặp văn tinh thì ra văn nhân tài tử. Đào Hồng đóng cung Thiên Di xuất ngoại lập nghiệp.

Hạn có Đào Hồng Hi Riêu thì vương văn tình. Đào Hoa đứng với Thiên Riêu Đà La Hóa Kị vào số nữ là người đàn bà dâm loạn khó toàn danh tiết.

Những câu phú về Đào Hồng:

*Đào Hồng ngộ Thiên Cơ, Đoãn vi sảo họa. (Thiên Cơ gặp Đào Hồng, có hoa tay nhiều năng khiếu nghệ thuật.)

*Lãng lý Đào Hoa gia Địa Kiếp tam canh tư tượng giai nhân. (Đào Hoa Địa Kiếp như hoa đào trôi trên sóng, luôn luôn tơ tưởng tình ái, số trai ăn chơi, số gái lãng lơi.)

*Đào Hoa ngộ Phi liêm, Nguyễn Tịch tấn triều vi túy khách. (Sao Đào Hoa đứng với Phi Liêm Nguyễn Tịch lúc nào cũng say khướt.)

*Đào hoa thù Mệnh quả thế. (Đào Hoa thù Mệnh thường xa vợ hoặc hai đời vợ.)

*Thân hữu Đào Hồng kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất. (Cung Thân có Đào Hồng Thai Tọa sớm muôn rồi cũng công thành danh toại.)

*Đào hoa phùng Thiên Mã tưng khách vô môi? (Đào

Hoa gặp sao Thiên Mã không mối lái cũng theo người?)

- *Đào Tang ở Mệnh cung sau trước
Gái lẳng lơ nhờ bước cầu ô.
- *Đào Riêu số gái ai hay
Chồng ra khỏi cửa dắt tay trai vào.
- *Thiên Nguyệt Đức gặp Đào tinh
Trai lấy gái đẹp, vợ lành chồng sang.
- *Khéo nghề kim chỉ vá may
Hong Đào Tẩu Vũ ở đây Mệnh cung.
- *Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan
Vận phùng thái Tuế khả hoàn thấy chi.
- *Đào Hồng Thai Hi trong ngoài
Ngoài gia Binh Tướng gái trai ngang tàng.
- *Đào Hồng cùng Thiên Hình tụ hội
Gái tiết trinh hiền nội tề gia.
- *Quan cung hi ngộ Đào Hồng
Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào.
- *Thai tinh lại gặp Đào Hoa
Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng.
- *Vợ chồng viễn phối tha hương
Đào Hồng len lỏi vào hàng Thiên Di.
- *Kia nữ mệnh xem tường sau trước
Tứ Phá Tham hội ước đa dâm
- Thêm Đào Hoa ắt gian truân
Duyên may khó sớm dự phần phượng loan.
- *Thao Đào số nữ thường dâm loạn
Ở hãm cung hãy đoán cho tường.
- *Tí Ngọ Mão Dậu ấy phường
Nếu có Tuần Triệt lại phường đoan trinh.
- *Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan
Hạn phùng Tuế Kiếp phụng hoàng rẽ duyên.
- *Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ
Mệnh Đào Hoa trước dở sau hay.
- *Đào Hoa Thai Hi trong cung
Phá Quân Tướng Phục chiếm xung ở ngoài

Có chị em gái theo trai
Say mê đến nỗi hoang thai bỏ mình.

(Đây là nói về cung bào huỳnh.)

*Trong thời Tương Phá Phục binh
Ngoài thì Hoa Cái liên minh Đào Hồng
Bản cung đối chiếu tinh tường
Anh em có kẻ tư thông hẳn là.

(Đây là cung Đào.)

*Phu Đào Kị Kiếp Khốc Hư
Hại chồng mưu kế dễ hầu biết sao.

*Đào Hoa nhi nữ dâm tàng
Tứ Phủ nhi nữ lại lảng đồng lương.

(Đào Hoa vào cung tứ tức có gặp Không Kiếp Riêu
Hình hoặc các hung sát tinh thì con cái mới dâm tàng, nếu
không thì Đào Hoa thành đông con và con cái đẹp xinh.)

*Nô cung Hoa Cái Đào Hồng
Cùng với Phụ Bát chiếu vào cho nên
Chính thể thứ thiếp tiền duyên
Khác nào giây cát sánh bên cỗi cù.

*Đào Hoa Nô lại tương phùng
Vong phu mặc tiếng bất trung ưu phiền.

*Cung Quan mà gặp Đào Hồng
Thiếu niên đã thỏa tang bồng chí trai.

*Đào Hồng lại gặp Quý Ân
Cô Di để lại có phần phong lưu.

(Cung Điền Trạch có Hồng Đào, Ân Quang, Thiên
Quý được hưởng tiền bạc của người thân để cho.)

*Đào Hồng Tang ngộ sao Thai
Tôn thân có kẻ tính bài loạn phong.
(Nói về cung Phúc đức thấy những sao trên.)

*Đào Thai hội hợp chớ vương
Phúc cung có gái tìm đường gió trắng.

*Đào Hồng Hoa Cái nhập môn
Ắt rằng có gái đẹp khôn khác thường.
(Những sao này xuất hiện tại cung Phúc Đức.)

Khi luận về Đào Hoa Riêu Hi Mộc dục đừng nên có thái độ võ đoán hể cứ thấy chúng là chê, là sua tay lắc đầu. Quân tử có hai loại chân quân tử và ngụy quân tử thì tiểu nhân cũng có hai loại chân tiểu nhân và giả tiểu nhân. Bởi vậy Đào Hoa Thiên Riêu hay Hoa Cái Mộc Dục còn phải tham bản tìm hiểu coi xem là chân hay giả đã.

Tham bản tìm hiểu cùng với các sao khác, tham bản với cung Phu, cung Tử và cung Phúc đức. Tì dụ câu phú: Cự Cơ Mão Dậu chung vi phá đảng. Số nữ thủ mệnh Cự Cơ cung Mão Dậu sớm muộn cũng thành con người phá đảng là tại sao? Tại vì cung Phúc đức có sao Thiên Lương hãm ở Ty Hợi. Nếu như Cự Cơ Mão Dậu còn kèm theo Đào Hoa Thiên Riêu hoặc Đào Hoa Mộc Dục nữa thì tính phá đảng tăng gấp bội.

LUẬN VỀ HOA CÁI:

Hoa Cái thuộc kim, chủ về vẻ uy nghi cùng với lợi ích công danh. Hoa Cái tượng trưng chiếc lọng như ta nói Tiền Mã Hậu Cái nghĩa là đằng trước ngựa đằng sau lọng che chỉ một hình tượng thành đạt.

Hoa Cái đứng với Tả Hữu Khoa Quyền công danh thuận lợi. Hoa Cái gặp Long Trì Phượng Các, Bạch Hổ thành ra bộ "tứ linh" giúp cho sự thành công dễ dàng.

Hoa Cái đứng với Tấu Thư thì văn mặc thanh cao. Hoa Cái đi cùng Xương Khúc Khôi Việt Khoa Quyền thi cử, xuất sĩ hanh thông.

Hoa Cái ở Mệnh nữ ưa làm dáng. Hoa Cái vào cung Thiên Di ra ngoài thường được quý mến. Có câu phú: "Hoa Cái cư Di xuất ngoại cận quý là thể."

Hoa Cái đứng với Mộc Dục Thiên Riêu đàn bà đa tình dâm đảng. Hoa Cái đi với Kinh Đà Không Kiếp thì khó hưởng của cải ông bà cha mẹ.

Các sách Tử Vi Trung Quốc khi nói về sao Hoa Cái

thấy khác hẳn. Tử Vi Đầu Số Tinh Diệu Tổng Đàm viết: Hoa Cái là tinh diệu của tôn giáo tín ngưỡng. Hoa Cái gặp các Không diệu tại Mệnh cung mang tâm ý thiên về triết lý và tôn giáo. Hoa Cái có tác dụng làm tiêu đi những rắc rối quan tọng hình pháp. Hoa Cái hợp với Khôi Việt, mệnh Khôi Việt Hoa Cái không bao giờ có nỗi lo về quan tọng.

Qua kinh nghiệm cho thấy rằng Hoa Cái không dính dấp chi đến tôn giáo triết lý như các lý thuyết gia Tử Vi khoa bên Trung Quốc đã đề cập, cũng không triệt tiêu hình ngục.

Khoa Tử Vi Việt giảng về Hoa Cái chính xác hơn. Nhất là Hoa Cái đi bên sao Mộc Dục và câu phú: Cái ngộ Mộc gái nào đoan chính. Hoa Cái ưa làm dáng khi lâm mệnh vị nữ nhân.

Rồi đến bộ Tứ Linh Long Phượng Cái Hồ thấy nhiều phản ứng nghiệm. Còn cách tiền mã hậu cái e rằng là vẽ rắn thêm chân.

NÓI VỀ VÒNG TƯỚNG TINH

Sách Tử vi Đầu Số Toàn Thư không hề nhắc đến vòng sao Tướng Tinh. Nhưng nhiều sách Tử Vi bên Trung Quốc có ghi vòng Tướng Tinh. Khoa Tử Vi qua Việt chịu ảnh hưởng của Tử Vi Đầu Số Toàn Thư nên không có vòng sao này. Tuy nhiên vì vòng Tướng Tinh trong đó có Hoa Cái Đào Hoa (Hàm Tri) và Kiếp Sát nên cũng cần hiểu qua về vòng sao này ra sao?

Trước hết là cách an sao Tướng Tinh. Tướng Tinh thuộc sao của niên chi tính theo thể tam hợp.

Dần Ngọ Tuất Tướng Tinh an ở Ngọ.

Thân Tí Thìn Tướng Tinh an ở Tí.

Tỵ Dậu Sửu Tướng Tinh an ở Dậu.

Hợi Mão Mùi Tướng Tinh an ở Mão.

Tướng Tinh chỉ đi theo chiều thuận như vòng Thái Tuế. Lần lượt đến Phan An - Tuế Dịch - Tức Thân - Hoa Cái

- Kiếp Sát - Tai Sát - Thiên Sát - Chi Bôi - Hàm Trì - Nguyệt Sát - Vong Thần.

Chỉ có ba sao của vòng Tướng Tinh xuất hiện trong lá số Tử vi Việt là: Đào Hoa (Hàm Trì), Hoa Cái, Kiếp Sát. Vị trí y hệt vị trí an bài qua vòng Tướng Tinh nghĩa là Đào Hoa ở bốn cung Tí Ngọ Mão Dậu. Hoa Cái ở bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Kiếp Sát ở bốn cung Hợi Tí Dần Thân.

Phan án có hai ý nghĩa cơ bản:

a) Làm tăng thanh thế, tác dụng giống như Bát Tọa, chỉ khác ở điểm Phan án có lưu niên trong khi Bát Tọa không. Bởi vậy Thai Tọa làm tăng thanh thế cho cả một đời, còn Phan Án tăng thanh thế cho một năm.

b) Gắn cận người cao sang quyền thế hay nói khác đi là dễ gặp quý nhân. Phan Án rất hợp với Thiên Khôi Thiên Việt. Có Khôi Việt đứng bên thì quý nhân chiếu cố, nhưng chỉ là hữu danh vô thực kiểu nhân sĩ tư văn vớ vẩn.

Tuế Dịch được xem như một loại lưu niên Thiên Mã và tính chất là một. Lưu Lộc mà có Tuế Dịch thì cũng kể làm Lộc Mã giao tri, vào Mệnh vào Tài Bạch Quan Lộc hay Thiên Di đều chủ về sự tấn tài tấn lộc.

Tuế Dịch gặp Lộc Tồn cố định trên lá số thì lại không kể làm Lộc Mã giao tri chỉ gặp lưu Lộc mới kể. Nếu lưu Lộc đứng cùng, đối xung với Lộc cố định mà thêm cả Tuế Dịch nữa gọi bằng hiện tượng "động" đưa đến đi xa hoặc thay đổi công việc lâu dài.

Tức Thần mang ý nghĩa thiếu xung động tri trệ nằm ở một chỗ. Tức Thần vào cung Phúc đức tâm tư tiêu cực dễ bi quan, luôn luôn nghĩ đến thất bại thành ra kém nỗ lực phấn đấu.

Tức Thần không nên cùng đứng với sao Thiên Cơ ở Mệnh hay Phúc đức hễ làm việc mà thấy hơi khó là bỏ. Tức Thần hợp với sao Thiên Lương, đứng cùng Thiên Lương thì giới tùy hòa mà thành ra đắc lực.

Tức Thần gặp Hàm Trì (Đào Hoa) dễ thuận chịu an bài của mệnh vận, nhất là đối với duyên tình, thiếu ý chí

manh, gặp sao hay vậy.

Tai Sát trên cơ bản tính chất là tai nạn thường đem hung hiểm tới. Cần phối hợp với các sao khác để đo trình độ hung hiểm.

Tai Sát bao giờ cũng đóng ở cung Tí Ngọ Mão Dậu nếu nó gặp Đào Hoa Mộc Dục hoặc Văn Xương Hoá Kị mà lưu niên lưu niên lưu nguyệt thấy luôn các sát kị xung hội hẳn nhiên là có tai họa vì tình, bị gái lừa, trai gât hoặc bị đánh đập vì ghen tuông.

Tai Sát vào cung Tật Ách làm tăng thêm sự trầm trọng của hung hiểm. Tai Sát chỉ gây hung hiểm khi nó đến cung nào, toa rập với các hung sát tinh khác trường hợp cung đó cát tường thì tai sát vô lực.

Thiên Sát tính chất ngược với Thiên Đức. Thiên Đức đem thuận lợi cho quan hệ với người trên, bố mẹ hoặc người hơn chức vị mình. Thiên Sát gây khó khăn cho quan hệ này. Thiên Sát ở mệnh hay vận hạn khó được thương ty nâng đỡ hoặc bị người thân ghét bỏ.

Chi Bôi là sao hay bị người nói xấu, nó cùng chất với Phi Liêm. Chi Bôi đi cặp với văn tinh Khoa, Xương Khúc thì hay bị người ghen với tài học mà phi bang.

Nếu Chi Bôi đứng cùng Phi Liêm thì tình trạng bị dèm pha càng nặng, hoặc gặp Thiên Cơ cũng vậy. Chi Bôi đứng với Thiên Lương Hóa Lộc là con người vì tham lợi việc gì cũng làm. Chi Bôi kỵ đóng ở Mệnh cung, Huynh đệ và Nô Bộc.

Nguyệt Sát na ná Thiên Sát, nhưng tai ách thường đến một cách âm thầm. Nguyệt Sát ảnh hưởng mạnh với số nữ hơn nam mạng.

Nguyệt Sát phải có sự trợ lực của sao mà nó đứng cùng thì mới gây rắc rối mạnh. Nguyệt Sát vào cung Tật Ách là có bệnh khó phát hiện rõ ràng. Nguyệt Sát gặp Văn Khúc Văn Xương Hóa Kị cũng có thể gặp họa trên tình ái.

Vong Thân mang tính chất phá hoại bất ngờ, công việc đang trôi chảy đột nhiên bị phá hoặc do đối thủ hoặc vì

hoàn cảnh thay đổi làm cho mất tiền của, hao tổn tài lộc.

Vong Thần là chuyên thất bại bất ngờ, nhưng nó cũng còn mang ý nghĩa lãng phí nếu nó đứng với Hình, Hao hay Không Kiếp thành ra con người thiếu khả năng quản thủ tiền bạc.

LUẬN VỀ VÒNG TRÀNG SINH

Vòng Tràng Sinh là quá trình phát triển của sinh mệnh chia ra 12 giai đoạn. Vòng Tràng Sinh đứng mỗi cung một "sao". Theo các sách Trung Quốc thì số nam đi theo chiều thuận, số nữ đi theo chiều nghịch. Khoa Tử Vi Việt thì Dương Nam Âm Nữ đi theo chiều thuận, và Âm Nam Dương Nữ đi theo chiều nghịch.

Vòng Tràng Sinh có một khúc mắc ấy là sao Mộ (hay giai đoạn phát triển Mộ) chỉ có theo chiều thuận thì Mộ mới đóng ở Thìn Tuất Sửu Mùi là cung Mộ khổ mà thôi, theo chiều nghịch sao Mộ không đóng ở bốn cung đó.

Vậy thì Thìn Tuất Sửu Mùi vốn vẫn là tứ Mộ hay còn có sao Mộ nữa. Nếu phải có sao Mộ vào Thìn Tuất Sửu Mùi thì chuyện thuận nghịch của vòng Tràng Sinh không tồn tại nữa và vòng này chỉ có một chiều thuận mà thôi cho nam hay nữ, dương hay âm.

Câu phú: Phu cung đóng ở miền tứ Mộ

Gia Hồng Loan ấy số khóc chồng.

Dịch từ câu "Sở ai giá, Hồng Loan tứ Mộ liệt Phu quân chi vị" sẽ phải luận đoán thế nào? Hồng Loan ở Thìn Tuất Sửu Mùi hoặc đứng với sao Mộ? Muốn gỡ nút rối này thì chỉ có một con đường chấp nhận vòng Tràng Sinh đi theo một chiều như vòng Thái Tuế.

Rõ ràng câu phú trên chỏ vào chỗ đứng Thìn Tuất Sửu Mùi của sao Hồng Loan vì ở Thìn Tuất Sửu Mùi Hồng Loan thường gặp Cô Thần Quả Tú. Cô Thần Quả Tú không bao giờ đứng ở các cung Tí Ngọ Mão Dậu. Trong khi Tràng

Sinh đi nghịch thì Mộ lại ở Tí Ngọ Mão Dậu.

LUẬN VỀ TRĂNG SINH

Trăng Sinh là giai đoạn mở đầu của nhân sinh. Nó không phải giai đoạn mà sinh mệnh lực mạnh mẽ nhất, nhưng lại là giai đoạn mà sinh mệnh lực nung đúc chứa chất đầy đặn nhất. Cung nào trong là số có sao Trăng Sinh thì trường cửu, tích lũy và đầy đặn.

Như mệnh cung gặp Trăng Sinh thì sinh mệnh lực mạnh mẽ, cung huynh đệ có Trăng Sinh thì anh em thân thiết đắc lực, bạn bè tri kỷ, cung phụ mẫu có Trăng Sinh thì được hưởng phúc lộc mẹ cha, sự giúp đỡ của quý nhân; Trăng Sinh vào cung Tài Bạch thì tài sản tích tụ...

Chỉ duy có Mã gặp Trăng Sinh thì vất vả ngược xuôi vì Thiên Mã chủ "động". Nên mới có câu phú: Mã ngộ Trăng Sinh chung thân bốn tẩu. Hoặc Mã hoặc Trăng Sinh vừa đủ, cả Mã lẫn Trăng Sinh là thái quá.

LUẬN VỀ MỘC DỤC

Mộc Dục là giai đoạn thứ hai của nhân sinh. Người sinh ra trước hết cần tắm rửa cho sạch đi những huyết ô của bào thai. Tính chất Mộc Dục tiếp tục là tích lũy, nhưng lại đoán định qua tác dụng đào hoa. Khi Mộc Dục đi theo chiều thuận của Trăng Sinh thì sẽ nằm ở Tí Ngọ Mão Dậu mà cặp với sao Đào Hoa ở độ làm thành cách Đào Hoa Mộc Dục. Nếu theo chiều ngược Mộc Dục sẽ nằm ở Thìn Tuất Sửu Mùi không gặp sao Đào Hoa nữa. Đào Hoa đứng bên Mộc Dục tính dục vọng thịnh hẳn đến độ dâm dăng.

Như vậy thì Trăng Sinh phải có chiều nghịch chiều thuận chứ không thể chỉ một chiều thuận, cứ theo chiều thuận không thôi thì Đào Hoa luôn luôn gặp Mộc Dục đàn bà con

gái thành mất nét hết còn gì. Mộc Dục vào Thìn Tuất Sửu Mùi chất đào hoa của nó bị triệt tiêu.

Mộc Dục không phải là chính đào hoa chỉ coi như thiên đào hoa thôi, bởi vậy chất đào hoa của nó có phần bất lương bất chính.

Mộc Dục gặp Lộc Tồn Hóa Lộc thì chất đào hoa biến thành tài lộc khá dĩ nhờ người khác phái mà phát. Tỉ dụ nam mạng Mộc Dục gặp Lộc đi buôn bán quần áo phần son, hoặc làm ca kịch sĩ... rất hợp.

Mộc Dục gặp Đào Hoa Thiên Riêu, Thiên Hình, Hồng Loan, Thiên Hỉ thì chỉ phát triển chất đào hoa mà thôi. Mộc Dục gặp Xương Khúc Hóa Kị vì tình mà hết nghiệp. Mộc Dục gặp Tham Lang Hóa Kị trăng hoa chim vợ cướp chồng. Mộc Dục đứng với Long Trì cẩn thận tai nạn sông nước. Mộc Dục đứng ở Mệnh cung vô chính diệu thì học hành dở dang. Mộc Dục gặp Đào Riêu Hoa Cái là người đam mê sắc dục.

LUẬN VỀ QUAN ĐỐI

Quan Đối là đệ tam giai đoạn giai đoạn của bắt đầu trưởng thành, quan đối nghĩa đen là mũ mào thất lung. Khi luận đoán thì Quan Đối là sự trưởng thành, đứng cung nào đều mang tính chất chín chắn, phát triển.

Quan Đối vào Quan Lộc tượng trưng cho hy vọng phát triển sự nghiệp, vào cung Phúc Đức là đầu óc tư tưởng đã thành thực. Quan Đối đứng với các sao Không và Hoa Cái là có khuynh hướng triết lý.

Quan Đối vào các cung Phụ mẫu, Huynh đệ, Nô bộc trợ giúp cho các sao tốt đã sẵn có ở các cung này. Quan Đối gặp Long Trì Phượng Cát, Thiên Tài, Văn Xương, Văn Khúc thì tăng gia thông minh và tài nghệ.

Quan Đối đứng với Thái Tuế, Địa Kiếp lại thành ra gia nhân nhà quyền thế. Quan Đối gặp nhiều sát bại tinh biến

thành cái trông lộng, hay một sợi dây câu thúc vì công danh mà khổ.

LUẬN VỀ LÂM QUAN

Lâm Quan là giai đoạn thứ tư, khi đã trưởng thành rồi tất phải ra đời phấn đấu, xã hội xưa việc xuất sĩ được gọi là lâm quan (ra làm quan) phục vụ. Lâm Quan gặp Đào Hoa thì ra phục vụ người khác phái, công việc liên quan với người khác phái đưa đến phát đạt.

Thất Sát Phá Quân đứng với Lâm Quan tạo thành tâm lý thích làm nhiều công chuyện khác, lắm nghề. Lâm Quan gặp Thiên Cơ Thiên Đồng thì công việc thường bị thay đổi. Lâm Quan gặp được Khôi Việt là người có chức vụ tương đối cao. Lâm Quan có tính hay khoe khoang và ăn nói kiêu kỳ. Lâm Quan gặp các hung sát tinh dễ rắc rối phiền lụy vì công việc chức vụ.

LUẬN VỀ ĐẾ VƯƠNG

Đế vương là giai đoạn cực thịnh của sinh mệnh lực, nó đã lên đến tối cao điểm và khi đến đây rồi thì chỉ còn một nước tiếp theo là suy thoái. Khỏe nhất mà cũng nhiều nguy cơ hơn hết.

Đế Vương vào cung Quan Lộc tốt nhất, nếu có thêm Tả Hữu càng hay. Đế Vương đứng với Tham Lang Hóa Tinh, Linh Tinh bạo phát, bạo tàn. Tử Vi có Đế Vương tăng hân sự tôn quý.

Thiên Phủ, Thái Dương, Thái Âm cũng vậy, với điều kiện Thái Dương đắc địa cho người sinh ngày Thái Âm đắc địa cho người sinh đêm và Thiên Phủ miếu vượng có Đế Vương khả năng lãnh đạo tăng lên.

LUẬN VỀ SUY

Đây là giai đoạn của sinh mệnh lực chuyển từ vượng đến nhược. Nó vào cung phụ mẫu khiến cho quan hệ thân thiết với cha mẹ thành nhạt xa. Vào Mệnh Thân cung thì chí phấn đấu không bền. Vào Tài Bạch cung thiếu lòng tự tin. Vào Quan Lộc không hăng hái với việc lập công danh, an phận. Suy lưu niên, lưu nguyệt tác dụng mạnh hơn Suy cố định trên lá số. Suy đóng Phúc Đức dòng họ phân ly sơ tán.

Suy mà đóng vào Mệnh Thân cũng làm cho con người cùn nhụt chí phấn đấu làm việc đầu voi đuôi chuột. Vào cung Tài Bạch thì cái thì cái tự tin tâm kiếm tiền thiếu mạnh mẽ không thể kinh doanh buôn bán. Vào Quan Lộc cung chuyện công danh quyền chức dễ bị đẩy qua thế yếu.

LUẬN VỀ BỆNH

Bệnh là cung giai đại biểu một giai đoạn phát triển trong quá trình nhân sinh. Vượng rồi suy, suy rồi bệnh. Nhưng không phải bệnh mang cái nghĩa là đã suy đến cùng cực.

Bệnh vào Mệnh cung không thể bảo rằng người ấy mắc bệnh, sẵn sang mắc bệnh. Nó chỉ nói lên cái lực sinh mệnh không vững vàng. Vào Phụ mẫu, Huynh đệ thì duyên phận với người thân bất túc. Vào Tài Bạch ý chí tìm tiền bạc nhược, thiếu đầu óc thực tế, nếu gặp Hóa Kị cùng các sát tinh khác thì do bệnh tật mà hao tổn tiền tài. Vào Quan Lộc cung ở trường hợp có cả Thiên Lương thì nên theo đuổi nghề thuốc (thầy lang, y tá), vào những ngành cần một cá tính quyết liệt không mấy hay.

Sao bệnh cố định ảnh hưởng không nặng bằng ảnh hưởng vào vận hạn lưu niên. Bệnh đóng cung Tật Ách sức khỏe kém.

LUẬN VỀ TỬ

Tử không thể giảng theo lẽ lối vọng văn sinh nghĩa cho là sự chết chóc. Bệnh đến độ cùng cực là tử, một giai đoạn yếu nhược hoàn toàn của sinh mệnh.

Tử vào Phụ mẫu, Huynh đệ thân thuộc sơ ly, nếu nó gặp Kỵ Hình ở cung này thì không được cả sự che chở nuôi dưỡng của bố mẹ.

Tử đứng cung Phúc đức, con người tâm ý tiêu cực, không bao giờ thành chủ động, an phận, tùy thuộc. Tử đóng cung Tài Bạch cái lòng ham kiếm tiền nguội lạnh. Có khuynh hướng dành dụm cất dấu hơn là soay sở phát triển.

Tử vào Mệnh cung tính thâm trầm kín đáo, pha ít nhiều bi quan, dễ buồn. Cũng như các sao khác thuộc vòng trăng sinh, Tử ảnh hưởng vào vận hạn lưu niên lưu nguyệt lưu nhật mạnh hơn.

LUẬN VỀ MỘ

Ba sao trọng yếu của vòng Trăng Sinh là: Trăng Sinh, Đế Vượng và Mộ gọi tắt bằng Sinh - Vượng - Mộ. Sinh là sinh ra và lớn lên, Vượng là cường tráng thành thực, Mộ là tiềm tàng.

Vậy thì không có nghĩa là chôn đi sinh mệnh hoàn toàn đoạn tuyệt. Mệnh Thân cung không nên đứng vào chỗ có sao Mộ, sự khai triển thành công sẽ khó khăn vất vả hơn.

Mộ vào cung Tài Bạch lại hay vì dễ tích súc của cải hơn, dù số nghèo cũng không đến nỗi khổ. Số giàu thì bền. Hóa Lộc đóng cung Mộ tiền bạc thiếu linh động phát triển.

Đến đây lại gặp phải nghi vấn khi các lý thuyết gia nêu ra nguyên tắc: Lộc Tồn không bao giờ đóng vào cung Mộ.

Nếu Tràng Sinh đi theo chiều nghịch đương nhiên Mộ vào cung Tí Ngọ Mão Dậu Lộc Tồn có mặt ở đây đối với tuổi Ất, Đinh, Kỷ, Tân và Quý. Như vậy Mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi không liên quan đến các sao Mộ của vòng Tràng Sinh?

Áp dụng nguyên tắc này thì vòng Tràng Sinh chỉ có một chiều đi thuận mà thôi. Nhưng mà rành rành Tử Vi Đẩu Số lại ghi vòng Tràng Sinh thuận và nghịch hai chiều tùy theo Dương Nữ hay Âm Nam hoặc tùy theo Nữ mạng Nam mạng.

Qua kinh nghiệm thì tất cả những cung Mệnh nào đóng vào tứ Mộ cuộc đấu tranh cho sự thành đạt thường khó khăn vất vả hơn như Tử Phá, Tham Vũ, Thiên Phủ, Thiên Tướng...

LUẬN VỀ TUYỆT

Tuyệt là giai đoạn xấu nhất. Tử với Mộ còn có sinh có, nhưng Tuyệt là tuyệt diệt. Cho nên Tuyệt đóng Phụ mẫu, Huynh đệ hay Phu Thê kẻ là tuyệt đối xấu. Tuy nhiên đây chỉ là tạp diệu thôi, còn cần phối hợp với sao khác ở các cung này để quyết đoán, không chỉ căn cứ vào một sao Tuyệt.

Tuyệt vào cung Tật Ách có tốt như Triệt Tuân không? Căn cứ vào nghĩa tuyệt của nó? Không và trái lại. Tuyệt vào Quan Lộc và Tài Bạch là cho ý chí kém cỏi, ư nản, thiếu hăng hái chiến đấu.

Các sách Trung Quốc không thấy nói về cách Tuyệt Hòa tức Tuyệt gặp Hòa Tinh. Nhưng Tử Vi Việt có Tuyệt gặp Hòa Tinh khi Mệnh cung đóng Hợi thì lại là con người quật khởi hiên ngang. Vẫn có chứng thì dễ soay chuyển thời cơ, như con ngựa Địch Lư của Lưu Bị nhảy qua Đàn Khố sắp cùng khôn mà lại vượt lên.

Tuyệt Hòa đi cùng Thất Sát thành ra người tàn nhẫn, phải chăng là vì tâm ý bị dồn nén đến cùng độ mà phản công mạnh trở lại?

Cung Tỵ Sát Ấy là đẹp quá
 Nếu chẳng may Tuyệt Hòa cùng ngồi
 Ấy phường tàn nhẫn đó thôi
 Ấy phường khát máu tanh hôi sá gì.

LUẬN VỀ THAI

Sau khi tuyệt duyệt thì đến một sinh mệnh khác khai mở. Nhưng Thai đại biểu cho yếu nhược non nớt chưa có một sức mạnh nào cả. Vậy thì Thai Đổng Mệnh cung thì ý chí lực còn non kém. Nhưng đồng thời nó cũng đại biểu một hy vọng.

Theo sách vở Trung Quốc Thai đứng với Nhật Nguyệt Thiên Lương ở Tài Bạch. Quan Lộc cho vào một kế hoạch lâu dài để phát triển cơ sự nghiệp? Tử Vi Việt nói về sao này nhiều hơn.

Thai đổng cung tử tức gặp thêm nhiều quý tinh thì con đông, dễ đẻ dễ nuôi nếu gặp nhiều sát tinh thì ngược lại. Thai đổng Mệnh mà gặp Khôi Việt Hồng Loan là bậc văn chương?

Thai đi với Kinh Đà Linh Hòa thì lại ra ngu dốt. Cung Phu Thê có Đào Thai vợ chồng dễ đưa đến tình ngoại hôn. Số Nữ mà mệnh cung hay Phu cung có Thai Đào tiên dâm hậu thú. Đại tiểu hạn Thanh Long Thiên Hỉ để đạt ước nguyện về con cái.

Có những câu phú về sao Thai như sau:

*Thai phùng Sát Dục tu phòng sản phụ. (Số nữ ở Tật Ách hay Tử tức có Thai gặp Kiếp Sát Mộc Dục sanh đẻ khó khăn.)

*Nữ mệnh Thai Đào phùng Kiếp gián đoạn tử cung. (Số Nữ có Thai Đào Kiếp Sát có gì không ổn về bộ phận sinh đẻ.)

*Thai tinh ngộ Thái Âm cung Tử
 Tất là con cầu tự mới sanh.

*Thai phùng Tả Hữu Hối cung
 Nam nhân ắt có con dòng thiếp thê. (Ở cung tử tức)
 *Tử cung Thai ngộ Hòa Linh
 Đào thai những giống yêu tinh muợn phiên.
 *Thai phùng Đào Hi vận này
 Vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa.

LUẬN VỀ DƯỞNG

Dưỡng là nuôi, kết thai rồi thì phải nuôi dưỡng nên. Dưỡng với Mộ bao giờ cũng ở hai cung đối chiếu nhau trên lá số. Dưỡng cũng như Mộ đều mang ý nghĩa tiềm tàng ẩn phục. Nhưng Mộ thì ẩn tàng khi đã vào thời kỳ suy tàn còn Dưỡng thì ẩn tàng của giai đoạn chưa hoàn toàn thành thục mà dịch kinh gọi bằng “tiềm long vật dụng” (rồng ẩn trong ao). Dưỡng rất hợp cho thời kỳ sửa soạn để phát động.

Dưỡng vào cung Tật Ách là bệnh đã xâm nhập tiềm tàng. Dưỡng vào Quan Lộc, làm việc gì cũng cần suy tính có kế hoạch chu đáo không thể cứ làm bừa.

Đối với Tử Vi Việt thì Dưỡng đại biểu tính chất cần thận và hợp với nghề chăn nuôi. Dưỡng vào cung tử tức thì nuôi con người hoặc con riêng. Dưỡng vào cung Huynh đệ thì có anh em nuôi.

Tam Không ngộ Dưỡng đình ninh
 Nuôi con nghĩa từ giúp mình yên vui.
 Khốc Hư ngộ Dưỡng không lành
 Tướng binh xung phá hấn đánh hoang thai.
 (Nói về những sao trên đóng vào cung tử tức.)

Vòng Trành Sinh là quá trình sinh ra, lớn lên, già nua và tuyệt diệt của một hành thì từng “sao” không có ngũ hành sở thuộc nữa. Có một vài sách Tử Vi Việt ghi: Trành Sinh thuộc Thủy, Mộc Dục thuộc Thủy, Quan Đới thuộc Kim là sai đến như Tử mà thuộc Thủy nữa thì là cả một chuyện khôi hài.

LUẬN VỀ VÒNG BÁC SĨ

Vòng Bác Sĩ cũng có tên gọi khác vòng Lộc Tồn vì Bác Sĩ đứng cùng một cung với Lộc Tồn, gồm mười hai sao mỗi sao an một cung trên lá số: Bác Sĩ, Lục Sĩ, Thanh Long, Tiểu Hao, Tướng Quân, Tấu Thư, Phi Liêm, Hi Thần, Bệnh Phù, Đại Hao, Phục Binh, Quan Phù.

Vòng này an theo hai chiều thuận nghịch âm dương, cũng như vòng Tráng Sinh tử vì Việt an theo chiều thuận đối với Dương Nam Âm Nữ và nghịch đối với Âm Nam Dương Nữ.

Có câu quyết về sao Bác Sĩ rằng: “Bác Sĩ thông minh, Lục sĩ quyền”. Câu này bất túc, không hẳn là như thế. Bác Sĩ phải có Tả Hữu thì mới phát huy đặc tính tốt kể trên.

Bác Sĩ gặp Xương Khúc mới thông minh, hội Khôi Việt mới vinh dự được người đề bạt, đồng cung với Phụ Bát mới có người thương thức nâng đỡ.

Nếu không Phụ Bát, không Xương Khúc, không Khôi Việt thì Bác Sĩ trở nên vô dụng. Có thuyết cho rằng lưu niên Bác Sĩ đi cùng Xương Khúc khả dĩ hóa giải được cái xấu do sao Hóa Kị mang đến.

Bác sĩ đóng cung Phúc Đức mà gặp Cô Quả thì cô đơn trầm lặng, ít người thân thích và không ưa giao du. Bác Sĩ thuộc Thủy.

LUẬN VỀ LỤC SĨ

Lục Sĩ chủ quyền lực đóng vào sinh niên mệnh cung tác dụng khác hẳn. Tỉ dụ sinh năm Ngọ mà Mệnh lập tại Ngọ cung gặp Lục Sĩ.

Không phải cứ có Lục Sĩ là có quyền, Lục Sĩ là một tạp diệu nó chỉ phụ giúp cho những sao trên cấp đề mà thế

hiện tính chất. Như Vũ Khúc Hóa Lộc, Hóa Quyền mà được thêm Lực Sĩ là chứng triệu nắm quyền tài chánh. Như Thiên Cơ Thiên Lương mà đứng bên Lực Sĩ là chứng triệu nắm quyền về kế hoạch.

Lực Sĩ bởi vậy cần đi bên Hóa Quyền mới thành quyền. Nếu Hóa Quyền ấy phụ giúp cho Phá Quân, Thái Dương, Tham Lang, Vũ Khúc càng tốt lắm.

Lưu niên Lực Sĩ cũng cần lưu niên Hóa Quyền, nếu lưu niên Lực Sĩ lại đứng đối xung với Lực Sĩ cố định thêm sao Hóa Quyền sức mạnh tăng hơn.

Lực Sĩ kỵ hội ngộ hung sát tinh nhất là sao Kinh Dương căn cứ vào câu phú: Kinh Dương ngộ Lực Sĩ Lý Quang bất phong (Mệnh hạn thấy Kinh Dương Lực Sĩ như tình cảnh Lý Quang ngày xưa bị giáng chức). Lực Sĩ thuộc Hỏa.

LUẬN VỀ THANH LONG

Có câu quyết "Thanh Long hi khí, Tiểu hao tiền". Sao Thanh Long thường mang tin vui. Thanh Long cùng Hồng Loan Thiên Hỉ chủ tin mừng về hôn nhân, về sanh con.

Thanh Long gặp Khôi Việt, Thiên Quí, Thiên Quan, Thiên Phúc chủ thắng chức. Thanh Long có khả năng hòa giải hung họa do Bạch Hổ gây ra như quan tụng, tang sự.

Thiên Phủ Thanh Long Hóa Khoa đóng vào cung Tài Bạch thì lấy vợ hoặc gặp hi sự mà phát tài (vợ được vợ giàu chẳng hạn).

Khoa Tử Vi Việt đưa thêm nhiều tác dụng khác của Thanh Long:

-Thanh Long ở Mệnh mà không bị sát tinh thì có tài biến hóa công việc.

-Thanh Long gặp Lưu Hà giống như rồng vào biển khơi có lợi cho thi cử công danh.

-Thanh Long bị Đà Kị Khốc Hư Không Kiếp hãm lại

thành con người hèn nhất.

-Thanh Long đứng với Hóa Kị ở Thìn Tuất Sửu Mùi như rồng ẩn trong mây có thể dễ soay chuyển thời cơ. Thanh Long thuộc Thủy.

LUẬN VỀ TIỂU HAO

Thiểu Hao chủ về hao tổn mất mát. Tiểu Hao gây cho tâm ý điều hối hận, tiếc thương. Tiểu Hao kị gặp Văn Khúc và Hóa Kị, nếu thấy những sao này hội tụ vào Mệnh, Tài Bạch hoặc Phúc Đức thì cả cuộc đời hay mất mát những đồ vật đã mua sắm, nhất là lo đếnh để mất những đồ vật lặt vặt.

Tiểu Hao đi với Phi Liêm thì mua sắm mà chẳng suy tính, mua rồi mới hối tiếc. Khoa Tử Vi Trung Quốc đối với sao Đại Hao với cùng hai lập luận riêng biệt. Trong khi khoa Tử Vi Việt lại bàn luận song Hao làm một thể (sẽ nói khi tới sao Đại Hao). Tiểu Hao thuộc Hỏa.

LUẬN VỀ TƯỚNG QUÂN

Có câu quyết: "Tướng Quân uy vũ Tấu thư phúc". Do hai chữ uy vũ trên đây nên Tướng Quân rất cần gặp Hóa Khoa, nhất là Tử Vi Hóa Khoa, Thái Dương Hóa Khoa, Vũ Khúc Hóa Khoa hay Văn Xương Hóa Khoa.

Những sao trên mà đóng Quan Lộc thì phong quang vinh dự tăng thêm. Tướng Quân đứng với Hóa Kị sẽ đưa đến tình trạng vì có thời đắc ý mà dương dương tự đắc đưa đến hiểm thù ghét bỏ.

Tướng Quân tính chất can trường, nếu đứng cùng Thiên Tướng đắc địa gọi bằng cách lưỡng Tướng, có quyền tất hiển hách. Tướng Quân đứng với Thiên Hình Quốc Ấn, Thiên Mã, Thiên Khốc theo võ nghiệp tốt. Số Nữ mà có Tướng Quân hay Thiên Tướng tính hay ghen và thích đoạt

quyền chồng. Tướng Quân thuộc Mộc.

LUẬN VỀ TÁU THƯ

Tấu Thư là sao mang phúc trạch đến. Nhưng đồng thời nó cũng liên quan đến văn mặc từ chương, ăn nói, hùng biện. Tấu Thư đứng ở cung Phúc Đức, Quan Lộc giỏi về viết lách. Nhưng đứng với Hóa Kị thì thiên hướng về công kích phê bình.

Tấu Thư đóng Mệnh bên cạnh Hồng Loan số Nữ ăn nói thật có duyên. Tấu Thư có tài về từ tụng đi cùng Khôi Việt Hóa Khoa dễ thắng trong việc tranh cãi mà không gây oán hận.

Tấu Thư đứng cùng bộ Cơ Cự Đồng Lương làm "đao bút lại" đắc lực. Tấu Thư đứng với Bạch Hổ từ tụng ngôn luận đánh thép. Tấu Thư có thêm Xương Khúc ăn nói thuyết phục hay. Tấu Thư nói giỏi người theo ngay về là vậy. Tấu Thư thuộc Kim.

LUẬN VỀ PHI LIÊM

Có câu thuyết rằng: "Phi Liêm khẩu thiệt Hi thần diên". Vậy thì Phi Liêm chủ về cái vạ miệng. Bởi thế khi Phi Liêm gặp Thiên Hình dễ xảy ra kiện tụng. Sách Trung Quốc có hai sao Phi Liêm lận. Mà cả hai đều chung một tính chất. Như vậy thừa, một sao Phi Liêm là đủ.

Có nhiều sách Tử Vi Việt cho rằng Phi Liêm chủ sự vui vẻ nhanh nhẹn, điều này sai. Rồi lại nói Phi Liêm gặp Bạch Hổ ví như cọp mọc cánh, gặp Long Phượng như rồng phụng lên cao càng sai nữa. Vì không phải chữ Phi mang nghĩa bay mà mang nghĩa loại côn trùng mỗi một.

Phi Liêm trước sau chỉ là cái họa nhỏ gây thành khẩu thiệt tranh tụng. Phi Liêm không nên gặp Hóa Kị Văn Khúc

sinh lắm chuyện. Câu phú: Đào Hoa ngộ Phi Liêm Nguyễn
Tịch Tấn triều vi túy khách thì Phi đây chính là con sâu rượu
đây. Phi Liêm thuộc Hỏa.

LUẬN VỀ HỈ THẦN

Hỉ thần không phải chỉ là dấu hiệu của vui mừng qua
nghĩa chữ. “Hỉ thần điên” trong câu quyết ý nói tình trạng kéo
dài, lần khăn không đứt khoát. Nó cũng là mừng vui với điều
kiện gặp các sao khác như Mệnh cung đứng với Xương thì
cuộc đời dễ vui, những may mắn nhỏ nhỏ như người khác lo
cả cho mình. Tỉ dụ vợ quán xuyến, anh em phù trì.

Nhưng nếu nó gặp Văn Khúc ở Mệnh thì những
chuyện mừng vui thường bị hoãn, kéo dài, việc hôn nhân cứ
lần lữa, càng nặng nếu thấy luôn cả Hóa Kị. Hỉ thần gặp
Phượng Các đem đến tin vui cho mưu sự, thì cứ.

Hỉ thần Hoa Cái tốt ghê

Khẩu thiệt thường đoán mọi bề đảm đang.

Hỉ thần thuộc Hỏa.

LUẬN VỀ BỆNH PHÙ

Bệnh phù chủ bệnh, đau yếu. Bệnh phù tuyệt đối
không nên đứng với Hóa Kị ở Mệnh cung và Tật Ách cung.
Bệnh phù gặp Đào Riêu ở Tật Ách thì suy nhược vì sắc dục
quá độ.

Bệnh phù gặp Thiên Cơ Tham Lang có bệnh về gan.
Bệnh phù gặp Liêm Trinh, Hóa Kị bệnh về thận. Bệnh phù
lại có Thiên Hình thường đưa đến giải phẫu. Bệnh phù vào
Tài Bạch buôn bán ngành được có lợi. Bệnh phù Hình Kị
phong, sang. Kiếp Không cung Tật mọi đảng huyết hư. Bệnh
phù thuộc Thổ đới Mộc.

LUẬN VỀ ĐẠI HAO

Theo lý luận của các sách Trung Quốc thì Đại Hao có hai sao. Một an theo năm sinh và một an theo lưu niên. Đại Hao an theo năm sinh mang nhiều tính chất đào hoa, còn an theo lưu niên thì chỉ thuần túy là hao tán thôi.

Lý luận này rườm rà không cần thiết. Vì Đại Hao gặp Đào Hoa (Hàm Trì) thì sự hao tổn mang tính chất đào hoa rồi Đại Hao đi với Liêm Trinh, Tham Lang, Xương Khúc hoặc mấy sao Kị cũng vì từ sắc mà hao tổn.

Đại Hao ở Mệnh mà Thiên Hư ở cung Phụ mẫu thì không được hưởng của cải mẹ cha. Đại Hao ở cung Tử tức mà Tài Bạch có Thiên Hư thì con cái phá của.

Sách Tử Vi Trung Quốc mới đưa ra nguyên tắc: "Đại Hao không nên có hàng xóm là Thiên Hư". Ở cung vận hạn nào thấy Hao với Hư đứng chung thì sự hao tổn tăng thêm.

Khoa Tử Vi Việt có cái nhìn khác về song Hao mà không thấy ở các sách Trung Quốc không rõ xuất xứ từ đâu. Trên ngũ hành sở thuộc hai sao Hao đều là Hỏa.

Song Hao đắc địa Mão Dậu, Dần Thân hãm địa Tí Ngọ. Hãm với đắc không thấy ghi trên các sách Trung Quốc. Mệnh song Hao dáng dấp nhỏ nhắn, bộ tiêu hóa không khỏe mạnh.

Mệnh song Hao theo Việt thì tính tình khôn ngoan ưa hưởng thụ, dễ đam mê (cờ bạc, từ sắc). Hao gặp Tuyệt đồng cung là người khôn ngoan nhưng không trung thực (Chỉ Đại Hao thôi).

Song Hao gặp Hỏa Tinh Linh Tinh thường mắc nghiện thuốc sái. Song Hao đi với Phá Quân dễ lâm túng thiếu. Song Hao Mão Dậu gọi bằng cách chúng thủy triều Đông như trăm con sông đổ về biển Đông làm ăn tiền bạc có lúc như nước, thêm Cự Cơ Mão Dậu càng tốt nữa.

Cách này tuyệt đối không hề thấy sách Tử Vi nào của Trung Quốc đề cập Song Hao gặp Thiên Hình, Địa Kiếp vào

vận hạn thì mất trộm. Cách chúng thủy triều đông đã nói ở phần đầu sách này nhưng ý nghĩa khác hẳn.

Những câu phú về song Hao:

*Mão Dậu Cự Cơ rất hay

Công danh vinh hiển lại tay hoang tàn

Gặp song Hao là làng quán thế.

*Lao đao sớm một tối ba

Đại Hao Hóa Kị đồng gia mệnh vì.

*Lưỡng Hao Cự Vũ Hóa Quyền

Chiếu sai trần thủ giấc phiên bên ngoài.

*Lưỡng Hao chiếu thủ Điền Tài

Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu.

*Song Hao Tị Hợi nhi ngộ Sát Hình

Giáp Canh dương nữ thủ cách yếu bản.

(Người dương nữ mệnh đóng Hợi tuổi Giáp Canh mà gặp song Hao thủ Mệnh đứng với sát tinh, và Thiên Hình thì nghèo hoặc yếu.)

*Hao ngộ Tham Lang tài sinh dâm tình ư tình dâm.

(Tham Lang gặp Hao ở Mệnh thì dâm ngầm.)

*Lưỡng Hao thiết kị ư Điền Tài. (Hai sao Hao không nên đóng vào các cung Tài, Điền.)

*Tài Phúc nhi phùng Hao Kiếp cô bản. (Cung Tài cung Phúc xuất hiện Hao, Kiếp thường cô đơn và nghèo.)

*Thân cư Tài Bạch lai kiến song Hao, Lộc Quyền, Kiếp Hòa tất thành thương nghiệp. (Thân ở Tài Bạch có song Hao Lộc Quyền và Kiếp Hòa buôn bán hoạnh phát nhưng cũng phải đề phòng hoạnh phá.)

LUẬN VỀ PHỤC BÌNH

Phục Bình đứng với Thiên Riêu ở Mệnh là người quyền thuật âm mưu nhiều thủ đoạn. Đứng một mình thì chỉ sảo trá vật mà hay phản bội. Bởi thế mới có nguyên tắc Tướng Quân ở Mệnh Phục Bình ở Thiên Di là hay vì nội

Tướng ngoại Binh, ngược lại nội Binh ngoại Tướng, chỉ không lớn mà hay man trá hoặc làm việc bằng mẹo vặt.

Nếu Phục Binh hay Phục binh Thiên Riêu mà đứng với nhiều sao bất lợi cho Mệnh cung thì lại là nạn nhân của thủ đoạn quyền thuật. Phục Binh gặp Đà La mọi chuyện mưu tính cứ kéo dài không xong.

Phục Binh gặp Linh Tinh Địa Kiếp dễ rơi vào phiên lụy mắc bẫy. Phục Binh gặp Quan Phù chiếu xung có rắc rối khẩu thiệt quan tòng. Phục Binh gặp Bệnh Phù đồng cung hoặc chiếu xung thì bệnh tật triền miên. Có những câu phú về Phục Binh như sau:

- *Đào Hồng Diêu Hỉ trong ngoài
Lại gia Binh Tướng gái trai ngang tàng.
- *Đào Hoa Thai Hỉ trong cung (Huỳnh đệ)
Phá Quân Tướng Phục chiếu xung ở ngoài.
Có chị em gái theo trai
Say mê đến nỗi hoang thai bỏ mình.
- *Trong thời Tướng Phá Phục Binh
Ngoài thời Hoa Cái liên minh Đào Hồng
Bản cung đối chiếu tinh tường
Anh em có kẻ tư thông hản lả.
(Ở cung Bào)
- *Vợ chồng nay thuận mai hòa
Phục Binh Hóa Kị đóng tòa phối cung
- *Binh Hình gặp Hòa Kỵ xung
Đêm ngày cư xử ra lòng bạc đen.
- *Khốc Hư ngộ Dưỡng không đành
Tướng Binh xung phá hản danh hoang thai.
(Ở cung Tử tức)
- *Từ cung Thai Tướng Phục Binh
Vợ chồng ắt hản tư sinh thừa nào.
- *Gian tà Kiếp Sát Phục Binh
Khúc Xương Thái Tuế mưu sinh tảo tần.
(Ở cung Tài Bạch)
- *Cự Kị nên tránh đồ sông

Phục Binh Hình Việt mắc vòng gương đao.

(Ở cung Tật Ách)

*Phục Binh Thái Tuế Thiên Hình

Cùng người tranh cạnh tâm tình chẳng vui.

(Ở cung Phối)

*Phúc cung có kẻ chiến chinh

Tướng Binh Đế Tuyệt đóng thành ba phương.

*Tướng Binh Tử Tuyệt phải là

Có người từ trận phương xa thừa nào.

(Ở cung Phúc đức)

Sao Phục binh trong khoa Tử Vi Việt phong phú hơn hẳn.

LUẬN VỀ QUAN PHỦ

Vòng Thái Tuế có sao Quan Phủ, đây là Quan Phủ. Quan Phủ vĩnh viễn sẽ đứng với Kinh Dương hay Đà La. (Như vậy thì vòng Tràng Sinh lại tiếp tục có nghi vấn nghịch thuận vì nếu đi thuận thì có chi đứng với Đà La thôi.)

Quan Phủ chủ khẩu thiệt thị phi không nên gặp thêm Hóa Kị hoặc Thiên Hình càng rắc rối nhất là đối với vận hạn. Không gặp Hình Kị tự nó vô lực. Có câu phú:

Quan Phủ Thái Tuế một miền

Đêm ngày châu chực cửa công mồi mòn.

Căn cứ vào câu phú trên đây thì gặp Thái Tuế còn nặng hơn Hình Kị. Quan Phủ thuộc Hòa.

LUẬN VỀ VÒNG THÁI TUẾ

Vòng Thái Tuế cũng có sự khác biệt giữa sách vở Trung Quốc và Việt Nam. Sách vở Trung Quốc với mười hai sao như sau: Thái Tuế, Hối Khí, Tang Môn, Quán Sách, Quan Phủ, Tiểu Hao, Tuế Phá, Long Đức, Bạch Hổ, Thiên Đức, Diêu Khách, Bệnh Phủ.

Sách vở Việt với mười hai sao: Thái Tuế, Thiếu Dương, Tang Môn, Thiếu Âm, Quan Phù, Tử Phù, Tuế Phá, Long Đức, Bạch Hổ, Phúc Đức, Điều Khách, Trục Phù.

Hai sao Thiếu Dương và Thiếu Âm là Hối Khi và Quán Sách. Sao Thiên Đức thành Phúc Đức. Sao Bệnh Phù thành Trục Phù.

Không biết Trục Phù của sách Việt xuất xứ ở đâu, nhưng hai vòng Tràng Sinh và Thái Tuế của Trung Quốc đều có Bệnh Phù không hợp lý.

Đến như sao Tiểu Hào của vòng Thái Tuế trong sách vở Trung Quốc, trong khi vòng Tràng Sinh đã có Tiểu Hào rồi là điều không hợp lý thứ hai.

Ngược lại sách Việt cũng có hai sao trong vòng Thái Tuế đáng coi là không hợp lý: Thiếu dương và Thiếu âm với những lời giải không dứt khoát, trong khi Hối khí và Quán Sách với lời giải vững và rõ hơn.

LUẬN VỀ THÁI TUẾ

Những sao của vòng Thái Tuế chỉ đi theo chiều thuận dù nam hay nữ, âm nam dương nữ hay dương nam âm nữ. Thái Tuế gặp các sao tốt mọi sự êm ả, nếu gặp hung sát tinh hay lưu niên sát kị tinh ắt sinh lắm phiền nhiễu.

Thái Tuế rất sợ gặp Thái Dương hãm Hóa Kị và Cự Môn Hóa Kị. Thái Tuế cũng không nên đứng vào cung tiểu hạn đối xung với Mệnh cung sách Trung Quốc gọi bằng "phạm Thái Tuế". Có những lá số mà Thái Tuế lúc nào cũng đối xung với Mệnh cung thì thường bị những khó khăn trở ngại luôn luôn.

Thái Tuế thuộc dương, lợi cho người sinh năm âm và ngược lại. Như vậy lý luận gọi bằng âm dương điều hòa, nếu có gặp sát kị thì họa hại cũng giảm.

Thái Tuế bản tính lạnh lùng, xét đoán và lý luận. Có câu phú: "Thân cư Thái Tuế dữ nhân quá hợp". Thái Tuế gặp

Xương Khúc Khoa Quyền văn chương danh thép. Thái Tuế gặp Tấu thư ăn nói biện thuyết. Mệnh phùng Tuế Tấu nói bằng sấm vang.

Thái Tuế gặp Hóa Kị Đà La bất lợi cho công danh dễ bị tai tiếng kiện cáo tranh dành. Thái Tuế đứng với Thất Sát miếu địa là con người vừa trí vừa dũng.

Thái Tuế đứng với Hoa Cái ở Mệnh cung giọng lưỡi kiêu kỳ. Thái Tuế đi với Tham Lang nói không thực, lòng không thành.

Tham lâm Thái Tuế một miền

Trong ngoài cơ trí đảo điên khó lường.

Thái Tuế gặp Quan phủ là có chuyện kiện tụng:

Sát Hình cô độc tính ương

Quan Phủ Thái Tuế đến thường công môn.

Thái Tuế gặp Không kiếp làm ăn suy vi:

Tuế ngộ Không Kiếp vận suy

Cứu tinh Mệnh có Tử Vi mới lành.

Dậu cung Hình Tuế cùng ngồi

Tai bay vạ gió do người gây ra.

Thái Tuế kị gặp sao Bệnh phù:

Bệnh phù Thái Tuế dờ thay

Mệnh Thân Hồng Đào vận hạn đến Thái Tuế Kiếp Sát thì vợ chồng chia ly:

Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan

Hạn gặp Tuế Kiếp phùng hoàng rẽ duyên.

Thiên Phủ, Đà La, Thái Tuế thủ. Mệnh nơi cung Ty là người hay nói cần nói rõ:

Phủ Đà Tuế đóng Ty cung

Thiền ngôn loạn ngữ nói rông thảng ngày.

Vận đến sao Thái Âm hãm mà bị Đà La Bạch Hổ,

Thái Tuế xung chiếu thì dễ có tang mẹ.

Nguyệt hãm Đà Hổ Tuế xung

Hải thay diêm mẹ thoát vòng trần gian.

Cung bảo huynh Thái Tuế đi với Xương Khúc có người anh em nổi danh:

Khúc Xương Thái Tuế cung Bào
 Có người anh trưởng thấp cao tung hoành.
 Thê cung Đà La Thái Tuế thì vợ chua ngoa:
 Đà Tham từ sắc la đà
 Tuế Đà mệnh lười ắt là sai ngoa.
 Cung từ tức Thái Tuế đứng với Xương Khúc thêm Long
 Phượng thì con cái về vang:
 Tử cung Long Phượng sang giàu
 Khúc Xương Thái Tuế thập hầu tặng phong.
 Nhưng sao Thái Tuế vào cung Tài Bạch lại thường
 không đắc thế lắm. Hãy đọc những câu phú sau đây:
 Gian tà Kiếp Sát Phục binh
 Khúc Xương Thái Tuế mưu sinh tảo tần.
 Quan phủ Thái Tuế đa đoan
 Thiên Cơ Thái Tuế gian nan mọi đường.

LUẬN VỀ THIẾU DƯƠNG

Thiếu Dương thuộc Hỏa. Tượng trưng cho mặt trời thứ hai. Tính chất thông minh, nhân hậu. Thiếu Dương đứng cùng Thái Dương đắc địa làm tăng sự sáng sủa hưng vượng. Thiếu Dương có khả năng làm giảm nhẹ những tai họa bệnh tật nhỏ.

Cái mặt trời thứ hai cũng như mặt trăng thứ hai là Thiếu âm có vẻ gương ép. Trong khi các sách Trung Quốc lại viết đi sau Thái Tuế là sao Hối Khí. Tính chất hoàn toàn tương phản với Thiếu dương.

Hối khí tượng trưng tình trạng tối ám ngưng trệ. Hối khí đóng Mệnh cung thì tâm tính ác liệt, có Hình Kỵ càng khó chơi. Vào vận hạn thì gặp tranh đoạt oan khuất.

Hối khí đóng cung Tài Bạch hay Quan Lộc vì tiền vì chức vị mà tâm tính độc hại hoặc lo phiền. Hối Khí đóng Phúc đức có thêm Hóa Kỵ tinh thần gò bó trầm trệ.

LUẬN VỀ TANG MÔN

Tang Môn đứng đối cung với Bạch Hổ. Tang Môn thuộc Mộc. Tang Môn chủ về tang tóc. Khoa Tử Vi Việt nói: Tang Môn đắc địa ở Dần Thân Mão Dậu. Khoa Tử Vi Trung Quốc không thấy đề cập sao này đắc địa ở những cung nào.

Mệnh có Tang Môn tinh lâm li, đàn bà nét mặt phản phát buồn. Tang Môn vào vận hạn mà gặp Xương Khúc Hóa Kị là có tang chế. Vận gặp Tang Môn Điều Khách ắt có chuyện buồn thương.

Tang Môn đắc địa nam mạng có tài, ham hoạt động chính trị và đầu óc xét đoán sắc bén. Luận Tang Môn cần đi theo với Bạch hổ vì là hai sao đi cặp.

LUẬN VỀ BẠCH HỔ

Bạch Hổ thuộc Kim, đắc địa Dần Thân Mão Dậu. Bạch Hổ nếu ở đất hãm là triệu chứng hung họa tang tóc. Bạch Hổ đi cùng nhiều sát tinh thì tính tình bạo ngược dễ đưa đến khắc vợ khắc chồng.

Nhiều sách Việt viết Bạch Hổ đứng với Thiên Hình Kinh Dương là người có chí lớn. Sách Trung Quốc lại cho rằng Bạch Hổ gặp Thiên Hình là có cái họa quan tọng mất tiền mất của. Bạch Hổ gặp Tham Lang tại Dần không nên nuôi thú hay ham săn bắn vì dễ bị thú vật cắn.

Cách Bạch Hổ đứng với Tâu thư được gọi bằng Hổ mang hòm sắc là văn chương lỗi lạc, cách này không đúng. Rồi đến cách Bạch Hổ Phi Liêm gọi bằng hổ mọc cánh công danh bạo phát lại càng sai, bịa đặt. Vì như trên đã nói Phi này không phải là bay.

Những câu phú về Tang Hổ đáng chú ý như sau:

*Bạch Hổ kiếp Tướng Quân Đào Tiềm qui ẩn. (Mệnh cung có Bạch Hổ đứng kèm sao Tướng Quân thì như Đào

Tiền xưa chẳng nên xông xáo vào công danh hãy qui ẩn mới an toàn, hoặc có tâm ý không màng danh lợi.)

*Nữ mệnh Hồ Riêu đa sự quá ưu. (Số đàn bà Bạch Hồ Thiên Riêu trắc trở rắc rối mà không biết lo.)

*Tang Môn thậm khổ ư Thiên La, thung huyên lãnh đạm. (Cung Mệnh tại Thìn thấy Tang Môn tâm chất luôn luôn sầu khổ ngay cả trong chỗ vui.)

*Hồ Tang Riêu Bệnh vị chi tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh hóa cát. (Mệnh có bốn sao hung, Hồ Tang Riêu Bệnh, nhưng được sao Thiên Đồng lại thành hay.)

*Bạch Hồ Tang Môn bất nghi ư Điền trạch. (Hai sao Tang Hồ không nên đứng vào cung Điền trạch.)

*Khả úy hàm kim chi Bạch Hồ. (Bạch Hồ đóng Dậu thủ Mệnh là người có oai.)

*Nữ mệnh ách địa hiểm Thai phùng Bạch Hồ. (Cung tật ách của nữ mạng rất kỵ có Thai và Bạch Hồ bị băng huyết.)

*Tang Hồ Kiếp Hình cư nhập Tử. Âm Kị lai xâm hữu tật nguyên. (Cung tử tức thấy Tang Hồ Kiếp Hình, hay Cư Môn Hóa Kị con cái tật nguyên.)

*Riêu phùng Bạch Hồ ác thú tương tàn. (Cung Mệnh hay cung Tật có Thiên Riêu Bạch Hồ hãy đề phòng thú vật.)

*Phúc cung ngộ Tang, Đào, Hồng, Tú
Trong họ hàng ắt có quả phụ.

*Hồ Đà Kị Nhật toan tân
Hùm thiêng chó dữ lánh thân mới toàn.

*Tang Môn, Mã, Nhữn hội cùng
Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng lành.

*Đồng Nguyệt Tí gái hoa dung
Gặp Tang Riêu Khốc khóc chồng có phen.

*Tham Đà đóng Dần cung hưởng lạc
Hoặc Ngọ Dần có ác tình vô

Hội cung Tang Hồ âu lo
Hoặc sét đánh nạn to đợi chờ.

*Hồ mã gặp Tấu đồng cung

Công danh thi cử nên công dễ dàng
 Hồ mã gặp Phi đồng sàng
 Ấy hồ mọc cánh mọi đường hanh thông.

*Lục Châu thừa lâu hồng phải ách
 Bởi Tuế Tang Điều khách cùng hòa.

*Dương Linh tọa thù mệnh ai
 Lại gặp Bạch Hổ họa tai đao hình.

*Hạn phùng Riêu Hồ ưu phiền
 Những loài ác thú chớ nên đến gần.

*Sát phùng Phù Hổ sao nên
 Dã Tràng thừa trước ưu phiền ngục trung.

*Phá Liêm Tang Đầu cùng lò
 Từ cao ngã xuống chờ giờ họa tang.

*Tứ Linh Cái Hồ Phượng Long
 công danh quyền thế lấy lừng một khi.

*Tham Vũ đóng đất Vồng La
 Gặp loài Tang Điều một nhà càng hung.

(Tham Vũ Tuất Thìn hội Tang Môn Điều Khách là xấu.)

*Hạn hành Vũ Khúc Tham tinh
 Tang Khốc Thái Tuế lâm Thìn Tuất cung
 Khuất Nguyên xưa phải trầm vong
 Tuổi Canh ấy phải đề phòng tử sinh.

*Hãm cung Tang Tuế Cơ Lương
 Ấy người kém phúc vợ con biếng chiều.

*Khốc Hư Tang Mã chẳng lành
 Hại người hại của phận đành tai ương.

*Đào Tang đóng ở Mệnh cung
 Lãng lơ gái ấy phụng loan dứt tình.

*Tật cung Thai Hổ huyết băng
 Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùng thanh cao.

*Tử Tang Tả Hữu cùng ngôi
 Có chi em gái duyên ôi chẳng lành.

(Ở cung Bào)

*Tang Môn Hư Khốc chẳng hay
 Tuần Triệt viễn phối họa may mới thành.

- *Phá Quân duyên nợ ít hoàn
Cổ Quả Tang Hồ Khốc thường tóc tang.
(Ở cung Phu Thê)
- *Hồ Tang Không Kiếp tương gia
Sinh con yếu triết những ba bốn lần.
(Ở cung tử tức)
- *Tuế, Hồ, Phù, hợp Khúc Xương
Có tài hùng biện văn chương anh tài.
(Ở cung Mệnh hay Quan Lộc)
- *Cổ Thân nếu giữ Điền cung
Tang Môn Án Lộc của mong tổ truyền.
(Ở cung Điền Trạch. Câu này mâu thuẫn với câu Tang Hồ bất nghi ư Điền Trạch, có lẽ nếu thêm Án Quang Hóa Lộc cho nên vậy chăng?)
- *Hao Không vườn ruộng được bao
Tang Môn Linh Hòa lâm vào hòa tai.
- *Tang Môn Bạch Hồ chẳng lành
Cửa nhà đủ chi nấu mình mà thôi.
(Ở cung Điền Trạch)
- *Tang Môn Cổ Quả chẳng hay
Quả Phu có kẻ thàng ngày cô đơn.
(Ở cung Phúc đức)
- *Tang Môn Linh Hòa chớ màng
Thường sinh hỏa hoạn trong hàng tộc tôn.
(Ở cung Phúc đức)

LUẬN VỀ THIÊU ÂM

Cùng tính chất như Thiêu Dương là mặt trăng thứ hai. Trong khi khoa Tử Vi Trung Quốc thay bằng sao Quán Sách. Sao này được coi là một tạp diệu trọng yếu. Quán Sách làm chuyển biến một số sao mà nó gặp.

Quán Sách gặp Tả Hữu thì người mà mình mong tới giúp lại dùng dằng chậm trễ hoặc bỏ cuộc, hoặc phạm sai lầm

mà hồng việc.

Quán Sách gặp Kinh Dương Thiên Hình bị ngăn trở bởi luật pháp, hoặc bệnh tật khiến công việc không tiến. Quán Sách không nên đóng ở Mệnh cung và Tài Bạch sẽ bị người khiển chế bằng quyền lực tiền bạc.

Quán Sách vào Quan Lộc dễ bị cách chức, hoặc do chức nghiệp mà bị đẩy vào hình pháp. Như vậy khác hẳn với tính chất tốt đẹp phù trợ của Thiếu Âm. Cũng như Thiếu Dương sự luận đoán tính chất về sao này lơ mờ. Xét ra Quán Sách hợp lý hơn.

LUẬN VỀ QUAN PHÙ

Quan phù theo nghĩa chữ là một mệnh lệnh cấm chế thời xưa thuộc quan ty hình pháp. Quan phù thuộc Hỏa. Quan phù đứng một mình vô lực. Nó đứng theo thế tam hợp với Thái Tuế Bạch Hổ.

Nếu có thêm Sát Kị đứng với Thái Tuế thì Mệnh vận có Quan phù mới tác hại. Quan Phù phạm kị sát mà gặp luôn cả Hỏa tinh thì càng phiền dữ cách gọi bằng "Hỏa thoi Quan Phù" hung sự tới rồn rập và bất ngờ.

Quan Phù gặp Xương Khúc Thái Tuế không có sát kị tinh thì lại là người biện thuyết giỏi hợp với nghề thầy kiện. Hội với Tuế Đà Kị là rắc rối. Gặp Liêm Tang Hổ tai nạn thị phi.

LUẬN VỀ TỬ PHÙ

Tử Phù thuộc Hỏa. Tử Phù tính chất u ám buồn thảm gây cản trở cho công việc, phá rối những niềm vui. Luận cứ về sao này không mấy rõ rệt vững vàng.

LUẬN VỀ TUẾ PHÁ

Tuế Phá là sao đối xung với Thái Tuế. Tỉ dụ Thái Tuế ở Tí thì Tuế phá ở Ngọ. Nó chống phá Thái Tuế. Tuế Phá không nên đóng ở cung Tài Bạch, đóng đây mà gặp Hòa Linh Vũ Khúc thì vấn đề tài chánh đột nhiên phát sinh tranh chấp. Tuế phá cố định không gây hại bằng Tuế phá lưu niên mà thông thường ta vẫn gọi là năm xung tháng hạn.

Nếu Tuế phá rơi vào cung phụ mẫu mà những sao khác ở cung này cũng xấu thì sẽ có nỗi lo tang chế. Tuế phá chủ về chống đối phá phách. Tuế phá thuộc Hòa.

LUẬN VỀ LONG ĐỨC, PHÚC ĐỨC

Long đức Phúc đức cùng một tính chất: giải trừ tai nạn đau ốm, quan tụng. Sách vở Trung Quốc đưa sao Thiên Đức vào vòng Thái Tuế và không có Phúc đức cho vòng này. Sách vở Việt thì Thiên Nguyệt đức tính riêng theo năm sinh khởi từ hai cung Tỵ và Dậu.

Long đức Phúc đức gặp được Thiên thọ khả năng giải trừ đau ốm càng mạnh. Long đức, Phúc đức, Thiên đức, Nguyệt đức hội tụ vào Mệnh cung là cách tứ đức. Có bốn sao này thì tính dâm đảng của Đào Riêu Hồng Kiếp bị chế ngự không rõ ràng nữa. Phúc đức thuộc Thổ.

LUẬN VỀ ĐIỀU KHÁCH

Điều Khách tượng trưng cho bộ quần áo tang (hiếu phục). Điều Khách chỉ ảnh hưởng xấu khi vào vận hạn mà lưu niên Điều Khách mà đến cung có Tang Môn cố định hoặc Thiên hình, Thái tuế. Điều Khách đóng mệnh cung thường hay nói khoác, ba hoa.

Khoa Tử Vi Việt có cách Điều Khách đi cùng Thiên

Mã Thiên Khốc gọi tắt bằng Mã, Khốc, Khách. Cách này làm ra hình tượng cưỡi ngựa có kẻ hầu có nhạc loa là hình tượng mọi sự tốt đẹp thành tựu.

Mã Khốc Khách vào vận hạn cũng như vào Mệnh Thân đều hay.

Tuần mã Khốc Khách hợp bài

Ngựa kia có nhạc anh tài lên yên.

LUẬN VỀ TRỰC PHÙ

Vòng Thái Tuế của Trung Quốc không có hai sao Tử phù và Trực phù. Theo các sách Việt thì Tử Phù và Trực Phù đều thuộc Hỏa, tính chất tối tăm buồn bã gây rắc rối cho công việc, gây tang thương cho quan hệ giữa người với người.

Qua kinh nghiệm không thấy được ảnh hưởng rõ rệt của hai sao này. Chúng đáng kể như một nhược điểm của khoa Tử Vi, hoặc vì tam sao thất bản mà thành ra thiếu sót.

NÓI VỀ NGŨ HÀNH SỞ THUỘC CỦA CÁC TẬP ĐIỀU

Không rõ căn cứ vào đâu hầu hết tập điều của Tử Vi Việt đều ghi ngũ hành sở thuộc trong khi tập điều ở các sách Trung Quốc không thấy ghi.

Có thể mình đã vẽ rắn thêm chân? Qua vòng Tràng Sinh thì rõ cái chuyện vẽ rắn này. Như ta gọi sao Thai thuộc Thổ, sao Dưỡng thuộc Mộc, sao Lâm Quan Đế Vương thuộc Kim thì thật vô lý.

Vì sao? Vì vòng Tràng Sinh là quá trình sinh ra lớn lên của một hành nếu theo số Tử Bình, còn Tử Vi thì tính Tràng Sinh căn cứ theo Hành cuộc, như Thủy nhị cục. Hoá Lục Cục...

Khi luận đoán tập điều gần như chẳng bao giờ đặt vấn

đề ngũ hành. Nếu tạp diệu mà cũng ngũ hành thì luận đoán sẽ đi vào màn khói mù.

LUẬN VỀ SAO ÂM SÁT

Tử Vi khoa Việt không có sao Âm Sát. Nhưng Tử Vi khoa Trung Quốc lại rất chú trọng đến sao này. Âm Sát an thế nào? Âm Sát là sao thuộc nguyệt hệ, an theo tháng sinh như sau:

Sinh tháng 1 Âm Sát đóng Dần
 Sinh tháng 2 Âm Sát đóng Tí
 Sinh tháng 3 Âm Sát đóng Tuất
 Sinh tháng 4 Âm Sát đóng Thân
 Sinh tháng 5 Âm Sát đóng Ngọ
 Sinh tháng 6 Âm Sát đóng Thìn
 Sinh tháng 7 Âm Sát đóng Dần
 Sinh tháng 8 Âm Sát đóng Tí
 Sinh tháng 9 Âm Sát đóng Tuất
 Sinh tháng 10 Âm Sát đóng Thân
 Sinh tháng 11 Âm Sát đóng Ngọ
 Sinh tháng 12 Âm Sát đóng Thìn.

Như vậy sao Âm Sát chỉ có mặt ở các cung Dần, Tí, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn thôi không vào các cung khác. Âm Sát tính chất là nghi tâm. Âm Sát vào quan hệ giao tế là tiêu nhân.

Âm Sát vào tư tưởng tâm lý là ảo giác thiên về những điều quái dị. Sao Âm Sát qua luận đoán của những vị tu hành (Phật giáo) là sao thuộc về linh giới.

Một nhà tướng số Trung Quốc tên Trịnh Giá Học có viết nguyên một cuốn sách về Âm Sát cả mấy trăm trang, nhưng thâu tóm lại ta có thể đưa thẳng ra những nguyên tắc của một trang cũng đủ, mấy trăm trang chẳng qua chỉ là những dẫn chứng rườm rà.

Sau đây là tác động của Âm Sát đối với các cung. Âm

Sát vào Mệnh hay gặp tiểu nhân, bản tính nghi nghi hoặc nên dễ bị phiền não vô ích, nếu thấy luôn cả Đà La, Hóa Kị Không Kiếp hãm thì dễ dàng đi đến ảo giác, suy nghĩ vớ vẩn hoặc vì ma túy mà ra con người đầu óc lơ mơ.

Âm Sát ở cung Thiên Di, con người cô độc, ít hợp, khó hòa đồng hay ngại ngùng nghi kỵ, mê muội với sự vật hư ảo.

Âm Sát ở Tật Ách thêm những sát tinh khác, tư tưởng hành động thiếu thẳng băng bệnh tâm trí.

Âm Sát ở Phụ Mẫu ư những vọng tưởng không thực về gốc gác mình.

Âm Sát ở Nô Bộc hay uất ức với bè bạn, với một công việc hợp tác, nghi kỵ. Âm Sát ở Huynh đệ thường bị phản từ nội bộ.

Âm Sát ở Phối cung đau khổ ngờ ngán vì người thương yêu mất đi do sinh ly hay tử biệt.

Âm Sát ở cung Quan Lộc làm một việc mê muội mà hại đến sự nghiệp, mê vợ, mê tình nhân, hoặc cả tin vào bạn, người dưới quyền, người trên mà khốn khó.

Âm Sát ở cung Tài Bạch vì tự cao tự đại, vì tham mê mà phá sản.

Âm Sát ở cung Phúc đức tâm lý tư tưởng quá khích, cuồng tưởng, vọng tưởng, cuồng tín, gặp thêm các sát kị tinh có thể thành điên.

Âm Sát ở cung Tử tức con người rất chủ quan, lại hay đi vào tín ngưỡng tôn giáo đồng bóng, tuyệt đối tin rằng con cái mình giỏi hơn, đáng kính đáng yêu hơn bất cứ ai khác.

Âm Sát ở cung Điền Trạch thường gặp những nhà cửa có ma quỉ, hoặc vì vợ mất đi, con chết mà cứ lớn vờn thấy linh hồn vợ con phảng phất.

QUAN PHỦ VÀ QUAN PHỦ

Vòng Bác Sĩ và vòng Thái Tuế có hai sao tính chất

gần giống nhau để làm cho người ta lầm lẫn ấy là sao Quan Phù thuộc vòng Bác Sĩ và sao Quan Phù thuộc Thái Tuế. Giống nhau ở điểm cả hai đều có thể gây ra chuyện dính dấp đến luật pháp.

Sao Quan Phù của vòng Thái Tuế bao giờ cũng đứng thế tam hợp với Thái Tuế cư có Thái Tuế là phải có Quan Phù hội hợp. Còn Quan Phù của vòng Bác Sĩ thì lại không có chuyện tam hợp như Quan Phù của Thái Tuế.

Câu phú: Quan Phù Thái Tuế một cung
Đêm ngày châu chực cửa công mời mồn.

Nếu Quan Phù của câu này mà đổi thành Quan Phù, thì ai cũng sẽ rơi vào vòng lao lý hết sao? Thế nhưng Quan Phù của vòng Thái Tuế cũng có tính chất của một mệnh lệnh cấm chế thời xưa thuộc quan ty hình pháp. Như vậy hai sao này đã gây nên một nghi vấn. Do tam sao thất bản, hay do tối nghĩa?

TỬ HÓA
LỘC - QUYÊN - KHOA - KỊ

ĐỊNH NGHĨA CHỮ HÓA

Lộc Quyền Khoa Kị đều có chữ hóa ở trước. Hóa là chuyển biến, chuyển động, chuyển hóa. Cho nên tứ hóa không thể xem là một tinh diệu và tứ hóa chỉ là hiện tượng biến hóa. Tỉ dụ Liêm Trinh đứng với Hóa Lộc, làm Hóa Lộc có thể làm biến hóa khí chất của Liêm Trinh.

Cũng như năng lượng mặt trời ra bốn mùa xuân hạ thu đông. Tứ hóa lấy thứ tự xuân hạ thu đông vì vậy chúng đi theo thứ tự Lộc, Quyền, Khoa, Kị, không thể đặt lộn lại Kị Khoa Quyền Lộc.

LUẬN VỀ HÓA LỘC

Hóa Lộc thuộc Mộc ví như mùa xuân hướng ra khắp bốn phía mà phát triển. Xuân là mùa sinh sôi nảy nở, vậy thì Hóa Lộc tượng trưng mùa xuân thì cũng sinh sôi nảy nở.

Xuân tượng vạn vật đều phát triển, mọi sự tốt tươi nên Hóa Lộc cũng mang tính hòa hài, tiêu đi những tranh chấp, chế hóa tai nạn.

Sách viết: "Hóa Lộc, thực lộc bất khuyết, phát triển thuận lợi" vậy nên đặc tính cơ bản của Hóa Lộc là phát triển. Người Hóa Lộc không nhất định là thông tuệ chỉ có khả năng hòa hài phát triển cũng không nhất định là người tài hoa.

LUẬN VỀ HÓA QUYỀN

Hóa Quyền thuộc hỏa đới thổ ví như mùa hè, như lửa bốc tính chất mãnh liệt. Mùa hè ngũ hành thuộc hỏa, vạn vật đến hè thì xanh tốt vinh vượng.

Mùa xuân mới chỉ là mầm mống, nếu không đủ sức sống tất nhiên bị đào thải, còn tồn tại tức là sức phải mạnh. Bởi thế hóa quyền chủ về tự tin và làm việc đắc lực. Làm

việc đắc lực đi đôi với vất vả gian khổ cho nên Hóa Quyền cũng tượng trưng cho tình trạng vất vả chiến đấu. Ngoài ra Hóa Quyền đôi lúc trở thành tự phụ vì tự tin tâm quá cao.

Mùa hè ánh nắng chói chan, quang minh do đó tính tình Hóa Quyền chính trực. Hóa chủ lễ cho nên Hóa Quyền khi đối xử tỏ ra lịch lãm khuôn phép tuy nhiên cũng lại dễ xung động.

LUẬN VỀ HÓA KHOA

Hóa Khoa thuộc thuộc kim. Thu là mùa của thâu liễm với ý nghĩa nội liễm hàm súc mang ý vị văn chương và trí tuệ, tài hoa tiềm ẩn mà không lộ bởi vậy nên tâm cơ không gian trá.

Hóa Khoa tượng thu kim trong ngũ thường là chữ Nghĩa. Bởi vậy người có Hóa Khoa thường liêm khiết, một lòng một dạ, khuynh hướng bảo thủ nên ít khi hoành phát, nhưng được kính nể.

LUẬN VỀ SAO HÓA KỊ

Hóa Kị trong ngũ hành là thủy, tượng về sự tuyệt diệt của vạn vật trong thời kỳ phải ẩn tàng. Hóa Kị ví như mùa đông bề ngoài cây cối trơ trụi nhưng bên trong là sức sống mãnh liệt để tạo biến đổi, thay thế đợi mùa xuân tới bung ra. Hóa Kị là lúc phải chịu cuộc thanh toán triệt để, thoát thai hoán cốt. Vì phải biến hóa nên thông minh linh sảo.

Mùa đông ngũ hành thuộc thủy. Thủy chủ về trí tuệ. Mùa đông chủ về ẩn tàng. Trí tuệ mà ẩn tàng thì ý nghĩ khó đoán ra, bởi vậy người Hóa Kị thường hay mưu, đôi lúc gian trá, đầu óc quyền biến vô thường. Thủy chủ động nên thường xuyên soay chuyển, soay chuyển quá độ thành ra bội phản.

TÁC DỤNG CỦA TỬ HÓA

Tử Hóa tác dụng rất lớn đối với các chủ tinh đến mức có thể làm biến đổi luôn tính chất của chủ tinh mà chúng đứng cùng. Thái Dương đi với Hóa Quyền khác hẳn Thái Dương đứng với Hóa Khoa hay Hóa Lộc. Trên lá số có tứ hóa cố định.

Nhưng tiểu hạn mỗi năm cũng phải tính cả ảnh hưởng phụ của tứ hóa do hàng can của năm tiểu hạn. Như vậy người Trung Quốc họ tính luôn cả lưu tứ hóa.

Hóa Lộc trong tử vi khoa kể như một sao trọng yếu về tiền bạc dù nó đứng với sao nào thì tính chất tài lộc vẫn thế, chỉ thay đổi theo mức độ hơn kém nhiều ít.

Sao tiền bạc còn có Lộc Tồn nữa, được Lộc Tồn thành ra “điệp Lộc” hay “song Lộc”, tiền bạc thêm sức lưu thông để phân phát, nếu Hóa Lộc không thôi thì chỉ là tích súc.

Hóa Quyền mang tính chất quyền lực, quyền lực ra đi đòi với địa vị, có địa vị rồi mới có quyền lực. Địa vị ở đây xin đừng hiểu đơn thuần như chức vị.

Hóa Quyền ở đại hạn, hay Hóa Quyền ở tiểu hạn hoặc Hóa Quyền ở Mệnh cung mà được thêm Hóa Quyền lưu theo tiểu hạn càng tốt.

Hóa Quyền ngoài tính chất quyền lực còn có tác dụng gây chi phấn đấu, tạo tính tích cực và tính ổn định. Tỉ dụ Thiên Cơ vốn là sao hiếu động không ổn định nhưng một khi gặp Hóa Quyền thì tình trạng động trên giảm hẳn mà thành ra linh hoạt phát huy với kế hoạch rõ ràng.

Hóa Quyền cũng đem đến khả năng quản lý vững chắc. Hóa Quyền hợp với Hóa Lộc, Hóa Khoa. Hóa Quyền đứng với Hóa Kị dễ bị chiêu oán ganh ghét.

Trường hợp có thêm những sao khác để biến ra quyền uy tuyệt đối dù kẻ ganh ghét oán hận cũng chẳng làm gì được lại khác.

Hóa Khoa cơ bản tính chất là danh dự và thanh vọng. Vì thế Hóa Khoa cần Văn Xương Văn Khúc để thành cái thế "Khoa danh đồng hội" bằng vàng ghi tên, nhất là đối với xã hội xưa chuộng khoa bảng.

Còn xã hội thương nghiệp thì Thái Âm Hóa Khoa hay Vũ Khúc Hóa Khoa hoặc Thiên Phủ Hóa Khoa cũng tạo nên thanh vọng. Xã hội thương nghiệp những tài tinh Vũ Khúc, Thái Âm, Thiên Phủ đứng bên Hóa Khoa đẹp hơn Xương Khúc.

Hóa Khoa ở một vị thế nào đó hoặc một sự kết hợp với các sao khác có thể chỉ là hư danh hoặc tự mãn thôi. Hóa Kị trong tử vi khoa tính chất khá phức tạp, Hóa Kị có hai mặt tốt và xấu, rõ rệt và khi gây tác dụng cũng ác liệt. Tỉ dụ Thái Dương dễ gây tiếng tăm, nổi đình nổi đám nhưng đứng với Hóa Kị thì chuyện ganh ghét đố kỵ cũng thật ghê gớm.

TÁC ĐỘNG CỦA HOÁ LỘC VỚI CÁC CHỦ TINH

HÓA LỘC LIÊM TRINH

Liêm Trinh mang sắc thái xung đột giữa cảm tính và lý trí. Liêm Trinh tình cảm hơn Phá Quân. Liêm Trinh lý trí hơn Tham Lang. Khi đoán về Liêm Trinh đứng cùng Hóa Lộc, cần phải coi các sao phụ làm tăng phần lý trí hay cảm tính của Liêm Trinh trước đã.

Nếu Liêm Trinh có Đào Hoa Hóa Khoa kèm bên thì phần cảm tính nặng. Nếu Liêm Trinh gặp Hòa Linh Phụ Bát đồng độ phần lý trí nặng.

Liêm Trinh Hóa Lộc mà phần tình cảm nặng, vấn đề tích tụ tài sản khó hơn. Liêm Trinh Hóa Lộc mà phần lý trí nặng là con người duy lợi với nhiều thủ đoạn kiếm tiền.

Như vậy Liêm Trinh Hóa Lộc hợp với các cung Mệnh, Tài, Quan. Đổng vào cung Phúc thanh ra ý hướng chỉ ham hưởng thụ, phá của hơn làm ra của.

Trường hợp Liêm Trinh Hóa Lộc đứng thế hãm mà gặp các sao Sát, Hòa, Linh, Không, Kiếp lại khiến cho vì tiền bạc mà hệ lụy, tỉ dụ có bạn phản, đam mê cờ bạc thuốc sái, sắc tình dễ bị phá sản.

Liêm Lộc lạc hãm đóng cung Tật Ách. Liêm Trinh chủ phế bệnh và thận bệnh. Khi tâm thần bất giao còn gây ra thần kinh bệnh.

Liêm Trinh Hóa Lộc vào cung Phụ mẫu không nhất định là cha mẹ giàu có mà nhất định quan hệ tình cảm với bố mẹ đầy đặn.

Liêm Lộc đóng Phối cung thì Phu Thê đặc lực cùng nhau gây cơ nghiệp. Liêm Trinh Hóa Lộc vào cung Bào hay cung Nô thì anh em hay bạn bè đặc lực nếu không ở thế hãm.

Liêm Lộc phải nhất diện đào không nên đứng với vừa cát tinh vừa hung tinh gây thành tình trạng xung đột giữa cảm tình với lý trí cung cách xử thế vì vậy mà lắm khuyết điểm.

Liêm Trinh Hóa Lộc không nên hội xung với Vũ Khúc Hóa Kị (Tỉ dụ nguyên cục Vũ Kị gặp đại hạn Liêm Lộc) gây ra hao tài tổn của vì tình cảm hoặc vì tranh chấp tiền bạc mà mất cảm tình.

Trái lại Liêm Lộc sẽ tốt hơn nếu gặp Tham Lang Hòa Tinh, làm cho Tham Hòa bạo phát. Nhưng phải coi chừng Không Kiếp vì có cả Không Kiếp tất bạo phát với bạo bại đi đôi. Bạo phát do may mắn rồi bạo bại lại do rủi ro. Trí tuệ và tài năng không tham dự bao nhiêu.

Liêm Trinh Hóa Lộc hay hơn hết là thấy Lộc Mã giao tri. Nguyên cục Liêm Lộc tới vận giao tri Lộc Mã dễ làm giàu, với điều kiện không bị Dương Đà Linh Hòa Không Kiếp nhảy vô phá.

HÓA LỘC THIÊN CƠ

Thiên Cơ là sao mang tính phù động. Dù gặp Hóa Lộc, tính chất động ấy vẫn nguyên vẹn. Lộc sao tiền bạc, tiền

bạc cần chuyển động luân lưu. Cho nên Thiên Cơ được Lộc kẻ làm tốt.

Có Lộc đóng Mệnh hay Tài Bạch cho người Thiên Cơ khả năng kinh thương cao. Ở thời đại này, Cơ Lộc khả dĩ phục vụ trong những việc liên hệ đến kinh doanh tài chánh, với bổng lộc cao không nhất thiết phải chính mình đứng chủ kinh doanh.

Điểm chú ý: Cơ Lộc không phải là số cự phú, không thể tuyệt đối độc lập, cần dựa vào thế lực hậu trường, đầu cơ thế lực, nghe ngóng cơ hội.

Thiên Cơ bản sắc biến động, bởi vậy có những trường hợp Cơ Lộc nổi lên một sự thay đổi mới, nhờ cơ hội mới mà phân phát hơn.

Cơ Lộc gặp Tả Phụ thường được kiêm chức. Lại thêm Quyền Khoa thì chức vị mở đường cho sự hanh thông trong tương lai.

Thiên Cơ Hóa Lộc tối kỵ gặp Hòa Linh. Hòa Linh tất làm tăng tính phù động của Thiên Cơ, nhờ Hóa Lộc khả dĩ phân phát nhưng rất mau tiến vào thất bại.

Cơ Lộc bị Không Kiếp cũng thế, càng trèo cao càng ngã đau. Mở ra năm bảy tiệm dùng một cái vỡ nợ vì thiếu hoặc vì căng ra quá mà đứt vỡ.

Cơ Lộc cùng gặp một lúc cả hung lẫn sát tinh vây bọc thì nên giữ thái độ "bất cảm vi thiên hạ tiên" đứng xuống hàng hai để tránh xung sát đưa đến kết quả bất toàn.

Thiên Cơ Hóa Lộc mà Cơ đi cùng Thái Âm bén nhậy hơn trong công chuyện làm ăn. Thiên Cơ Hóa Lộc mà đi với Thiên Lương dễ gặt hái tín nhiệm khi vào kinh doanh. Thiên Cơ Hóa Lộc mà Cơ đứng với Cự Môn không bị hung sát tinh có thể làm giàu nhưng thường không bền.

HÓA LỘC THIÊN ĐỒNG

Thiên Đồng là phúc tinh ngưng lặn trong lãnh vực tình

thần. Thiên Đồng đứng cùng Hóa Lộc thường dễ được cuộc sống vật chất thoải mái với con người tri túc, Đồng Lộc đi với nhau không đưa đến phú quý. Cái tri túc giống như một con người đã trải trăm cay ngàn đắng nay có cuộc sống đầy đủ bình ổn.

Bởi lẽ trên, Thiên Đồng Hóa Lộc phát muộn, tuổi về già mới an định hoặc phấn phát lên, còn tuổi trẻ gian lao vất vả thành bại vô thường.

Thiên Đồng Hóa Lộc bị Không Kiếp hay các sát diệu khác thì gian lao vất vả hơn lúc già sự an định hay phấn phát chỉ tương đối.

Vì Thiên Đồng chủ về tình tự, nên hay gặp cái vui đột nhiên tỉ dụ đánh canh bạc được kha khá, mua số số trúng vừa vừa.

Thiên Đồng Hóa Lộc có được thêm Lộc Tồn xung chiếu hay tam hợp chiếu thì tài khí vượng hẳn, đột nhiên biến đổi từ nghịch sang thuận. Có cả Tả Hữu Khôi Việt nữa càng hay, cơ hội trợ lực càng nhiều và phấn phát không nhỏ.

Thiên Đồng Hóa Lộc tối kỵ đồng cư với Không Kiếp cũng đột biến nhưng mà từ thuận sang nghịch, dễ dàng vỡ nợ. Trường hợp vừa có Tả Hữu, Khôi Việt lại vừa có cả Không Kiếp thì sao? Tả Hữu Khôi Việt không thể địch lại Không Kiếp.

Thiên Đồng Hóa Lộc cũng đừng nên hội với Đào Hoa, nhất là Đào Hoa rồi còn thấy cả Xương Khúc nữa thì phiền, sớm muộn rồi sẽ thành phong lưu dăng từ. Không thiếu tiền nhưng tiền bao nhiêu rơi vào rượu chè dĩ bọm hết. Nói khác đi đây là số công tử con nhà giàu hoặc là người làm cái nghề "ăn chơi". Có số này nên mở quán rượu nhà nhảy nhà tắm hơi hợp cách. Có điều là không bao giờ giữ được của.

Thiên Đồng Hóa Lộc Đào Hoa Xương Khúc vào cung Tật Ách trai gái dễ mắc bệnh phong tình. Thiên Đồng Hóa Lộc đóng Thê cung trước đắm thắm sau nhạt tình.

HÓA LỘC THÁI ÂM

Thái Âm là tài tinh, Hóa Lộc chủ về tiền tài. Như vậy Thái Âm với Hóa Lộc kể là đồng khí, Hóa Lộc tăng cường lực lượng cho Thái Âm với điều kiện Thái Âm phải đứng ở miếu địa. Hóa Lộc được Thái Âm miếu khiến cho thuận toại về tiền bạc mạnh hơn.

Nếu Thái Âm đứng thế hãm thường chỉ mãn nguyện trên tinh thần chứ không trên thực chất nghĩa là phong lưu vui sướng mà không có nhiều tiền.

Hóa Lộc Thái Âm khác với Hóa Lộc Thiên Đồng ở điểm không bị đột biến rơi vào nghịch cảnh. Nói khác đi Đồng Lộc thường gian truân hơn Âm Lộc.

Hóa Lộc Thái Âm lúc khá giả, tính trên con số thì không hơn thiên hạ nhưng tâm tình cung cách hưởng thụ hơn hẳn Đồng Lộc, ngay cả lối kiếm tiền cũng ung dung thanh thản hơn.

Thái Âm là sao tiền bạc. Vũ Khúc cũng là sao tiền bạc, nhưng Thái Âm chủ tính thiên về tiềm tàng kiếm tiền bằng kế hoạch cho nên không sôi nổi bồn ba như Vũ Khúc.

Khi Thái Âm đóng hãm cung lại kèm bên sát diệu hoặc đứng với Không Kiếp thì dù có Hóa Lộc kế hoạch cũng thường bị hư, hoặc chỉ nói thôi mà chẳng làm vẽ rồng vẽ rắn, thực tế chỉ là số không, tính giỏi mà không xong.

Thái Âm Hóa Lộc đương nhiên cung Phúc có Cự Môn Hóa Kị, bởi vậy Âm Lộc không bao giờ được đặt vào tình cảnh đột biến từ nghịch sang thuận để hoạnh tài (được bạc hay trúng số).

Cũng như Đồng Lộc, Âm Lộc không nên đứng với Đào Riêu Xương Khúc sẽ vì mê đắm sắc tình bê trễ làm ăn. Âm Lộc vào cung Tật Ách đứng thế hãm hay mắc bệnh trên bộ phận tiêu hóa, tì vị và ruột.

HÓA LỘC THAM LANG

Tham Lang giỏi về giao tế thù úng, thù đoạn tròn chẵn, đối với người thường sẵn sàng giúp đỡ những ân huệ nhỏ. Tham Lang không có tài lãnh đạo nhưng có tài qui tụ. Tham Lang đi với Hóa Lộc khả năng giao tế càng tốt hơn, nhất là giao tế để tìm ra cơ hội kiếm tiền.

Tham Lang Hóa Lộc có Đào Hoa Thiên Riêu Đại Hao Mộc Dục kèm bên, chuyên ra con người đam mê tửu sắc, khách quen của vũ trường, hoan trường, thường do rượu chè trai gái mà mắc thị phi.

Tham Lang Hóa Lộc đứng với Tả Hữu, bạn bè đông mà toàn bạn bè được việc. Nhưng Tham Lang Hóa Lộc đứng với Kiếp Sát, Thiên Hư, Tai Sát, Chi Bối, Âm Sát thì chỉ gặp toàn tiểu nhân phản bội, kéo bè kết đảng.

Tham Lang không Hóa Lộc gặp những sao trên, thị phi phản bội nhẹ hơn. Tham Lang được Hòa Linh đồng cư hay xung chiếu gọi là Tham Hòa, Tham Linh thêm Hóa Lộc thì hoành tài, tiền bạc vào tay bất ngờ và được mất đều mau chóng Tham Hòa hay Tham Linh rất sợ gặp Không Kiếp phải đề phòng đột nhiên phá bại, phú quý chỉ như đóa hoa đàm mà thôi.

Bản chất Tham Lang ưa cạnh tranh (đánh bạc cũng là một tâm tính ưa cạnh tranh). Tham Lang Hóa Lộc vào cạnh tranh để có lợi. Thêm sát tinh thì cạnh tranh gian khổ hơn. Công việc sắp thành gặp đột biến phải gắng công một lần nữa rồi mới được như ý nguyện. Sát thì Đà La mạnh nhất, rồi đến Kinh Dương Không Kiếp.

Tham Lang Hóa Lộc đứng với sát tinh đang thắng chuyển bại, nhưng mặt khác lại đang bại chuyển thắng. Bởi vậy ở tình tạng thất cơ lỡ vận nên liêu, đã ăn nên làm ra rồi phải hết sức thận trọng.

Tham Lang Hóa Lộc ở Mệnh, ở Tài Bạch tốt đẹp hơn Quan Lộc. Vào Quan Lộc chức nghiệp thăng giáng luôn.

Tham Lang Hóa Lộc đóng cung Thê cung Phu không

mấy hay, nếu gặp cả Đào Hoa Xương Khúc ở đây, thì người phối ngẫu không trung trinh. Nhưng lại thấy cả sao Thiên Hình hay Tuần Triệt thì phải đoán là người phối ngẫu ở trong giới nghệ sĩ, hoặc có công việc dính líu đến hoan trường chứ không nhất định là bất trung bất trinh.

Tham Lang Hóa Lộc vào Tật Ách về già hay suy kiệt, số nữ thường mắc bạch đới đường kinh lộn xộn.

HÓA LỘC VŨ KHÚC

Vũ Khúc là tài tinh, gặp tài tinh Hóa Lộc. Xông xáo, nhiệt tâm phấn đấu kết quả đặc tài. Đồng Lộc, Âm Lộc thường có may mắn thừa hưởng, riêng Vũ Lộc phải đổ mồ hôi của chính mình.

Vũ Khúc Hóa Lộc không bị Sát Kị Hình Hào lại có Tả Hữu khôi Việt, Thai Tọa, Quang Quý thông qua chức quyền mà có tiền.

Vũ Khúc gặp Sát Kị Hình Hào thì sự thành công trên tiền bạc phải kinh qua vất vả gian tân, nhất là đối với nữ mạng.

Tài tinh rất ngại Không Kiếp. Vũ Khúc Hóa Lộc cũng thế. Vũ Khúc Hóa Lộc bị Không Kiếp đồng hội, quá trình làm ăn tiền bạc bất ngờ hao tán làm mất luôn thắng bằng dự đoán của mình, gặp Văn Khúc Hóa Kị cũng vậy.

Câu phú:

Văn Khúc Vũ Khúc rất hay

Gặp Khoa Quyền Lộc là tay anh tài.

Câu này có lẽ là Văn Xương chứ không phải Văn Khúc. Vì Vũ Khúc không hợp với Văn Khúc, nhất là Văn Khúc đi cùng Hóa Kị.

Văn Khúc gặp Vũ Khúc biến Vũ Khúc thành hư phù hữu danh vô thực có chức nhưng không quyền hành, có tiền lương cao, lộc to lời lớn nhưng không bền lâu. Với Văn Xương thì không vậy.

Vũ Khúc không sợ Hòa Linh Dương Đà, trái lại những sao này còn trợ lực cho ý chí phấn đấu của Vũ Khúc, tất nhiên phải gặp nghịch cảnh gặp khó khăn thì mới cần trợ lực, nhưng kết quả là thành, chỉ mất nhiều công sức thôi, không bị phá hao như Văn Khúc Hóa Kị gây ra.

Vũ Khúc Hóa Lộc Tham Lang đứng chung tuy không được Hòa Linh vẫn phát đạt (như đã nói ở chương trên). Trường hợp gặp Hòa Linh thì bạo phát bạo bại khi đối đầu Sát Kị, Hình Hao kẻ cả gặp trên vận hạn.

Vũ Khúc Hóa Lộc đóng cung Tật Ách làm giảm đi những hung hiểm của bệnh tật. Vũ Khúc Hóa Lộc đóng cung Phối, nhất là Vũ Tham đưa đến tình trạng cuộc sống vợ chồng đột nhiên sinh biến, nếu thấy luôn những tình diệu đào hoa ắt hẳn có kẻ thứ ba xâm nhập.

HÓA LỘC THÁI DƯƠNG

Thái Dương chủ quý không chủ phú, nên dù gặp Hóa Lộc thì tiền bạc không đến từ cuộc phấn đấu kinh doanh mà đến từ địa vị xã hội như người xưa nói tiền quý hậu phú.

Tính chất Thái Dương là phát tán tỏa ánh dương quang chiếu tỏa chứ không thu liễm góp nhặt. Hóa Lộc đứng bên cạnh khiến cho phát tán tăng cường.

Thái Dương Hóa Lộc cùng một lúc phải được cả Khôi Việt, Phụ Bát, Xương Khúc thì mới toàn hảo, cục diện mới lớn lao. Chỉ độc Thái Dương Hóa Lộc thôi dễ bị ganh ghét đố kỵ, dễ trở thành cô lập tứ diện thọ địch khó bề phát triển mạnh.

Trường hợp Thái Dương Hóa Lộc gặp Không Kiếp thì tình trạng cô lập trở nên tuyệt đối lại phát sinh ý đồ lỏi lạc vượt hẳn thiên hạ trong tình cảnh nhiễu nhương tao loạn, nhất là Thái Dương hãm địa (Hợi, Tuất) với điều kiện không gặp sao Hóa Kị.

Vì tính chất Thái Dương phát tán nếu đứng vào cung

làm cho sự phát tán rực rỡ quá, tỉ dụ Ty hay Ngọ. Địa vị rõ ràng khiến người chói mắt mà sinh bức bội ngửa mắt. Cách Nhật lệ trung thiên hữu chuyên quyền chi quý mang khuyết điểm này, đôi khi rực rỡ bên ngoài quá mức lại chỉ là hữu danh mà vô thực.

Mặt trời ban mai, mặt trời hoàng hôn quang huy phát tán không quá mạnh khiến con mắt người đời thoải mái hơn mà không bị chói kị cô lập, quyền chức vẫn cao, tiền vẫn đến chẳng ai hay. Trường hợp này Thái Dương không cấp thiết cần Tả Hữu Xương Khúc Khôi Việt nữa.

Thái Dương Hợi Tuất là Thái Dương phản mục, thất huy nhưng vẫn có trong nó ánh sáng tiềm ẩn khả dĩ âm thầm xây dựng quyền lực địa vị bằng tựa vào địa vị nói nôm na là số cận quý để gây cơ dựng nghiệp.

Chuyên quyền chi quý của cách nhật lệ trung thiên đưa đến kết quả chức lớn quyền trọng rút cục không tiền. Thái Dương Hóa Lộc vào cung Tật Ách nếu ở Ty Ngọ, Thìn hay bị chứng nhưc đầu.

HÓA LỘC CỰ MÔN

Cự Môn là ám diệu, nếu hưng thành lao lực, cát thành lao tâm. Có Hóa Lộc đứng bên tính chất "ám" diệu không thay đổi.

Bởi thế Cự Môn Hóa Lộc mới cần Tả Hữu Khôi Việt để mà giảm bớt gian lao. Xương Khúc chỉ làm tăng tài trí chứ không làm giảm gian lao.

Cách Ngọc ẩn trong đá càng rất cần Hóa Lộc để làm giàu. Cự Môn Hóa Lộc khi thành công phải khiêm tốn thì mới bớt tai họa do người đời ghét mà đánh phá.

Cự Lộc hội được với Thái Dương Hóa Quyền ví như gấm thêm hoa, làm ăn với người nước ngoài thành công. Đời nay giao thương quốc tế phồn thịnh nên số Cự Lộc Thái Dương Hóa Quyền rất hợp thời.

Trợ lực từ những người cộng tác vững mạnh ắt kết quả sáng sủa hoặc ngược lại.

Phá Quân Hóa Lộc cần làm nhiều việc khác nhau cùng một lúc hoặc kiêm nhiệm chức vụ hay hơn là ôm lấy một nghề, một việc, một chức.

Phá Quân vào số nữ vì những lý do trên không tốt bằng vào nam mạng. Phá Quân Hóa Lộc của người Nữ thường vất vả bôn ba.

Trường hợp Phá Quân Hóa Lộc đóng cung Bào huynh phải luận đoán theo hai ý nghĩa tương phản: a) hợp tác với người để kiếm tiền, b) đồng thời từ hợp tác ấy mình phải chịu một sự khống chế nào đó.

Trường hợp Phá Quân Hóa Lộc đóng ở Nô bộc cung, cổ nhân gọi đây là hiện tượng “ác nô khi chủ” thì phải cẩn thận để bị phản bội vì tiền bạc.

Trường hợp Phá Quân Hóa Lộc đóng cung Tật Ách thì phải đề phòng lúc vào đại vận ấy bị một chứng bệnh nguy hiểm đột nhiên xuất hiện.

TÁC ĐỘNG CỦA HÓA QUYỀN VỚI CÁC CHỦ TÍNH

CỰ MÔN HÓA QUYỀN

Trong Đẩu Số, Cự Môn là “ám” diệu. Nó cần được Thái Dương miếu địa chiếu mới thật hay. Thiếu Thái Dương miếu thì dù Hóa Lộc hay Hóa Quyền kể là khuyết điểm. Cự Môn Hóa Lộc nặng tham vọng lợi lộc, vừa ham của lại vừa ganh của.

Cự Môn Hóa Quyền nặng tham vọng chức vị quyền binh, vừa ham quyền lại vừa ganh quyền. Đứng với Hóa Lộc đôi lúc còn mềm dẻo biết lùi. Nhưng đứng với Hóa Quyền không biết thoái nhất bộ cứ hăm hờ tiến tới một cách kém thực tế. Tất phải gặp phản ứng và đổ kị đưa đến tai họa phiền

nhiều.

Cự Môn Hóa Quyền kèm bên những sát tinh đừng bao giờ xuất đầu lộ diện sẽ nguy hiểm vào thân danh. Cự Môn Hóa Quyền kèm bên những sát tinh thì nên giữ thái độ “bất tranh” thì rồi quyền chức tự đến.

Cự Quyền đóng cung Phúc đức cũng đi đến tình trạng như trên. Các sách vở Trung Quốc đưa ra luận đoán sau đây:

Cự Môn Hóa Quyền đóng cung Tài Bạch, thì cung tử tức (con cái) có Thiên Tướng thủ. Thiên Tướng phía trước là Thiên Lương phía sau là Cự Môn. Nếu cung con ấy hội tụ nhiều sát tinh ắt sẽ bị “phá gia chi tử” con cái phá của. Sát tinh là: Linh Hòa, Xương Kị, Kiếp Không.

Cự Môn có tài ăn nói, Hóa Quyền làm tăng cái tài ấy hơn Hóa Lộc. Cự Môn Hóa Quyền học luật pháp hợp cách nhưng đừng cậy vào tài ăn nói để mà lấn át sẽ chỉ gây oán ghét bất lợi.

Cự Môn vào cung lục thân thường xảy ra tranh cãi bất hòa, nhưng hễ có thêm Hóa Quyền thì những bất hòa tranh cãi kia không còn nữa mà lục thân khả dĩ là những thế lực trông cậy được.

Ti dụ cung Phu Thê có Cự Môn khó thuận hòa, nhưng được Hóa Quyền thì vợ lại là con người đặc lực chẳng những với chồng còn với con nữa.

Cự Môn đứng với sát kị tinh ở Tật Ách bệnh hay sinh từ thực đạo, dạ dày, ruột hoặc phổi, gặp Hóa Quyền giảm hẳn.

HÓA QUYỀN VŨ KHÚC

Vũ Khúc Hóa Quyền ở Mệnh tự tay gây dựng, do hành động của chính mình mà nên công; tiền bạc cũng như chức vị nghề nghiệp. Vũ Khúc Hóa Quyền không phải là số nương tựa dựa dẫm. Có thể được đề bạt lên chức cao để phải làm nhiều hơn. Vì vậy Vũ Khúc Hóa Quyền thường là con

người lịch lãm từng trải tân khổ. Từ việc to đến việc nhỏ nhất đều qua tay. Phối hợp với Phúc đức cung lại thấy nhiều sát tinh thì điều từng trải lịch lãm tân khổ càng tăng cao.

Vũ Khúc Hóa Quyền khó nhọc thật, nhưng cũng nắm thực quyền. Vũ Khúc Hóa Quyền vào võ chức hay mật vụ trị an hợp cách.

Vũ Khúc Hóa Quyền không hay bằng Vũ Khúc Hóa Lộc. Vì đi với Hóa Lộc làm giàu, tiền bạc dư, đi với Hóa Quyền gánh vác công việc nhiều. Vũ Quyền cần có Lộc Tồn thì mới hội đủ điều kiện cho một phú cách.

Vũ Khúc Hóa Quyền gặp sát tinh vào ngành máy móc kỹ nghệ rất hợp, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Vũ Khúc Hóa Quyền đóng Thê cung thường bị vợ đoạt quyền, nếu lại thêm sát tinh nữa thì vợ chồng chia tay, đôi khi người có số này bị mọc sừng như chàng Võ Đại Lang chồng Phan Kim Liên trong truyện Thủy Hử.

Nhưng Vũ Khúc Hóa Quyền đóng cung Thê mà lại có Lộc Tồn thì lấy vợ giàu hoặc vợ gây dựng cơ nghiệp của cải, nhưng riêng mình vẫn ở trong cảnh thân lươn chẳng quản lấm đầu.

Vũ Khúc Hóa Quyền với hung sát tinh hội tụ vào cung Tử tức thường có con hai dòng. Vũ Quyền đóng Bào huynh với Không Kiếp anh em bất thuận.

HÓA QUYỀN TỬ VI

Tử Vi là đế tinh, có Hóa Quyền ví như nắm thực quyền đó là ưu điểm tuy nhiên vẫn ẩn một khuyết điểm. Ưu điểm là giỏi quyết đoán, lãnh đạo lực cao để có thể gánh vác trách nhiệm. Khuyết điểm là dễ rơi vào tư tâm và chủ quan, quyết định quá khích không vì người vì việc và vì mình.

Bởi vậy Tử Vi Hóa Quyền rất cần Tá Phụ Hữu Bật là hai gián quan, hai vị phò tá giỏi để gánh bớt trách nhiệm, cản ngăn không để ông vua phạm sai lầm.

Tử Vi Hóa Quyền cần có Lộc Tồn thì mới thật hay. Vì thủ mệnh Tử Vi Hóa Quyền tất nhiên cung Tài có Vũ Khúc Hóa Kị nếu vô Lộc ắt quyền uy thiếu thực chất. Tử Vi Hóa Quyền hội tụ với nhiều hung sát tinh lại càng cần thận trọng ví như ông vua ưa tụ hội với tiểu nhân, nếu như không đủ sức trị nổi đám tiểu nhân có ngày uống mạng.

Trường hợp này người mang số chớ nên ham quyền chức, va vào thân. Tử Vi Hóa Quyền cần Văn Xương Văn Khúc để thêm thông minh tài trí. Nhưng quá thông minh tài trí mà không được tả hữu thì đôi khi cái thông minh lại để đem đến lầm lỡ như sách nói "Thông minh phản bị thông minh ngộ".

Tử Vi Hóa Quyền đóng cung lục thân thì những người thân trở nên chủ quan. Như vậy tối bất lợi khi vào cung Thê nếu gặp cả Thất Sát Phá Quân nữa càng khôn, bị vợ coi như cỏ rác.

Tử Vi Hóa Quyền tọa lạc ở Tử tức, con cái thành đạt nhưng bất hiếu nếu thấy cả hung sát tinh hội tụ. Tử Vi Hóa Quyền vào Nô Bộc hay Bào huynh thì hãy kính nhi viễn chi, xuề xòa ăn uống thôi đừng cộng tác mà có ngày lâm vào cảnh cười voi chung với đức ông.

Tử Vi Hóa Quyền đóng Tật Ách cung xuất hiện với sát tinh nhất là sao Thiên Hình, bệnh đến cấp kỳ và bị giải phẫu. Số Nữ ưa bị ám tật.

HÓA QUYỀN THÁI DƯƠNG

Thái Dương đứng với Hóa Quyền tốt hơn đứng bên Hóa Lộc. Thái Dương Hóa Lộc, tiền bạc đến nhờ quyền chức địa vị, có cuộc sống sa hoa. Nhưng Thái Dương Hóa Quyền mới là người thành công gây sự nghiệp.

Thái Dương Lộc Quyền Cự Môn là cách "dị tộc sinh tài" ra nước ngoài phân phát Dương Lương Xương Lộc được Hóa Quyền càng nhiều sáng kiến hay khi vào việc.

Thái Dương Thiên Lương không Văn Xương mà được Hóa Quyền là con người có uy vọng trong lãnh vực nào đó. Thái Dương Hóa Quyền đứng với Văn Xương lại gặp Hóa Kị, người làm việc sức nổi thiếu suy nghĩ chín chắn, dễ thất bại. Thái Dương Hóa Quyền có khả năng khai sáng, nhưng bị khuyết điểm là thích người tăng bóc mình.

Thái Dương Hóa Quyền đóng Mệnh cung, tâm ý không chịu được tịch mịch cứ phải họp quây quần đông người, cho nên hay vội vã đáng lẽ nên thoái ẩn thì lại chường ra để mà bị phiền.

Thái Dương hãm địa được Hóa Quyền giảm bớt đi những bất lợi, nếu đóng ở Thiên Di thì hãy rời khỏi quê hương bản quán để mà phát triển.

Thái Dương Hóa Quyền thủ Mệnh, tốt bụng thích giúp người khác nhưng nếu có luôn cả Văn Xương Hóa Kị thì mọi hành động thì ân đều chẳng đem lại lợi ích gì cho mình chúng vay rồi quít luôn.

Thái Dương đắc địa đứng với Hóa Quyền đóng cung lục thân để có trợ lực của các người thân thuộc nam tính. Vào Thê, vợ chồng xa cách. Vào Phu, có chồng xứng đáng trên phong thái trên khả năng và tư cách. Vào Bào huynh có anh em trai trợ lực. Vào Phụ mẫu hợp với bố.

Thái Dương Hóa Quyền đóng Tật Ách thường bị máu cao, thấy Hóa Kị Thiên Hình thì đề phòng bệnh mắt.

HÓA QUYỀN THAM LANG

Tham Lang chủ về giao tế, có Hóa Quyền lợi cho công tác giao tế nắm quyền chủ động. Tham Lang đứng cùng Vũ Khúc và Hóa Quyền Hóa Lộc là đẹp nhất, miễn không bị Kiếp Không phá rối.

Tham Lang Hóa Quyền mà vô Lộc thì hành động giao tế thiếu hào sảng, chăm chú vào tiểu lợi khó thành việc lớn. Bởi vậy Tham Lang Quyền Lộc phải đi cùng mới đắc lực.

Đến như cách Tham Hòa Tinh hay Linh Tinh thì Hóa Lộc lại cần hơn Hóa Quyền. Thiếu Lộc chỉ có Quyền không thôi thành ra cánh có tiếng không có miếng, hoặc bề ngoài phong quang sáng chói thanh thế đáng nể mà kho túi rỗng không, còn thêm nhọc mệt với công việc bộn bề, được người trọng vọng ngoài mặt thôi.

Tham Lang Hóa Quyền đi với Đào Hoa đứng chủ chốt ngành nghề trình diễn, như nhạc hội, nhà nhẩy, quán rượu dễ thành công.

Tham Lang Đào Hoa ở cung con thường có con tư sinh, gặp Hóa Quyền thì chuyện tư sinh là công khai, không Hóa Quyền thành âm thầm.

Tham Lang Đào Hoa đóng Phụ mẫu cung mình là con của dòng thứ, nhưng Tham Lang Hóa Quyền không Đào Hoa ở Phụ mẫu lại là tốt. Tham Lang Hóa Quyền bị sát tinh đóng Tật Ách bệnh ở gan, không Hóa Quyền bệnh ở mật.

HÓA QUYỀN THIÊN ĐỒNG

Thiên Đồng ưa Hóa Lộc hơn Hóa Quyền vì có Hóa Lộc đời sống an định êm ấm hơn gặp Hóa Quyền phải bưng nên trải khó nhọc. Nhưng tốt hơn Thiên Đồng nếu gặp được cả Lộc lẫn Quyền.

Thiên Đồng vốn là phúc tinh không chịu nổi những sáo trộn do Hóa Quyền gây ra phải có Lộc chế hóa để cuộc phấn đấu thành tựu.

Thiên Đồng Hóa Quyền rất ngại thấy Cự Môn Hóa Kị đứng đối xung, hoặc Không Kiếp đứng cùng hay theo thế tam hợp. Quyền trong trường hợp này chỉ làm cho tai họa gay gắt mà thôi, chẳng giúp chi cho Thiên Đồng để chống đỡ. Trừ trường hợp cả Quyền Lộc Khoa hội tụ mới mong giải cứu.

Thiên Đồng đứng bên Thiên Lương mà gặp Hóa Quyền tốt hơn Thiên Đồng đứng một mình. Thiên Đồng chủ về tình tự có Hóa Quyền tình tự trở nên đậm sắc, nó có hai

phản ứng trái ngược tùy thuộc các sao cát hung đi kèm. Thiên Đồng Hóa Quyền đi với cát diệu thì tình tự ổn định, gặp việc có thể trăm tính đối phó cho nên ung dung thanh thản.

Thiên Đồng Hóa Quyền đi với sát kị hoặc Kiếp Không thì tình tự thiếu hẳn ổn định ứng phó đầu voi đuôi chuột hoặc lần khăn bắt quyết, đầu óc vớ vẩn.

Đồng Quyền ở Mệnh hay ở Phúc Đức cũng vậy, trừ trường hợp đi bên cạnh sao Thái Âm thì tình tự tương đối ổn định dù có bị kèm bởi hung sát kị.

Thiên Đồng Hóa Quyền vào Tài Bạch hay Quan Lộc có cát tinh thì cơ sự nghiệp tương đối hanh thông, gặp hung sát kị thường bất đắc chí bất phùng thời lắm lúc tính sáng lao vào những cơ hội viễn vông.

Thiên Đồng tình tự nhu nhược được Hóa Quyền cá tính vững lên, cả trên tình ái lẫn xử thế giao du. Số Nữ Thiên Đồng Hóa Quyền hội với Đào Hoa Xương Kị hay Cự Môn Hóa Kị thì cuộc sống tình cảm duyên tơ rất lận đận.

Thiên Đồng cặp với Thái Âm và Hóa Lộc có thể xem là một phú cách thêm Khôi Việt càng hay lắm, nhưng làm giàu qua chức nghiệp dễ thành hơn làm giàu qua doanh thương.

Thiên Đồng Hóa Quyền mà gặp Tả Phụ Hữu Bát dễ được trợ lực từ bên ngoài. Thiên Đồng sợ thấy Đà La, hễ Đà La đứng bên sự nghiệp cũng như nhân duyên bị khó khăn.

Thiên Đồng vào cung lục thân mà thấy cả Thiên Mã không thể hợp nhau dù là cha con hay anh em. Đến như vợ càng vô duyên. Thiên Đồng bản chất đã là canh cái vô thường rồi nay Thiên Mã đến để khuấy động tình trạng canh cái vô thường ấy lên nữa.

Thiên Đồng Hóa Quyền bị Cự Môn Hóa Kị, bạn bè mới chơi thì thân, sau thành thù, vợ chồng cho đến hết đời không yên dù lấy mấy bận, anh em sơ tán, con cái chia lìa.

Đồng Quyền Cự Kị vào cung Tật Ách dễ bị thần kinh bệnh, điên, gàn, dở hơi. Có Thiên Hình hay Không Kiếp mà không Cự Kị thì mang cái lo về thân bệnh.

HÓA QUYỀN THIÊN CƠ

Thiên Cơ bản chất phù động, giỏi biến hóa, có Hóa Quyền khả năng biến hóa càng linh hoạt. Thiên Cơ cần Hóa Quyền hơn Hóa Lộc. Đứng với Hóa Lộc dễ có tiền nhưng tiền tài cũng hay biến hóa nay ở mai đi.

Đứng với Hóa Quyền vẫn xoay sở ra tiền nhưng tiền bạc không bền bỉ. Thiên Cơ là con người mưu lược, được Hóa Quyền năng lực mưu lược tốt hơn, nếu có cả Văn Xương Hóa Khoa nữa thì mưu lược lên cao hẳn. Bởi vậy khi Thiên Cơ đồng cung với Thiên Lương mà hội Xương Khoa Hóa Quyền chính là số của một chiến lược gia trên thực tế cũng như trên tư tưởng.

Cách Cự Cơ Đồng Lương mà Cơ cùng Hóa Quyền, Đồng có Hóa Lộc, rồi gặp Xương Khoa có thể làm cổ vấn, hay trở thành nhân tài trong đám mạc liêu (bộ tham mưu). Thiên Cơ Hóa Quyền kỵ gặp Linh Hòa đứng cùng. Bị Linh Hòa kế hoạch như mất nền móng thành ra mùa may thiếu thực chất.

Nhưng Thiên Cơ Hóa Quyền mà có Không Kiếp đắc địa lại như rồng gặp mây kế hoạch mưu lược thiên biến vạn hóa khiến người nể sợ.

Thiên Cơ Hóa Quyền đóng Tài Bạch hay Quan Lộc thường thấy mình kiêm chức kiêm nghề khác với lẽ lối kiêm chức của Phá Quân Hóa Lộc ở điểm Thiên Cơ nhân nhả thông dong hơn Thiên Cơ Hóa Quyền mang đặc điểm giới đầu cơ nghĩa là bắt nhanh những cơ hội không những chỉ trên kinh tế thị trường mà còn trên chính trị ngoại giao.

Thiên Cơ bản chất tinh xảo nên nó hết sức nhạy ứng với những sao đứng chung, cát hay hung càng đậm nét. Thiên Cơ một mình bên Hóa Quyền gặp Không Kiếp đắc địa mới tốt, nếu có cả Khoa Lộc nữa thì Không Kiếp lại thành hung.

Cơ Lương đóng Phụ Thê yêu nhau mà không kết hợp,

nhưng có Hóa Quyền thì chuyện quyết ý lấy nhau phải thành, hoặc xa nhau rồi gương vỡ lại lành.

Thiên Cơ đóng Tử tức hãm địa khó thuận với con cái, nhưng có Hóa Quyền thì con cái lại thuận tòng. Thiên Cơ Hóa Quyền vào Phối cung gặp Tả Phụ Hữu Bật thế nào cũng thành cuộc tình tay ba, có Đào Hoa nữa càng rõ rệt điều này.

Cự Cơ Hóa Quyền ở Phối cung, hôn nhân mỹ mãn nếu không bị sát kị. Thiên Cơ Hóa Kị thủ chiếu Tật Ách, gan nóng, hoặc thần kinh suy nhược.

HÓA QUYỀN THIÊN LƯƠNG

Thiên Lương là sao thanh quý cần Hóa Quyền hơn Hóa Lộc. Hóa Quyền đem cho Thiên Lương khả năng chỉ huy, quản trị. Nhưng Thiên Lương trên căn bản vẫn hòa hài với Hóa Khoa hơn hết.

Thiên Lương Hóa Quyền mang một khuyết điểm: Dễ thành chủ quan đôi lúc ra cổ chấp. Thiên Lương rất lợi nếu có Thái Dương đắc địa chiếu, Hóa Quyền nhờ thanh thế của Thái Dương mà mạnh hơn. Thêm Tả Hữu, Xương Khúc, Thai Tọa, Quang Quý càng hay nữa.

Thiên Lương chủ danh không chủ lợi. Nhưng ở trường hợp Thiên Lương đóng Thiên Di cùng với Hóa Quyền Hóa Lộc và Thiên Mã thì đi xa, đi ra nước ngoài lập nghiệp khá dễ làm giàu. Bởi khi Thiên Lương đồng hành với Thiên Mã lại ra cách ly hương, ly hương mà có Quyền Lộc ắt được người nơi xa thương thức.

Thiên Lương Hóa Quyền làm việc thành công nhờ lòng thành tín không phải nhờ thủ đoạn mưu chước. Thiên Lương ngoài tính chất "âm" còn mang theo tính chất "hình" bởi vậy nên vào lục thân đưa đến cô khắc nhất là lại có thêm Hóa Quyền. Thiên Lương mà mang tính chất "hình" căn cứ vào lý luận của những Tử Vi gia Trung Quốc đưa ra luận cứ của Nho gia bảo rằng "Dĩ hình pháp âm, trị bách tính" nghĩa

là lấy hình pháp để mà răn đe và che chở trăm họ. Vậy cho nên “âm” (che chở) phải đi với “hình”.

Thiên Lương vào Thê cung người Trung Quốc cho rằng nếu vợ hơn hai ba tuổi thì tốt, có Hóa Quyền tuổi tác càng cách vời.

Thiên Lương đóng Tử tức mà gặp Linh Hòa thường hay bị tiểu sản, có Hóa Quyền điều trên còn nặng hơn. Thiên Lương vào Tật Ách đi với Hóa Quyền dễ mắc chứng tê thấp hay thần kinh thống không hiểm nguy nhưng kéo dài khó khỏi. Thiên Lương hay bị cảm mạo, nhưng Hóa Quyền lại chống được cảm mạo bởi vậy không đau ốm vặt, nay sở mũi mai nhưc đầu bệnh vợ vẫn.

HÓA QUYỀN THÁI ÂM

Thái Âm là tài tinh rất lợi cho công việc kế hoạch tài vụ quản lý tài vụ được Hóa Quyền khả năng kế trên tăng gấp bội. Thái Âm Hóa Quyền không nhất thiết là người giàu có lớn, mà là người quản lý tài vụ, vận dụng tiền tài, tính toán thị trường.

Thái Âm Hóa Quyền nếu gặp Thiên Cơ Hóa Kị vất vả hơn hoặc không tự mình làm nhiều tiền chỉ tính toán tiền bạc cho người khác. Thái Âm Hóa Quyền được Hóa Khoa nhân thân.

Thái Âm Hóa Quyền thủ Mệnh theo các nhà Tử Vi Trung Quốc khi luận đoán cần phải phối hợp với cung Phúc đức. Họ nêu lý do sau đây:

Thái Âm có Hóa Quyền cung Phúc mà thấy Cự Môn Hóa Kị, hoặc Thiên Cơ Hóa Kị những sao này ảnh hưởng đến toàn cục là số khiến cho khi điều khiển tài vụ vì cố chấp thiên kiến không thực tế mà hỏng việc.

Thái Âm Hóa Quyền hội chiếu Thái Dương Hóa Khoa do nỗ lực mới lên địa vị khác với Âm Khoa hội chiếu Thái Dương Hóa Quyền. Nhưng thiếu Hóa Lộc thì vẫn không

thể giàu.

Thái Âm Hóa Quyền vào lục thân ảnh hưởng mạnh đối với thân thích thuộc nữ hơn nam. Nếu vào cung con mà thấy cả Không Kiếp Linh Hóa sẽ bất thuận hoặc bị phiền lụy về con gái, vào cung anh em bố mẹ cũng suy luận tương tự.

Thái Âm Hóa Quyền đóng Thê đắc địa vợ giỏi và nắm quyền gia đình, nhưng hãm mà có Hóa Linh Không Kiếp cuộc sống lứa đôi không trọn vẹn. Thái Âm Hóa Quyền đóng Tật Ách dễ bị chứng suy nhược, thần kinh quá mẫn mà ưa lo sợ vô cớ.

HÓA QUYỀN PHÁ QUÂN

Đặc điểm của Phá Quân là sức mạnh khai sáng nhiều khả năng đột phá hiện trạng. Có Hóa Quyền sức mạnh và khả năng trên sung mãn hơn. Sự đột phá của Phá Quân thường do bị thúc bách của hoàn cảnh không thể không biến. Đứng với Hóa Quyền thì đột phá và khai sáng thành ra chủ động; đã thành công, đã yên ổn nhưng vẫn tiếp tục đi tìm những thành công mới. Bởi thế Phá Quân không thể nhàn.

Phá Quân đóng Mệnh hay Quan Lộc người xưa bảo hợp với nghiệp võ. Phá Quân Hóa Quyền đứng với Khôi Việt, Tả Hữu, Thiên Hình, Thai Tọa, Quang Quý vinh thân qua võ nghiệp.

Thời nay Phá Quân cũng lợi với chuyện theo đuổi công nghiệp, chỉ huy cơ xưởng. Phá Quân không chủ phú, nên có Hóa Quyền thì danh vẫn hơn lợi.

Phá Quân vốn ưa mạo hiểm, Phá Quân đi cùng Hóa Quyền và những hung sát tinh khác thường đắc lực với những công tác nguy hiểm, tỉ dụ công tác "lực lượng đặc biệt" chẳng hạn.

Phá Quân Hóa Quyền không gặp hung sát có thể hợp với chính trị. Phá Quân Hóa Quyền được Liêm Trinh Hóa Lộc lại có cả Tả Hữu thì hoành phát sớm chiều về mặt tiền

bạc.

Phá Quân Hóa Quyền đóng cung Phúc đức bàn chất con người mạo hiểm, thêm Không Kiếp nữa càng xông pha, không những trên hành động mà trên cả tư tưởng.

Phá Quân Hóa Quyền đóng cung Phôi, lúc yêu thương hết sức đắm thắm tưởng như chẳng bao giờ rời, rồi ùng một cái đột biến phân ly, có Địa Kiếp càng mau rã gánh.

Phá Quân Hóa Quyền đóng cung con, khắc con, thêm Địa Kiếp con cái bất hiếu. Phá Quân Hóa Quyền đóng Tật Ách gặp Thiên Hình dễ bị giải phẫu do bạo bệnh.

TÁC ĐỘNG CỦA HÓA KHOA VỚI CÁC CHỦ TINH.

HÓA KHOA VŨ KHÚC

Vũ Khúc là tài tinh chủ về hành động tìm đến với tiền bạc cho nên khi gặp Khoa đề hóa với hai đặc điểm:

a) Nổi danh về ngành nghề, khả năng nào đó rồi qua sự nổi danh ấy mà kiếm tiền. Tỉ dụ một kinh tế gia được mời cai quản, tính thị trường cho hãng sản xuất.

b) Nếu tự tay kinh doanh thì đã nổi tiếng với một hai vụ làm ăn rồi từ đấy có đà phát triển.

Nói tóm lại Vũ Khúc Hóa Khoa kể là cách danh lợi song thù. Nhưng danh ở Vũ Khoa khác với danh ở Thiên Cơ Hóa Khoa, Thái Dương Hóa Khoa hay Tử Vi Hóa Khoa không phải danh trên văn chương, trên thể lực mà là cái danh của thực tế kiếm tiền.

Nếu Vũ Quyền gặp Liêm Lộc thường qua danh mà thù lợi bất ngờ. Đã Vũ Khúc Hóa Khoa thì đương nhiên Thái Dương đứng với Hóa Kị (như người tuổi Giáp tứ Hóa an theo tuần tự: Liêm Phá Vũ Dương). Người xưa thâm ý muốn nhắc bảo phải cẩn thận khi đi vào vận Thái Dương Hóa Kị, danh cao bóng hậu cho người oán ghét ắt tai họa cũng

gần chứ không xa.

Vũ Khúc Tham Lang đồng cung mà Vũ Khúc đứng bên Hóa Khoa cùng lúc lại có cả Linh hay Hóa Tinh thì hoạnh phát mau hơn nhưng cũng lại vì dương danh vô lối mà thất bại chóng hơn.

Các nhà Tử Vi Trung Quốc chủ trương Vũ Khúc Hóa Khoa nên thành công qua nghề chuyên môn hơn là xông vào doanh thương, đỡ kẻ thù đỡ kẻ ghét.

Vũ Khúc Hóa Khoa đóng Thê, vợ đoạt quyền chồng nhưng đồng thời cũng phù trợ chồng chứ không đoạt quyền để lằng loàn. Vũ Khúc Hóa Khoa đóng Tử tức không đông con và có nhiều khả năng con hai dòng nhưng con cái đa năng.

Vũ Khúc đơn độc đóng Phụ Mẫu dễ xung khắc với cha mẹ. Nhưng có Hóa Khoa không những bớt khắc mà còn sinh trường từ một gia đình uy danh. Cung Tật gặp Vũ Khúc Hóa Khoa gặp Hóa tinh phải coi chừng phổi nhiệt, khi quán viêm.

HÓA KHOA TỬ VI

Tử Vi rất hợp với Hóa Khoa, nếu cả Thiên Phủ đứng cùng cang hay vì khi có Thiên Phủ tất nhiên phải kèm Thiên Tướng như vậy kể là tam đủ văn võ triều đình.

Ở trường hợp không Phủ Tướng mà lại thấy tứ sát hình hao hội tụ thì Hóa Khoa vô dụng. Tuy nhiên về mặt học vấn vẫn xem là con người có học, ít nhiều đến được với khoa bảng.

Tử Vi Hóa Khoa đứng với Xương Khúc Khôi Việt, Long Phụng thì đa tài đa nghệ theo đuổi một nành nghề khá di nổi danh.

Tử Vi Hóa Khoa có một điểm dở là bạn hữu, phần lớn Tử Vi Hóa Khoa đi với nhau ở cung Nô thường xấu. Tỉ dụ Tử Vi Hóa Khoa đóng Tí, cung Nô Bộc Thái Âm ở Ty đứng

cùng Hóa Kị không bao giờ được sự đắc lực của thủ hạ hay bạn bè.

Cung Nô cũng gây ảnh hưởng luôn với cung Bào huynh. Như vậy Tử Khoa không có thể cộng tác với ai, công tác chỉ bị thiệt. Trường hợp sinh ban đêm hay Thái Âm đắc địa sẽ giảm những khó khăn trên. Tỉ dụ số Nữ mà Tử Vi đóng Ngọ cung, Thái Âm ở Hợi đứng với Hóa Kị mà lại sinh ban đêm thì thuộc hạ bằng hữu thật hữu dụng.

Tử Vi Hóa Khoa tính tình khoan hậu, nhưng tính này lại rất dễ biến thành chủ quan, yêu ghét giận mừng một cách chủ quan khiến cho lòng khoan hậu vì thiên từ mà đâm phiền, có khi lại thành đố kị.

Cho nên Tử Khoa nếu vào vận hình sát ắt đưa đến tình trạng hoài tài bất ngộ, vào vận hanh thông lại dễ bị đố kị. Thà đừng Hóa Khoa cuộc sống yên hơn.

Các cung lục thân mà Tử Vi Hóa Khoa đều kẻ làm tốt. Tỉ dụ cung huynh đệ Tử Khoa, anh em ruột thịt nâng đỡ, vào Phụ mẫu được cha mẹ che chở, vào Thê cung dễ gặp vợ hơn tuổi nhưng đảm đang, vào cung Nô bộc mà thấy cả văn tinh thì tài năng kém thuộc hạ, cần phải biết sử dụng khéo tình thế này mới hay. Tử Khoa đóng Tật Ách phải săn sóc hệ thống bài tiết nhất là nhiếp hộ tuyến.

HÓA KHOA THÁI DƯƠNG

Thái Dương bản chất là tán phát nên không thật thoái mái với Hóa Khoa. Hóa Khoa làm tăng thêm tính tán phát đó cho nên dễ thành ra tiếng nhiều mà miếng ít. Bị người chú ý quá mức dù là ngưỡng vọng thì cũng phiền. Như quẻ dịch gọi bằng "Khang long hữu hối" là thế.

Thái Dương miếu địa đứng với Hóa Khoa không bằng đứng với Lộc, Quyền trên thực tế thâm hoạch tốt. Thái Dương Hóa Khoa cũng cần bách quan tề tựu mới thành đại sự, nếu chỉ gặp sát hình thì là hư danh hư lợi thôi, có khi còn bị thiên

hạ lợi dụng nữa.

Nói về bách quan tề tựu cũng có hai hình thái khác biệt. Thái Dương Hóa Khoa nhất định là nổi danh, người đời chú ý từ cử chỉ đến lời nói nếu được văn tinh Xương Khúc chế giảm tục khí ngôn hành văn nhã, thiếu văn tinh sẽ thô lỗ, ấu tả cho người đời đàm tiếu. Thái Dương hãm địa hoặc bị Tuần Triệt sự ấu tả đậm nét hơn.

Có Xương Khúc rồi thêm Lộc Tồn càng đẹp. Cách Dương Lương Xương Lộc đóng vào Mão tốt nhất, trường hợp này Hóa Khoa sẽ đắc lực hơn Quyền Lộc nếu vào học thuật văn chương, nhưng lại không thành giàu có.

Thái Dương Hóa Khoa chỉ thành phú cách nếu xung chiếu bởi Hóa Quyền và cung Quan có Hóa Lộc. Được Thiên Mã Tả Hữu sẽ rất sớm thành công nếu như không bị Hỏa Linh Không Kiếp.

Dương Khoa có Cự Môn đứng cùng hay chiếu, ăn nói lý luận cứng cỏi vào ngành ngoại giao hay pháp luật hợp cách. Thái Dương Hóa Khoa ở hãm cung mà bị Không Kiếp sẽ vì danh vọng hão mà mang họa vào thân.

Dương Khoa đóng cung lục thân đều hay trừ cung nô bộc. Dương Khoa đóng bào huynh, phu thê, phụ mẫu những người thân ấy đều có thanh vọng. Đóng vào Nô Bộc, thuộc hạ sẽ lợi dụng danh mình hoặc tựa vào mình mà vượt trội lên hơn mình.

Dương Khoa vào lục thân cung nếu bị Đà La Không Kiếp lại thành ra bị lục thân bóc lột. Thái Dương Hóa Khoa đóng tật ách dễ bị bệnh ở buồng gan, can khí nhiệt uất bốc lên mặt làm thành bệnh mắt.

HÓA KHOA THIÊN CƠ

Thiên Cơ bản tính phù động, đứng với Hóa Khoa tính năng động ấy sẽ thành kế hoạch, giỏi về giao tế, thuyết phục thiên hạ. Khoa đi với Cơ tốt hơn Lộc đi với Cơ.

Khoa Cơ luôn luôn đeo đẳng một điểm phiền là gặp Hóa Kị đứng với Cự Môn (người tuổi Đinh tứ hóa an theo thứ tự Âm Đồng Cơ Cự).

Cự Kị đương nhiên này không tuyệt đối thành cặp hung thần nếu không bị hung sát tinh khác. Hễ có hung sát tinh hội tụ để trợ giúp Cự Kị lập tức sinh phiền nhiễu do va miệng, do những lời phê bình sắc bén mà gây thù oán ảnh hưởng cho công việc làm.

Thiên Cơ Hóa Khoa càng thông tuệ. Có điều Thiên Cơ đa học nhưng lại bất chuyên. Bởi vậy Cơ Khoa ít hy vọng thành một chuyên gia thật giỏi. Cơ Khoa sẽ chịu ảnh hưởng nhiều từ Cự Kị khi vận đi xuống. Bởi thế Cơ Khoa lúc đắc thời đắc thế cần thận trọng.

Ông Vương Đình Chi đưa ra lập luận sau đây: “Thiên Cơ đóng Mệnh rất ngại sao Thiên Lương đóng Phúc Đức (đó là cách Cự Cơ Mão Dậu đây) sẽ đưa đến tình trạng tự thị thông minh mà rơi vào lầm lẫn to tát, khiến cho khả năng quyền biến thành hư ngụy, hoặc ra con người khinh bạc khó thành đại sự”.

Cơ Khoa đóng huynh đệ, anh em bất hòa thường trực, hoặc bằng mặt mà chẳng bằng lòng, anh em cộng tác với nhau mà mỗi người lại tính toán riêng. Thà không Hóa Khoa còn hơn. Có Hóa Khoa vào huynh đệ không chỉ ảnh hưởng đến anh em mà còn ảnh hưởng đến cả bè bạn. Có Hóa Khoa tóm lại khó lòng gặp người cộng tác trung thực.

Cung Tật Ách thấy Cơ Khoa can hòa vương thịnh, khó ngủ vì tâm thận bất giao do sự hun nóng của lá gan đưa đến thần kinh suy nhược.

HÓA KHOA VĂN XƯƠNG

Xương Khúc tuy là phụ tinh nhưng cũng dự phần vào chuyện an tứ hóa. Một phụ tinh nữa dự phần tứ hóa là sao Hữu Bật. Xương Khúc chủ văn chương nên gặp Hóa Khoa kẻ

như hữu lý.

Một phái hệ Tử Vi bên Trung Quốc không chấp nhận Hữu Bát đứng với Hóa Khoa, nhưng đây chỉ là đặt vấn đề thôi, không được giải quyết.

Thời xưa do khoa cử mà nên công danh (dĩ nhiên cũng không thiếu gì người qua đi lộ mà có công danh). Bởi vậy khi chuyển vào số thì chủ trương Mệnh hay Thân cung mà có Xương Khoa rất đáng mừng. Vận gặp Xương Khúc Hóa Khoa cũng thuận lợi cho công danh.

Đời bây giờ Xương Khoa không còn sức mạnh để đạt công danh như ngày trước, chỉ xem là dành được phần khoa bảng thôi.

Văn Xương chủ về văn thư kế ước. Viết sách nổi tiếng, hoặc có văn bằng mà thành danh giá. Xương Khoa Hóa Lộc đi cùng khá dĩ nhờ một kế ước mà có tiền.

Xương Khoa cần có thêm Tấu thư càng dễ nêu cao danh vọng. Xương Khoa cũng là dấu báo của một tin vui. Xương Khoa là con người giỏi thích ứng với cuộc sống, yêu đời.

Xương Khoa vào vận hạn hay các cung lục thân mà gặp nhiều hung sát tinh thì lại không tiếp tục mang tính chất mừng vui hi khánh nữa mà có thể ra tang lễ. Tại sao? Vì Xương Khoa chủ về lễ nhạc kèn trống tế lễ.

Thân cung thấy Xương Khoa đi cùng Đào Hoa vào cổ thời là con người ưa lấy vợ lẽ thiếp hầu, ở thời này thường xảy ra những cuộc tình ngoại hôn. Xương Khoa vào cung Tật Ách mà có Hòa hay Linh thì bệnh tật để lại vết sẹo, như giải phẫu hoặc nám da.

HÓA KHOA THIÊN LƯƠNG

Thiên Lương chủ quý nên cần gặp Hóa Khoa để mà danh dự. Cơ Lương đi cặp đứng cùng Hóa Khoa là con người quản trị giỏi. Thiên Lương Hóa Lộc dễ được người tin cậy.

Cách Cơ Cự Đồng Lương được Hóa Khoa là một cán bộ hành chánh cử khôi hoặc là loại chuyên viên có hạng. Cao thấp còn tùy sao bản mệnh.

Lương Khoa trên tính tình là con người từ ái chuộng nghĩa khinh tài. Lương Khoa mà gặp Văn Khúc Hóa Kị đòi xung thì sức lực bị giảm hẳn, gây thù chuốc oán vì cái tính bới lông tìm vết xét nét tiểu tiết nhỏ nhặt.

Lương Khoa có Tấu thư học vào ngành viết diễn văn, làm đồng lý phụ tá đặc lực. Lương Khoa đi cùng Thiên Đức Giải thần học thuốc dễ thành công.

Thiên Lương Thiên Đồng hễ có Hóa Khoa thì không sợ thấy Thiên Mã, không Khoa chỉ có Thiên Mã thôi Đồng Lương sẽ ra lẳng đảng bông lông.

Đồng Lương Hóa Khoa có Thiên Mã thành con người giao du rộng rãi "tứ hải văn danh". Ngay cả Thiên Lương Tỵ Hợi mà được Khoa cung giám bớt chất phiêu bông thêm Khôi Việt nữa thì qua con phiêu lẳng trải nhiều kinh hiểm khá dĩ nên công. Lương Tị Hợi vào Thê cung dù có Khoa cũng vẫn không đẹp.

Lương Khoa đóng Phụ Mẫu hay Tử Tức đều tốt. Được ân đức cha mẹ và con cái thành đạt. Thiên Lương đóng Tật Ách gặp Không Kiếp dễ bị tê thấp đau nhức, có Hóa Khoa càng nặng.

Nữ Mệnh Thiên Lương Hóa Khoa đóng Tật Ách gặp Linh Hóa bị lưu sản, bệnh lộn sộn đường kinh. Từ trước tới giờ người ta nghĩ Hóa Khoa vào Tật Ách là giải hết bệnh hoạn điều này qua kinh nghiệm không đúng.

HÓA KHOA THÁI ÂM

Thái Âm là tài tinh, khi đã hóa thành Khoa khiến cho tài nguyên thuận lợi. Thái Âm Hóa Khoa vào kinh doanh hợp cách, dễ tạo thanh danh cho công việc kinh doanh mà sinh lợi. Tỉ dụ một tiệm ăn nổi tiếng, tiệm quần áo nổi tiếng...

Thái Âm khác với Thái Dương ở điểm: Thái Dương trải ánh sáng đi, tán quang trong khi Thái Âm lại liễm ánh sáng tới. Bởi thế nên sự thành danh cũng khác với thành danh của Thái Dương. Thái Dương mở rộng ra quần chúng, Thái Âm lại cần hạn hẹp với lợi ích bản thân.

Thái Âm Hóa Khoa tạo tính lạc quan, dễ sống, thích hưởng thụ. Thái Âm Hóa Khoa đóng Phúc Đức quan niệm sống thoải mái với hưởng thụ nhân sinh. Do đó mới có luận cứ rằng: Âm Khoa đóng Mệnh đặc địa không hay bằng đóng Phúc Đức trên mặt nhân nhả hưởng thụ. Vì Âm Khoa ở Mệnh thì cung Phúc Đức có Cự Môn thường đưa đến tình trạng đam mê thái quá dễ mệt mỏi tinh thần.

Âm Khoa vào Tài Bạch cung thì cung Mệnh sẽ là sao Thiên Lương thủ. Tiền bạc không do tự tay mình tung hoành mà nhờ thanh vọng chức tước sẵn có để hưởng bổng lộc. Thái Âm đóng hãm cung mà có Hóa Khoa càng vô duyên với những vụ đầu tư, hãy theo đuổi chức nghiệp thì hơn.

Thái Âm hãm đứng với Hóa Khoa ở Tật Ách chủ về bệnh âm hư. Âm Khoa đặc địa vào cung lục thân phụ mẫu từ tức xem là tốt đẹp kể luôn cả thế cung, nhưng nếu lạc hãm thì ngược lại.

HÓA KHOA VĂN KHÚC

Xương hay Khúc đều là văn tinh cho nên đương nhiên cần Hóa Khoa. Thời xưa cho rằng Văn Khúc không bằng Văn Xương vì văn khúc mang khuynh hướng dị lộ công danh. Văn Khúc Hóa Khoa cùng với Âm Quang Thiên Quí tốt hơn Văn Khúc chỉ với một Hóa Khoa, như vậy mới thành cách "Ân Khoa". Cách này dễ được đề bạt vào chức vị.

Văn Khúc sao có tài ăn nói nếu gặp Cự Môn Hóa Lộc thì nói ra tiên, hoặc vì giỏi ngôn từ mà được người đời tin cậy. Văn Khúc cũng chủ về thuật số đứng với Khoa và Cơ Âm học về thuật số khá dễ nổi danh.

Văn Khúc Hóa Khoa chịu ảnh hưởng nhiều từ các sao mà chúng đứng cùng. Tỉ dụ Tử Vi Thất Sát không ưa Văn Khúc Hóa Khoa lắm. Tử Sát chủ về quyền lực, Khúc Khoa không làm tăng tấn quyền lực, đôi khi còn làm trở ngại cho khả năng quyết đoán.

Vũ Khúc có thể cần Văn Khúc thôi, nhưng không cần Văn Khúc với Hóa Khoa vì Khoa chen vào tạo thành mâu thuẫn đáng lẽ cần tham, quyết liệt thì là dùng dằng mà hòng việc. Nhưng Thiên Cơ Thiên Lương thì tuyệt đối cần Văn Khúc Hóa Khoa. Cơ Lương có được Khúc Khoa thanh vọng tăng lên. Nhưng đồng thời cũng mang một khuyết điểm là nhiều lý thuyết hơn hành động.

Cự Môn Hóa Lộc đứng với Văn Khúc Hóa Khoa tài ăn nói hơn người với điều kiện đừng có Sát Kị tinh. Gặp Sát Kị sẽ bị họa do ngôn từ. So Xương với Khúc thì Văn Xương thiên về tư tưởng, Văn Khúc lại ngả về hành động. Văn Xương khi suy tư rất sáng, nhưng vào hành động lại vụng về, trong khi Văn Khúc suy tính không tinh sảo nhưng hành động đắc lực.

Khúc Khoa vào cung Phúc Đức ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc đời. Khúc Khoa đóng Mệnh mà Thê cung lại thấy Văn Xương Hóa Kị thì trước khi có vợ đã có thiệp. Nữ mệnh mà như thế lúc lấy chồng không còn là con gái nữa. Nó không rõ rệt như Tham Đào nhưng là ngầm ngầm.

HÓA KHOA THIÊN PHỦ

Thiên Phủ ưa nhất Lộc. Khoa đối với Phủ chỉ là thứ yếu. Thiên Phủ thiếu Lộc mà gặp cả sát tinh như Triệt Tuần Linh Hòa Không Kiếp sách gọi bằng: "Phủ khó không lộ" (kho thùng, kho không cửa ngõ). Khoa vào chẳng giúp ích được gì.

Thiên Phủ Hóa Khoa không bị sát tinh là người quản thủ tiền bạc giỏi. Thiên Phủ Hóa Khoa gặp sát tinh nên học

một nghề cho tinh để vinh thân.

Phù Khoa thành một cách đặc biệt nếu gặp Thiên Riêu đứng bên. Hễ có Riêu thì không sợ các sát tinh. Thêm sát tinh lại càng tốt, biến ra con người nhiều mưu chước kinh doanh tài chánh, hoàn cảnh càng biến hóa càng lên cao. Phù Khoa Riêu không sát tinh thì chỉ là người gây được tin nhiệm của thiên hạ nhưng coi chừng tư tâm người này quá lớn.

Tử Vi Thiên Phù đồng cung hoặc đối xung thì Thiên Phù Hóa Khoa kẻ làm tốt nhất là với người tuổi Nhâm vì còn hội thêm với Quyền Lộc. Phù Khoa trong trường hợp trên đem lại khả năng lãnh đạo và được người tin cậy miễn đừng thấy Hóa Kị đứng bên Vũ Khúc. Có Vũ Kị biến ra lý tưởng quá mức mà đưa đến không tưởng.

Phù Khoa đóng lục thân, có thể tin cậy trong mọi công việc làm ăn. Tỉ dụ vào cung Bào hãy cộng tác với anh em ruột thịt. Phù Khoa đóng Thê cung hay Phu cung luận đoán phức tạp hơn. Vì Phù ở Thê thì Mệnh là Tham Lang. Phù Khoa như vậy người phối ngẫu sẽ chi phúc hậu với điều kiện hơn tuổi (vợ già hay chồng già). Phù Khoa gặp Sát tinh đóng Tật Ách thường bị bệnh ở bộ phận tiêu hóa: dạ dày ruột.

TÁC ĐỘNG CỦA HÓA KỊ VỚI CÁC CHỦ TINH

THÁI DƯƠNG HÓA KỊ

Thái Dương Hóa Kị làm những nghề dính líu đến thị phi quan tụng hoặc gây dư luận ồn ào thì chính mình mới đỡ trở thành nạn nhân của thị phi quan tụng và đàm tiếu phê bình. Tỉ dụ: Thầy kiện quan tòa, cảnh sát mật vụ, thông tin báo chí, quảng cáo viên. Làm những nghề thông thường dễ bị chiêu oán đả kích.

Thái Dương Hóa Kị dở, hay cũng còn tùy thuộc những sát tinh đi kèm. Thái Dương Hóa Kị không gặp sát

tinh lại được Tả Hữu thì gian lao phần đầu mà nên đại nghiệp như làm chính trị hoặc phần phát mạnh rồi nhiều kẻ ganh ghét. Còn như gặp nhiều sát tinh kèm vào thì phiền lắm. Chẳng những thị phi chiêu oán mà còn bị họa nạn.

Cách Cư Nhật có Hóa Kị không phải là dở nếu được Lộc Tồn đứng cùng, vào ngành ngoại giao, pháp luật, làm quảng cáo, bán hàng càng cạnh tranh càng thành công.

Trường hợp Thái Dương Ngọ cung dù có Lộc Tồn mà thấy Hóa Kị thì cao danh vọng lắm dấy gian nan nhiều, bị vận xấu xuống đến đất đen.

Thái Dương Thiên Lương đứng với Hóa Kị nếu có Kiếp Không Tuần Triệt đi rao giảng đạo lý tôn giáo sẽ gây thanh vọng. Thái Dương Hóa Kị mà bị Kinh Dương Thiên Hình hay bị kiện tụng hoặc chạm trán với luật pháp.

Thái Dương Hóa Kị vào cung lục thân đều không hay, nhất là đối với người sinh vào ban đêm, nếu thấy cả sát tinh nữa thì sinh ly tử biệt. Mệnh Nữ mà có Thái Dương Hóa Kị ở Phu phải mấy bận dở dang, bị cướp chồng hay đi cướp chồng người, thêm Đào Hoa điều trên nặng nữa.

Cung Phụ Mẫu xuất hiện Thái Dương Hóa Kị không thuận với bố mẹ, hoặc hay bị kẻ trên nghi ngờ và chèn ép. Thái Dương Hóa Kị vào Tật Ách bệnh về thận, về đường tiểu hoặc bệnh mắt. Dương Kị đóng Mệnh cũng thấy Riêu Hình nếu Thái Dương hãm có thể bị mù. Thái Dương Hóa Kị hãm cung vào Tật Ách của số Nữ hoặc đóng cung tử tức có trở ngại trong vấn đề sinh sản.

LIÊM TRINH HÓA KỊ

Liêm Trinh là máu huyết là tinh thần hương thụ. Liêm Trinh là sao của những biến đổi đột ngột. Liêm Trinh Hóa Kị dễ đưa đến một tai nạn có đổ máu thường thấy như giải phẫu, tai nạn xe cộ, tên bay đạn lạc, nhất là đứng cùng với sao Thất Sát ở Sửu Mùi.

Liêm Trinh Hóa Kị gặp Đào Hoa nhiều phiền lụy trên huyền ái. Nữ mạng Liêm Kị lại có cả Xương hay Khúc ắt phải rõ lệ thương tâm.

Liêm trinh Hóa Kị đóng Tài Bạch là chứng triệu tiêu hao tiền bạc do một quan hệ tình duyên. tí dụ vợ ly dị phải chia của. Tí dụ: Vì lấy vợ mà bị rút một phần của cái gia tài. Như vậy ngay cả ở Tài Bạch Liêm Trinh vẫn dính líu đến vấn đề huyết duyên. Bởi vậy hễ thấy Liêm Trinh Hóa Kị thì hãy cứ đặt căn bản trên huyết duyên mà luận đoán.

Liêm Kị đóng vào cung lục thân thì luôn luôn bất hòa, với bố mẹ với anh em, với bạn bè, với vợ con. Liêm Trinh không Hóa Kị mà có Xương Khúc vào vận hạn có thể đoán là một tin vui như đẻ con, phục hồi sức khỏe, việc lấy vợ lấy chồng của những người thân. Liêm Kị đóng Tật Ách khi bệnh hoạn dễ đưa đến giải phẫu.

THÁI ÂM HÓA KỊ

Thái Âm không ngại Hóa Kị như Thái Dương. Vì lẽ Thái Âm chủ âm tàng cùng chất với Hóa Kị. Thái Âm gặp Hóa Kị không bị tình cảnh oán ghét như Thái Dương. Có thể mang một tâm trạng đau buồn nào đó, không do áp lực từ bên ngoài. Khi chỉ là chuyện nội tâm thì cũng dễ khắc phục.

Thái Âm đắc địa ở Dậu có Hóa Kị lại biến thành đám mây ngũ sắc. Nhưng Thái Âm Mão hãm không tốt. Nhất là lại bị Kinh Đà hiệp Kị nguy hiểm. Thái Âm Hóa Kị ở hãm cung đóng Tài Bạch đầu tư thường thua thiệt do thiếu sáng suốt, tính toán không kỹ.

Riêng Thái Âm Hợi mà có Hóa Kị thì ban đầu dù khó khăn nhưng cuối cùng lại hết sức thuận lợi bởi những đột biến không ngờ. Thái Âm chủ âm tàng có khuynh hướng tinh thần hơn Thái Dương chỉ chú ý đến bậc lộ thực tế.

Thái Âm Hóa Kị nếu thêm sát tinh thành ra một khuyết hãm trên tinh thần. Cho nên Âm Kị không nên đóng

cung Phúc đức nhất là đối với nữ mạng. Âm Kị tại Phúc đức người con gái ý chí yếu đuối dễ bị đường mật dụ dỗ lường gạt mà một lần sa chân thành thiên cổ hận.

Thái Âm Hóa Kị ở cung Phúc lại thấy cả Xương Khúc Đào Hoa có thể đoán là số hồng nhan mệnh bạc. Thái Âm tại Tỵ vào đất hãm gặp Cự Đồng cung Sửu, tình tự càng bối rối có thể vì xung động nhất thời mà ảnh hưởng đến cả một đời.

Âm Kị nếu có họa thì họa thường do mình khởi lên, khác với Dương Kị bị ngoại cảnh người đời ganh ghét. Thái Âm Hóa Kị ở thế hãm đóng lục thân cung mà lại là người sinh ban ngày thì hoàn toàn vô duyên với lục thân.

Các nhà Tử Vi Trung Quốc bảo: Âm Kị đóng cung Thân (Mệnh thân) là mẹ hay cha mất sớm từ lúc còn nằm nôi, nếu có cả Linh Hóa càng mau. Âm Kị cung Nô Bộc bị hại ngầm bởi bạn bè, người trên, người đồng liêu, thù hằn. Thái Âm Hóa Kị đóng Tật Ách hay Mệnh ở hãm địa phải đề phòng đôi mắt.

CỰ MÔN HÓA KỊ

Cự Môn chủ khẩu thiệt gặp Hóa Kị càng tăng thêm cái phiền cái họa về khẩu thiệt còn đưa đến kiện tụng cò bót. Cự Môn Hóa Kị Mệnh cung thành cấp hung thần làm cho bị thương bị giải phẫu.

Cự Kị đóng Mệnh thêm sát tinh ngay từ lúc nhỏ đã thấy, đã gặp những điều đáng cay như mồ côi, bố mẹ phân ly... Cự Kị Hồng Đào vợ chồng chia lìa. Cự Kị đóng Tài Bạch làm ông giáo, làm người bán hàng mà có thêm Hóa Lộc thì nhờ nói mà ra tiền.

Mệnh cung Cự Kị không thêm sát tinh, có Lộc Quyền không nên xuất đầu lộ diện đừng thích hư danh sẽ yên ổn mà ngầm ngầm tiến tới thành công. Cự Môn tuy là cái miệng nhưng hễ thấy Hóa Kị thì đừng nên làm kịch sĩ hay ca sĩ để

mà hứng chịu la ó của khan thánh giá.

Cự Kị đắc địa được Hình Quyền làm thầy kiện đắc lực, hoặc điều khiển cơ quan mật vụ cũng hay. Tất cả chỉ vì Cự Môn là ám diệu mà Hóa Kị lại chủ ẩn mật tiềm tàng.

Cự Kị đóng Phụ Mẫu gặp Hình hay Đà không thể gần gũi hòa hợp với mẹ cha. Cung Phu Thê rất ngại thấy Cự Môn Hóa Kị thế nào cũng tan vỡ. Có cả Đào Hoa nữa thì thành tình tay ba.

Cung bào huynh Cự Kị khó lòng hợp tác với ai mà yên lành. Cự Kị vào cung Tật Ách bị bệnh thần kinh hay xương tủy. Cự Môn cũng là ống thực quản từ miệng trôi vào dạ dày cũng đưa đến bệnh về yết hầu.

THIÊN ĐỒNG HÓA KỊ

Nói đến Thiên Đồng với Hóa Kị lại phải nhắc tới hai chủ trương khác nhau trên tuổi Canh. Một phe chủ trương Đồng là phúc tinh thì không Hóa Kị. Một phe chủ trương Đồng Kị là tình trạng có phúc mà không được hưởng.

Một phe đứng giữa bảo: Tuổi Ất tứ hóa đã an theo Cơ Lương Vi Âm nghĩa là Hóa Kỵ đã một lần đứng với Thái Âm rồi, sao qua tuổi Canh lại an theo Nhật Vũ Đồng Âm để Thái Âm đứng với Hóa Kị thêm lần nữa?

Lập luận trên có phần nào ngà theo lập luận Kị phải đứng với Thiên Đồng ở tuổi Canh, nhưng đặt căn bản trên sự hợp lý của an sao. Không hẳn là đã vững vì tứ Hóa không một Hóa nào được an với Thất Sát, trong khi an bốn lần với Vũ Khúc, một lần với Thiên Phủ, hai lần với Tử Vi..., Xương Khúc đi với tứ hóa hai lần, mà Tá Hữu một bận sánh vai với Hóa Khoa trong khi Thái Âm có mặt bốn lần bên tứ Hóa, nếu kể thêm cả tuổi Canh là năm. Vậy thì rõ ràng tứ Hóa không an theo lối chia đều. Thật ra thì ta không tìm thấy được lý do tại sao cố nhân căn cứ vào đâu mà an tứ Hóa cho thập Can như vậy?

Khi Thiên Đồng phải đi với Hóa Kị thì không bao giờ Thiên Đồng còn đi với Hóa Khoa nữa. Ở đây tôi vẫn biên chép những luận cứ về Đồng Kị kèm với Đồng Khoa để độc giả tự phán xét lấy. Ngoài ra nếu đưa Thiên Đồng đến bên Hóa Kị thì Thái Âm sẽ có hai bạn đứng chung với Hóa Khoa thì sao?

Không có trọng tài đủ thẩm quyền định đoạt. Riêng tác giả cuốn sách này theo chủ trương Đồng không Kị. Với những người chủ trương Thiên Đồng Hóa Kị lập luận về chúng ra sao?

Đồng Kị đóng Mệnh luôn luôn tâm ý thông khổ. Đồng Kị vào Phúc đức cung cũng vậy, tâm ý phiền muộn. Nhưng Thiên Đồng Hóa Kị ở Phúc Đức hay Mệnh cung mà có Địa Không Địa Kiếp lại biến ra cách khác hẳn, có những sáng kiến độc đáo, mưu chước khôn lường. Nếu lại có cả Âm Sát, Thiên Riêu sẽ thành một tay đại gian hùng.

Đồng Kị đóng lục thân không cung nào được xem là tốt đẹp. Đồng Kị vào Tật Ách bệnh kéo dài không khỏi, ảnh hưởng đến sự hưởng thụ cho cuộc sống.

THIÊN CƠ HÓA KỊ

Thiên Cơ là sao của mưu tính kế hoạch, Hóa Kị chủ âm tàng và âm thâm. Thiên Cơ Hóa Kị kể là thái quá thành ra mưu thâm họa diệc thâm. Trong sách Hồng Lâu Mộng có câu:

“Cơ quan toán tặc thái thông minh
Toán khứ liễu khanh đích mệnh.”

Nghĩa là tính toán thâm trầm bằng trí tuệ cao siêu, rút cục đưa đến cái chết cho chính mình. Bởi thế Cơ Kị đóng Mệnh hay Phúc đức nếu vào doanh thương có ngày nhằm chỉ một lần mà mất hết cơ nghiệp.

Người Cơ Kị hãy sống thanh thản bình thường, mọi sự phó thác cho số mệnh ung dung mà thành công. Nói tóm

lại là dùng dùng mưu kế nhiều. Cái ưu điểm của Thiên Cơ là quyền biến, nhưng khuyết điểm lại cũng nằm trong quyền biến ấy. Vì quá thông minh quyền biến nên đôi lúc thành ra kẻ hoạt đầu khiến người nghi kỵ. Như Nguyễn Hữu Chinh trong bụng đầy mưu cơ cuối cùng bị Tây Sơn bỏ rơi mà chết giữa biển.

Kỵ đứng với Cơ khiến Cơ càng bị nghi kỵ hơn. Cơ Kỵ thường bị người đời tranh cạnh nói xấu nói vu, bất cứ vào lãnh vực nào cũng luôn luôn phải chống đỡ, cuộc sống mệt mỏi.

Nữ mạng Thiên Cơ Hóa Kỵ mà gặp Hỏa Linh các Tử Vi gia Trung Quốc cho là số có khuynh hướng tự sát. Cổ xưa, về làm dâu mà số như thế sẽ bị cả nhà chồng lẫn chồng ghét bỏ không lối thoát mà tự sát.

Thiên Cơ Hóa Kỵ đóng lục thân nói lên điều sơ ly khó thân ái lâu bền, nhưng trước khi sơ ly lại rất đầm thắm bởi vậy sự sơ ly của Cơ Kỵ thường đem tới tâm lý tuyệt vọng. Cơ Kỵ làm cho chuyện bé xé thành chuyện to, chuyện chẳng ra sao mà nên thù hận.

Thiên Cơ Hóa Kỵ đóng Tật Ách hay bị mất ngủ, thần kinh suy nhược, mất trí nhớ. Thiên Cơ Hóa Kỵ cũng dễ bị bệnh gan, ưu tư suy nghĩ nhiều ắt gan hư.

VŨ KHÚC HÓA KỊ

Vũ Khúc là tài tinh. Vũ Khúc đi với nhau làm ăn dung dị phần phát, nhưng kèm theo sự phần phát là những phiền lụy. Tỉ dụ sa thái người làm mà bị thù oán; phải cạnh tranh mà mất lòng người; làm việc mà đồng僚 ganh ghét; vui đầu vào công tác quên cả vợ con khiến vợ con xa cách.

Vũ Kị đóng Mệnh hay Tài Fạch chỉ có làm chuyên viên giỏi nghệ nghiệp là yên ổn. Vũ Kị sợ thấy Không Kiếp làm cho hao tổn tiền tài qua lừa gạt.

Vũ Khúc Hóa Kị mà gặp Linh Tinh Văn Xương Đà

La thành ra cách Linh Xương Đà Vũ thêm Kị xấu gấp bội. Cách này sẽ vì tự cao tự đại mà thất bại nặng, sụp đổ cả một cơ sự nghiệp.

Cách Vũ Kị Linh Xương Đà đóng Phúc đức cung đưa đến tư tưởng cực đoan làm hồng đời mình kiểu Robespierre của cách mạng Pháp.

Vũ Kị vào cung lục thân mà có cả hình sát tinh nữa thì những người thân có ai bị phá sản. Riêng đóng Thê cung, vợ phá của. Vũ Kị đóng Tật Ách thường bị bứu mà phải giải phẫu.

THAM LANG HÓA KỊ

Khi Tham Lang đứng với Hóa Kị thì đương nhiên Phá Quân đứng cùng Hóa Lộc (cho người tuổi Quý). Nhờ vậy Hóa Kị không tác hại nhiều vì lẽ Phá Quân rất ăn ý với Hóa Lộc.

Tham Lang Hóa Kị đắc địa lại hội thêm được cát tinh, đôi khi chỉ nói bằng quơ mà ra cơ hội, chỉ làm chơi mà ăn thiệt, chỉ ném hột cam xuống đất không có ý trồng mà nên cây.

Tham Lang Hóa Kị đứng với Linh Tinh hay gặp Hòa Linh dễ hoạnh phát, bạo phát. Không sát tinh mọi sự hanh thông như trò rờn. Có sát tinh bạo phát bạo tàn. Sát như Kinh Đà Không Kiếp, Thiên Hình.

Tham Lang Hóa Kị ở cung Tí hay Tỵ mà số Nữ rất không nên, gái bạc tình. Tham Kị đóng Phu Thê, hôn nhân thất bại. Tham Lang Hóa Kị trên căn bản ý nghĩa là tranh đoạt. Tranh đoạt mang hai hình thể: Bị động hoặc chủ động. Gặp hình sát thì ở thể bị động. Gặp nhiều cát tinh thành thể chủ động.

Tham Kị đi với Đào Hoa Văn Xương tạo thành tranh đoạt trên tình trường. Nữ mạng mà bị đặt vào sự tranh đoạt ở tình trường thì chẳng có thể nào mà tốt lành được.

Trường hợp Hóa Kị đứng với Tham Lang mà bị giáp

Kinh Đà hoặc tam hợp Kinh Đà thành ra cách Dương Đà Kiếp Kị ra đời luôn luôn ở vào bị động, có danh có chức chẳng nữa cũng chỉ là hư danh rồi một ngày nào đó lâm vào cảnh quyền rơm vạ đá.

Tham Kị đóng Phúc Đức hay Phu Thê cung trong lòng ần dẫu nổi đau thương mà không nói ra được. Tham Lang Hóa Kị cùng Linh Hòa vào lục thân cung chủ về phân ly trong một thời gian nào đó.

Tham Kị đứng với Đà La đóng Tử Tức hay Bào huynh khó hòa hợp, tư tưởng nếp sống hoàn toàn bất đồng. Tham Lang Hóa Kị đóng Nô Bộc hay bị tay chân thù hạ phản bội hoặc cạnh tranh. Tham Kị đóng Tật Ách số Nữ bệnh về bộ phận sanh đẻ.

VĂN XƯƠNG HÓA KỊ

Với người tuổi Tân, khi Văn Xương gặp Hóa Kị thì Văn Khúc lại đứng với Hóa Khoa (an theo Cự Nhật Khúc Xương). Cả hai hội tụ mà vào Mệnh tất gặp Cự Môn, Cự Kị gây cản trở nên dù có Xương Khúc Hóa Khoa học văn cũng không thể thành công đến tuyệt đỉnh mà chuyển thành cách dị lộ công danh. Dị lộ đường đi quanh co vất vả hơn, cuộc đời lận đận hơn.

Văn Xương Hóa Kị cũng đưa đến tình trạng không tựa được vào khoa danh để danh quyền chức. Hoặc thành tựu một nấc khoa danh nào đó mà chẳng được dùng đến. Đồ luật đồ văn chương rồi động viên làm cai đội. Chẳng đồ gì dăng lính rồi lên tướng.

Xương Kị đứng với Không Kiếp hay gặp Không Kiếp rất không tốt khi vào tài bạch cung chỗ dung thân thường bị phá phá sản, hoặc do nhầm lẫn của chính mình mà gây thành sự phiền hà trên tiền bạc.

Người Xương Kị cũng thường bị thất ước, cho người vay mượn người không trả mình vay mượn của ai nhờ nhằng

không trả nổi hay không trả được đúng hạn kỳ.

Xương Kị là sự thất ước, đứng với Đào Hồng nam hay nữ hay bị lừa gạt trên tình ái. Xương Kị vào vận hạn, mong ngóng một tin tức, một lời hứa đều bị cuối.

Xương Kị đóng cung lục thân chủ sơ ly, nếu lưu niên vận hạn vào cung phụ mẫu mà gặp Xương Kị lại thấy các sát tinh khác nữa thì có tang tóc.

Xương Kị đóng Phu Thê cung nên vợ nên chồng tự nhiên, không hôn lễ hoặc không được đồng ý của hai bên cha mẹ. Cung Nô có Xương Kị đứng cùng các sát tinh thường bị liên lụy vì kẻ dưới. Vào cung Bào huynh anh em bất hòa.

Xương Kị đóng Tật Ách hay bị loang, thẹo, đứng với Nhật Nguyệt có cườm mắt hay mắt kéo màng.

VĂN KHÚC HÓA KỊ

Văn Khúc Hóa Kị cũng như Văn Xương Hóa Kị dễ bị thất hứa, nhưng Văn Khúc vốn chủ về lời không như Văn Xương chủ về tờ chữ.

Khúc Kị ưa ngôn quá kỳ thực, vận hạn gặp Khúc Kị bị gạt gẫm bởi những lời hứa hảo, những kế hoạch ba hoa. Khúc Kị đóng cung Phúc Đức thường vì thị tài mà thất bại. Cự Môn gặp Khúc Kị thì đôi khi lại vì tai tiếng mà nổi danh mà danh tốt chứ không phải danh xấu.

Khúc Kị vào các cung lục thân cũng như Văn Xương Hóa Kị kể là không tốt. Khúc Kị vào Phối cung hay xa chồng xa vợ, hoặc lúc cưới, chồng hoặc vợ vắng mặt. Khúc Kị cùng đóng cung Tật Ách với Phá Quân số bị thủy ách. Thủy ách gồm có đi mưa mà sung phổi, đắm thuyền, bơi lội đuối sức.

Những lời luận đoán về tứ hóa trên đây là căn cứ vào bố trí đồng cung không phải tính qua tam hợp. Tỉ dụ Cự Môn đóng Tí mà đứng bên Hóa Kị ở Mệnh cũng Tí (hay Phúc đức hay Quan Lộc) thì Kị không thành hung thần, nhưng nếu Cự Môn Tí mà gặp Hóa Kị theo thể Tam hợp hoặc xung chiếu

thì lại phiên.

NHỮNG CÂU PHÚ VỀ LỘC QUYỀN KHOA KI

*Tam Hóa liên châu phúc tất trùng lai. (Có ba Hóa đi liền ba cung mà Mệnh hoặc Thân đóng một trong ba cung đó thì phúc đến miên trường.)

*Ngọ thượng Khoa Quyền biện cương nhậm trọng. (Mệnh tại Ngọ hoặc Quan Lộc tại Ngọ mà có Khoa Quyền nắm quyền binh nơi biên ải.)

*Khoa Quyền cùng bất như lâm viên. (Khoa Quyền chiếu không bằng đóng tại Mệnh.)

*Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng Không Kiếp ám xung. (Mệnh Khoa Quyền Lộc Mã hoặc vận hạn Khoa Quyền Lộc Mã mà bị Không Kiếp xung thì ảnh hưởng tốt của Khoa Quyền Lộc Mã kém đi nhiều.)

*Khoa Quyền nhập Mệnh tuy lạc nhân diệc hữu hiển danh. (Ở Mệnh có Khoa Quyền tuy Khoa Quyền ở nhân cung thì cũng vẫn có địa vị.)

*Hóa Khoa đồng văn diệu đề bảng chi vinh. (Hóa Khoa đứng với Khôi Việt Xương Khúc học hành thành đạt.)

*Hóa Khoa tới vi kỳ; vật hướng Thiên Thương nhi ám hối. (Hóa Khoa rất tốt, nhưng kỵ đóng vào cung Nô việc học hành lận đận.)

*Khoa Quyền nhân Khôi Việt dĩ thành công. (Khoa Quyền cần Khôi Việt để thành công.)

*Khoa Quyền Lộc hợp phú quý. (Có Khoa Quyền Lộc thủ chiếu Mệnh không bị hung sát tinh tất giàu sang.)

*Khoa Mệnh, Quyền triều đấng dung giáp đệ. (Khoa đóng Mệnh, Quyền xung chiếu để đỗ đạt cao.)

*Khoa danh hãm ư hung thần miếu nhi bất tú. (Hóa Khoa bị Không Kiếp Kinh Đà thông minh tài cán mà lận đận.)

*Khoa Quyền Lộc vọng, danh dự chiếu chương. (Thủ

chiếu có Khoa Quyền Lộc nên danh nên giá.)

*Khoa Minh Lộc ám vị liệt tam đài. (Mệnh Hóa Khoa, cung nhị hợp có Lộc là người chức vị.)

*Quyền Khốc đồng cung minh danh vu thế. (Mệnh Hóa Quyền đứng cùng Thiên Khốc tại Tí hay Ngọ danh vọng hơn người.)

*Quyền Lộc đồng cung định tác cơ thương chi nghiệp. (Quyền Lộc tụ vào Mệnh cung, buôn bán làm giàu.)

*Quyền Lộc thủ Tài Phúc chi vị sử thể vinh hoa. (Quyền Lộc đóng cung Tài cung Phúc cuộc đời vinh hoa.)

*Quyền Lộc cát tinh Nô bộc vị, tưng nhiên quan qui đã bốn ba. (Quyền Lộc đóng cung Nô, có làm quan cũng thăng trầm.)

*Xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc thủ Tài Quan chi vị. (Quyền Lộc đóng Tài Bạch, Quan Lộc cuộc đời vinh hiển.)

*Mệnh phùng Hóa Lộc vô hung tinh, tài lộc phong dinh. (Mệnh có Hóa Lộc mà không gặp hung sát tinh tiền tài sung túc.)

*Lộc Quyền Mệnh phùng, kiêm hợp cát oai quyền yểm chúng trượng vương triều. (Mệnh có Lộc Quyền lại hội tụ các sao tốt khác thì chức cao quyền trọng.)

*Hóa Lộc hoàn vi hảo, hữu hướng mộ trung tàng. (Hóa Lộc là tốt nhưng đóng vào Thìn Tuất Sửu Mùi giảm tốt đi vì Lộc đóng những cung này ví như kho tàng còn chôn trong lòng đất.)

*Hóa Lộc cư Dần Mão cổ thủ tham tài. (Hóa Lộc đóng Dần hay Mão yêu tiền tham của và giữ của kỹ càng.)

*Hóa Kị văn nhân bất nại. (Xương Khúc gặp Hóa Kị học giỏi nhưng lận đận công danh.)

*Hóa Kị Điền Tài phản vi giai luận. (Hóa Kị đóng cung Tài Bạch, Điền Trạch được xem là tốt.)

*Mệnh cung Hóa Kị gia Thiên Không chung nhật hư tư hiển phụ. (Mệnh Hóa Kị đứng với Thiên Không lòng không ngớt nghi ngờ vợ hiền.)

*Hóa Kị ngộ Phục binh ư Thê thiếp hốt oán hốt thân.

(Cung Phu Thê có Hóa Kị Phục Binh nay giận mai hòa.)

*Kị ngộ Khoa tinh ư Hội Tí ngôn hành danh thuận.
(Hóa Kị gặp Hóa Khoa ở hai cung Hội Tí là người cần thận lời nói.)

*Hóa Kị Tí cung, Khoa Lương thủ chiếu quân dân
sùng ái. (Mệnh Hóa Kị đứng cùng Hóa Khoa hội chiếu Thiên
Lương là người đức độ, liêm chính dễ được mến mộ.)

*Tam Kỳ giao hội mạc ngộ Kị Kinh giáng lộ thanh
vân. (Mệnh hay Thân Khoa Quyền Lộc mà gặp luôn cả Hóa
Kị Kinh Dương thì lại thăng giáng vô thường.)

*Song Lộc cư nhi ngộ Cơ Lương phú gia dịch quốc.
(Mệnh Thiên Cơ Thiên Lương có song Lộc giàu có lớn.)

*Mệnh vô chính diệu hoan ngộ Tam Không hựu song
Lộc phú quý khả kỳ. (Mệnh không chính tinh, được ba Không
mà có cả hai sao Lộc là số phú quý.)

*Hóa Lộc Tí Ngọ vị Thiên Di, Phu Từ văn chương
cái thể. (Thiên Di đóng Tí Ngọ mà có song Lộc là người nổi
tiếng về tài học.)

*Hóa Lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa dị tăng bi.
(Hóa Lộc đóng ở các cung tứ Mộ kém hay.)

*Lộc triển ư nhược địa, Mệnh bất chủ tài. (Hóa Lộc
đóng với các chủ tinh trong thế hãm thì hoa nhi bất thực,
trong đom đóm ngoài bó đuốc.)

*Song Lộc lưỡng ngộ, Thái công vũ lược siêu quần.
(Mệnh có song Lộc là người tài giỏi bất cứ vào lãnh vực
nào.)

*Số muộn màng gái trai ôm ấm
Vi Kị Đà len lỏi cung con.

*Kị Đà Thái Tuế Thân cung
Khỏi nạn nào được ung dung mấy người.

*Mệnh Hóa Kị, Tật Mộc thân?
Âm nang sa thấp một phân chẳng nhâm.

*Đà Kị Tật Ách trùng gia
Âm hu chứng ấy tất là hiểm con.

(Cung Tật Ách có Đà Kị.)

*Cự Kị Mộ cung nhị giao Đà Hồ xa mã hạn hành. (Hạn đến Cự Môn Thìn Tuất Sửu Mùi mà gặp luôn cả Hóa Kị Bạch Hổ Đà La bị tai nạn xe cộ té ngã.)

*Quyền Lộc trùng phùng, sát tấu hư dự chi long. (Mệnh có Quyền Lộc mà bị sát tinh kèm thì hữu danh vô thực.)

*Hóa Quyền ngộ Dương Đà Không Kiếp, thính sàm di lụy, quan tai biếm chích. (Hóa Quyền mà gặp Kinh Đà Không Kiếp bị mất chức vì hay nghe lời nói nịnh hót vu oan giá họa.)

*Hóa Khoa hiềm phùng Triệt Không, Tuần Không, Thiên Không. (Hóa Khoa không nên gặp Tuần Triệt Thiên Không.)

*Khoa Quyền đối cung được tam cấp ư vũ môn. (Khoa Quyền một thủ một xung chiếu, như cá hóa long công danh đăng đạt.)

*Hóa Kị tại Mệnh Thân cung nhất sinh bất thuận. (Hóa Kị đóng Mệnh hay Thân cả đời khó toại chí.)

*Chư tinh tại miếu, vượng địa Hóa Kị bất kị. (Chư tinh đóng miếu vượng gặp Hóa Kị ở vượng địa Hóa Kị không tác hại.)

*Thủy mệnh nhân phùng Hóa Kị bất kị. (Người mạng thủy mà Hóa Kị thủ Mệnh hay hạn gặp Hóa Kị không đáng ngại.)

*Thiên Đồng tại Tuất, Hóa Kị Đinh nhân hóa cát. (Thiên Đồng đóng Tuất, gặp Hóa Kị người tuổi Đinh lại hay.)

*Cự Môn tại Thìn Hóa Kị, Tân nhân phản vi giai. (Cự Môn thủ Mệnh tại Thìn có Hóa Kị lại thành hay.)

*Nhật Nguyệt miếu, Hóa Kị vi phúc. (Nhật Nguyệt đắc địa có Hóa Kị lại chuyển tốt.)

*Nhật Nguyệt hãm, Hóa Kị đại hung. (Thái Âm Thái Dương đóng cung hãm mà có Hóa Kị rất hung.)

*Chư tinh tại hãm địa Hóa Kị, thậm kị. (Các sao chủ ở hãm địa mà gặp Hóa Kị càng kị.)

*Liên Trinh tại hãm địa, Hóa Kị cánh kị. (Liên Trinh ở đất hãm bị Hóa Kỵ càng đáng ngại hơn.)

**TẠP LUẬN VỀ CUNG CÁCH NGŨ HÀNH,
NHỮNG CÂU PHÚ VÀ VẬN HẠN**

QUAN PHƯƠNG THẬP DỤ

Phương là gì? Phương gồm có bản phương ngay tại cung Mệnh. Đối phương là cung Thiên Di (đối xung). Hợp phương là cung tam hợp. Lân phương là hai cung giáp Mệnh. Cổ nhân đưa ra mười phương pháp:

1) Bản phương tốt đẹp như sức lực tự mình (Do nội tự cường).

2) Đối phương tốt đẹp ví như được gió xuân thổi tới (Nghinh diện xuân phong)

3) Hợp phương tốt đẹp ví như những nguồn giúp đỡ kèm bên (Tả Hữu phùng nguyên).

4) Lân phương tốt đẹp như có phe cánh trợ lực (Lưỡng lân tương phù).

5) Cung lân phương đều tốt đẹp ví như cả ngàn may mắn châu về (Thiên tường vân tụ).

6) Bản phương hung xấu như rễ đã bị cắt (Tòng căn tự phạt).

7) Đối phương xấu hung ví như dơ đầu chịu búa (Đương đầu ác bổng).

8) Hợp phương xấu, hung ví như bị đánh hai mặt (Tả Hữu thụ địch).

9) Lân phương xấu, hung ví như nhiều phe thù ghét (Lưỡng lân tương vũ).

10) Phương, cung đều hung xấu ví như khắp nơi bị công hãm (Tứ diện Sở ca).

Quan phương thập dụ cổ nhân muốn nói đến nguyên tắc căn bản để cân đo luận đoán một lá số. Rồi người xưa lại đặt bài thơ như sau:

Cát hung tối yếu tế phân minh
 Bản đối hợp lân hữu trọng khinh
 Tứ diện Sở ca chung tất bại
 Thiên tường vân tập tự nhiên hanh
 Tự cường tài thị hảo nhân gia

Lân sá duy cung cảm thượng hoa
 Nhược đáo phùng nguyên chân cảnh địa
 Xuân phong chỉ khả cảm tương sai
 Lưỡng lân tương vũ khởi vì tai
 Tự phạt tài giao đại khả ai
 Dị đoá đương đầu nhất côn bông
 Nan phòng Tả Hữu tạp binh lai.

Ý bài thơ nói rằng: Khi đã ở vào thế tứ diện Sở ca thi thế nào cũng thất bại. Số mà thiên tượng vận tập sớm muộn nhất định thành công. Sức mạnh của lá số chủ yếu là tự cường (Mệnh cung đầy đủ lực lượng) trước đã, hợp phương có tốt chỉ là găm thêm hoa. Những sao chiếu theo tam hợp và đối phương là những sức phò trợ đáng kể. Nhưng nếu như sức phò trợ ấy mà gặp mệnh bị mất rễ cũng vô ích. Các cung giáp Mệnh dù cho xấu chẳng nữa mà Mệnh có nội lực tự cường thì chẳng sao. Nhược bằng mệnh ở tình trạng “tòng căn tự phạt” thì dù có tránh được búa rồi cũng bị tràn ngập bị vây hãm hủy diệt mà thôi.

Quan phương thập du đặt trọng tâm luận đoán vào Mệnh cung. Trước nhất Mệnh phải mạnh đã. Mệnh yếu dù các phương khác có hay cũng chỉ bình thường. Như vậy câu: Mệnh hảo bất như Thân hảo, Thân hảo bất như vận hảo không hoàn toàn chính xác.

Nếu Mệnh xấu thì vận có thật tốt chẳng nữa, mọi sự thành công cũng chỉ là hư hoa. Không ai Mệnh xấu, vận hay mà gây được cơ nghiệp đáng kể bao giờ.

Mệnh cung tự cường, mới hưởng được cái tốt của Quan Lộc và Tài Bạch. Chuyển sang vận thì vận chỉ tốt khi cung đại vận có nội lực tự cường đã rồi mới tính đến tam hợp, hay đối phương hoặc lân phương. Tỉ dụ vận đến cung có Cự Đồng, dù tam phương hay xung chiếu được Khoa Quyền Lộc cũng chẳng hay bao nhiêu.

Đến như quan hệ Mệnh với Thân, cũng vẫn tiếp tục phải kể Mệnh làm chủ yếu. Mệnh mà “tòng căn tự phạt” thì dù Thân có “thiên tượng vận tập” cũng chẳng nên công trạng

to tát.

NHỮNG CÁCH CỤC

Cách cổ nhân chia làm hai loại: hợp và bất hợp (hay - dờ). Hợp gồm có: Cục ường ly minh - Tử Vi đóng Ngọ cung có Tả Hữu và không bị sát tinh. Tử Phủ đồng độ - Tử Vi Thiên Phủ tại Dần Thân không hung sát tinh hay Tuần Triệt. Tử Vi triều viên Tử Vi Thiên Phủ đắc địa chiếu Mệnh.

Vũ Tham đồng độ - Vũ Khúc Tham Lang đồng cung hoặc một thủ một chiếu. Cách này cần được Linh hay Hòa mới hay.

Tướng tinh đắc địa - Vũ Khúc tại miếu vượng thủ mệnh. Phủ Tướng triều viên - Thiên Phủ Thiên Tướng đắc địa chiếu Mệnh.

Cơ Lương gia hội - Cơ Lương Thìn Tuất gặp Lộc Khoa hay Lộc Quyền hoặc song Lộc. Nhật chiếu lồi môn - Thái Dương tại Mão thủ Mệnh mà sinh ban ngày.

Cự Cơ đồng lâm - Thiên Cơ Ngọ hay Tí Cự Môn xung chiếu hoặc Thiên Cơ Cự Môn đồng cung ở Mão Dậu.

Nguyệt lãng thiên môn - Thái Âm thủ Mệnh tại Hợi mà sinh ban đêm. Nhật Nguyệt đồng minh - Mệnh Sửu Mùi Âm Dương Hợi Mão hoặc Tị Dậu.

Tam hợp Hóa Tham - Tham Lang đắc địa tam hợp gặp Hòa hay Linh Tinh. Thạch trung ẩn ngọc - Cự Môn Tí hay Ngọ không bị hung sát tinh.

Hóa tinh ngộ quý - Tứ hóa hợp với sao thủ Mệnh như Thiên Đồng tại Tuất mà tuổi Đinh - Cự Môn đóng Thìn mà tuổi Tân.

Thọ tinh nhập miếu - Thiên Lương đóng Ngọ không sát hung. Thất sát triều đầu - Thất Sát đóng cung Thân hay Dần. Anh tinh nhập miếu - Phá Quân thủ Mệnh tại Tí Ngọ.

Văn Lương chân kỷ - Thiên Lương Văn Khúc thủ Mệnh tại vượng địa. Văn tinh cùng mệnh - Xương Khúc thủ

hay chiếu Mệnh.

Tả Hữu đồng lâm - Tả Phụ Hữu Bát đồng cung tại Mệnh. Tam kỳ gia hội - Hội tụ vào Mệnh cung đủ bộ Khoa Quyền Lộc tức là tam hợp chiếu.

Tả Hữu Khoa viên - Mệnh Tả Hữu đứng bên Hóa Khoa hoặc Khoa chiếu. Thiên Ất cùng Mệnh - Mệnh Khôi Việt thủ chiếu.

Văn Quế Văn hoa - Mệnh Sứ Mùi gặp Xương KHúc đồng cung. Lộc hợp uyên ương - Mệnh có song Lộc thủ hoặc thủ chiếu. Song Lộc triều viên - Hai sao Lộc chiếu về Mệnh.

Nhị diệu đồng lâm - Mệnh ở Mùi có Nhật Nguyệt từ Sứ chiếu hoặc Mệnh đóng Sứ có Nhật Nguyệt từ Mùi chiếu.

Đan trì Quế trì - Mệnh Thái Dương ở Thìn Ty, Thái Âm Dậu Tuất xung chiếu. Quyền Lộc tuần phòng - Quyền Lộc thủ mệnh.

Giáp đệ đẳng dung - Hóa Khoa thủ mệnh với các cát tinh khác. Khoa danh hội Lộc - Hóa Khoa Hóa Lộc chiếu Mệnh. Phụ cùng văn tinh - Văn Xương Mệnh có Tả Hữu chiếu.

Quyền Sát Hóa Lộc cách - Kinh Đà đắc địa, Hòa Linh đắc địa đứng với Hóa Lộc.

Bất hợp cách gồm có:

Cự cư Mão vị - tức là Tử Vi Tham Lang ở cung Mão. Mệnh vô chính diệu. Cự phùng tứ sát - Cự Môn hãm gặp Dương, Đà Linh Hòa. Kể cả Cự Môn đắc địa cũng không tốt.

Văn tinh ngộ hiệp - Mệnh Văn Xương Văn Khúc bị Không Kiếp. Mệnh võng Ty Hợi - Thiên Cơ thủ Mệnh tại Ty hay Hợi mà đứng cùng hung sát tinh. Khoa tinh phùng phá - Mệnh Hóa Khoa nhưng lại thấy Không Kiếp Kinh Đà Linh Hòa hãm xung phá.

Những cách cục trên đây cổ nhân chỉ nói cung Mệnh thôi. Vậy thì Mệnh cung vẫn là chủ yếu cho việc luận đoán lá số. Cũng như khoa Tử Bình, Can Chi của ngày sinh được

xem là trọng tâm cho sự xoay chuyển của ngũ hành từ năm tháng giờ.

Qua những cách cục trên ta thấy một vài điều không được ổn sau đây:

Cách Mệnh vô chính diệu bị liệt vào hàng bất hợp cách, theo kinh nghiệm Mệnh vô chính diệu là một cách hợp còn là cách tốt tùy thuộc phụ tinh nào đứng đó. Tỉ dụ Kinh Dương độc thủ hay Đà La độc thủ hoặc Linh Hỏa đắc địa độc thủ, đâu phải là cách dở hay bất hợp cách.

Về cách Phủ Tướng triều viên không nói rõ ràng, vì Phủ Tướng đứng một mình thường châu vào Mệnh vô chính diệu. Phủ Tướng triều viên đây hẳn là Phủ đứng với Liêm và Tướng đứng với Vũ Khúc.

Phủ Tướng đơn độc châu Mệnh chỉ là cách bình thường không đáng kể, tốt với nữ mạng hơn nam mạng. Phủ Tướng đứng riêng châu Mệnh thì đương nhiên cung Thiên Di là Vũ Tham ở Mùi hay Sửu nếu có hay là do Vũ Tham có Hòa Linh đi kèm.

SU LIÊN HỆ CỦA THẬP NHỊ CUNG

Lá số có mười hai cung, Mệnh rồi Bào rồi Thê... rồi đến Phúc Đức và Phụ mẫu. Tuy chia cách biệt ra nhưng chúng lại có liên hệ khi luận đoán số.

Người ta có thể tìm thấy ở Mệnh cung sự thay vợ đổi chồng hay góa bụa nhưng những điều này cũng lại tìm thấy cả ở Thê cung nữa. Tỉ dụ người Nữ Thiên Lương tại Mệnh ở Hợi hay Tý mà gặp Thiên Mã dễ bỏ chồng. Những sao ấy chuyển qua cung Thê tình trạng tương tự.

Câu phú: Thiên Lương ngộ Mã chẳng bàn

Có chồng lại bỏ theo làng bướm hoa khả dĩ áp dụng cho cả hai cung. Tuy nhiên nếu chúng đóng Mệnh thì phiền phức hơn đóng vào Phối cung. Tỉ dụ câu phú Thất Sát đàn cư Phúc đức (Sao Thất Sát hãm đóng cung Phúc đức) cũng ảnh

hương đến thân phận người ta đưa đến lận đận chồng con.

Ti dụ cung Điền Trạch có thể cho ta được những đoán định rằng con người mang số với cung Điền ấy phải bỏ nhà đi sớm không cứ phải qua Mệnh cung mới đoán ra điều này.

Ti dụ cung Phụ mẫu mà có Đào Hoa Cự Kị thì bố mẹ bất thuận chia tay. Nhưng nếu Đào Hoa Cự Kị tại Mệnh cũng có thể đoán như vậy, hoặc cho thấy mình là con tư sinh, hoặc chính mình phải bỏ vợ.

Ngoài ra cũng có thể tìm thấy ở cung Phúc Đức tính tình đầu óc thân phận không nhất định cứ phải Mệnh cung mới thấy, tuy nhiên vẫn đừng nên quên Mệnh vẫn là cái gốc để suy đoán cùng với Phúc đức cung.

NÓI CHUYỆN NGŨ HÀNH SINH KHẮC CHẾ HÓA

Ngũ hành đặt trên hai cơ sở lý luận. Đơn giản chỉ có sinh khắc. Phức tạp ngoài sinh khắc phải có chế hóa. Đơn giản là logique. Phức tạp thành biện chứng (dialectique).

Tử Vi khoa có sinh khắc chế hóa. Nhưng khoa Tử Bình thì sinh khắc chế hóa linh động biến dịch hơn. Đơn giản sinh khắc là: Kim sinh thủy - Thủy sinh mộc - Mộc sinh hỏa - Hỏa sinh thổ - Thổ sinh kim. Kim khắc mộc - Mộc khắc thổ - Thổ khắc thủy - Thủy khắc hỏa - Hỏa khắc kim.

Có câu phú viết: "Tinh lâm miếu vượng tái quan sinh khắc chi cơ" nghĩa là dù sao an được vào cung miếu vượng thì cũng còn phải xem cái lý của sinh khắc nữa. Ti dụ Kim nhập hỏa hương sao thuộc kim đứng cung hỏa bị khắc không tốt, hoặc hỏa nhập thủy hương sao thuộc hỏa đóng vào cung thủy...

Một câu phú khác: Tuyệt sứ phùng sinh, hoa nhi bất bại nghĩa là ở tuyệt địa mà gặp sinh thì không đến mức hoàn toàn thất bại. Tuyệt sứ phùng sinh là thế nào?

Như thủy cục tuyệt ở Tỵ cung, nếu an mệnh ở Tỵ là

tuyệt địa, nhưng lại có kim tinh ở đó, kim sinh thủy thành ra thủy không bị tuyệt.

Ti dụ hai sao Thiên Cơ Cự Môn của cách Cự Cơ Mão hay Dậu, thì Cơ Cự đóng Mão tốt hơn Dậu vì lẽ Thiên Cơ thuộc mộc đứng cung mộc lại có Cự Môn là thủy nuôi dưỡng, trong khi cung Dậu là kim khắc mộc Thiên Cơ, Cự Môn không đắc lực với sứ mạng nuôi dưỡng bằng ở cung Mão.

Cũng sao Liêm Trinh đứng Dần tốt hơn đứng Thân vì Liêm Trinh thuộc hỏa cung Dần mộc sinh hỏa, trong khi Thân là kim, kim với hỏa tương khắc.

Tác dụng của ngũ hành là vận động biến dịch và phát triển. Nếu chỉ đơn giản, e tác dụng kia chưa đủ. Ngũ hành trong khoa bát tự với vận động biến dịch biện chứng kỹ càng hơn ngũ hành logique của Tử Vi.

Sách Uyên Hải Tử Bình viết: Kim vượng được hỏa mới thành dụng cụ như sắt đưa vào lò lửa luyện nên thép. Thủy vượng được hỏa thành hơi nước mạnh. Thủy vượng nhờ thổ mà nên hồ ao. Thổ vượng đắc mộc thì mới nên thì thổ mới có chỗ bám ...

Như vậy đôi khi khắc lại mang tác dụng rất cần thiết chứ không phải cứ sinh hay mà khắc dờ. Ngũ hành của Tử Vi khoa là ngũ hành đơn giản của sinh khắc.

Sách Uyên Hải Tử Bình viết: Kim nhờ thổ sinh, nhưng nhiều đất quá thì kim bị chôn vùi. Thổ nhờ mộc sinh, nhưng mộc nhiều quá lửa bị tắc nghẽn. Mộc nhờ thủy sinh, nhưng nước lụt thành cây trôi. Thủy nhờ kim sinh, nhưng kim quặng nhiều quá, nước thành đục vẩn. Kim sinh ra thủy, nhưng thủy nhiều kim chìm. Thủy sinh ra mộc, mộc nhiều thủy cạn. Mộc sinh ra hỏa, nhưng hỏa nhiều mộc bị cháy tiêu...

Như vậy kể cả tình trạng "sinh" nếu theo biện chứng chưa chắc đã là tốt. Lối tính của Tử Vi khoa về ngũ hành, chỉ đơn giản thôi vì cổ nhân đặt định trên căn bản lý luận không phức tạp biện chứng.

NHỮNG BÀI PHÚ

Sách Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư có những bài phú sau đây:

Thái Vi phú
 Tăng bổ Thái Vi phú
 Đẩu Số Cốt tủy phú
 Nữ mệnh cốt tủy phú
 Đẩu số phát vi luận
 Hình tính phú
 Đẩu số chuẩn thẳng
 Tử Vi đẩu số yếu quyết
 Bách tự thiên kim quyết
 Tinh viên luận.

Người đời sau còn nghiên cứu thêm và đặt ra phú Ma Thi, phú Huỳnh Kim và ở Việt Nam có phú nôm Thần Kê Định số của Lê Quý Đôn. Những câu phú ghi tại những phần trên đều cắt từ những bài phú dẫn thượng. Dưới đây ghi thêm những câu chưa ghi vì còn cần những lời bàn riêng biệt.

Sinh phùng bại địa phát dã hư hoa (Mệnh đóng ở đất bại có phát cũng chỉ là hư hoa). Bại địa ở câu phú này không phải chỉ vào đất có sao Đào Hoa chấn đóng. Bại địa ở đây tính theo ngũ hành. Tỉ dụ năm sinh nạp âm là thủy thì trường sinh của thủy ở cung Thân mà Mệnh lại an ở Dậu thì Dậu chính là chỗ đất bại của thổ của thủy, thành ra có phát nhờ những sao tốt cũng không thật đẹp.

*Tuyệt sứ phùng sinh hoa nhi bất bại (đã nói ở trên).

*Không vong định yếu đắc dụng, Thiên Không tối vi khản yếu. (Những sao không vong đứng đúng vị khả dĩ đắc dụng, sao Thiên Không quan trọng hơn hết.)

Mệnh Thân có Thiên Không mà ở cung hỏa, cung kim hoặc đại tiểu hạn gặp Thiên Không ở các Hòa Kim có thể phát phúc. Vì kim gặp không thành tiếng vang, hỏa gặp

không bùng cháy. Nếu vào cung thủy cung thổ cung mộc thì Không sẽ tác hại vì thủy gặp không thì tràn ngập, mộc gặp không ắt bị gãy đổ thủy gặp không bị chuỗi lở.

*Nhược phùng bại tuyệt chi địa, chuyên chúc phù tri chi diệu khả hữu công. (Mệnh Thân rơi vào bại tuyệt mà được Lộc Tồn Hóa Lộc phù tri thì giảm hẳn khó khăn.)

*Hình tù hiệp ân, hình trượng duy ty. (Thiên Tướng có Liêm Trinh Kinh Dương hay bị vạ quan tọng hoặc dễ mất chức.)

*Thái Âm cư Tí thủy trừng quế ngạc, đắc thanh yếu chi chức trung gián chi tài. (Mệnh lập ở Tí Thái Âm thù mà sinh ban đêm khả dĩ giàu sang, tâm chất chính trực.)

*Văn Hao cư Dần Mão, chúng thủy triều Đông. (Sao Phá Quân gặp Văn Xương ở Dần Mão gọi bằng cách chúng thủy triều Đông.)

Cách này cả đời tân khổ trong khi khoa Tử Vi Việt lại nói song Hao Mão Dậu mới là chúng thủy triều đông, cách này thường hoạnh phát. Không biết chúng thủy triều đông của song Hao Mão Dậu đã căn cứ vào đâu? (Hao ở đây là Đại và Tiểu Hao.)

*Hình ngộ Tham Lang hiệu vi phong lưu thái trượng. (Hình chỗ sao Kinh Dương mà đóng Mệnh hay Thân với sao Tham Lang thì con người thông minh và lúc nào cũng phong lưu.) Sách khác lại nói Tham Đà mới phong lưu thái trượng, Đà La hóa khí là Ky, chỉ ở cung Dần không bao giờ ở Mão.

*Dương Linh hợp ư Mệnh cung ngộ Bạch hổ tu đương hình lục. (Mệnh Kinh Dương Linh Tinh gặp cả Bạch Hổ dễ bị tù tội.)

*Hình Sát đồng Liêm Trinh ư Quan Lộc, giả nữ nan đào. (Thất Sát Liêm Trinh đóng cung Quan gặp Kinh Dương cũng bị hình ngục.)

*Sát cự tuyệt địa, thiên niên yếu triết Nhan Hối. (Thất Sát ở vào tuyệt địa tính theo nạp âm của niên sinh đối với một cung nào đó, không thọ. Xin đọc lại thế nào là tuyệt địa đã dẫn ở trên.)

*Bệnh phù, Quan phù giai tác họa, Tấu thư, Bác sĩ dữ lưu Lộc tác trình tường. (Bệnh phù, Quan phù vào vận hạn đều gây họa, Tấu thư, Bác sĩ và lưu Lộc vào vận hạn đều mang phúc đến.)

*Lực Sĩ Tướng Quân đồng Thanh Long hiển kỳ quyền Lộc. (Vận được Thanh Long Bác Sĩ Tướng Quân mưu cầu danh vị thuận lợi.)

*Quan phù gia Hình Sát ư Thiên Di ly hương tạo phối. (Sao Quan Phù gặp Kinh Dương Thất Sát ở Thiên Di thì phải ly hương lập nghiệp, lập gia đình.)

*Thiên Âm thù ư Không vị, Thiên Trúc sinh nhai. (Mệnh Cơ Lương bị Triệt hay Thiên Không, nên ẩn dật chờ mang họa.)

*Ky Âm đồng cư Tật Ách, trăm khôn khuông doanh. (Cự Môn Hóa Kị đóng ở Tật Ách thường có bệnh lâu khỏi.)

*Quân tử tai Khôi Việt, tiểu nhân tai Dương Linh. (Mệnh Khôi Việt là người bao dung hào sảng – Kinh Dương Linh Tinh tại mệnh là loại người khó chơi.)

*Thân Mệnh tối hiểm Dương Đà Thất Sát ngộ chi vị miễn vi hung. (Thân Mệnh Thất Sát gặp Kinh Dương Đà La dễ bị hung họa.)

*Mệnh ngộ Khôi Xương đương đắc quý

Hạn phùng Tử Phù định đa tài.

(Mệnh có Khôi Xương đáng đáp thanh nhã, hạnh được Tử Phù thì có tiền.)

*Nhược trị sát tinh định tam giá nhi tâm bất túc.

Phùng Dương Đà tu đề khóc nhi lệ bất can.

(Số nữ ở Phu cung nhiều hung sát tinh lấy nhiều chồng, gặp Dương Đà dễ thành góa bụa.)

*Liêm Lộc lâm thân, nữ đắc thuận âm trình khiết chi đức. (Đàn bà Mệnh Thân có Liêm Trinh và Lộc thì trình khiết.)

*Quân tử Mệnh Trung diệc hữu Dương Đà Linh Hòa. Tiểu nhân mệnh nội khởi vô Khoa Lộc Quyền tinh. (Mệnh người quân tử cũng có Dương Đà Linh Hòa vậy. Mệnh kẻ

tiểu nhân cũng có Khoa Quyền Lộc vậy. Vấn đề là miếu hãm mà thôi.)

*Văn Xương Văn Khúc Thiên Khôi tú

Bất độc thi thư đã khả nhân.

(Mệnh có Xương Khúc, Thiên KHôi dù không được học cũng là người đặc lực.)

*Đa học thiếu thành, chỉ vì Kinh Dương phùng Kiếp Sát. Vì nhân hiếu tưng; cái nhân Thái Tuế ngộ Quan Phủ. (Học nhiều mà chẳng đỗ đạt chỉ vì Kinh Dương gặp Kiếp Sát. Tính người ưa kiện bởi lẽ Thái Tuế gặp Quan phủ.)

*Nguy trá phù hư - Dương Đà hãm địa. (Kinh Dương Đà La ở đất hãm thủ mệnh con người nguy trá hay khoác lác.)

*Hóa Lộc hoàn vi hảo, hữu hướng mộ trung tàng. (Sao Hóa Lộc đóng ở cung tử mộ giảm hẳn khí thế.)

*Cự Phá Kinh Dương tính tất cương - Phủ Tướng Đồng Lương tính tất hảo. (Mệnh Cự Môn hội Kinh Dương, hay Phá Quân Kinh Dương tính tình cương bạo. Có Phủ Tướng Đồng Lương thì hiền lành.)

*Xương Khúc Lộc Cơ thanh tú sảo

Âm Dương Tả Hữu tối từ tường.

(Mệnh Xương Khúc Lộc Cơ trông văn nhã và khéo. Âm Dương thêm Tả Hữu bao dung đại lượng.)

*Thân Mệnh vận hạn Kỵ tương phùng

Cách kiêm Thái Tuế Quan phủ chi

Quan phi khẩu thiệt tất bất không.

(Vận hạn có Đà Kị thêm Thái Tuế Quan phủ khó tránh họa tranh tụng, khẩu thiệt.)

*Tử Vi đế tòa tại nam cực, bất năng thi công.

Thiên phủ Linh tinh cư nam địa, chuyên năng vi phúc. (Tử Vi đóng Tí dễ thành vô dụng. Thiên Phủ đóng Tí cùng với Linh tinh được phúc.)

*Thiên Cơ tứ sát đồng cung đã thiện tam phần

Thái Âm Linh Hòa đồng vị phân thành thập ác.

(Thiên Cơ dù đứng với tứ sát thì cũng không đến nỗi,

nhưng Thái Âm gặp Hòa Linh lại thành phiên.)

*Tham Lang vi ác tú nhập miếu bất hung

Cự Môn vi ác diệu, đắc viên vuu mỹ.

(Tham Lang Cự Môn ở chỗ hãm thành ác, được miếu địa thành hay.)

*Mệnh Thân tương khắc tắc tâm loạn nhi bất nhân.

(Mệnh và Thân ở hai cung xung chiếu, tương khắc thì đa tư đa lự khó thành thời.)

*Xương Khúc tại hung hương, lâm tuyền lãnh đạm.

(Xương Khúc vào đất hãm hay bị hung tinh phá hoại thường có hoài bão ở ẩn, ẩn dật vì khi vào cuộc phấn đấu luôn luôn bị chèn ép cản trở.)

*Khoa tinh cư hãm địa đặng hòa tân cần. (Hóa Khoa

đóng đất hãm học hành phải cố gắng lắm mới nên.)

*Sát lâm tam vị, thế tử bất hòa. (Sát tinh đóng cung

Thê, vợ con bất hòa.)

*Cự đẩu nhị vị tất huynh đệ vô nghĩa. (Cự Môn vào

cung Bào, anh em không thương nhau.)

*Hình Sát thủ Tử cung, tử nan phụng lão. (Hình Sát

vào cung tử tức, lúc già xa cách con cái.)

*Hung chiếu Tài Bạch tự tán vô thường. (Gặp hung

tinh chiếu cung tài bạch, tiền bạc tự tán vô thường.)

*Dương Đà Tật Ách, nhãn mục hôn manh. (Kính

Dương Đà La đóng Tật Ách, đề phòng bệnh mắt.)

*Hòa tinh đẩu Thiên di trường đồ tịch mịch. (Hòa

tinh đóng cung Thiên di vào cuộc phấn đấu ít người trợ giúp.)

*Tôn tinh cư tiện vị, chủ nhân đa lao. (Những sao quý

mà đóng ở đất hèn, cuộc đời vất vả.)

*Điền Trạch ngộ Phá Quân tiên phá hậu thành. (Cung

Điền gặp Phá Quân, trước hư hoại sau mới thành.)

*Phúc Đức ngộ Kiếp Không, bốn tẩu vô lực. (Cung

Phúc Đức gặp Kiếp Không, bốn tẩu cho lắm cũng bằng vô ích.)

*Liêm Trinh Phá Quân Hòa Linh đồng cung, lang tâm

câu phế. (Sao Liêm Trinh Phá Quân đứng cùng với Hòa Linh

là con người phản phúc.)

*Thiên Cơ Thái Âm đồng cung Dần Thân, nan miễn bạt thiệp tha hương. (Thiên Cơ Thái Âm đồng Dần Thân, thường có khuynh hướng phiêu lưu.)

*Nữ mệnh Thiên Cơ nhập miếu, tính cương, cơ sảo, quyền bính, tri gia. (Mệnh Nữ Thiên Cơ đắc địa, cứng rắn khôn khéo, giỏi tề gia.)

*Thái Dương Dậu cung, quý nhi, bất hiển, tú nhi bất thực. (Thái dương tại Dậu đứng với Thiên Lương có thể làm lớn nhưng ví như cây to mà không có trái.)

*Thái Dương thủ Mệnh ư Mão, trú sinh nhân khả phú quý. (Thái Dương ở Mão, đứng với Thiên Lương, phải sinh ban ngày mới thật đẹp.)

*Thái Dương tại Thiên Di, di căn hoán diệp. (Thái Dương vào cung Thiên Di thường không kế tiếp được tổ nghiệp, phải rời quê hương bán quán mới thành công.)

*Thái Dương hãm hội Dương Đà Hòa Linh, chủ mục tật, hình khắc phụ mẫu. (Thái Dương đóng hãm địa gặp Dương Đà Hòa Linh dễ đau mắt, hoặc hình khắc cha mẹ.)

*Thiên Phủ thủ Mệnh, Dương Đà Hòa Linh hội hợp, gian trá. (Mệnh có Thiên Phủ thủ, đứng cùng Dương Đà Hòa Linh người không ngay thẳng.)

*Tham Lang Vũ Khúc đồng cung, vô công đức tâm. (Tham Vũ đi cặp, thủ mệnh không có lòng công đức.)

*Nữ mệnh Thiên Tướng bất nghi đồng Xương Khúc. (Số gái Thiên Tướng thủ, không nên đứng với Xương Khúc.)

*Phá Quân Vũ Khúc nhập Tài hương, đồng thành tây bại. (Vũ Phá đóng vào tài bạch, bốn ba, thành bên này bại nơi khác.)

*Phá Quân Dương Đà Quan Lộc vị, đáo xứ khất cầu. (Phá Quân vào cung Quan gặp Dương Đà, lận đận công danh.)

*Phá Quân Tài Bạch như thang nhiều tuyết. (Phá Quân hãm đóng cung Tài, như lấy nước sôi đổ vào tuyết.)

*Phá Quân hãm tại Thiên Di bốn tẩu vô lực. (Cung

Thiên Di Phá Quân hãm địa, bốn tẩu cũng vô ích.)

*Văn Xương Tham Lang đồng cung chính sự diên đảo. (Văn Xương Tham Lang thủ mệnh làm việc lồi thoi không đắc lực.)

*Văn Xương Liêm Sát Dương Đà, trá nguy. (Liêm Trinh Thất Sát đứng với Văn Xương gặp Kinh Đà, con người lắt léo.)

*Tả Hữu Trinh Dương vi đạo tặc. (Liêm Trinh hãm gặp Tả Hữu Kinh Dương có khuynh hướng đạo tặc.)

*Hóa Quyền ngộ Dương Đà Không Kiếp, thính sàm di lụy. (Mệnh có Hóa Quyền mà gặp Không Kiếp Dương Đà vì nghe nhìn mà khôn khổ.)

*Thủy Mệnh nhân phùng Hỏa Kị bất kị. (Sao Hỏa Kị thường xấu, nhưng người thủy mệnh gặp nó không sao.)

*Cự Môn thủ Mệnh kiến Dương Đà, nam nữ tà dâm. (Thủ mệnh là sao Cự Môn, đứng với Kinh hoặc Đà nam nữ tà dâm.)

Phá Liêm Mão Dậu ngộ Dương Đà Hỏa Linh, quan phi, tật bệnh. (Phá Liêm gặp Linh Hỏa Dương Đà bệnh hiểm nghèo, dây dính luật pháp.)

Phá Quân Xương Khúc, hình khắc, lao bác. (Phá Quân hãm gặp Xương hay Khúc thường hình khắc và bốn ba.)

*Tham, Phá, Lộc Mã nam lãng dăng, nữ đa dâm. (Tham hay Phá thủ Mệnh mà gặp Lộc Mã số trai phiêu bạt, số gái đa dâm.)

Lá số Tử Vi có mười hai cung như sau: Mệnh – Bào – Phôi – Tử – Tài – Tật – Thiên – Nô – Quan – Điền – Phúc – Phụ.

Mệnh cung để biểu thị dung mạo, tài năng và thân phận (cơ sự nghiệp). Bào cung biểu thị anh em và quan hệ với anh em. Phôi cung biểu thị người phối ngẫu tốt xấu, cát hung trên duyên phận, sinh hoạt lứa đôi.

Tử biểu thị quan hệ với con cái, khả năng sinh dục. Tài biểu thị tình trạng kiếm tiền, khả năng quản thủ tiền bạc và những liên quan đến cơ nghiệp. Tật biểu thị thể chất, sức khỏe và bệnh tật.

Thiên biểu thị cuộc phấn đấu ngoài đời, khả năng hành động, lữ hành. Nô biểu thị quan hệ với người cộng sự, quan hệ bè bạn, quan hệ với thủ hạ. Quan biểu thị chức vị quyền hạn, công danh sự nghiệp.

Điền biểu thị gia đình sinh hoạt, quan hệ bất động sản, cát hung ra sao. Phúc biểu thị bao quát những gì liên hệ đến thân phận, tôn tộc, may rủi, yếu, tâm chất và những ảnh hưởng huyết thống, mô tả có tính cách hình nhi thọ thương.

Trên đây là chỉ nói đại cương thôi. Vì các cung còn liên hệ với nhau, biến hóa khi luận đoán. Tỉ dụ sao Hóa Lộc vào Nô cung thường là con người ích kỷ bo bo giữ tiền.

Tỉ dụ nhiều sát tinh vào cung Tật Ách có thể đưa đến kết quả không tốt vào cuối đời không phải do bệnh tật mà do một tình cảnh khó khăn như không được chôn cất tươm tất chẳng hạn.

Tỉ dụ câu phú:

Kiếp Không khôn khó mọi bề

Hỏa Linh biến lộn đáng chê vô cùng.

Hai sao Hỏa Linh hãm vào cung tài bạch lại ảnh hưởng sang tính tình chứ không phải chỉ hiển hiện một tình trạng tài chánh.

Tỉ dụ câu phú:

Đào Thai hội hợp chó vương

Phúc cung có gái tìm đường gió trắng.

Khi Đào Hoa và sao Thai đóng cung Phúc đức lại ảnh hưởng sang con cái, giả như Đào Thai vào cung tử tức thì chính mình có con ngoại hôn hoặc vợ mình có con ngoại hôn, hoặc có con trước rồi mới hợp thức hôn nhân sau.

Ti dụ câu phú: Thất Sát đơn cơ Phúc Đức, nữ mệnh thiết kỵ, tiên vô nghi. Sao Thất Sát hãm đóng vào cung Phúc rất ngại cho nữ mạng dễ đi vào những nghề nghiệp thấp kém, khó mà trở nên sang quý, hoặc có những hành động xấu hoặc tâm chất ưa làm những việc quái dị coi thường dư luận.

Sau đây là bàn riêng từng cung.

MỆNH CUNG

Những chương ở trên đã có nói về sao và các câu phú vào mệnh cung ảnh hưởng thế nào ở đây biên thêm một số tạp luận. Những điều biên thêm chủ yếu là hình dáng và tính tình rồi đến những biến hóa mà các chương trên không đề cập vì lẽ để cho gọn ghẽ sự phân định mục thứ.

Hình tính phú mở đầu bằng câu: "Tử Vi đế tòa sinh vi hậu trọng chi dung nghĩa là người có sao Tử Vi thủ Mệnh thì đầy đặn phương phi.

Tử Vi mặt đỏ lưng dày

Tính thời trung hậu, mặt đầy phương phi.

Trường hợp Tử Vi đóng Mệnh, đồng cung với nhiều hung sát tinh, trong khi cát tinh chỉ hội chiếu thì đây là tình trạng quân tử tại dã tiểu nhân tại vị (người quân tử đứng ngoài, tiểu nhân nằm bên trong) thì tính tình Tử Vi trở thành giả đạo đức ngoài mặt thiện mà trong lòng gian trá. Nguy quân tử còn đáng ngại hơn chân tiểu nhân.

Tử Vi nữ mạng đứng với Đào Hoa Tả Hữu hay Tham Lang Tả Hữu và Tang Môn tính lang chạ. Kể cả giáp Tả Hữu cũng vậy, Phụ Bát giáp Tham Đế ư? Chúc dù tôn trọng dâm ô cũng là.

Thiên Cơ vào mệnh bảm tính thiện lương thông tuệ thường có khuynh hướng ăn dật lâm tuyền, hình dáng thân dài hơn chân. Thiên Cơ thuộc mộc mình dài. Thiên Cơ gặp Xương Khúc thì mày xanh tóc tốt.

Thiên Cơ số nữ tâm chất đa biến, khác hẳn với nam mạng, bởi thế Cơ Âm mới đa tình, Cơ Dương mới phá đấng thêm Đào Hoa càng phóng túng.

Hình tính phú ghi “Thiên Cơ vi bất trường bất đoàn chi tư tình hoài hiếu thiện” nghĩa là sao Thiên Cơ hình dáng không cao không thấp, tâm địa hiếu thiện. Nhưng nếu Thiên Cơ đóng hãm địa vào nam mạng mà gặp Kinh Đà Linh Hòa Kiếp Không thì cũng có những cử chỉ hành động thấp kém.

Như câu phú: “Thiên Cơ gia ác sát đồng cung, cầu thù thù thiết” Thiên Cơ ở trường hợp này dễ trở thành trộm đạo hoặc biến thù, lường gạt.

Thái Dương thù mệnh, Hình tính phú viết: “Thái Dương tướng mạo hùng tráng diện phương viên mãn, thông minh từ ái, bất hiệu thị phi” nghĩa là dung mạo của Thái Dương trông hùng tráng (nhiều nam tính) mặt vuông góc cạnh, thông minh tốt bụng, nhưng không nhìn ra được kẻ xấu người tốt rõ ràng.

Thái Dương hãm địa cũng có những nét danh thép, nhưng không bảnh. Điểm đặc biệt của Thái Dương dù gặp hung sát hay không tinh thì tâm chất vẫn ngay thẳng chân thực. Nếu có hành động nào quấy bị coi như gian đạo đều vì bị động mà ra.

Sát tinh cùng Nguyệt hãm cung

Nam thì gian đạo, nữ dòng dâm bôn.

Thái Dương chủ về quyền quý, cần gặp Thiên hình. Thái Dương hãm địa sống thời loạn đất loạn hợp hơn thời bình đất bình.

Nữ mệnh Thái Dương đắc hay hãm đều không kể là toàn hảo, đắc địa cũng vất vả mà hãm thường khác chồng hay khác cha. Thái Dương hãm thù mệnh nữ tâm tính hoang loạn không nhẫn nại kiên trì như câu phú ghi: “Thái Dương Nữ

hăm chủ tâm hoang". Thái Dương vào số nữ đắc địa hình vóc cứng cáp, hăm địa thì vẫn còn giữ được nét người nữ.

Vũ Khúc đóng mệnh tâm tính rắn giời, cương nghị quả quyết, hình dáng xương xường, tiếng nói vang vang man ý vị sát khắc, cử chỉ nhanh nhẹn, phản ứng mau.

Vũ Khúc tướng tinh tinh cương cường

Hăm cung nữ mệnh tông bất tường.

Vũ Khúc mà đi cùng Kiếp Sát hay Kinh Dương là người nham hiểm. Nữ mệnh Vũ Khúc gặp tứ sát xung phá trở nên cô khắc. Vũ Khúc đứng với Tham Lang tính nét khó chơi, ích kỷ.

Thiên Đồng thủ mệnh Hình tính phú viết: "Thiên Đồng phì mẫn, mục tú thanh kỳ" nghĩa là Thiên Đồng khổ người đầy đặn mặt thanh tú. Tính tốt nhưng hay thay đổi bản tâm ôn hòa chính trực, nhưng cũng dễ bị ảnh hưởng. Bởi vậy Thiên Đồng thủ mệnh gặp Đào Riêu thường dễ bị dụ dỗ hoặc vì nghe lời người khác mà thay lòng đổi dạ.

Thiên Đồng đắc địa thông tuệ. Thiên Đồng Thái Âm đa tình ở Tí hay Ngọ đều ham sắc dục. Đồng Âm nam mạng dễ gặp tình ngoại hôn, nữ mạng lắm người yêu.

Thái Âm Thiên Đồng tọa mệnh cung.

Phong lưu nhan sắc đậm dục tòng.

Liêm Trinh đóng mệnh "mi khoan, khẩu khoát diện hoành, nhân bạo hiếu tranh" nghĩa là Liêm Trinh hình dáng mày rộng, miệng lớn, mặt góc cạnh, tính bạo ưa cạnh tranh.

Liêm Trinh hảo diệu thân trường. Nhân lộ, khẩu lộ da thường vàng xanh. Tính ưa táo bạo tương tranh, khi dữ khi lành du đảng phàn hoa. Liêm Trinh hăm, bừa bãi phòng túng không lễ nghĩa. Đóng quan Lộc gặp Quyền kị Tướng Quân có oai quyền. Nữ mệnh Liêm Trinh đắc địa thành ra con người trung trinh. Liêm Trinh vào nam hay nữ mạng đều sợ Hòa tinh Không Kiếp.

Thiên phủ tọa mệnh cung. Hình tính phú viết "Thiên phủ thuần hòa chi thể, viên mẫn, thanh kỳ". Minh chăm, dáng sang, ngoài mặt nhu hòa nhưng trong lòng cương nghị (ngoại

hòa nội cương) làm việc hăng hái, có chí phấn đấu mạnh.

Thiên Phủ hợp với Thanh Long Xương Khúc và Tả Hữu nhất là Lộc Tồn. Thiên Phủ ngăn Không Kiếp Triệt Tuần. Không Kiếp Tuần Triệt ở bên. Ấy là cô độc chẳng nên kể gì.

Lộc Tồn Xương Khúc bên mình

Hoặc là Tả Hữu hiển vinh anh tài.

Triệt Tuần đứng án ngữ Thiên Phủ khiến cho vóc dáng trở thành dong cao chân dài hơn thân.

Thái Âm đóng Mệnh khuôn mặt tròn hoặc vuông mà đầy đặn, thân hình mập lẳn ngoại mạo văn tĩnh (về ngoài nhả và an tĩnh) hay then, nhưng nội tâm động. Nữ mạng Thái Âm đắc địa hay không nhan sắc ưa nhìn. Nam mạng Thái Âm khoái hương thụ, ít lý tưởng. Nam mạng Thái Âm hãm gặp nhiều hung sát tinh thì phiêu bạt.

Thái Âm đi với Lộc rất hợp. Vì hóa khí của Thái Âm là tài phú. Phú có câu: Thái Âm Hóa Linh đồng vị phản thành thập ác nghĩa là Thái Âm đồng cùng với Hòa hay Linh tinh nét không mấy tốt.

Hòa tinh xung phá Thái Âm giao trá và hung bạo cố chấp. Linh Tinh xung phá Thái Âm lạnh lợi nhưng độc địa. Hỏa minh Linh ám một lần nữa được chứng minh khi nó đi cùng Thái Âm.

Thái Âm gặp Đà La tính dục mạnh. Thái Âm miếu vượng được Thiên Mã tài vận luôn luôn hanh thông.

Thiếu Âm miếu Mã đứng chờ

Thư hùng Mã át có cơ sang giàu.

Thái Âm thuận lợi với nữ mạng hơn nam mạng.

Tham Lang thù mệnh, Hình Tính Phú viết: "Tham Lang vi Thiên Ác chi tinh nhập miếu tất trường tù, lạc hãm tất ngoan ngoãn". (Tham Lang là sao vừa thiện ác tham bán, ở miếu vượng người cao lớn, vào hãm cung thành nhỏ bé.)

Tham Lang miếu vượng chi cung

Dáng người to lớn là dòng lược thao.

Tham Lang gặp các sát tinh có sự nghiệp vững vàng

gặp hung tinh tính nét hư phù (đa hư thiếu thực). Tham Lang dễ rơi vào khuynh hướng đam mê sắc dục rượu chè bài bạc. Tham Lang vào nữ mạng lòng yêu ghét thường cực đoan bởi vậy cổ nhân nói sao này là sao ghen tuông.

Tham Lang đi với Hóa Lộc ở nam mạng râu rậm. Tham Lang hội Đào Hoa ở số nữ dâm đảng nếu gặp Triệt thì bớt hẳn. Mệnh không chính tinh mà cung Phu thấy Tham Lang, dễ rơi vào phận làm lẽ.

Tham Lang đứng cùng Trường Sinh tuổi thọ cao. Tham Lang gia cát tọa Trường Sinh, thọ khảo vĩnh như Bành Tổ (Tham Lang đứng cung cát tinh ở cung có Trường Sinh tuổi thọ bằng ông Bành Tổ).

Cự Môn đóng Mệnh đắc địa khổ người vương vức, ở cung hãm nhỏ nhân hơn. Tính đa nghi, ưa dối trá. Nữ mạng đắc hay hãm địa thì cũng không hợp lắm với Cự Môn vì cái chất thị phi của sao này về mặt thuận hợp với lục thân (bố mẹ, anh em, chồng con).

Cự Môn làm việc lúc thế này lúc thế khác, giao thiệp với người ban đầu tốt, càng về sau càng hoài nghi. Cự Môn khó hợp khó thân.

Cự hãm tứ mộ đa ngôn

Trong lòng nghi hoặc, tính càng tối tăm

Mão Dậu Cự Cơ cũng hay

Tiền tài vinh hiển cũng tay hoang đàng

Gặp Song Hao vào hàng quán thê

Tuổi Ất Tân buôn bán làm giàu.

Thiên Tướng theo Hình Tinh Phú ghi: "Tinh thần tướng mạo trì trọng". Người Thiên Tướng thủ mệnh hơi chậm, người nặng, mặt đầy đặn hơi vuông. Ở hãm cung hoặc gặp Tuần Triệt thì lại gầy nhỏ hơn.

Theo Sách Trung Quốc sao này không có hãm cung. Sai. Thiên Tướng vào Mão Dậu hay Thìn Tuất phải xem là hãm nhân mới đúng. Cho rằng Thiên Tướng chỉ ở chỗ vượng hay ngược lại hay nhược mà thôi. Điều nàu còn chấp nhận được.

Câu phú: “Thiên Tướng thủ mệnh nhược lạc nhân cung dã cát lợi” nghĩa là có sao Thiên Tướng thủ mệnh dù rơi vào nhân cung cũng vẫn cát lợi. Rõ ràng ưu điểm của Thiên Tướng là con người cần mẫn phấn đấu dù chẳng nên công nghiệp lớn cũng yên thân vững chãi.

Thiên Tướng vào số Nữ là đàn bà quán xuyến đảm đang nhưng cuộc đời thường vất vả. Thiên Tướng hợp với Tả Phụ Hữu Bật. Thiên Tướng kỵ gặp Hỏa Linh gây tai nạn thương tích. Thiên Tướng bị Tuần Triệt dễ non yếu hoặc gian truân.

Thiên Tướng vào số Nữ không nên có thêm Xương Khúc là hai sao lãng mạn, mâu thuẫn hẳn với cái bản chất của Thiên Tướng vốn mực thước thủ tín. Bị Xương Khúc sẽ rơi vào tình cảnh khôn ba năm đại một giờ.

Thiên Tướng ở cung Quan Lộc mà gặp Triệt Tuần dễ bị tai tiếng với chức vị bị cách chức, nếu không thì cũng lui dúi quan trường.

Cung Quan Tướng đóng xem qua

Nếu gặp Tuần Triệt khó mà rạng danh.

Thiên Tướng đứng cùng hay hội ngộ Văn Khúc, Hoa Cái Đào Hoa, Mộc Dục đa dâm.

Tướng phùng Khúc Cái Mộc Đào

Vẫn là phúc trọng tính sao đa tình. (Số nữ)

Thiên Lương qua Hình Tính phú: Thiên Lương án trọng, ngọc khiết băng thanh. Nghĩa là Thiên Lương đắc địa nam mang tính cẩn thận kín đáo, nữ mạng đắc địa trinh thực. Thiên Lương da trắng trang nhã. Thuận hòa nhưng cũng quyết liệt. Thiên Lương hãm thì tính phiêu lãng với vẻ ngoài đôn hậu. Nữ mạng Thiên Lương hãm gian dâm.

*Lương hãm ngộ sát ưu phiền

Nam đa lận đận nữ duyên nhờ nhờ.

*Lương phùng hao sát Ty cung

Ấy là khó tránh khỏi vòng đao thương.

*Cung Ty Hội đứng cùng Thiên Mã

Chỉ đổi thay ấy gã phiêu linh

Còn như nữ mệnh cho rành

Cách này thấy rõ thâm tình hạ lưu.

*Thất Sát, Hình tinh phú viết: "Mục đại, hung lang, tính cấp" nghĩa là mắt lớn, dữ dội và nóng nảy. Đắc địa tâm ý dũng mãnh hăm địa thành hung bạo. Đắc địa có cơ mưu, hăm địa thành hồ đồ.

Thất Sát vượng nhược tạo nên định lịch gian tân (Thất Sát miếu hay hãm thì lúc trẻ cũng phải gian tân). Đó là cái nghiệp của Thất Sát. Đắc hãm chỉ khác nhau ở lúc thành công thôi.

Thất Sát miếu địa gặp Hình

Ấy là võ nghiệp nổi danh tướng tài

Sát Kinh Hòa vào phương hãm địa

Số nghèo hèn đồ tể ra chi.

Thất Sát nữ mệnh, đắc địa tháo vát, hãm địa tham lam và vô năng.

Phá Quân âm thủy kẻ ra

Lưng dày mình thấp lại là mi thừa

Tính cương chẳng có ai ưa

Ra lòng bạc ác chẳng chừa được đâu.

Trên đây là những câu diễm nôm từ Hình Tính phú: "Phá Quân bất nhân, bối trọng mi khoan, gian trá hiếu hành kinh hiểm".

Phá Quân không xấu người xấu nét đến vậy. Vấn đề còn tùy ở hãm hay đắc địa nữa. Nhưng đắc hay hãm thì Phá Quân bao giờ cũng là con người khó hiểu và gan góc. Phá Quân nếu đi cùng Kinh Dương, hao tinh, hay Linh Hòa đóng Quan Lộc cuộc đời lận đận bôn ba chẳng những không nên danh phận còn túng quẫn.

Phá Quân Thìn Tuất gặp Tuần Khoa hợp cách.

Phá Quân ở Sửu Mùi gặp Lộc Hình có uy quyền.

Phá hãm địa nam hay nữ đều hung dữ, hiểm độc.

Hình Tính Phú còn có những câu phú sau đây:

*Tuần nhĩ Văn Xương - Lỗi lạc Văn Khúc. (Văn Xương thủ Mệnh đáng đắp tuần nhĩ. Văn Khúc tài ba lỗi

lạc.)

*Tả Hữu ôn lương – Cao sĩ Thiên Khôi Thiên Việt.

*Kình Dương Đà La hình sũ, mao liệt.

(Kình Dương hay Đà La thủ mệnh hình dung xấu si
nếu đóng hãm địa.)

*Dung mao như xuân, nãi Lộc Tồn. (Mặt tươi vui như
mùa xuân là Lộc Tồn đóng Mệnh.)

*Tử Vi phì mấn, Thiên phủ tinh thần. (Tử Vi to béo,
Thiên Phủ thông tuệ.)

*Nhật Nguyệt Khúc Xương Đồng Lương Cơ Xương
tuần mỹ chi tư. (Nhật Nguyệt Xương Khúc hay Đồng Lương
Cơ Xương phong thái đẹp đẽ.)

*Tham Lang đồng Vũ Khúc hình tiểu thanh cao nhi
lượng đại. (Tham Vũ đồng cung, dáng nhỏ bé nhưng tiếng
nói oang oang (thì hào sảng). Trường hợp Tham Vũ gặp sát
kị tinh thì tiếng nói lâm râm tâm địa gian xảo.)

*Thiên Đồng Đà Kị phì mấn nhi mục điều. (Thiên
Đồng đứng với Đà Kị người mập nhưng mắt lé, mắt có
cườm.)

Những câu phú nôm cần biết về Mệnh cung:

*Tử Phủ hậu trọng khác thường

Vũ Tham người nhỏ là phương tham lam.

*Thìn Tuất Phủ Tướng phùng suy

Tính hay chấp nhất đa nghi mọi bề.

*Vũ Tham đầu nhỏ mình to

Phá Liêm sốc sếch sức đo hơn người.

*Sát phùng Thiên Hỉ khá hay

Ấy là phong nhả uy nghi mọi đảng.

*Việt Khôi là cách văn chương

Khôi là khôi ngô, Việt thường đa đen.

*Mặt hoa ấy hội Khoa Quyền

Vũ Tham Hóa Lộc râu liên đến tai.

*Đẳng vàng là hội Phong Thai (Phong Cáo – Thai Tọa).

Long Trì Phượng Các ấy ai dịu dàng.

*Đẹp thay Tả Hữu một phường

Khóc Hư quanh mắt thường thường tròn thâm.

*Tham Đào tốt tóc xanh râm

Mắt đen Vũ Kị chẳng nhằm một ai.

*Việt Xương tiếng nói khoan thai

Đồng Không Hư Nhẫn lắm lời thì phi.

*Mộc Cái làm dáng ai bì

Hay khoe mình cũng bởi vì Lâm Quan.

Quý Ân là khách phong tao

Trên nào cũng vị dưới nào cũng yêu.

*Thanh Long cơ biến đủ điều

Tấu thư nói ngọt người theo ngay về.

*Hi thần Hoa Cái tốt ghê

Khẩu thiết trường đoản mọi bề đảm đang.

*Kiếp Không đa ất đen hoàn

Hỏa Linh mặt khổ sầu đăm đêm ngày.

*Kính Dương tai kém mình gầy

Đà La mắt lớn chân tay thì dài.

*Đào Hồng mặt mũi xinh tươi

Kính Hình Đà Nhẫn là người tật thương.

*Đà Riêu Toại ngọng lẽ thường

Lại thêm Cự Kị ất phùng điếc câm.

*Người mà mắt nhỏ mắt to

Nhật phùng Đào Sát tương phò mệnh viên.

*Mắt to mắt nhỏ ấy là

Nhật phùng Không hãy đoán ra rõ mười.

*Tham lâm Thái Tuế một miền

Trong ngoài cơ trí đảo điên khó lường.

*Triệt Tuần đóng ở Mệnh cung

Thiếu niên tân khổ lo toan mọi đường.

*Cô Thần Quả Tử mệnh cung

Tính người cô độc chẳng màng giao du.

*Tứ Phùng Thất Sát chí khôn

Việc làm táo bạo những toan hơn người.

*Tấu Thư Hoa Cái thanh kỳ

Mộc Riêu Hoa Cái ất thì dâm bôn.

- *Thiên Hình đóng ở Dần cung
Mệnh Thân tại đó uy hùng tướng quân.
- *Hình Tướng Ân Bình hợp cùng
Tài kiêm văn võ vẫy vùng nơi nơi.
- *Đầu Quân Tử Phủ thông dong
Ở cung Quan Lộc trùng trùng phước lai.
- *Đầu gặp Tôn khá tiền tài
Khốc Hư lạc hãm miệt mài gian truân (cung Tài Bạch).
- *Thiên Nguyệt Đức Giải thần tàng
Hội cùng Quan Phúc một làng trù hưng.
- *Thái Dương đóng chốn thủy cung (cung Hợi hay Tí)
Đà Hình Riêu Kị yếu vong hoặc mù
Hạn gặp thời cùng âu lo
Hoặc đau đôi mắt hoặc chờ phát tang.
- *Đà La địa Kiếp chiếu phương
Gặp Linh Tinh nạn bất tường chẳng sai.
- *Khốc Hư Tí Ngọ an bài
Tiền bản hậu phú chớ sai lẽ bàn.
- *Thiên Đồng thủ mệnh ấy là
Đổi thay tính khí khó mà chiều nuôi.
- *Tràng Sinh Mã Hỉ đồng cung
Thanh vân đắc y vẫy vùng một phen.
- *Thái Dương cư Hợi Mệnh Thân
Gặp Khoa Quyền Lộc mười phần vẹn mười.
- *Thai mệnh đa học thiếu thành
Mộc được Thai Tọa hiển danh anh tài.
- *Địa Kiếp độc thủ ác tà
Liêm Phá là mạng qui ma bất thường.
Thiên Khốc địa vông tai ương
Hóa Quyền Thiên Khốc lại đường minh danh.
- *Khôi Xương ở mệnh bậc lãnh
Hỏa Hình đóng mệnh giữ mình lửa than
- *Hỏa Kị thi rớt lắm khi
Dương phùng Kiếp Sát học gì cho hay (Dương hãm địa).
- *Sát Hình cô độc tính ương

Quan Phủ Thái Tuế đến thường công môn.

*Binh Hình nói chẳng hé răng

Hãm cung Phá Tuế nói bằng sấm vang.

*Tham Lang những thích ăn sang

Riêu Đà từ sắc lăm đàng ngả nghiêng.

*Đế hãm Mão Dậu lại thêm

Sát tinh hội hợp cửa Thiên gửi thân.

*Mấy người phú quý không toàn

Bởi sao Nhật Nguyệt hợp đoàn sát tinh.

*Mấy người thu ân triệt hồi

Bởi sao Không Kiếp đứng ngồi nào yên.

*Cung Quan mừng được Đào Hồng

Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào.

*Những người niên thiếu danh ghi

Hồng Loan Bát Tọa ở vì mệnh cung.

Song Hạo Tham hội đa dâm

Thiên Đồng gặp Quý mười phần thanh cao.

*Phá Quân Riêu Mã hợp vào

Áy phùng du đảng ai nào dám thân.

*Hay gì hãm địa Hóa Khoa

Thêm Không Kiếp át quái tà ác tinh.

*Đất tứ mộ Hòa Linh Tham Vũ

Có uy quyền chớ ngộ Kinh Dương.

*Tham Vũ đóng đất vông La

Gặp loài Tang Đế một nhà nên hung.

*Xương Khúc Phá gặp Hình Kiếp Sát

Chôn Mão Thìn Dậu Tuất lao đao.

*Tam Hóa Hóa Lộc đứng đầu

Vào cung tứ mộ như mâu khói mây.

*Mấy người hà tiện xưa nay

Bởi cung Tài Phúc gặp rầy Kiếp Không.

*Lộc ngộ Không Kiếp đồng qui

Cũng là vô dụng hóa vì cơ hàn.

*Còn Thiên Phủ Tuất cư mệnh vị

Hợp cát tinh Giáp Kỷ sinh nhân

Hòa cục vẹn vẻ mười phân
 Tam công chức trường danh phần chẳng ngoa.
 *Tham Vũ đắc địa khá mong
 Bính Đinh Thổ cục ấy dòng giàu sang.
 *Mấy người phú quý nan toàn
 Lưỡng Hao Hóa Ky Tài Quan lâm vào.
 *Mấy người dư bạc giàu sang
 Hợi Tí Tướng Ân lại châu cát tinh.
 *Kính Dương Ky Hòa một bài
 Hãm mà thù mệnh thật loài ác tinh.
 *Ngọ cung Tam Hóa hợp Kinh
 Người sinh Bính Mậu biên đình nổi danh.
 *Khúc Xương Mùi Sửu hợp thành
 Nếu không cát diệu hữu danh vô dùng.
 *Phá Quân gặp Khúc Xương
 Tuất Thìn Mão Dậu là phường lao đao.
 *Lộc cư Nô bộc bức mình
 Đông Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài.
 *Mệnh vô chính diệu bất minh
 Phụ Bất gia thủ đem mình ly tông.
 *Sao Ân Quý hợp Khôi cùng
 Ở vào Thân Mệnh báng rông đề danh.
 *Khôi Việt lại gặp Khoa tinh
 Không bị Tuần Triệt nên danh dễ dàng.
 *Tham Lang Bạch Hổ một đảng
 Tuất Thìn tuổi ấy sơn lâm lánh mình.
 (Không nên ham săn bắn, đi rừng leo núi.)
 *Hãm cung Thái Tuế Cơ Lương
 Ấy người kém phúc vợ con biếng chiều.
 *Phù Hình Không Kiếp bon chen
 Kẻ thù người oán phải nên giữ mình.
 *Khốc Hư Tang Mã chẳng lành
 Hại người hại của phận đánh tai ương.
 *Dậu cung Hình Tuế cùng ngồi
 Tai bay vạ gió do người gây ra.

- *Tuế Đà Cự Kị phận nghèo
Một thân lên thác xuống đèo chẳng yên (gặp vận cũng vậy).
- *Kiếp Không Hình Kỵ Đà Dương
Gian nan bệnh tật mọi đường khám kha.
- *Việt Khôi Quyền Lộc nhẽ bàn
Trong nhà bậc trưởng ra đàng bậc trên.
- *Mệnh Điền Tuân Triệt đương đầu
Tư cơ cha mẹ khó cầu khó mong.
- *Thất Sát là loài đáng kinh
Hãm địa gặp phải lưu Kình sợ thay.
- *Dương Đà Thất Sát phải hay
Chiếu vào Thân Mệnh tháng ngày khổ đau (số Nữ nặng hơn).
- *Phá phùng Mão Dậu khá kinh
Gặp sao Nguyệt đức phúc lành lại qua.
- *Dậu cung Thái Tuế Thiên Hình
Phải phòng tai họa nảy sinh gông cùm.
- *Thìn Tuất Thất Sát xem qua
Kình Hình hội ngộ ắt là đảo điên
- *Tương Phá phục nội tạng thai diệu
Ngoại Đào Hồng tử chiếu thiên di
- Nam nhân dâm dục thị phi
Nữ nhân tác kỹ kẻ chê người cười.
- *Tuế hạn Cự Vũ Hóa Quyền
Hoặc Mộ Tả Hữu ấy miền vinh thắng.
- *Việt Khôi Long Phượng Văn Tinh
Vào thi ắt hẳn bé cảnh quế hoa.
- *Thiên Lương ngộ Hòa chóe lắm
Hại người tổn vật mấy lần họa sinh.
- *Linh phùng Sát Phá hạn hành
Văn Vương xưa cung giam mình ngục trung.
- *Đào Tang đóng ở Mệnh cung
Lẳng lơ gái ấy phụng loan dứt tình.
- *Dương Đà Tuế lâm vào khẩu thiệt
Còn Đà La ngộ Nguyệt loạn dâm.
- *Tật cung Thai Hổ huyết băng

Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùng thanh cao.

*Phượng Loan hợp là người thuần hậu

Khốc Hư thường tảo bạo xông pha (số nữ).

*Thiên Quan Thiên Phúc thủ trung

Tôn tăng kính Phật dốc lòng thiện gia.

*Vũ Quyền nữ Mệnh đồng lâm

Gái khôn khiến đáng phu quân nề vì.

BÀO CUNG

Cung bào chủ yếu để xem quan hệ anh chị em ruột thịt. Vì cung bao xung chiếu với cung Nô nên cũng có thể phối hợp những sao của cung Bào với Nô mà tìm hiểu rõ thêm về bề bạn tri kỷ, về thù hạp, về những người đồng liêu cộng tác với mình.

Sách vở Trung Quốc luận đoán cung này không đem lại cho người đọc hào hứng và có vẻ vô đoán. Tỉ dụ: sao Tử Vi ở đây là có thể nhờ được anh em cùng với Thiên Phủ thì anh em chừng ba người... Dương Đà Hòa Linh xuất hiện anh em khó hòa thuận. Tỉ dụ: Liêm Trinh cư Bào miếu địa có hai người, đứng với Tham Lang anh em chiếu đoán, đứng với Thất Sát một người, Dương Đà Hòa Linh Không Kiếp thường khắc anh em.

Luận đoán như thế coi mà phát chán, đồng thời cũng thiếu thực tế. Tử Vi Việt có những câu phú linh động hơn.

*Xét xem huynh đệ cho tường

Triệt Tuần xung cùng đầu đảng ly tông.

*Sinh lai hãy đoán khác xung

Hễ là Địa Kiếp Thiên không chẳng nhiều.

*Tướng Quân Lộc Mã cung triều

Anh em có kẻ thuận chiều công danh.

*Tướng Quân Lộc Mã đồng cung

Anh em có kẻ triều trung quý quyền.

*Triệt Tuần Không Kiếp giao liên

Anh em có kẻ để phiền lụy thân.
 *Trường Sinh Đế vượng đa nhân
 Thai cùng Nhật Nguyệt có lần song sinh.
 *Tam Không ngộ Dưỡng đình ninh
 Nuôi con nghĩa tử giúp mình yên vui.
 *Tử Tang Tá Hữu cùng ngồi
 Có chị em gái duyên ôi chẳng lành.
 *Tang Môn gặp Mã đình ninh
 Mỗi người mỗi xứ gia đình quanh hiu.
 *Dưỡng Thai Triệt Vượng lâm vào
 Trong anh em có dị bào chẳng không.
 *Đào Hoa Thai Hi trong cung
 Phá Quân Tướng Phục chiếm xung cỗi ngoài
 Có chị em gái theo trai
 Say mê đến nỗi hoang thai bỏ mình.
 *Trong thời Tướng Phá Phục binh
 Ngoài thì Hoa Cái liên minh Đào Hồng
 Anh em có kẻ tư thông hẵn rồi.
 *Gặp sao Hóa Kị khiếm hòa
 Thiên Hình xung khắc trong nhà ghét nhau.
 *Phá phùng Hình Kỵ đồng xung
 Anh em bất thuận những đường trở tranh.
 *Âm dương chiếu với Hi tinh
 Âm cung Thiên Phúc cũng sinh dị bào.
 *Tử Vi Tá Hữu Riêu Đào
 Có chị em gái chìm vào phần son.
 *Tướng Thai Đế Vượng hợp cùng
 Dị bào có kẻ trong vòng đệ huynh.
 *Thìn Tuất Thất Sát một mình
 Lộc Tồn Cô Quả anh em có nào
 *Khúc Xương Thái Tuế cung Bào
 Có người anh trưởng thấp cao tung hoành.
 *Đầu Quân kỵ huynh đệ cung
 Cát hội hòa thuận, nếu hung oán thù.

PHỐI CUNG

Cung Thê cung Phu dùng để xem quan hệ phối ngẫu thuận hòa hay không, phải mấy đời chồng vợ, hay góa bụa chia ly, vợ đảm hay vợ đoảng. Những khoảng thời gian đôi ngả. Mệnh bình thường nhưng cung phối ngẫu tuyệt đẹp nhờ hôn nhân mà đời trở nên khá giả.

Mấy đời chồng vợ có thể xem từ Mệnh cung cùng với phối cung. Vợ vượt quyền có thể vừa xem mệnh cung vừa xem phối cung. Đến như vợ đảm hay vợ đoảng thì chủ yếu phải là Thê cung. Vợ giàu hay vợ nghèo chủ yếu phải là Thê cung.

Cuốn Chính Thống Tử Vi Đẩu Số của Trần nhạc Kỳ ở mục Phu Thê cung yếu quyết viết như sau: "Phu Thê đóng Tí hay Ngọ có sao Tử Vi mà không thấy Tả Hữu thì không bị hình khắc, nhưng lại hay rơi vào tình trạng vợ chồng đối xử với nhau ngang ngược vô lý.

Hoặc chồng hoặc vợ trong lòng tuy bất mãn nhưng vì danh dự, địa vị và tài sản đành phải chịu ngậm bồ hòn làm ngọt. Loại ấn nhẫn nhịn nhờ nhau chiếm đa số. Cung Phối đẹp tốt nhưng tam hợp đối xung nhiều sát tinh thì vợ chồng tình ý thuận toại nhưng nguyên nhân ngoại lai làm cho phân ly.

Cung Mệnh, cung Phối hoàn hảo, mà vận hạn đến quá nhiều hung sát tinh xung phá có thể đưa đến góa vợ góa chồng nếu như Mệnh cung của người phối ngẫu mang những dấu tích yếu vong.

Có câu phú: Tử Phủ đồng cung đa cô khắc. Mệnh như thế phải chậm hôn nhân, lấy sớm mà gặp người hung hãn tất phải chia lìa, hoặc vô sinh dục mà phân ly hoặc lấy muộn rồi tâm chẳng đầu, ý chẳng hợp cũng kể là cô.

Mệnh an ở Tí Ngọ, không chính tinh mà cung Thê thấy Thiên Cơ Thiên Lương thì vợ là người hiền huệ thông minh, vận gặp nhiều hung sát tinh hay Hồng Loan Cô Quả

thường góa vợ.

Mệnh nữ, Thái Dương đắc địa ở miếu vợ cung là vợ đoạt phu quyền lại dễ có những mối tình ngoại hôn. Âm Dương hãm đóng cung Phối khó bền duyên. Âm Dương lạc hãm gia Kinh Kỵ phu thê ly biệt.

Thê cung Cự Nhật Dần hay Thân vợ hay chồng có thái độ ngang chướng cuộc sống lứa đôi bất an. Mệnh tốt, Phối cung đẹp nhưng cung xung chiếu Thê là Quan Lộc xuất hiện Hóa Kị, Đà Kị, Cự Kị vợ chồng sống với nhau trong nghi kỵ.

Thê cung Tham Đào Hóa Lộc hội tụ, vợ có khuynh hướng ngoại tình, hành động ngoại tình. Phu cung sát Phá Tham có Quyền Lộc Khúc Xương là Mệnh Phụ nếu thấy luôn cô quả tất sẽ thành Quả Phụ.

Về cung Phối, phú nôm có nhiều câu đặc sắc như sau:

- *Phối cung Nguyệt Đức Đào tinh
Trai lấy vợ đẹp gái làng chồng sang.
- *Vợ chồng viên phối tha hương
Hong Đào xung, chiếu từ làng Thiên Di.
- *Vợ về có của muôn trùng
Ân Quang Nguyệt Đức, Mã đồng Thái Dương.
- *Lộc Quyền kia cũng một phường
Tri âm sẵn của hợp phường phú gia.
- *Lương Đồng Tử Phủ hợp bầy
Chính phòng nét sẵn thảo ngay hiền hòa.
- *Hoa Cái Phượng Các Đào Hồng
Trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây.
- *Tứ Không ngộ MÃ chẳng bản
Có chồng còn bỏ theo làng bướm hoa.
- *Đà Tham từ sắc la đà
Tuế Đà miệng lưỡi ắt là chua ngoa.
- *Vợ chồng nay thuận mai hòa
Phục binh Hóa Kị chiếu tòa phối cung.
- *Chinh Thê thứ thiếp tề vui
Tả phù, Hữu Bất Loạn thời Đào Hoa.

- *Cao sang phú quý một nhà
Phối cung có Lộc hợp hòa Phụng Long.
- *Phối cung Thiên Tướng Đào Hồng
Hoặc là Thiên Mã, Lộc Tồn, Thanh Long
Hoặc là Mã bát tứ Không
Hoặc là Thiên Hi Đào Hồng tốt thay.
- *Phu cung Hóa Kỵ một mình
Tơ tình chưa dứt mối tình đã xuôi.
- *Cự Môn Kỵ Hỏa tương phùng
Ba lần kết tóc chưa xong mối sầu.
- *Vũ Khúc Thất Sát đồng danh
Bao lần hôn phối mới lành được chẳng.
- *Vũ Khúc, Thiên Mã Triệt Tuần
Khắc xung vợ bỏ khuê phòng ra đi.
- *Phối cung Không Kiếp kẻ chi
Trai hai ba độ rồi thì mới yên.
- *Thiên Tướng đứng đản lạ thường
Liên Trinh đặc địa là phường đoan trinh.
- *Thiên Tướng Phụng Các Long Trì
Càng thêm yêu dấu mỗi thì mỗi tăng.
- *Triệt Tuần Không Kiếp giao lâm
Mối mai dang dở ba lần mới nên
- *Vợ chồng nay hợp mai tan
Kỵ Phục tọa thủ trong làng thê cung.
- *Đồng Riêu đoán ắt ngoại tình
Nếu cùng Tướng Phá Phục Bình lai triều.
- *Phụng Long nhan sắc dịu dàng
Khúc Xương Tả Hữu ấy làng tài hoa.
- *Linh Tinh hà tiện bao nhiêu
Phá Quân kia lại tiêu liêu tiêu vung.
- *Bình Hình gặp Hóa, Kỵ xung
Đêm ngày cư xử ra lòng bạc đen.
- *Tang Môn Thiên Khốc phận hèn
Hoặc là làm lẽ hoặc phen ly tình.
- *Khúc Xương Thái Tuế liệt bài

Chua ngoa miệng lưỡi ấy người đa ngôn.

*Đồng Lương hội nhập phối cung

Hai vợ ắt một tổ tông đó mà.

*Cư Đồng cùng hội Phu cung

Một sâu góa bụa hai sâu lỡ duyên.

*Triệt Tuần gặp Mã ưu phiền

Bỏ chồng vợ trốn đến miền phương xa.

*Hong Đào ngộ Kị phu cung

Tơ hồng đã đứt má hồng còn vương.

*Song Lộc hội Phu Thê cung

Vợ chồng phối hợp vốn dòng giàu sang.

*Lộc Quyền tọa thủ Thê cung

Trai thời nhờ vợ mà nên sang giàu.

*Phu cung Riêu Sát Kinh Dương

Hội giao Linh Hòa gái toan giết chồng.

*Hình Đào Sát đáng chê cung phối

Hoặc Tài Điền Tử tức long đong.

*Phá Quân duyên nợ ít toàn

Cô Quả Tang Hồ Khốc thương tóc tang.

*Thê cung Xương gặp tam Không

Con nhà danh giá tổ tông kết nguyên (?)

TỬ TỨC CUNG

Con cái đắc lực hay không, con cái có đem đến rạng rỡ cho tôn tộc hay không, có con nối dõi hay không, những nỗi buồn về con cái ... đều liên hệ đến cung tử tức.

Bản mệnh bình thường, nhưng cung tử tức tốt đội hần thì con hơn cha mẹ. Sách Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư viết: "Nhu cung này mà Kinh Đà Hòa Linh Không Kiếp Sát Kị hãm ắt có sự hình khắc về mặt con cái. Cung này được các thiện tinh quý tinh thủ thì con cái thông tuệ thành công sang quý. Ác tinh coi giữ có nỗi buồn về con phá đấng nghịch tử..."

Sách kể trên cũng đưa ra những luận cứ sao nào thì

sinh mấy người. Sao nào thì đưa đến tình cảnh tuyệt tự. Vào thời đại bây giờ cái chuyện sinh mấy người kể như không thực tế. Như bên Trung Quốc lệnh chính quyền chỉ được đẻ một con thôi vì nạn nhân mãn, bên Ấn Độ có chính sách khuyến cáo đàn ông hãy thiên hoặc cột vì xứ Ấn đã đông người quá rồi đẻ theo nhịp cũ sẽ đói to. Những người ở Hoa Kỳ ai cũng phải có kế hoạch gia đình nhiều nhất là ba, đẻ thêm nữa kể là ngoại lệ.

Cái số bao nhiêu trên Tử Vi khoa không còn áp dụng được nữa. Câu hỏi về con cái hiện đại chỉ là có hay không? sớm hay muộn? con cái hiếu thuận chăng?

Hãy đọc những câu phú nôm ghi sau đây có thể hiểu được phần nào những thắc mắc trên:

- *Thai cung Tả Hữu hội chung
Sinh con có kẻ bên dòng tiểu tinh.
- *Cung con Long Phượng sang giàu
Khúc Xương Thái Tuế thập hầu tặng phong.
- *Không ngộ Linh Hỏa xấu xa
Sinh con gặp phải những tà ác tính.
- *Vũ Khúc Văn Khúc cùng ngồi
Sinh con tài giỏi hơn người chẳng ngoa.
- *Tứ Cung Riêu Mộc Khúc Xương
Tuồng gì con gái những phường chơi ngang.
- *Đào Riêu nhi nữ dâm tàng
Tứ Phủ nhi nữ lại làng đồng lương.
- *Bóng tà vẫn kém hào con
Bối chung Linh Hỏa Thái Âm hãm nhân.
- *Khốc Hư lại gặp Dương thần
Sinh nhiều nuôi ít muôn phần ưu tư.
- *Âm Dương Thai hội sinh đôi (?)
Hỏa Linh Thai hội sinh nuôi chẳng lành.
- *Kình Đà Không Kiếp Khốc Hư
Sinh con điếc lác ngẩn ngơ thêm buồn.
- *Đẩu Quân cung Tử hiếm con
Cát tính hội tụ may còn ước mong.

- *Khốc Kinh Hình Hồ từ cung
Đến già không thấy tay bằng con thơ.
- *Kinh Dương mà gặp Thiên Hư
Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời.
- *Dương Đà ngộ Tuyệt phùng xung
Mão Dậu Tí Ngọ uống công sinh thành.
- *Tử cung Thai Tướng Phục binh
Vợ chồng ắt hần từ sinh thừa nào.
- *Số muộn màng gái trai ôm ấm
Vị Kỳ Đà len lỏi từ cung.
- *Hỏa Linh Dương nhấn lâm vào
Có sinh con cũng liệt vào tật thương.
- *Rõ ràng số hiếm muộn màng
Hai sao Đà Kỳ ở làng từ cung.
- *Hiếm hoi Phi gặp Thiên Hình
Mã Không Phụ Bát song sinh phải phòng.
- *Kiếp Không cung Tử khá phòng
Đề thường băng huyết con vòng tràng hoa.
- *Hồ Tang Không Kiếp tương gia
Sinh con yếu chết đã ba bốn lần.
- *Tử cung mà thấy Triệt Tuần
Tuy rằng trước dữ sau phần dễ sanh.
- *Thất Sát hãm ngộ Thiên Hình
Sinh con những giống lưu manh hoang đảng.
- *Cung Tử Âm, gặp Thái Âm
Con đầu nhi nữ khỏi tầm yếu vong.
- *Cung Tử Dương, sao Nhật Sinh
Con đầu nam tử mới lành được chẳng.
- *Phụ Bát ba bốn sinh ra
Lộc Tồn gia sát may mà một hai.
- *Tử cung Thiên Mã phùng không
Gặp sao Phụ Bát một vùng sinh đôi.

TÀI BACH CUNG

Tiền là nguồn sống, cung Tài Bạch được xem là cung trọng yếu đối với số mạng con người. Cung Mệnh vượng, mà cung Tài xấu cung Mệnh sẽ bị ảnh hưởng. Cung Tài tốt mà cung Mệnh dở thì cũng không nên cơm cháo gì an thân mà thôi. Như sách viết “Mệnh bản nhi tài vượng an thân nhi dĩ”.

Cung Tài cũng liên hệ khăng khít với cung Phúc Đức vì Phúc là cung xung chiếu cung Tài. Phúc Đức là gốc của những cơ may cho Tài Bạch. Tài vượng mà cung Phúc chẳng hay khó nên cơ nghiệp hoặc phải gian lao vất vả mới thành. Phúc vô dụng Tài bí xị, Mệnh vắn vợ thì cả cuộc đời nghèo khổ. Mệnh thanh cao, Phúc thanh cao mà Tài Bạch bình thường thì nên danh nhưng nghèo tiền như mấy vị nhân sĩ, nghệ sĩ bất phùng thời, đời chuộng nề mà túi rỗng không.

Tài cung có hơi hướm bà con với cung Điền Trạch. Tài Phúc tốt mà Điền Trạch quá dở thường đưa đến tình trạng không tụ tài. Phúc hãm, Tài vượng, Điền Trạch sáng, xuất thân thấp kém do cần kiệm mà thành nghiệp. Phúc miếu, Tài nhược nhưng Điền Trạch thịnh, làm việc tân cần tích tiểu thành đại. Phúc và Điền đều hãm phá, nhưng Tài vượng thịnh chỉ được một thời sung túc. Tài hãm, Điền tối tăm mà Phúc vượng, có đầy rồi lại mất đầy hoa nhi bất thực.

Tài Phúc có Hồng Loan Thiên Hỉ vào nghề cờ bạc có lúc phát. Cô Quả đóng Tài khó mà khoát đạt trong việc sử dụng tiền, nên hay lỡ cơ hội.

Tử Phù, Thái Âm, Song Lộc, Vũ Khúc đóng Tài Bạch rất tốt. Cự Môn Tí Ngọ đóng Tài tiền tới bằng tranh cạnh hoặc đầu cơ, man trá. Vì chính là cách “thạch trung ẩn ngọc”.

Tham Lang vào Tài thường được âm nhân chi tài (tiền bạc do quỹ đen hay gái cho). Thiên Cơ kiếm tiền bằng khả năng mình đã kiến tạo được.

Thái Dương miếu địa vào Tài Bạch có thể làm giàu. Thiên Đồng chủ phát muộn. Thái Âm hãm vào Tài Bạch không giàu nhưng sung túc.

Liêm Trinh vào Tài Bạch hoành phát nhưng theo

khuyh hướng bất chính. Thiên Tướng kiểm tiền trung thực. Thất Sát đắc địa bạo phát bạo bại. Phá Quân hãm và hai sao Hao không nên vào Tài Bạch. Phá Quân lên voi xuống chó. Khôi Việt dễ gặp may từ quý nhân. Thiên Riêu vào Tài Bạch mê bài bạc.

Sau đây là những câu phú nôm dành cho cung Tài Bạch:

- *Khúc Xương Tả Hữu có dư
Cự Môn bạch thủ cơ đồ lại nên.
- *Liêm Trinh đóng tại Dân Thân
Cũng như Tí Ngọ Phá Quân hoành tài.
- *Cự Lương Lộc Mã ấy ai
Thạch Sùng kim ốc có sai đâu mà.
- *Hóa Kị yếu thủ Tài phương
Cô Thần Quả Tú khỏi đường tốn hao.
- *Thiên Hình giữ của tốt sao
Linh Tinh hà tiện nên giàu đáng khen.
- *Thiên Phủ Vũ Khúc một nhà
Lưu truyền của cải đến ba bốn đời.
- *Sao Mộ Hóa Lộc một nơi
Thật là tiền của chào mời tận tay.

(Câu phú này nói minh bạch hai chữ sao Mộ của vòng Tràng Sinh chứ không phải cung Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vì Hóa Lộc vào cung Mộ thì tiền bạc bị vùi lấp, mà sao Mộ lại như có của chôn giấu. Vậy thì sao Mộ với cung Mộ khác biệt?)

- *Cung Mộ Long Phượng hợp bầy
Của truyền tổ nghiệp đến tay đó mà.
- *Thiên Đồng miếu vượng cũng hay
Khi xưa bạch thủ mà nay nên giàu.
- *Cung Mộ Cự Lương cùng gia
Tiền tài dễ kiếm tiêu pha tháng ngày.
- *Ân Quang Hóa Lộc cùng nhau
Ơn nhờ lộc nước rạng mầu hiển danh.
- *Gian tà Kiếp Sát Phục binh

Khúc Xương Thái Tuế mưu sinh tảo tần.

*Quan Phủ Thái Tuế đa đoan

Thiên Cơ Thái Tuế gian nan mọi đường

Đà Không nghèo khó tai ương

Lưỡng hao tài tán bốn phương thêm phiền.

*Kiếp Không khốn khó mọi bề

Hòa Linh biến lặn đáng chê vô cùng.

*Quan Phủ Thái Tuế Dương Đà

Phải sanh kiện cáo ắt là mới xong.

*Tuần Triệt thước đất cũng không

Tư cơ nan báo Phủ không xứ phùng.

*Hòa Linh miếu phát giữ miền thanh cao.

*Tài cung bỗng thấy Tang Môn

Ân Quang Thiên Mã Lộc Tồn đồng qui

Ất người hường của Cô Di

Thật là phúc trọng đức dày thừa xưa.

TẬT ÁCH CUNG

Trần Nhạc Kỳ viết trong cuốn Chính Thống Tử Vi Đẩu Số: "Cung Tật Ách chủ về bệnh thống, lại cũng chủ về tâm cảnh vui sướng hay phiền não. Bởi vậy cung Tật Ách không nên quá vượng, nếu Tử Vi hay Thái Dương toạ thủ cung Tật chẳng những không hay gì còn làm bệnh tật.

Cung Tật Ách cũng không nên có nhiều Sát tinh tụ vào gây ra nhiều loại bệnh tật. Cung Tật Ách cũng cho hay về tai nạn gây thương tích, chết chóc. Bệnh tật thế nào luận đoán thường căn cứ vào các sao với ngũ hành sở thuộc của chúng.

Ti dụ Thiên Phủ thuộc Thổ, nếu thấy sát tinh hội tụ thì con Ti yếu, nhược điểm là Ti bệnh thường xuất hiện ở bộ phận này.

Qua kinh nghiệm chỉ có phần nào đúng thôi. Đúng trên cơ sở y khoa bệnh tật người ta không đơn giản như vậy.

Do đó dùng Tử Vi mà đoán chính xác được bệnh tật là điều tin xem như hàm hồ.

Hơn nữa các sách luận về bệnh tật cho khoa Tử Vi không đồng nhất. Ngoài ra không chỉ ở cung Tật Ách bệnh tật mới hiện lên, qua Mệnh hay Phúc cung có thể thấy. Tỉ dụ Kiếp Không đóng Mệnh hay Tật Ách đều dễ mắc bệnh ngoài da, suyễn.

Thiên Cơ Khốc Hư ở Mệnh hay ở Tật Ách đều đưa đến một căn bệnh lao nào đó. Riêng cung Phúc thì dễ tìm ra ở đây một bệnh trên tâm thần, không phải bệnh ở cơ năng. Y Khoa hiện đại tìm ra những bệnh bắt nguồn từ trung khu thần kinh (neurology) tất nhiên không thể hiện lên cung Tật Ách loại bệnh trên, ngay cả ở các sách y học Trung Quốc.

Tuy nhiên không phải Tử Vi Khoa hoàn toàn vô dụng để đoán về bệnh tật nhưng đoán để mà tránh, để mà thận trọng chứ không đoán để mà chữa. Tỉ dụ Cự Kị Hòa Tinh thường bị giải phẫu ...

Ở khoa Tử Bình vì hoàn toàn căn cứ trên ngũ hành sinh khắc chế hóa nên luận đoán bệnh tật gần với lý luận chẩn bệnh của y học Trung Quốc hơn Tử Vi.

*Ách cung Bạch Hổ huyết hư

Khốc Hư Cơ lại có dư phế đàm.

*Dương Đà phúc thống bệnh lâm

Mã Đà đới tật, Kinh lâm tì thương.

*Bệnh phù Hình Kị phong sương (tê thấp)

Kiếp Không cung Ách có đường huyết suy.

*Nhật Nguyệt Đà Kị mục tì

Hỏa Linh Dương Nhãn tức thì mắt đau.

*Dương Đà điếc lác thế âu

Thiên Riêu mộng hiện ắt sâu mộng tỉnh.

(Thiên Riêu đóng Tật Ách gặp Đào Hoa cũng là đa dâm không tiết dâm được mà thành bệnh.)

*Ách cung Hóa Kị cho mình

Âm hư chứng ấy thường tình hiểm con.

*Thiên Cơ, Thất Sát phùng xung

Bệnh hay đeo đẳng phải phòng thuốc thang.

*Bệnh gan mật rất hung tàn

Bởi sao Bệnh hợp làng Kiếp Cơ.

*Liên Trinh Vũ Sát hung đồ

Ấu nhi cha mẹ phải lo thuốc thầy.

*Cự, Phá, hung tinh hợp bầy

Phong sang vương vấn những ngày thiếu niên (bị ghè lở, chốc đầu).

*Long Trì Mộc Dục sao nên

Hoặc là Mộc Kiếp tránh miền bể sông.

*Thiên Hình Dương Nhân Ngọ cung

Gặp sao Thất Sát ngực trung đợi chờ.

Tham Liêm Tỵ Hợi khá lo

Lâm vào Tật Ách lưu đồ tân toan.

(Sáu câu trên đây không chỏ vào tật bệnh mà cho vào tai nạn.)

Cự Kị nên tránh đồ sông

Phục Bình Hình Việt mắc vòng gươm đao.

*Hỏa Linh Hình Việt khác nào

Không bị sét đánh búa đao có ngày.

*Hỏa Linh Mộc Dục phải hay

Nước sôi lửa đỏ hẹn ngày hoa thương.

*Lộc Tồn ám tật miên trường

Tả Hữu Xương Khúc tai ương khá phòng.

*Thiên Quan Thiên Phúc hợp hòa

Giải thần Nguyệt đức một tòa trừ hung.

*Ách cung ác sát trùng phùng

Khí âm lạnh lẽo chẳng cùng khí dương.

*Triệt Tuần đóng ở Ách cung

Bệnh phùng cũng khỏi, hạn phùng cũng qua.

*Cung Tật mà ngộ Khôi Hình

Số người mắc phải pháp đình gươm đao.

THIÊN DI CUNG

Qua Thiên Di cung ta có thể tìm hiểu tài năng con người khi vào xã hội phân đấu hành động lực trong quan hệ người với người, và những hiện tượng thành bại về phương diện lập thân. Thiên Di cung xung chiếu với Mệnh cung nên ảnh hưởng giao thoa của hai cung này rất đậm.

Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư trong mục nói về Thiên Di viết: "Thiên Cơ xuất ngoại ngộ quý, cư gia hữu thị phi" nghĩa là sao Thiên Cơ đóng Thiên Di ra đời gặp quý nhân, ở nhà không được trọng vọng. Hai chữ xuất ngoại ở đây là ra đời hoặc ra một địa phương không phải quê hương bản quán.

-Tử Vi có Tả Hữu chiếu, hoặc đồng cung ra đời được phò trợ, thêm Phá Quân càng nhiều tay chân, gặp Hòa Linh Kinh Đà thường bị bội phản.

-Thiên Cơ đứng với Cự Môn, càng động càng hay. Cơ Lương xuất ngoại xúng ý, với Thái Âm xoay sở thành tựu, bị Dương Đà hãm, Hòa Linh hãm vật và lưu lạc.

-Thái Dương ở Thiên Di đắc địa, ra ngoài phát phúc, đừng nên tính thù, cùng Cự Môn cung Dần càng hay. Gặp Kinh Đà Linh Hóa thân tâm khó an nhàn.

Ở Thiên hay Mệnh hay bất cứ cung nào khác thì sao phải ở miếu hay đắc địa mới tốt đó là nguyên tắc chung.

*Thiên Di xuất ngoại anh hùng

Quần thần Tử Phủ Lương Đồng cùng gia.

*Khoa Quyền Lương Lộc ai đương

Bạn nhiều lại gặp quý nhân yêu dùng.

*Việt Khôi là cách ung dung

Việt thường là bạn, Khôi thường gặp sang.

*Vợ chồng viễn phối tha hương

Hồng Đào len lỏi vào làng Thiên Di.

*Hi thần Hoa Cái yêu vì

Lộc Mã hội họp nhiều khi ngoại tài.

*Vũ Tham tài phát phương ngoài

Khúc Xương Tả Hữu gặp người quý nhân.

*Dương phùng Lực Sĩ Tướng Quân

Ra vào thường ở trong sân qui quyền.

*Phá Quân Thất Sát cõi ngoài

Hãm cung thôi lại suốt đời thị phi.

*Cự Môn, Thất Sát bên tri

Lao tâm khổ trí ích gì ước mong.

*Vũ Đà Kinh tất âu lo

Liêm Trinh Cự Kị cũng là sát tinh.

*Phục binh Thái Tuế Thiên Hình

Cùng người tranh cạnh tâm tình chẳng vui.

*Thiên Riêu Hóa Kị ra ngoài

Đa chiêu mạ nhục, chẳng ai yêu mình.

*Tướng Quân ngộ Triệt chẳng lành

Trận tiền kia dễ bỏ mình chôn thây.

(Nếu như Thân ở Thiên Di.)

*Long đông đông tẩu tây tri

Bởi vì Cơ Mã Thiên Di hãm nhân.

*Chơi bời du thủy du san

Thiên Di Đào Mã hợp làng kết giao.

*Thiên Di Không Kiếp khôn sao

Hồn qui dặm liễu gặp nào người thân.

*Quan Phù gặp Hình Tuế hương

Ở Thiên Di sẽ ly hương ngộ hình.

NÔ CUNG

Qua Nô cung khoa Tử Vi cho ta thấy quan hệ với thù hã, với bạn đồng sự, với người thân quen. Ở cung Nô cũng có thể xem một tình trạng nào đó về hôn phối về một cuộc tình như thế nào đó.

Ti dụ câu phú chữ Hán về Nô Bộc cung không được phong phú mấy, đại khái cũng chỉ cát tinh là tốt, hung tinh là xấu và tuyệt đối không thấy câu nào liên hệ đến vợ con duyên tình.

Nhưng phú nôm thì đa dạng hơn:

- *Cung Nô mà có Hóa Quyền
 Ất rằng vợ lẽ cướp quyền người trên.
- *Đào Hoa Nô lại tương phùng
 Với chồng mắc tiếng bất trung tru phiến.
- *Nô cung Hoa Cái Đào Hồng
 Cùng với Phụ Bát chiếu vào cho nên
 Chính Thê thứ Thiếp nhiều duyên
 Khác nào dây Cát sánh bên côi Cù.
- *Vũ Tướng Tả Hữu đồng lưu
 Nhất hô bách nặc ai đâu dám bì.
- *Phá Quân Vũ Khúc đồng cung
 Những Quân phải bội phải phòng cho tỉnh.
- *Cự Môn oán chủ nhiều phen
 Nhưng không thể kiếm được miền ra đi.
- *Dương Đà Kỵ Phá hãm bên
 Bận bề tôi tớ đảo điên khó lường.
- *Lương Cơ Tả Hữu Khúc Xương
 Miếu cung cũng được mọi đường kết giao.
- *Tham Lang Trinh Tướng hợp vào
 Thiếu niên hôn tấu lại chiêu oán thù.

QUAN LỘC CUNG

Qua cung Quan Lộc khá dễ tìm thấy sự cát hung về chức nghiệp, địa vị và công danh. Như câu phú:

Quyền cao trọng chân biên cương

Ngo cung Thất Sát, Tử, Lương, Vũ, Đồng (đóng Quan Lộc).

Rồi những câu sau đây:

- *Cung Quan Thất Sát uy hùng
 Miếu thời chức trưởng vẫy vùng quân công.
- *Cung Quan Tham Vũ đồng tông
 Công danh hện bước ruổi dong lên đường.
- *Nhật Nguyệt cư Quan rất hay

Chức quyền số đã sẵn tay trời dành.

*Cung Quan Dân Mão Thiên Hình

Tri dân trọng chức, chương binh cao quyền.

*Thiên Quan Thiên Tướng miếu viên

Hiên vinh đức trọng tài hiên ấy ai.

*Hòa Linh Mùi Sửu an bài

Chiến công đã hẹn đức tài binh nhung.

*Cung Quan mà gặp Đào Hồng

Thiếu niên đã thỏa tang bồng chí trai.

*Kính tư Mộ Mã triều lai

Biên cương ắt hẳn ra tài võ công.

*Cung Quan giáp Phụng giáp Long

Giáp Xương giáp Khúc một dòng hanh thông.

(Phụng Long chức vị, Xương Khúc đồ cao.)

*Tuế Hồ Phù hợp Van Xương

Có tài hùng biện văn chương hơn người.

*Phá Quân Phá Toái một nơi

Tính ưa mạo hiểm việc thời chiến chinh.

*Giáp Liêm giáp Sát tung hoành

Tuổi già mới rạng công danh đó mà.

*Hòa Linh hợp Mã một nhà

Hoặc nghề cơ khí hoặc là chớ chuyên.

*Quan Lộc Tử Mã nhất ban

Khốc Hư Tí Ngọ đồng sang hoạnh thương.

*Mã Long Thiên Hi thuận đường

Hoặc là Lộc Mã hợp phường tốt thay.

*Tấu thư Bác Sĩ xem qua

Rộng đường văn học con nhà trâm anh.

*Phong Cáo Thiên Tướng chính tinh

Ơn nhờ lộc nước hiên vinh muôn phần.

*Không Kiếp Thiên Tướng gian truân

Khoa tính niên thiếu giữ phần đẳng khoa.

*Cung Quan hội hợp cát tường

Một rằng Tử Phù ba phương Hóa châu

Hai rằng Khôi Việt đáng yêu

Ba rằng Tả Hữu hợp chiều Âm Dương.

*Miếu thì văn võ vẹn toàn

Hăm cung cũng giữ được phần công danh.

*Hình Riêu Cơ Tẩu Vũ cùng

Khéo nghề thuyền thợ vững đường sinh nhai.

*Khúc Xương Long Phượng phát văn

Vũ Tham Sát Phá lại rằng võ công.

*Nhật Nguyệt Quan Lộc bất thông

Chi hiềm một nỗi đồng cung Sửu Mùi.

*Những ai đái ấn triệt hồi

Thiên Tướng Không Kiếp đứng ngồi một bên.

ĐIỀN TRẠCH CUNG

Với sách vở Trung Quốc thì cung Điền Trạch được xem là một trong mấy cường cung của nữ mạng, bằng lý luận sau đây: Điền Trạch cung cho biết người nữ khi ra đời tình cảnh gia đình thế nào? đến tuổi trung niên thân tâm có được an lạc không? Con cái có chăm lo cho nơi ăn chốn ở không? Bởi thế dù cho cung tử tức đẹp mà cung Điền Trạch quá xấu thì quan hệ với con cái kém hẳn đi. Họ cũng đưa ra thuyết khi lưu Kinh Dương vào cung Điền Trạch ắt sẽ có sự đổi dời nhà cửa, hoặc nhân khẩu không yên. Các Tử Vi gia Trung Quốc nói chung cho rằng Kinh Dương đóng Điền Trạch kể như xấu, hăm địa càng xấu hơn. Điền Trạch không ở mãi trong tay mình hoặc nhân khẩu hao tổn. Số Nữ Mệnh hay Điền có Sát, Mã thường truân chuyên.

Vũ phùng Phá diệu ư Điền Trạch nan bảo di lai tổ nghiệp. (Vũ Khúc Phá Quân đóng vào Điền Trạch không giữ được của cải cơ nghiệp của ông bà cha mẹ.)

*Phá Quân sao ấy tán tài

Cư Điền bán hết lưu lai tổ truyền.

*Tham Riêu hăm địa cùng xâm

Gia trung thất vận gian lâm Trạch Tài.

*Cô Thần nên giữ Diên cung
 Tang Môn Ân Lộc của mong tổ truyền.
 *Đào Hồng lại gặp Quí Ân
 Cô Di để lại có phần phong lưu.
 *Cự Cơ giàu có hào hoa
 Thiên Phù Vũ Khúc mấy toà ngêh ngang.
 *Hồng Loan ruộng đất giàu sang
 Tử Đồng Nhật Nguyệt một đàng hanh thông.
 *Đồng Tham miếu vọng lâm Diên
 Ấy là tay trắng làm nên cửa nhà.
 *Hao Không vườn ruộng được bao
 Tang Môn Linh Hòa lâm vào hóa tai.
 *Tang Môn Bạch Hổ song hành
 Cửa nhà vừa đủ nấu mình mà thôi.

PHÚC ĐỨC CUNG

Phúc cung khá phức tạp cho việc luận đoán lá số, vì nó liên hệ và ảnh hưởng đến nhiều cung khác. Như câu phú sau đây:

“Phúc tọa Hợi cung, tối hỉ Âm Dương, Tử, Phủ, Thiên Đồng kiêm hữu Khúc Xương, Long Phượng, Bát, Quyền tất hiển vinh. Nhược vì Sát Phá Liêm Tham tu đắc Khoa Hình, Không Kiếp, Tràng, Tôn, tất bạch thủ thành danh võ cách duy hiem chiêu phát mộ suy.”

(Cung Phúc đóng ở Hợi, rất đẹp nếu có Nhật Nguyệt đắc địa, Tử Vi Thất Sát hay Thiên Phủ, lại cần Xương Khúc Long Phượng, Hữu Bát Hóa Quyền thì được hiển vinh. Nếu là Sát Phá Tham đắc địa thì càng có thêm Khoa Hình Không Kiếp, Tràng Sinh, Tôn, tay trắng thành nghiệp võ nhưng không lâu bền.)

Những câu phú trên đây cho thấy cung Phúc Đức còn liên hệ trực tiếp đến công danh thân phận như Mệnh cung. Phú nômi có những câu liên quan đến Phúc Đức như dưới

đây:

- *Phúc cung có kẻ chiến binh
Tương Bình Đế Tuyết đóng thành ba phương.
- *Cự Môn Lộc Mã tương phùng
Áy đất hoành phát võ công đầy mã.
- *Vũ Tham, Thiên Phủ Hóa Khoa
Cũng phát võ nghiệp cũng đa anh hùng.
- *Phúc cung hãm ngộ Kiếp Không
Họ hàng lắm kẻ hành hung ở ngoài.
- *Đào Hồng Tang ngộ sao Thai
Tôn thân có kẻ tính bài loạn phong.
- *Tấu Thư Xương Khúc tương phùng
Tôn thân có kẻ thân đồng hiện ra.
- *Việt Khôi lại gặp Đào Hoa
Làm nên sự nghiệp phúc nhà khá mong.
- *Cự Môn Lộc Tướng song song
Áy là phát phúc trùng trùng thịnh hưng.
- *Tử Dương nhập miếu vượng cung
Phát đến có kẻ triều trung quý quyền.
- *Tang Môn Cô Quả chẳng hay
Quả phu có kẻ tháng ngày cô đơn.
- *Trường Sinh Đế Vượng hai phương
Ắt là trong họ thịnh đường nhân đình.
- *Tuế Phủ tưng sự tương tranh
Lộc Tồn Cô Quả độc đình đó mã.
- *Tượng Bình Tử Tuyết phải là
Có người từ trận phương xa thừa nào.
- *Thiên Hi Hi Thần tốt sao
Áy là đất quý được mầu sinh nhân.
- *Thiên Quan Thiên Phúc tốt lành
Vượng đường quan trường thân vinh chẳng ngờ.
- *Khôi Khoa Xương Khúc Tấu Thư
Phát đà văn học có dư anh tài
- Vũ Khúc vượng địa chẳng sai
Phúc cung ắt hăng hòa hài vũ ban.

*Tang Môn Linh Hòa chớ màng
Thường sinh hỏa hoạn trong hàng tộc tôn.

*Đào Hồng Hoa Cái nhập môn
Ất rằng có gái đẹp khôn khác người.

*Đào Thai hội hợp chớ vương
Phúc cung có gái tìm đường gió trắng.

*Đà La Không Kiếp án ngăn
Đẹp gì trong họ ất rằng suy hao.

*Đà La độc thủ tốt sao
Phúc có chánh diệu đệ bào tiếm hưng (?)

*Nếu gặp án ngữ Triệt Tuần
Thôi còn hy vọng ước mong được gì.

*Phúc cung gặp Tang Đào Hồng tú
Trong họ hàng ất có quả phu.

Ngoài ra còn có những câu phú chủ về cung Phúc Đức cần biết sau đây:

-Phúc cung tại Sửu cung kiến Tham Vũ diệc cần Tả Hữu Phụng Long nam hiển danh tài hữu Tam Hóa Hồ Riêu Nữ tất giang hồ hiển hách danh gia. (Phúc đóng cung Sửu thấy Tham Vũ có thêm Tả Hữu Phụng Long số trai tài giỏi nếu Tam Hóa hội tụ cùng Bạch Hồ Thiên Riêu số gái làm đi nên danh.)

-Phúc cư Đoài sứ, lưỡng Tướng Hình Quyền Hồ Khốc, Sinh Mã giao lai võ cách hầu bá. Ưu kiến Kị Linh Khúc Việt tác hữu tử thương trận địa. (Cung Phúc ở Dậu có hai Tướng tọa thủ gặp Hình Quyền Bạch Hồ Thiên Khốc lại thêm Thiên Mã Trường Sinh chiếu, thường phát võ, rất ngại thấy Hóa Kị Linh Tinh Thiên Việt đưa đến cái chết trong trận mạc.)

-Dần cung Phúc tọa tối hiểm Phá, Liêm, Dương, Đà, Hóa Linh lục bại di sinh đức tồn tài suy. Nhược kiến Âm Dương, Tham Vũ, Lộc Quyền thừa đạt đỉnh tài, hỷ đắc vô tai. (Cung Phúc ở Dần gặp Phá Quân, Liêm Trinh đứng với Đà La hay Hóa Linh thì đức tồn, tài suy. Nếu như có Âm Dương, Tham, Vũ, Hóa Lộc Hóa Quyền thì dinh tài lưỡng vượng,

không gặp họa to.)

-Phúc cư Đông, Cơ Cự Đồng Lương ngoại cung, Phượng Long, Lộc, Hao lai tọa hoạnh phát phú cường. Giao lai Hình Ân Quyền Khoa, Hồng diêu vi pháp chính tư quyền, âm phần hảo tự. (Phúc đóng Mão cung, Cơ Cự Đồng Lương thủ chiếu gặp Long Phượng, song Hao hoạnh phát giàu có. Nếu thấy Hình, Ân Quyền, Khoa, Hồng Loan thì có vai vế trong ngành luật pháp, mộ phần có ngôi phát.)

-Phúc tại Tí Ngọ Đồng Âm, Địa Kiếp tối hiểm Triệt Tuần, hữu học vô lương tiện yếu cách. (Phúc ở Tí cung gặp Thiên Đồng Thái Âm, Địa Kiếp, Tuần Triệt là con người học khá, nhưng tâm chất không thiện lương, khó phần phát.)

-Phúc cư quý hương nhược lai Nhật Nguyệt tu kiến Không tinh, Địa Kiếp Kinh xâm nam nhân phá bại. Nhược Việt Khoa Hổ Khốc Nữ nhân toại hưởng phúc tường vinh hoa phú quý. (Phúc ở Sửu cung, Nhật Nguyệt chiếu cần thêm Tuần Triệt mới hay nếu gặp Địa Kiếp, Kinh Dương thì số trai phá bại. Nếu thấy Việt, Khoa, Hổ Khốc số gái được vinh hoa phú quý.)

-Địa Kiếp lâm Phúc Đức nhi hữu tai. (Cung Phúc Đức xuất hiện sao Địa Kiếp thường bị tai nạn.)

-Phú thọ quý vinh bản ai khổ do ư phúc trách cát hung.

-Tài Phúc nhi phùng Hao Kiếp đơn ảnh cô bản. (Cung Tài hay Phúc Đức mà có hai sao: Hao, Kiếp thường cô đơn thanh bạch.)

-Tham Vũ đồng hành, hạnh phùng Mộ tinh, tứ đại hiển vinh. (Cung Phúc hay cung Mệnh có Tham Vũ đứng cùng gặp sao Mộ thì hiển vinh, câu này nhắc tới sao Mộ, Tham Vũ đồng hành tất nhiên phải ở Sửu hay Mùi là Mộ địa mà còn nói tới Mộ tinh, như vậy là vấn đề sao Mộ một lần nữa được đặt ra. Phải chăng chỉ những người dương nam âm nữ thì mới được hưởng sự thành công thật sự của cách Tham Vũ đồng hành?)

PHỤ MẪU CUNG

Cung Phụ Mẫu cần những sao thọ thủ chiếu ở miếu vượng địa thì bố mẹ sống lâu và được nhờ ân đức bố mẹ. Nếu toàn những sao cô khắc dù có ở miếu vượng địa tuy được nhờ phúc âm nhưng vẫn kể là chưa toàn.

Cung phụ mẫu thật tốt đẹp nhưng cung Tật Ách xuất hiện sao Hóa Kị thì không được hưởng của bố mẹ cho, sau khi bố mẹ qua đời.

Cung phụ mẫu có những sao Cự Môn hãm, Phá Quân, Hao tinh ắt phải xa cách chia ly hoặc bố mẹ không thừa nhận. Những câu phú nôm về cung phụ mẫu phần lớn chỉ nói về cha hay mẹ mất trước lại thường chỉ căn cứ vào hai sao chủ yếu là Thái Dương Thái Âm. Tỉ dụ:

Nhật Nguyệt cùng hãm phải hay
Sinh ngày mẹ trước, đêm phân cha qui
Nhật Nguyệt rục rở lâm môn
Đẻ ngày mẹ biết đêm hôn cha ly.

Qua kinh nghiệm thấy không chính xác. Cha mẹ sinh nhiều con kẻ sanh ngày người sanh đêm nếu căn cứ vào câu phú trên để đoán một nhà đông anh em sẽ thành tình trạng hóa mù, người anh cha mất trước, người em lại mẹ mất trước. Thật ra ai mất trước phải xem sổ chính người ấy mới mong trúng được.

- *Việt Khôi phụ mẫu hiển vang
Khúc Xương Tả Hữu mọi đảng hanh thông.
- *Thiên Cơ Hợi Tí Sừ cung
Mẫu thân phụ tử ắt xung khắc nhiều.
(Câu này chỉ đúng nếu có thêm sao Hóa Kị.)
- *Cơ Lương hội hợp đáng yêu
Lộc Tồn Không Kiếp lại điều phá gia.
- *Bật Tướng cát diệu đồng hòa
Mẹ cha kia vốn con nhà danh môn.
- *Hỏa Linh hình khắc cô đơn

Kính Đà cha mẹ cùng con bất đồng.

*Cự Liêm Vũ Sát Phá Tham

Mẹ cha con cái vốn đàng ly tông

*Thung huyền hưởng phúc ung dung

Nhờ cung phụ mẫu Thiên Lương vượng hành.

*Tuần Triệt cư Phụ mẫu xuất ngoại khả thành danh. (Tuần Triệt đóng vào phụ mẫu ly hương xuất ngoại làm nên.)

NÓI VỀ VẬN HẠN

Mệnh ví như chiếc xe, vận là con đường. Xe tốt đường xấu vất vả. Xe xấu đường tốt cũng được thoải mái. Xe tốt đường tốt thành công. Xe tốt mà đường lúc tốt lúc xấu thăng trầm. Xe xấu đường cũng xấu luôn cuộc hành trình của đời sống chẳng ra gì.

Đó là quan hệ khăng khít giữa Mệnh với vận. Khi nói vận thì cũng cần xem cả mệnh cung. Khi nói Mệnh cũng nên tham khảo từng vận, Căn cứ vào mệnh để biết thành bại đến mức nào? Căn cứ vào vận để xem lúc nào thành lúc nào bại, lúc nào thuận lợi lúc nào bất thuận.

Thành bại có nhiều phương diện: Quyền chức - Công Danh - Tình Duyên - Hạnh Phúc - Tiền Bạc, những chuyện bất ngờ xảy đến (may mắn - tai họa).

Tử Vi Đầu Số toàn thư mỗi sao đều có những câu ca cho mệnh và vận. Tỉ dụ Sao Vũ Khúc vào nam mệnh như sau:

Vũ Khúc thủ mệnh hóa vi quyền
Cát diệu lai lâm phúc thọ toàn
Chí khí chanh vinh đa xuất chúng
Siêu phẩm nhập thánh hương nhân tiền.
Đó là mặt tốt. Nếu xấu thì ca rằng:
Nhuộc gia hao sát lai xung phá
Nhiệm thị tài đa tất cánh không.
Khi vào hạn mà tốt thì như sau:

Đại tiểu hạn phùng Vũ Khúc tinh
 Nhược hoàn nhập miếu chủ tài hưng
 Tả Hữu Lộc lai tương phùng tụ
 Phúc Lộc xong toàn đắc xứng tâm.
 Nếu vào hạn mà xấu thì:
 Vũ Khúc chi tinh chủ quan nhân
 Công lại phùng chi hình trượng lai
 Thường thứ phùng chi hoàn phụ trái
 Quan viên trí thứ hữu kinh hoài.

Đoán số đoán vận không đơn giản như những câu ca trên. Luận đoán còn phải uyển chuyển và phức tạp hơn nhiều. Vận gồm có : Đại vận mười năm, tiểu vận một năm, Nguyệt vận một tháng, Nhật vận mỗi ngày. Thông thường chỉ đoán đại tiểu vận thôi, kỹ càng mới coi đến nguyệt vận còn như nhật vận qua kinh nghiệm chỉ đúng phần nào.

Nguyên tắc căn bản là cái hộp nhỏ bỏ vào trong cái hộp lớn, hộp lớn không bao giờ bỏ lọt vào hộp nhỏ. Đại vận trước đã rồi tiểu vận thứ nhì. Chẳng có ai làm việc gì mà thành công trong đầu hôm sớm mai. Việc lớn cả mười năm, việc nhỏ cũng phải phân đầu một năm. Trừ trường hợp trúng số độc đắc, trường hợp này xem là ngoại lệ, hoặc do một đại phúc hoặc một đại họa. Ở Hoa Kỳ người ta đã viết nhiều về những người “đột nhiên giàu có” đa số bị hậu quả như một đại họa. Những người được đại phúc kể là hiếm. Hễ đã được đại phúc thì người ngồi trên ngai vàng còn phải có một lá số tốt hơn cả số vua nữa. Vì để lên được ngai vàng và ngồi trên ngai vàng còn phải chịu nhiều thứ lo, chịu búa rìu dư luận, người ghét kẻ thù. Còn như đại phúc của người trúng số thì tọa hưởng yên bình thoải mái.

Về vận hạn có thuyết nói: Dương nam Âm nữ gặp nam đầu tinh thì tốt. Âm nam Dương nữ gặp Bắc đầu tinh mới hay. Bắc đầu ứng tốt xấu năm năm đầu của đại hạn. Nam đầu ứng tốt xấu năm năm sau của đại vận.

Người tuổi Giáp rất kỵ hai sao Thương hay Sứ tại Dần. Người tuổi Canh lại sợ hai sao ấy ở Thân. Hai hạn gặp

nhau ở cung Tí thấy Kinh Đà Tuế và Thương hay Sứ nguy đến tính mạng. Người tuổi Thân mà hai hạn gặp phải Thiên Thương nhiều tai họa. Người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi mà hai hạn thấy Kinh Đà không sợ bị họa.

Thuyết trên đây có phần "trời voi bò đợ" luận đoán lá số, luận đoán những sao trong lá số không thể đánh đồng giá. Cũng như bảo rằng đại tiểu hạn có Tử Phủ Vũ Tướng Lộc, Long Phụng Tả Hữu nhất định phải phát giàu có lớn, Cơ Nguyệt Đồng Cơ Cự Tướng Ân Khôi Việt Tả Hữu nhất định sẽ thăng quan, hoặc đỗ cao. Số không luận đoán dễ dàng như vậy.

Những người sanh cùng năm, tháng ngày giờ mang số in hệt nhau, nhưng không có cuộc đời của hai người nào giống nhau như hai giọt nước. Không lẽ có một ngày nào đó các người tuổi Thân trên khắp thế giới đều lăn cù ra chết vì sao Thiên thương? Còn tùy thuộc nghề nghiệp khác nhau, phương vị địa cư khác nhau, tính cách chính trị xã hội khác nhau... Ấy là chưa kể đến sự khác nhau trên căn bản ấy là hình tướng.

Về vận hạn khi luận đoán ngoại trừ tham khảo Mệnh Thân, thì đại hạn là căn bản rồi đến tiểu hạn từng năm.

Đại hạn bất lợi mà tiểu hạn tốt đẹp, sẽ cho ta một năm xúng ý toại tâm. Đại hạn đẹp mà tiểu hạn xấu, ta bị một năm trì trệ, công việc đang hay bỗng có thời gian ngưng lại.

Đại hạn tốt tiểu hạn xấu bị trì trệ nhưng không làm hại đại cuộc. Đại hạn xấu, có năm tiểu hạn thật tốt thì chỉ năm ấy sáng sủa thôi, tiếp theo là bại.

Đại hạn xấu, tiểu hạn cũng dở, vạn sự vô thành. Đại hạn hung, tiểu hạn cũng hung không nghèo khổ cũng phá bại.

Cuốn Tử Vi Đẩu Số của Trần Anh Hoa có một đoạn viết về hạn bất lộc và hạn chết như sau: Nhân sinh bách niên ắt phải có lúc chết.

Về tử hạn đại thể cổ nhân nhận xét như sau: Đại tiểu hạn đều thấy Triệt Lộ Không Vong thêm hung sát tương xung đưa đến cái chết, đó là luận đoán thông thường.

Như cung mệnh ở miếu vượng, tới tuổi già quá nhiều sao tốt ở miếu vượng như thế là thái quá mất quân bình cũng có thể đưa đến sự chết chóc bất ngờ. Như bản mệnh hãm nhược, hành hạn lại gặp xung phá, ví như chiếc đèn khô dầu tự nhiên mà mạng vong.

Mệnh miếu vượng với những sao tốt, mà đến hạn bị tứ sát phá, lưỡng hung tương xung lại niên vận tụ tập hung sát mà người trẻ tuổi thân thể cường tráng thường bị hung tử.

Mệnh ở cục diện yếu triết mà gặp nhưng hạn đi với nhiều thọ tinh, thì khi qua khỏi những vận thọ tinh ấy, gặp hung là nguy đến tính mạng. Người bình thường từ năm mười đến sáu chục tuổi gặp vận có Thương Sứ nếu như cung vận hạn có nhiều sao miếu không bị phá thì Thương Sứ cũng chẳng gây nổi sự chết chóc.

Có những mệnh số bị cách hung, không có nghĩa là phải chết yếu, chỉ bị hạn xấu mới đưa đến cái chết. Bởi vậy mới có những đứa bé chết trong vòng 9 tuổi có đưa ra ngoài tuổi trên cả chục năm.

Mệnh thuộc cách cục diện thọ, vì những sao thọ hội tụ, đi vào vận hạn toàn hung sát tinh nếu như mất nghiệp hay phá bại thì không chết, như ta vẫn bảo "của đi thay người". Của đi thay là mất cả một cơ nghiệp chức vị, danh giá chứ không phải mất cái xe, mất vài ngàn hay mất cái nhẫn chiếc đồng hồ. Sinh mệnh con người không rẻ mạt thế. Trường hợp từ trước tới nay vẫn nghèo túng nghĩa là chẳng có gì để phá bại cả thì có phúc lắm cũng ốm thập tử nhất sinh để hoặc bị cắt đi nửa bao tử, một quãng ruột hoặc bị liệt chân tay.

Bản mệnh tâm thường, đột nhiên gặp hạn đại phát, khi ra khỏi hạn quá tốt ấy gặp luôn vận hung sát quân đảng, nếu không phá bại thì nguy đến tính mạng.

Mệnh bình thường vận hạn cũng không lấy chi làm hay ,lắm, chỉ thấy niên vận đột nhiên hay tốt lạ thường, tiền bạc vào như nước ấy là tình trạng gần kề cái chết đây cũng sẽ hốt nhiên mà lìa đời.

Mệnh bình thường thấy hạn chết, hãy tìm coi có sao

nào vượt được hung mà đến cát không, nếu có thời qua khỏi dễ dàng.

Mệnh phú quý, hành hạn cũng xúng tằm, nhưng có một năm nào đó chính tinh miếu vượng bị xung phá dữ dội, nếu biết nhìn quán đạt được ảo ảnh của hồng trần mà đi tu hoặc cho bớt của cải đi thì không có cái lo ngại chết chóc. Bản mệnh tốt, nhưng sao chủ tinh của bản mệnh mang tính chất liều lĩnh hung hãn không cần phải trái mà gặp hạn hung sát quyết liệt dễ đưa đến bất đắc kỳ tử. Bản mệnh ở cách cực yếu triết, đến vận hạn cũng hiển hiện lên tình thế yếu triết mà bị tàn tật rồi thì vẫn sống lâu.

Mệnh của những vĩ nhân ít nhiều quan hệ đến hung vong an nguy của tập thể, của xã hội, của đất nước có những vận đáng lẽ chết mà không chết là tại vận nước chưa chuyển vậy.

Mệnh vốn cô độc thể mà lục thân đầy đủ, nội ngoại thuận hòa mãn ý. Vào tuổi tráng niên mà gặp vận hung dễ chết, hoặc gia phá nhân ly.

BÀN VỀ VẬN HẠN VÀ NHỮNG SAO LƯU

Những sao lưu gồm có: Lưu Thiên Mã, Lưu Tuần Triệt, Lưu Lộc Tồn, Lưu Kinh, Lưu Đà (những sao an theo Lộc Tồn). Tử Vi Khoa ở Trung Quốc còn có lưu tứ Hóa nữa. Khi luận đoán lưu thêm cả tứ Hóa thấy hợp lý.

Bởi vậy mới đặt ra nguyên tắc bốn Lộc, ba Quyền, ba Khoa, ba Kị. Bốn Lộc là vì Đại hạn có Lộc, cung tiểu hạn có Lộc nữa rồi lưu niên Lộc Tồn, lưu niên Hóa Lộc. Hai Lộc tốt nhất, ba Lộc thì Lộc nặng quá mà thành phiền, đến như bốn Lộc tất đi đến tình trạng "lạc cực sinh bi".

Một Quyền hanh thông hai Quyền ra tranh chấp, ba Quyền thành hung hiểm bất lợi. Một Khoa thêm Khoa nữa hiển vinh, đến ba Khoa lại thành bị tiếng xấu. Một Kị đã lắm chuyện, hai Kị nhiều xung đột, ba Kị như bốn phía thọ địch,

Nhưng ba Kị mà gặp các sao tốt khác hợp thời thì lại chuyển sang bất cực thái lai cùng biến mà thông.

Ngoài ra các Tử Vi gia Trung Quốc còn chú trọng đến lưu Khôi Việt, lưu Xương Khúc, lưu Hồng Loan Thiên Hỉ, lưu Đào Hoa. Lưu Đào - Hồng - Hỉ, lưu Khôi Việt những sao đại biểu cho một tình trạng cảnh huống kể là có lý nhưng lưu Xương Khúc là những sao đại biểu cho tâm chất và khả năng, thấy không thuận.

TỬ VI KHÔNG PHẢI LÀ RIPLEY BELIEVE IT OR NOT

Toán mệnh, số tướng hoàn toàn đặt trên căn bản của cuộc sống xã hội nhân văn, đời sống của mọi người trong thực tế. Không phải cái gì huyền bí hình nhị thượng.

Xem số tướng để tìm cho mình một nhận định về giàu hay nghèo, hạnh phúc hay oan khiên, nhân thân hay khổ cực, sống thế nào chết ra sao...?

Ripley believe it or not là một sưu tập rất nổi danh của ông Ripley chuyên đi tìm những chuyện khác lạ kỳ quái hiếm thấy, như người nhỏ bé chỉ bằng ngón tay, người sanh ra không tay không chân, nằm như một củ khoai, kẻ có cái da dầy lạ ăn một bữa ngang bằng hai chục người nhưng sau đó có thể nhịn cả tháng.

Tử Vi có thể nhìn ra được Beethoven là một thiên tài nghệ thuật nhưng không thể đoán trước là bệnh điếc của ông càng nặng thì những bài nhạc càng tuyệt vời. Đời sống thường ngày của ông là đập phá chửi rủa chẳng ai dám gần, nhưng càng như thế những bản giao hưởng hay hợp tấu càng khiến người nghe càng khâm phục sửng sờ.

Vậy thì xem Tử Vi, toán mệnh là đưa ta về với cuộc sống hàng ngày kể cả quá khứ lẫn tương lai. Tử Vi không phải là Ripley believe it or not.

Mấy thập niên đầu thế kỷ thứ 19, tại Phi Châu có bộ

lạc Zulu nổi lên Chaka là vị vua trẻ của bộ lạc này. Ông ta khá giỏi về quân sự. Người đầu tiên đã lãnh đạo môô trận địa chiến dùng tới 10 ngàn quân để chống lại người da trắng. Đã từng đánh bại quân Anh trong một trận mà người Anh phải ghi vào lịch sử của họ.

Chaka không bao giờ kết hôn, vì sợ một ngày nào đó đưa con mình sẽ làm phản cướp ngôi. Tất cả những người đàn bà nào đã có thai với Chaka đều bị đem hành hình cả mẹ lẫn con.

Nhưng tới một ngày Chaka nằm trên giường bệnh với sự coi sóc của bà mẹ ông đã bị các anh em ruột thịt đâm chết. Kể từ đây bộ lạc Zulu tiêu tan cùng với nguyện vọng của Chaka là thống nhất toàn thể Phi Châu.

Chaka đã không thoát khỏi định luật của số mệnh: Người muốn đi tới đâu cũng được nhưng rồi người sẽ phải chết vào một thời điểm ở một nơi nào đó

PHÂN PHỤ NẠP ÂM

NAP ÂM LÀ GÌ?

Tuổi Giáp Tí nếu tách rời can chi ra thì Giáp là dương mộc và Tí là dương thủy. Tuổi Ất Sửu tách rời can chi ra thì Ất là âm mộc Sửu là thấp thổ thuộc âm. Gộp hai tuổi lại Giáp Tí Ất Sửu nạp âm thành Hải Trung Kim. Vậy Hải Trung Kim là cái tên nạp âm cho hai tuổi Giáp Tí Ất Sửu.

Một vòng từ Giáp Tí đến Quý Hợi có sáu chục năm. Mỗi mười năm lại có một chữ Giáp đứng đầu: a) Giáp Tí, b) Giáp Tuất, c) Giáp Thân, d) Giáp Ngọ, e) Giáp Thìn, f) Giáp Dần gọi bằng Lục Thập Hoa Giáp chia làm ba mươi tổ kim mộc thủy hỏa thổ, mỗi hai năm một tổ. Ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ qua nạp âm để định từng tính chất khác nhau giữa Kim với Kim, Mộc với Mộc. Như bảng dưới đây:

Giáp Tí - Ất Sửu	Hải Trung Kim
Bính Dần - Đinh Mão	Lư Trung Hỏa
Mậu Thìn - Kỷ Tỵ	Đại Lâm Mộc
Canh Ngọ - Tân Mùi	Lộ Bàng Thổ
Nhâm Thân - Quý Dậu	Kiểm Phong Kim
Giáp Tuất - Ất Hợi	Sơn Đầu Hỏa
Bính Tí - Đinh Sửu	Giàn Hạ Thủy
Mậu Dần - Kỷ Mão	Thành Đầu Thổ
Canh Thìn - Tân Tỵ	Bạch Lạp Kim
Nhâm Ngọ - Quý Mùi	Dương Liễu Mộc
Giáp Thân - Ất Dậu	Tinh Tuyền Thủy
Bính Tuất - Đinh Hợi	Ôc Thượng Thổ
Mậu Tí - Kỷ Sửu	Tích Lịch Hỏa
Canh Dần - Tân Mão	Tùng Bách Mộc
Nhâm Thìn - Quý Tỵ	Trường Lưu Thủy
Giáp Ngọ - Ất Mùi	Sa Trung Kim
Bính Thân - Đinh Dậu	Sơn Hạ Hỏa
Mậu Tuất - Kỷ Hợi	Bình Địa Mộc
Canh Tí - Tân Sửu	Bích Thượng Thổ

Nhâm Dần - Quý Mão
 Giáp Thìn - Ất Ty
 Bính Ngọ - Đinh Mùi
 Mậu Thân - Kỷ Dậu
 Canh Tuất - Tân Hợi
 Nhâm Tý - Quý Sửu
 Giáp Dần - Ất Mão
 Bính Thìn - Đinh Ty
 Mậu Ngọ - Kỷ Mùi
 Canh Thân - Tân Dậu
 Nhâm Tuất - Quý Hợi

Kim Bá Kim
 Phú Đăng Hòa
 Thiên Hà Thủy
 Đại Dịch Thổ
 Thoa Xuyên Kim
 Tang Đổ Mộc
 Đại Khuê Thủy
 Sa Trung Thổ
 Thiên Thương Hòa
 Thạch Lựu Mộc
 Đại Hải Thủy

Rồi trong mỗi tổ hai năm lại phân ra khí thể mạnh yếu giữa hai năm ấy. Xin đọc một đoạn dưới đây trích từ sách “Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Diễn”

“...Ngày xưa vua Hoàng Đế lấy Giáp Tý phân tích nặng nhẹ để phối hợp nên sáu mươi gọi bằng Hoa Giáp Tý. Chữ Hoa ở đây mang hàm nghĩa ảo diệu chỉ lấy ý mà dụ, không chấp nệ với nghĩa đen của nó. Từ Tý đến Hợi mười hai cung đều có Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ. Khởi đầu là Tý nhất Dương đến Hợi lục Âm. Ngũ hành sở thuộc Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ ở trên trời là ngũ tinh, ở dưới đất là ngũ nhạc, ở đức độ là ngũ thường, ở nhân thân con người là ngũ tạng, ở mệnh là ngũ hành. Bởi vậy Giáp Tý đem ứng dụng vào số mệnh. Mệnh là những sự việc của một con người.

Như Tý Sửu âm dương ví như lúc còn nuôi nặng trong bào thai, vật mới phôi thai thân gốc ẩn tàng. Dần Mão âm dương, bắt đầu nảy nở, thành hình và lớn lên. Thìn Ty âm dương, khí thịnh, vật thành đẹp để ví như tuổi tráng niên tìm đất lập thân, tiến thủ. Ngọ Mùi âm dương tất cả đã hiện như con người vào tuổi năm sáu mươi, giàu nghèo sang hèn đã thấy cả, sự hưng suy tỏ lộ Thân Dậu âm dương giai đoạn tiêu sất thâm liêm, chuyển sang già nua. Đến Tuất Hợi âm dương đó là thời kỳ bế tắc, vật khí trở về gốc, để nghỉ ngơi để đi về cát bụi.”

Trong quá trình kể trên, cuộc đời hoa dạng phong phú

được miêu tả bởi những ảnh hưởng của nạp âm kết hợp với các sao trong mệnh cung.

NẠP ÂM VÀ LÁ SỐ TỬ VI

Cách đây mấy chục năm khi viết cuốn Tử Vi Đẩu Số Toàn Thư (bình chú), phần nạp âm tôi cho là liên quan đến khoa Tử Bình nhiều hơn. Nhưng sau khi được học hỏi nghiên cứu thêm, và hiểu được ảnh hưởng của nạp âm với lá số Tử Vi như thế nào?

Căn cứ vào một số sách vở Trung Quốc thì nạp âm ảnh hưởng vào tính số bằng cách lấy ngay nạp âm của năm sinh để phối hợp tính với Mệnh cung. Tỉ dụ mệnh cung có những sao hay cách cục nói lên con người hung bạo mà nạp âm cũng hung bạo thì tính hung bạo của người ấy tăng gấp bội. Nếu các sao mệnh cung hay cách cục là con người nhu hòa mà nạp âm cũng nhu hòa thì tính nhu hòa thành nhu nhược.

Ý NGHĨA CỦA MỖI NẠP ÂM

Mỗi hành có sáu tượng, như Kim gồm có: Hải Trung Kim, Kim Bá Kim, Bạch Lạp Kim, Sa Trung Kim, Kiếm Phong Kim, và Thoa Xuyên Kim bằng một tên gọi khác là nạp âm.

KIM

HẢI TRUNG KIM

“Bác vật vụng biên” viết rằng:

Giáp Tí Ất Sửu thì Tí thuộc thủy, nơi hồ ao thủy vượng. Trong khi Kim “tử” ở Tí, mộ ở Sửu chỗ thủy vượng,

kim vào thế “tử mộ” nên mới gọi bằng Hải Trung Kim vì như Kim trong lòng biển, khí thể bị bao tàng có danh mà vô hình, có tiếng gọi mà không có thực, an tàng ở lòng biển như thai nhi nằm trong bụng mẹ.

Tính chất của Hải Trung Kim là:

a) Có thể biết được tâm tưởng mà không hiểu rõ được tâm cơ, lòng người như biển khôn dò, nếu cung Mệnh có những sao thủ đoạn điền đảo mà lại ở nạp âm Hải Trung Kim nữa thì quyền thuật kể vào bậc cự phách.

b) Khả năng tốt, nhưng thiếu sức xông xáo tranh cướp, phải nhờ người đề bạt mới thi triển được, nếu cung bản mệnh thấy nhiều sao do dự nhút nhát mà mệnh lại rơi vào nạp âm Hải Trung Kim thì càng do dự nhút nhát hơn. Số Nữ Hải Trung Kim đối với tình yêu ít bộc lộ, gói kín trong lòng.

Trước nghịch cảnh, vào phần đầu Giáp Tí mạnh hơn Ất Sửu, Ất Sửu dễ có khuynh hướng hư nhược.

KIM BÁ KIM

Nhâm Dần, Ất Mão thì Dần Mão là đất vượng của Mộc, Mộc vượng nên kim suy, Kim tuyệt ở Dần, thai ở Mão, Kim vô lực mới gọi bằng Kim bá Kim. Mộc vượng Kim suy nên sức yếu, móng manh nhọt nhòa, chữ bá nghĩa là yếu đuối không sung thực.

Cổ thư viết: “Nhâm Dần Quý Mão là chất kim còn lại ở đất tuyệt cho nên khí chất nhu nhược, móng như tơ lụa”. Kim bá Kim chất kim dùng để trang trí trang sức. Nếu được tay người khéo giỏi chạm khắc thì mới hay đẹp.

Người có số mạng nạp âm Kim bá Kim cần mài dũa học hành mới mong thành tựu, phải tìm được thầy mới nên cơ đồ. Bởi vậy Kim bá Kim cần Xương Khúc Hóa Khoa ở Mệnh.

Nhâm Dần thì Dần mộc bị kim khắc nên thế nhược, tinh thần tuy vượng thịnh nhưng là thứ vượng thịnh của dây cung quá căng bởi vậy khi ứng phó với hung vận không li bằng Quý Mão.

Quý Mão cũng như Nhâm Dần Mộc bị kim khắc, nhưng âm mộc sức khắc chế chỉ có hạn trong khi chủ kiến tự mình lại mạnh, nên chống với hung vận đặc lực hơn.

BẠCH LAP KIM

Sách Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Diễn viết:

“Chất Kim của Canh Thìn và Tân Ty, dưỡng ở Thìn, sinh ở Ty, hình chất mới thành, chưa cứng cáp nên gọi bằng Bạch Lạp Kim.”

Bạch Lạp Kim ví như chất ngọc chưa mài rửa. Tính thần sáng trực tinh khiết mà thiếu tâm cơ. Người mang số Bạch Lạp Kim có hai con đường để lập thân:

a) Học ngành chuyên môn, tập trung vào ngành ấy mà nên công.

b) Bương trải kinh lịch cho thật nhiều như ngọc được mài rửa tinh luyện cuối cùng khi gặp vận đề mà hành xử.

Dù mệnh có những sao tốt mà vận không bương trải, hoặc không chuyên nghiệp thì sự nghiệp chẳng có bao nhiêu. Canh Thìn thì Thìn là thổ chất khả dĩ sinh kim, trong khi Tân Ty, Ty hòa làm tan chất kim. Canh Thìn sáng trực tâm ý trung kiên hơn, Tân Ty mưu lược hơn lẹ.

SA TRUNG KIM

Giáp Ngọ, Ất Mùi thì Ngọ là chỗ hỏa vượng, hỏa vượng thì kim bại: Mùi là chỗ hỏa suy, hỏa tuy suy nhưng kim cũng đã cùn nhứt. Gọi bằng sa trung kim, Kim không đủ cứng cáp để chém. đề đẩy cho nên người sa trung kim thường làm việc một cách đầu voi đuôi chuột. Mệnh cung mà thêm những sao Thiên đồng hãm nữa thì càng vớ vẩn.

Sa trung kim cần liên tục theo đuổi mục đích nào đó, nói khác đi là ngoan cố đeo đẳng mới đạt tới được. Giáp Ngọ thì Ngọ hỏa khắc kim, tức giảm khí thế trong khi Ất Mùi, Mùi thổ sinh Kim. Ất Mùi đương đầu với gian nan uyển chuyển hơn Giáp Ngọ.

KIỆM PHONG KIM

Bác Vật Vưng Biên chép rằng: Nhâm Thân Quý Dậu thì Dậu là chính vị của Kim vị trí của Lâm Quan và Đế Vượng, nên Kim già cứng, cương mãnh ví như mũi nhọn của lưỡi gươm nên gọi bằng kiếm phong kim. Nhâm Thân Quý Dậu khí thể cực thịnh.

Người kiếm phong kim tự hiển tài năng mình, hành động tư tưởng sắc bén. Hồng quang tỏa chiếu tới sao đầu sao ngư, ánh sáng rõ ràng như sương tuyết. Có ý chí cao lớn, tâm tính tàn khốc cương nghị và tính nhuệ.

Những sao tốt hội vào mệnh thuộc nạp âm kiếm phong kim càng tốt hơn nhất là với những số thuộc bình nghiệp hay chính trị. Ngược lại Mệnh cung nhiều sao xấu gây hung họa thì kiếm phong kim càng tạo hung họa, trên tính tình tư tưởng là người khó mà lay chuyển.

Nhâm Thân Quý Dậu, cả hai chi đều thuộc kim nên đều cương cường đối phó với hung vận bằng khả năng phản đấu hay chịu đựng ngang nhau.

THOA XUYỀN KIM

Cổ thư viết: Kim của Canh Tuất Tân Hợi, đến Tuất thì suy qua Hợi thành Bệnh. Kim mà ở vào cái thể Suy Bệnh tất nhiên nhuyễn nhược nên gọi Thoa Xuyến Kim. Thoa là cái trâm cho phụ nữ gài đầu. Xuyến là cái vòng đeo ở cổ tay con gái. Thành đồ dùng của phụ nhân, tính cương mãnh của kim bị nhuyễn nhược. Bởi vậy Kim của Tuất Hợi trở nên ẩn tàng, hình thể vỡ vụn. Khi vào chiếc hộp chôn phòng khuê, công dụng của Kim chấm dứt nên gọi bằng thoa xuyến kim.

Người thoa xuyến kim nếu số mà có Nhật Nguyệt Xương Khúc, Đào Hoa, Lương, Khoa thường đẹp để bội phần bất cứ trai hay gái. Người thoa xuyến kim mà mệnh sinh âm trầm càng âm trầm hơn, có tài thường dấu kín trong lòng. Người thoa xuyến mà mệnh ưa khoe khoang nhiều thì lòng ham muốn hư vinh càng nặng.

Cái số hay nhất với thoa xuyến kim là sống cạy vào

nữ phái. Có vợ giàu, thường giao thiệp với đàn bà con gái (buôn bán nữ trang, quần áo về kiểu thời trang). Số làm chính trị mà thoa xuyên kim thường chỉ là đồ trang sức cho chính trị.

THỦY

Hành Thủy có sáu nạp âm: Giản hạ Thủy, Đại Khê Thủy, Thiên hà Thủy, Tinh tuyền Thủy, Đại hải Thủy.

GIẢN HẠ THỦY

Bác Vật Vượng Biên ghi rằng: Thủy của Bính Tí, Đinh Sửu thì vượng ở Tí, suy ở Sửu. Vượng rồi Suy ngay ngay tất nhiên không thể thành sông ngòi, cho nên gọi bằng giản hạ thủy.

Giản hạ thủy là dòng nước lạch suối, không rõ nguồn gốc và cũng không có hướng nhất định để chảy đi, lòng lạch lòng suối lúc nông lúc sâu.

Cổ nhân có câu: “Dục tấn dục thoái sơn khê thủy, Dục phản dục phúc tiểu nhân tâm.” Nghĩa là lúc tiến lúc lui như nước lạch, lúc phản lúc lật như lòng tiểu nhân.

Số ai có Phúc bình hay Phá Quân Địa Kiếp hoặc Tử Phá, hoặc Linh Hỏa hãm địa mà thêm nạp âm Giản hạ Thủy nữa thì cái lòng phản phúc lật lọng càng ghê gớm. Đứng ngói chủ như vậy bỏ hạ hãy lo giữ đầu, đứng vai thần tử mà như vậy, kẻ đứng chủ chỉ việc chờ ngày bị phản.

Tâm chất thâm hiểm, tình ý nhỏ nhen nhưng rất thực tế và sắc bén. Trường hợp số bình thường ắt nhu nhược bất quyết mà thêm giản hạ thủy nạp âm nữa thì hoàn toàn vô tích sự, lung túng, hoảng loạn trước công việc.

Giữa Bính Tí và Đinh Sửu thì Bính Tí nguy hiểm hơn Đinh Sửu thổ khắc thủy khiến cho nhuệ khí bị tước giảm.

ĐẠI KHÊ THỦY

Cổ thư biên: “Giáp Dần, Ất Mão thì Dần là ranh giới đông bắc, Mão là chính đi về một hướng, nên gọi bằng đại Khê thủy.”

Đại Khê là dòng suối lớn, thác nước tung hoành trong rừng núi khác hẳn gành hạ thủy là lạch nhỏ suối con. Bởi thế Đại Khê thủy khí lượng lớn, biến hóa đến mức gây sợ hãi, tuy không ngấm ngầm nhưng tâm cơ sâu rộng lan tràn ngập lụt.

Tuy nhiên lại không được xem như sông ngòi. Thác lũ khi gặp lòng sâu, hoặc hang hốc cũng chảy thành dòng, lấp đầy thành vũng. Bởi thế đôi khi bụng dạ hẹp hòi và tư tâm.

Người nạp âm Đại Khê Thủy nếu là một chiến lược gia tất có cái nhìn rộng rãi bao quát. Nếu mệnh kém mà nạp âm Đại Khê Thủy lại trở nên con người mơ mộng ước vọng, hoài bão to tát mà thiếu khả năng hành động, vô dụng.

Giáp Dần Ất Mão, hai chi đều thuộc Mộc, đều vững mạnh trước hung vận, nhưng Ất Mão ý nhị hơn, mềm dẻo hơn vì cả Ất lẫn Mão đều là âm mộc.

TRƯỜNG LƯU THỦY

Bác Vật Vượng Biên Nghệ Thuật Điền chép: “Nhâm Thìn Quý Ty, Thìn là thủy khổ mà Ty là Trương Sinh của Kim, kim sinh thủy vượng. Đã vượng còn chứa đựng vào kho nước không bao giờ hết, nên gọi bằng Trường Lưu Thủy.

Trường mang nghĩa vĩnh cửu, Lưu mang nghĩa chuyển động không ngừng, cuộn cuộn vô cùng, thao thao bất tuyệt. Tham vọng to tát nhưng tư tâm không nhiều. Nếu như số là con người giỏi giang có thể giao công việc mà không sợ phản bội.

Trường Lưu Thủy có một khuyết điểm: chỉ chú trọng đại cuộc mà quên mất tiểu tiết, đôi khi do sơ sót mà hỏng việc. Mệnh xấu nạp âm Trường lưu thủy là người không có cơ sự nghiệp nhưng biết lo xa cũng âm thân.

Nhâm Thìn Quý Ty Thìn thuộc Thổ khắc thủy. Ty thuộc Hỏa, bị thủy khắc, đứng trước khó khăn của hung vận

Nhâm Thìn vững vàng hơn Quý Ty.

THIÊN HÀ THỦY

Cổ thư chép: “Bính Ngọ Đinh Mùi, Bính Đinh Hòa, Ngọ nơi chốn Hòa vượng mà nạp âm lại là thủy, thủy từ hòa xuất thì phải từ trên trời xuống nên gọi bằng thiên hà thủy.

Bính Ngọ, Đinh Mùi đều là chỗ hòa vượng mà sinh ra thủy, thủy từ hòa xuất thì chỉ có từ trên trời xuống. Thiên hà thủy đổ xuống khắp mọi nơi trên trái đất đó là mưa. Vạn vật đều nhờ mưa mà tươi tốt màu mỡ. Tình yêu thương chan hòa. Nhưng mưa có mưa nhỏ mưa to, có mưa xuân, mưa hạ, mưa giống mưa bão. Không phải mưa nào cũng hữu ích cho bản dân thiên hạ. Cần mưa nhỏ mà lại mưa lớn, cần mưa lớn mà chỉ lâm râm, mưa như thế kể bằng vô ích.

Người có mệnh hợp với thiên hà thủy cần phải thêm trí tuệ mới hay. Thiên hà thủy làm việc xã hội, làm việc tôn giáo hợp cách.

Đứng ngôi chủ vào thời bình mà không nắm quyền sinh sát, dân gian được nhờ. Mệnh nhiều sát tinh hung tinh mà thiên hà thủy thành ra mâu thuẫn khó thành công trên kinh doanh hay chính trị quân sự.

Bính Ngọ can chi hòa đều bị thủy khắc, Đinh Mùi thì chi mùi thuộc thổ khắc thủy nên ứng phó với hung vận linh hoạt hơn Bính Ngọ.

TÌNH TUYỀN THỦY

Bác Vật Vượng Biên Nghệ Thuật Điền chép: “Giáp Thân, Ất Dậu, thì Thân là Lâm Quan, Dậu là Đế vượng. Kim vượng tất nhiên thủy cũng nhờ thế mà sinh tuy nhiên thủy ở tình trạng này chưa hùng dũng lớn mạnh cho nên gọi bằng Tình Tuyền Thủy.

Tình tuyền thủy (nước giếng) không có gốc nguồn rõ rệt. Ở dưới sâu khơi lên từ lòng đất nên tư tưởng thâm thúy, hành động ẩn mật. Giếng tốt, nước lấy chẳng bao giờ cạn, bởi vậy đức vọng của người tình tuyền thủy vô cùng.

Người xưa giảng rằng: “Nước giếng từ suối lạnh nên trong và lạnh, lấy mãi không hết, mọi người đều uống, trăm nhà dùng nước giếng mà sống”. Trong là tinh khiết hay liêm khiết, lạnh là thiếu nhiệt tâm đối với người.

Tinh tuyền thủy không bao giờ tự phát, phải dựa vào thời thế, dựa vào thời cơ đi theo thời mà không mở đầu. Người có nạp âm tinh tuyền thủy theo ngành tình báo gián điệp hợp cách nếu như mệnh cung có những sao hợp với tinh tuyền thủy.

Giáp Thân Ất Dậu đều là tinh tuyền thủy. Thân Dậu cả hai đều thuộc kim, kim sinh thủy, bản thân mất nguyên khí. Sau tuổi trung niên sức phần đầu suy vi.

ĐẠI HẢI THỦY

Cổ thư chép: Nhâm Tuất Quý Hợi thủy, Quan đới ở Tuất, Lâm Quan tại Hợi lực lượng hùng hậu. Hợi ví như dòng sông lớn nên gọi bằng Đại Hải Thủy.

Nước của Đại hải thủy diện tích quảng khoáng, thế tượng bao la, xung kích lực mạnh, làm thiện hay làm ác đều dữ dội. Hoặc là gian hùng của thời đại hoặc là anh hùng cái thế.

Người xưa giảng: “Nước đại hải thủy, thấu gồm trăm sông, chảy miên man về biển cả, bao quát tính thẳng trăm của đất trời, thấu tóm ánh sáng của nhật nguyệt. Nguồn của đại hải thủy có trong có đục. Nhâm Tuất chứa thổ khí nên đục, Quý Hợi toàn thủy nên trong. Nếu mệnh đáng bậc chính nhân thì khi ở ngôi vị thường bao dung đại lượng ưa làm điều thiện không ưa điều ác ngược lại mệnh tầm thường hạ tiện sẽ thành con người lấy oán mà trả ân tâm địa hẹp hòi. Như hai dòng nước trong, đục vậy.

Nhâm Thủy Quý Hợi đều là đại hải thủy, có điều Tuất thổ khiến cho đại hải thủy chảy thành dòng, như lòng sông, đầu óc sáng suốt, cử chỉ minh bạch thiện ác phân minh.

Quý Hợi, thủy là chính vị, thủy vượng cực chảy tràn lan không bờ bến nên tâm chất khó hiểu, muốn đề phòng

cũng khó mà đề phòng nổi, thiện ác không rõ rệt. Quý Hợi mà có những sao ở mệnh mang khuynh hướng làm chính trị sẽ là người ứng phó với những biến động lớn rất giỏi, lúc lâm nguy thì quyền biến.

MỘC

Hành Mộc có sáu nạp âm chia thành: Tang đồ mộc, Đại lâm mộc, Dương liễu mộc, Thạch lựu mộc, Bình địa mộc.

TANG ĐỒ MỘC

Sách Bác Vật Vượng Biên viết: “Nhâm Tí, Quý Sửu thì Tí thuộc thủy, Sửu thuộc kim. Thủy vừa sinh mộc kim đã phạt mộc như hình tượng của cây dâu, vừa trở lá non đã bị hái xuống mà nuôi tằm.

Lá dâu tằm ăn, thân dâu làm cung, dùng vào nhiều việc. Từ chiếc lá đến cành đến thân đều bị sử dụng cho nên Tang đồ mộc hoàn toàn bị động tâm tình rộng rãi, nhưng cái rộng rãi do người điều khiển. Khi có tiền, lúc thành công thường bị đẩy vào tình trạng giúp người này đỡ kẻ nọ từ an hem đến họ hàng bè bạn.

Người Tang đồ mộc không thể ở ngôi vị lãnh đạo. Mệnh tốt mà cho điều khiển công việc xã hội hợp cách. Quý Sửu so với Nhâm Tí, bản thân bị tước giảm nguyên khí nên gặp hung vận kém khả năng ứng phó.

TÙNG BÁCH MỘC

Sách Bác Vật Vượng Biên viết: “Canh Dần Tân Mão mộc, Lâm quan tại Dần, Đế vượng tại Mão, mộc đến hồi cực thịnh nên gọi bằng Tùng Bách Mộc.

Tùng bách mộc trong sương tuyết mà vẫn cứng cỏi vươn lên xanh tươi, vừa kiên nhẫn chịu đựng vừa đầy ắp nghị lực chống với khí hậu ác liệt. Kiên định, dù thử thách nào

cũng không bị bẻ gãy. Ý chí luôn luôn muốn vượt thiên hạ và kỷ luật ngay cả đối với bản thân.

Mệnh tốt, người Tùng bách mộc sẽ thành công khác người trên bất cứ lãnh vực nào. Mệnh xấu luôn luôn thành kẻ bất đắc chí. Tân Mão nhàn nại hơn Canh Dần, Canh Dần cương nghị hơn Tân Mão.

ĐẠI LÂM MỘC

Sách Bác Vật Vựng Biên viết: "Mậu Thìn Kỷ Tỵ, Thìn là giải bình nguyên rộng lớn, Tỵ là ánh thái dương chói chan tạo thành cây cối phồn vinh như rừng nên gọi bằng đại lâm mộc. Cây trong rừng um tùm rậm rạp khắp nơi một màu xanh nên tâm chất không mưu cầu đột xuất.

Trí tuệ linh mẫn với sự ngả theo thời thế, làm chức thừa hành tốt vào cương vị chỉ huy không hay. Khả năng cũng như khuynh hướng không có màu sắc riêng của mình.

Số Mậu Thìn với Kỷ Tỵ, thì Mậu Thìn đều thuộc thổ, mộc khắc thổ làm nhược khí thế, trong khi Kỷ Tỵ thì Tỵ hỏa. Bởi vậy Kỷ Tỵ trong cuộc phấn đấu chống với hung vận dễ dàng hơn Mậu Thìn.

DƯƠNG LIỄU MỘC

Sách Bác Vật Vựng Biên viết: "Nhâm Ngọ Quý Mùi, Mộc tử ở Ngọ, mộ ở Mùi. Mộc vào đất tử, mộ dù được Nhâm Quý thủy sinh cũng vẫn yếu nhược nên gọi bằng Dương liễu mộc. Cành liễu mảnh mai, lá liễu buông rủ, thứ mộc không có cốt khí. Hình chất thì vậy, nhưng tâm sự lại rất thâu đáo tinh cảm phức tạp đa đoan.

Dương liễu mộc thuộc âm nên tính tình kín đáo, chỉ thiếu căn bản suy tư luôn luôn theo gió mà ngả nghiêng. Bền nhậy với thực tế, tâm không mấy chính trực.

Dương liễu mộc khó là một người tâm phúc trung thành. Nhâm Ngọ vì Ngọ là hỏa, mộc sinh hỏa cho nên mệnh vượng cứng rắn hơn Quý Mùi thổ bị mộc khắc.

THẠCH LỰU MỘC

Sách Bác Vật Vựng Biên viết: “Canh Thân Tân Dậu. thân là tháng bảy, Dậu là tháng tám, thời gian này mộc suy yếu cơ hồ tuyệt diệt. Chỉ có cây lựu kết trái cho nên gọi bằng Thạch lựu mộc.

Kim khắc mộc, kim như dao búa, thạch lựu mộc cứng cáp, dao búa không dễ đốn ngã. Canh Thân Tân Dậu cả chi can đều thuộc kim thể mà nạp âm thành mộc, lấy cái lẽ tương khắc chống chọi mà thù tượng vậy. Hình mộc mà chất đá nên gọi thạch lựu. Mệnh mang những sao trung kiên là một trung thần ánh ánh, là một người bạn khả dĩ tin cậy.

Mệnh mang những sao gan dạ nên con người can trường dám làm dám chịu. Mệnh hiện những sao thiếu trí tuệ thành ra người ngoan cố khó mà cảm hóa.

Canh Thân Tân Dậu, mộc hoàn toàn bị kim chế ngự nên ít có khả năng bén nhảy với biến động. Người Thạch lựu mộc vào nghiên cứu hợp cách vì ít thay đổi chỉ hướng.

BÌNH ĐỊA MỘC

Sách Bác Vật Vựng biên chép: “Mậu Tuất Kỷ Hợi thì Tuất là cánh đồng, Hợi là nơi cây cỏ sinh được. Tuất Hợi lúc mộc khí qui căn, âm dương bế tắc như mùa đông cánh lá trơ trụi mà gốc rễ ẩn tàng để nảy nở.

Người bình địa mộc mà mệnh tài cán thì cái tài thường ẩn không hiện, nếu được dùng ví như gặp cơn mưa thuận gió hòa, ở thời loạn ví như bị sương tuyết đập vùi hoài tài bất ngộ. bình địa mộc cần gặp quý nhân, gặp người biết dùng. Được sử dụng đúng sẽ làm việc đắc lực. Bình địa mộc trông vẻ ngoài không bề thế lắm liệt nhưng bên trong chứa chất tài năng đáng nể. Bình địa mộc mà mệnh bình thường sẽ mãi mãi bình thường dù được vận hay.

Mậu Tuất toàn thổ, thổ bị mộc khắc, Kỷ Hợi, Hợi thủy sinh mộc bởi thế nên Kỷ Hợi làm việc mẫn can hơn Mậu Tuất.

HÒA

Hành Hòa có sáu nạp âm chia như sau: Tích Lịch Hòa, Lô Trung Hòa, Phúc Đăng Hòa, Thiên Thượng Hòa, Sơn Hà Hòa, Sơn Đầu Hòa.

TÍCH LỊCH HÒA

Sách Bác Vật Vựng Biên chép: “Mậu Tí Kỳ Sửu, Sửu thuộc thổ, Tí thuộc thủy, Thủy ở chính vị mà nạp âm lại là hòa, nếu không phải thần long tất nhiên thủy không biến ra hòa được, cho nên gọi bằng tích lịch hòa như tia lửa từ sấm chớp tức thủy trung chi hòa.

Tích lịch hòa lắm liệt như tiếng sấm vang, nhanh tựa tia điện. Người tích lịch hòa mệnh nhiều sao tốt sự nghiệp cơ nghiệp thành công hơn người thích lắm việc to tát, càng loạn lạc càng sáo trộn khả năng càng phát triển.

Người tích lịch hòa mà mệnh cung tâm thường chuộng hư danh thích nổi trôi dễ bị súi dục làm những việc xuẩn như kiêu ôm bom ba càng nằm chắn xe tăng.

Người tích lịch hòa ưa vào cờ bạc thường bị bịp làm những chuyện bất ngờ, tâm ý nhiệt thành không giáo quyết, luôn luôn ngăn nắp và kỷ luật.

LÔ TRUNG HÒA

Sách Bác Vật Vựng Biên chép: “Bính Dần Đinh Mão, Dần là tam dương, Mão là tứ dương, hòa được đất lại có Dần Mão Mộc trợ lực, trời đất lúc ấy như lò lửa và vạn vật nảy sinh, nên gọi bằng Lô trung hòa”.

Bính Dần Đinh Mão, khí thể phát huy nhờ chất đốt mà hiển minh, âm dương còn lẫn, thiên địa chung một lò lửa. Lửa dung hòa tất cả từ âm dương đến sáng tối cả trời lẫn đất nói chung là vạn vật trong vũ trụ. Dung hòa để cải tạo vạn vật.

Có câu: “Lô trung hòa giả, thiên địa vi lô, âm dương

vi thần, quang huy ư vũ trụ, đào dã ư càn khôn" (Lửa trong lò vũ trụ, trời đất, âm dương, càn khôn đều được đào luyện).

Người Lô trung hòa có mệnh lớn, tâm tương bao la, lúc đắc thể khả dĩ hiển hiện tài hoa danh tiếng với đời. Lô trung hòa mang một khuyết điểm nếu như mệnh kèm theo những hung sát tinh hãm dễ thành kiêu căng ngạo mạn, dễ bị nghe theo lời nịnh hót mà thất bại.

Bính Dần Đinh Mão hai hàng chi đều thuộc mộc, mộc sinh hỏa tước nhược gặp hung vận thiếu trầm tĩnh giải quyết công việc.

PHÚ ĐĂNG HÒA

Sách Bác Vật Vững biên ghi: "Giáp Thìn Ất Tỵ, Tỵ là độ gốc lúc mặt trời lên đến đỉnh và sắp lặn về Tây. Ánh chiều tà còn tung ra chiếu sáng vạn vật. Đồng thời cũng cũng là lúc thiên hạ sửa soạn lên đèn. Phú đăng hòa là ánh lửa ban đêm khả dĩ chiếu sáng những nơi mà mặt trời mặt trăng không chiếu tới được, gọi khác đi bằng "địa minh chi hòa".

Giữa ban ngày, ánh lửa đèn không thể thi triển quang huy. Bởi vậy người mang nạp âm "phú đăng hòa" hay "địa minh chi hòa" thường thích bóng tối không muốn xuất đầu lộ diện, nhưng lại rất tài hoa, lúc cần đến thật được việc. Lúc bình thường, lúc đưa đắc thể sống âm thầm ẩn nặc. Khi gặp thời cơ như ánh đèn soi vào bóng tối.

Giáp Thìn thì Thìn thuộc thổ, hỏa sinh thổ tính chất cương mãnh hơn, trong khi Ất Tỵ thì Tỵ là hỏa đồng tính với hỏa, sức mạnh không bằng Giáp Thìn. Sức mạnh ở đây nói về khí chất tinh thần để ứng phó với hung vận.

THIÊN THƯỢNG HÒA

Bác Vật Vững Biên Nghệ Thuật Điển ghi: "Mậu Ngọ Kỷ Mùi, Ngọ là nơi hòa vượng, Mộc ở trong chi Mùi lại sinh hỏa. Hỏa khi bùng lên gặp đất sinh nên gọi bằng "thiên thượng hòa".

Thiên thượng hòa là lửa từ trên trời. Mậu Ngọ là mặt

trời, Kỳ Mùi là mặt trăng sườn âm sông núi, chiếu sáng vũ trụ chan hòa mọi chỗ không thiên vị. Bởi vậy thiên hòa rất công bình, chính trực hào sảng khai hoài.

Số nạp âm thiên thượng hỏa mà có nhiều cát tinh tại mệnh đứng ngôi chủ vào thời bình, bản dân thiên hạ được nhờ. Nhưng Thiên thượng hỏa mà tuổi Kỳ Mùi là mặt trăng tính chất nhu hòa, lắm khi lại lạnh nhạt và vô tình đứng ngôi chủ các cận thần phải coi chừng. Đặc biệt nếu mệnh cung mang những sao thù đoạn mưu chước. Thiên thượng hỏa dù Mậu Ngọ hay Kỳ Mùi thấy đều ư danh vị tiếng tăm.

SƠN HẠ HÒA

Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền chép: “Bính Thân Đinh Dậu. Thân là cửa của đất. Dậu là cổng của mặt trời lặn. Ánh dương quang đến chỗ này thì ẩn tàng nên gọi bằng Sơn hạ hòa.

Bính Thân Đinh Dậu, khí tắt hình tàng như mặt trời lặn phía Tây, sức đã yếu nhược, càng tối càng hiu hắt vàng vọt. Sơn hạ hòa tâm chất hẹp hòi, tự tư tự lợi, mưu lược không đủ, nhưng vẻ ngoài lại vênh vang, lúc nào cũng lý luận.

Nạp âm sơn hạ hòa số xấu hay tốt cũng không nên dùng làm tâm phúc, không bao giờ là người cộng sự chân thành. Thân Dậu kim đều bị hỏa khắc nên thường rối ren trước biến động hay hung vận.

SƠN ĐẦU HÒA

Sách Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền ghi: “Giáp Tuất Ất Hợi thì Tuất Hợi là cửa trời, hòa chiếu thiên môn, quang huy cực cao.”

Sơn đầu hòa chỉ thấy sáng rực mà không thấy lửa cho nên tâm cơ thâm trầm. ít ai hiểu, vui giận không lộ ra sắc diện, tài trí cao mà không cho người thấy được. Thành công tấn tốc như đám cháy rừng khi gặp vận.

Người sơn đầu hòa lúc gặp thời âm thầm làm việc

không biết mệt, gặp thời rồi cũng không bao giờ lãng phí thời gian. Mệnh tốt danh vọng sự nghiệp hơn người. Mệnh xấu cũng đắc lực nhanh nhẹn để phục vụ thừa hành.

Giáp Tuất, Tuất là thổ được hòa sinh. Ất Hợi, Hợi là thủy bị hỏa khắc. Giáp Tuất ứng phó với hung vận biến động linh hoạt hơn Ất Hợi.

THỔ

Hành Thổ có sáu nạp âm phân thành: Bích Thượng Thổ, Thành Đầu Thổ, Sa Trung Thổ, Lô Bàng Thổ, Dạ Dịch Thổ, Ốc Thượng Thổ.

BÍCH THƯỢNG THỔ

Sách Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền chép: “Canh Tí Tân Sửu thì Sửu là chính vị của thổ, mà Tí là đất vượng của thủy, Thổ gặp thủy biến thành bùn cho nên gọi bằng Bích thượng thổ.

Bùn nhuyến mềm muốn chất thành vách phải tựa vào kèo cột phen, thiếu chỗ tựa khó thành vách tường. Bởi thế người mang nạp âm Bích thượng thổ phải tựa vào người mà thành sự, làm quản lý làm kẻ thừa hành tốt, đứng ngôi chủ dễ thất bại. Tuy nhiên cũng có những loại đất chất dính mạnh phơi nắng trở thành cứng cáp không phải dựa vào kèo cột cũng đứng vững được. Bởi thế người mang nạp âm Bích thượng thổ cần phải trải nhiều kinh lịch mới hay.

Vách để che gió, chắn mưa cho nên tâm chất thường bao dong. Mệnh nhiều hung sát da nghi thủ đoạn mà mang nạp âm Bích thượng thổ dễ đưa đến sơ hở mà bị hại. Canh Tí, Tí thủy bị thổ khắc, khí thể nhược. Tân Sửu, thổ vào chính vị sức đề kháng cương mãnh.

THÀNH ĐẦU THỔ

Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền viết: “Mậu Dần

Kỷ Mão hai thiên can đều là thổ. Dần thuộc căn sơn, thổ tích thành núi cho nên gọi bằng "Thành đầu thổ".

Quẻ căn kinh dịch giải thích là núi (Căn vi sơn). Mang nạp âm Thành đầu thổ tinh tình trung thực chất phác, thích giúp người, trung thành nếu như mệnh số bình thường.

Mệnh số hội tước cách cuộc tốt thì khí thế khác hẳn, núi chính là nơi của rồng nấp, cụp ở. Người này mang chí lớn với tâm chất sáng trực xem thành bại làm thường tình. Thời loạn cũng như lúc bình đều có thể dùng vào vai trò lãnh đạo gây cơ dựng nghiệp theo chiều hướng thiện.

Mậu Dần Kỷ Mão thì Dần Mão đều thuộc Mộc, mộc khắc thổ cho nên ở bình thời dễ nên công hơn loạn thế.

SA TRUNG THỔ

Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền ghi: "Bính Thìn, Đinh Ty, Thìn khô Ty tuyệt Thiên can Bính Đinh đều thuộc hỏa. Thổ vào tuyệt địa, đến chỗ ẩn tàng (khô) lại được hỏa sinh cho nên gọi bằng Sa trung thổ."

Thổ tới khô không phải cát của sa mạc mà là cát của đất phủ sa vì Thìn thuộc thủy khô. Gặp sông nước đầy đưa tập trung tài bồi thành bãi thành bờ nhiều màu mỡ.

Sa trung thổ tùy sóng, tùy gió nên tính chất uyển chuyển, giỏi đầu cơ, lợi dụng thời thế. Khả năng hai mặt thiện ác khi là rồng lúc thành rắn. Anh hùng và gian hùng.

Bính Thìn, Thìn thuộc thổ chính vị cho nên cứng rắn hơn. Đinh Ty, Ty thuộc hỏa tiết thân mà sinh thổ nên nguyên khí giảm không kiên trì bằng Bính Thìn.

LỘ BÀNG THỔ

Bác Vật Vựng Biên Nghệ Thuật Điền chép: "Canh Ngọ Tân Mùi, mộc trong Mùi sinh hỏa của Ngọ. Hỏa vượng tạo hình cho thổ, thổ mới sinh chưa đủ sức để nuôi dưỡng vạn vật nên gọi bằng "lộ bang thổ".

Hỏa vượng, thổ thành hình, đất cứng bởi vậy tâm chất quật cường mà quá nóng nảy, tâm tình chính trực nhưng lại

không chín chắn để phân biệt cho rõ ràng thiện ác thuận lợi hay không thuận lợi.

Lộc bằng thổ đất rộng, trải dài miên viễn cần có thủy cho đất hết khô để cây cỏ mọc. Lộc bằng thổ vào nghiên cứu, học vấn sẽ như chất thủy tưới cho thổ trở nên hữu dụng.

Lộc bằng thổ thiếu khả năng làm con người hành động để xoay chuyển thời thế nên đứng vị thế một lý thuyết gia hay hơn. Canh Ngọ, Ngọ thuộc hỏa, hỏa sinh thổ làm mất nguyên khí sức đề kháng hung vận không bằng Tân Mùi, vì Mùi ở vào chính vị thổ nên nhẫn nại kiên trì hơn.

ĐẠI DỊCH THỔ

Sách Bác Vật Vững Biên nói: “Mậu Thân Kỷ Dậu thì Thân thuộc Khôn là đất. Dậu thuộc cung Đoài là đầm nước (trạch). Chữ dịch có một cửa chữ trạch. thật ra phải gọi bằng trạch thổ.

Khôn là đất. Trạch là chỗ hồ ao đầm vũng có nước. sông đem nước đi khắp nơi, đầm ao là chỗ cá sinh sống thoải mái màu mỡ tích súc. Đại dịch thổ tự nó tích súc, đất rộng sông sâu.

Mệnh tốt mà nạp âm Đại dịch thổ thường làm được công lớn ích lợi cho thiên hạ. Mệnh thường phụ giúp các việc thiên luôn luôn có thành tâm.

Mệnh nhiều hung sát mà cho cáng đáng những công tác nhân đạo chỉ đưa đến hồng việc. Thân Dậu đều thuộc kim, Thổ sinh kim nên Mậu Thân hay Kỷ Dậu đều có khả năng kiên trì ít bối rối.

ỐC THƯỢNG THỔ

Sách Bác Vật Vững Biên ghi: “Bính Tuất Đinh Hợi. Bính Đinh thuộc hỏa. Tuất Hợi là cửa trời (thiên môn). Hỏa ở trên cao dĩ nhiên đất không sinh dưới thấp nên gọi bằng ốc hượng thổ. Ốc thượng thổ là ngôi lợp mái nhà để che sương, tuyết mưa. Muốn thành ngôi thổ cần chôn với nước lại đưa vào lò lửa luyện nung. Người mang nạp âm Ốc thượng thổ dù

số hay cũng phải trải thiên ma bách triết để thoát thai hoán cốt mới thành công. Nếu đi con đường dễ thì cái thành công chỉ là thứ thành công chóng tàn dễ vỡ như hòn ngói chưa nung chín gặp mưa nhanh chóng nát ra.

Bính Tuất, Tuất thuộc thổ chính vị sức chiến đấu dẻo dai cứng cỏi hơn. Đinh Hợi vì Hợi thuộc thủy thổ khắc thủy sức đề kháng không khỏe bằng Bính Tuất.

MỘT LẦN NỮA TRỞ LẠI VÒNG TRĂNG SINH

Chuyện tranh luận về thể thuận nghịch của vòng Trăng Sinh. Dương nam đi thuận chiều, Âm nam đi ngược chiều. Dương nữ đi ngược chiều và Âm nữ đi thuận chiều.

Vòng Trăng Sinh của Tử Vi, vì tính theo cục (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa Thổ) đưa đến tình trạng là cứ đi thuận thì Mộ khổ mới hiện ra ở các cung Thìn Tuất Sửu Mùi, trong khi đi ngược thì không. Cho nên có đề nghị an Trăng Sinh phải giống như an vòng Thái Tuế, đều phải đi theo chiều thuận. Như thế sẽ không có thuận nghịch, và không có thuận nghịch thì cũng không có âm dương.

Khi nói về lý số mà không nói âm dương là khó ổn. Vì trên hàng can cứ một dương lại kèm một âm. tỉ dụ Giáp là dương mộc, thì Ất là âm mộc cứ thế cho đủ ngũ hành.

Tranh luận thuận nghịch cho vòng Trăng Sinh không tìm thấy lối thoát. Vì an theo cục thì tự nó không có sự phân biệt Âm Dương nên phải căn cứ vào Âm nam Dương nữ thì lại đi trật đường của cung Mộ.

Trong khi số Tử Bình hay gọi nôm na là số Bát tự, lại tính chuyện Sinh, Vượng, Tử, Tuyệt bằng chính hàng can với Âm Dương thuận nghịch thì Dương thuận hay Âm nghịch đều đưa cung Mộ vào chính vị của nó.

Để quý độc giả tham khảo tôi liệt kê cách tính trên của số Bát tự như dưới đây. :

Tuổi Giáp (Mộc) Trăng Sinh tại Hợi thì Mộc dục ở Tí, Quan đới ở Sửu, Lâm Quan tại Dần, Đế vượng đóng Mão, Suy ở Thìn, Bệnh tại Tỵ, Tử ở Ngọ, Mộ sang Mùi, Tuyệt đến Thân, Thai tại Dậu và Dưỡng đóng Tuất.

Tuổi Ất (Mộc) Trăng Sinh ở Ngọ (theo cái nghĩa Dương từ âm sinh khi mà Giáp từ ở Ngọ thì Ất lại sinh ra ở đây). Mộc Dục sẽ là Tỵ, Quan đới ở Thìn, Lâm Quan đóng Mão, Đế vượng tới Dần, Suy ở Sửu, Bệnh đóng Tí, Tử ở Hợi (dương sinh âm tử), Mộ đến Tuất, Tuyệt ở Dậu, Thái đóng

Thân, Dương sang Mùi. (Át là âm nên tính theo chiều ngược.)

Bính, Mậu hỏa thổ thì Tràng Sinh tại Dần, Mộc Dục đóng Mão, Quan đới về Thìn, Lâm Quan sang Ty, Đế vương ở Ngọ, Bệnh ở Thân, Tử đến Dậu, Mộ về Tuất, Tuyệt đóng Hợi, Thai ở Tí và Dương đến Sửu. (Bính hỏa Mậu thổ là Dương nên đi theo chiều thuận.)

Đinh hỏa, Kỷ thổ, Tràng Sinh ở Dậu (Dương từ Âm sinh) Mộc Dục tại Thân, Quan đới về Mùi, Lâm quan sang Ngọ, Đế vương tại Ty, Suy đến Thìn, Bệnh về Mão, Tử ở Dần (dương sinh âm từ), Mộ về Sửu, Tuyệt tại Tí, Thai ở Hợi, Dương qua Tuất.

Canh kim Tràng sinh tại Ty, Mộc Dục ở Ngọ, Quan đới sang Mùi, Lâm quan đến Thân, Đế vương ở Dậu, Suy ở Tuất, Bệnh qua Hợi, Tử tại Tí, Mộ đóng Sửu, Tuyệt ở Dần, Thai tới Mão, Dương đến Thìn. (Canh kim là Dương nên tính thuận.)

Tân kim Trừng Sinh đóng Tí (Dương từ Âm sinh) Mộc Dục ở Hợi, Quan đới sang Tuất, Lâm Quan tại Dậu, Đế Vương về Thân, Suy đến Mùi Bệnh về Ngọ, Tử ở Ty, Mộ qua Thìn, Tuyệt về Mão, Thai ở Dần, Dương tại Sửu. (Tân đi theo chiều nghịch vì thuộc Âm.)

Nhâm thủy, Tràng Sinh an ở Thân, Mộc Dục đến Dậu, Quan đới về Tuất, Lâm Quan ở Hợi, Đế vương đến Tí, Suy sang Sửu, Bệnh đến Dần, Tử tại Mão, Mộ ở Thìn, Tuyệt ở Ty, Thai về Ngọ, Dương tại Mùi (chiều thuận).

Quý thủy, Tràng Sinh tại Mão (Dương từ, Âm sinh) Mộc Dục ở Dần, Quan đới về Sửu, Lâm quan sang Tí, Đế vương đến Hợi, Suy ở Tuất, Bệnh đến Dậu, Tử về Thân (Dương sinh Âm từ) Mộ đến Mùi, Tuyệt ở Ngọ, Thai ở Ty, Dương sang Thìn. (Quý thủy là Âm theo chiều nghịch).

Thu gọn lại như sau:

Dương can Trừng Sinh có 4 chỗ: Dần cho Bính Mậu, Thân cho Nhâm, Ty cho Canh, Hợi cho Giáp.

Âm can Tràng Sinh có bốn nơi: Tí cho Tân, Ngọ cho

Ât, Mão cho Quý và Dậu cho Đinh Ty.

Như thế cách an Tràng Sinh theo cục thấy là gương ếp vì chỉ an theo con trai hay con gái chứ không kể gì đến bản thân của can Dương hay can Âm. Câu hỏi đặt ra là: Có nên dùng thẳng dương âm của niên can để an Tràng Sinh cho số Tử Vi không?

SÁCH THAM KHẢO

Tử Vi đầu số toàn thư	Trần Đoàn
Tối tân Tử Vi đầu số	Nhiều tác giả
Mệnh lý tân luận thực lệ	Ngô Tuấn Dân
Tinh	Vương Đình Chi
Trung Quốc cao cấp mệnh lý	Nam Ánh Hưng
Tử Vi bí quyết tổng giải	Nhiều tác giả
Tử Vi phát bí	Trần Tín
Bát Quái luận nhân sinh	Nhất Minh cư sĩ
Tử Vi đầu số tân giải	Khổng Nhật Sương
Tử Vi Kỳ Kinh	Lục Phi Phàm
Âm Dương ngũ hành mệnh lý học	Cao cánh viên
Phi tinh Tử Vi đầu số	Lương Sương Nhuận
Tam Mệnh hội thông	Cổ thư (vô danh thị)
Tử Vi thực hành	Dịch Lý Huyền Cơ